



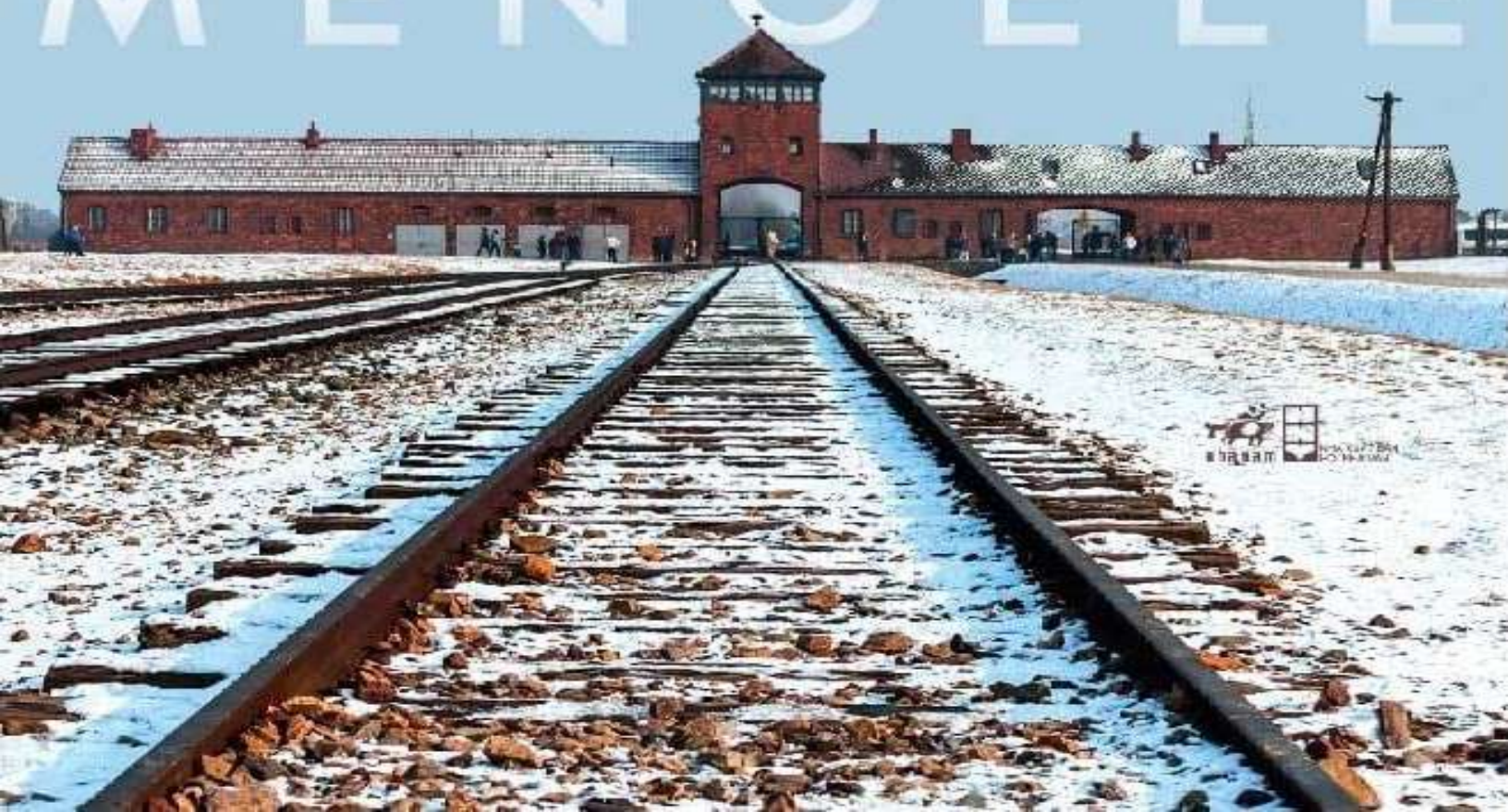
OLIVIER GUEZ

HOÀNG MAI ANH DỊCH

CUỘC TRỐN CHẠY CỦA

JOSEF

MENGELE



OLIVIER GUEZ

CUỘC TRỐN CHẠY CỦA

JOSEF
MENGELE

HOÀNG MAI ANH dịch



ebook@vctvegroup

Tường nhớ Ada và Ginditta Spizzichino, Grazia Di Segni và Rossanna Calò

*“Người, kẻ đã gây ra bao đau đớn cho một con người bình thường
Cười phá lên trước đau khổ của người khác
Đừng tưởng rằng người sẽ được yên
Bởi vì thi sĩ luôn ghi nhớ.”*

CZESLAW MILOSZ

PHẦN MỘT



Lão gia

“Hạnh phúc chỉ nằm ở những gì khuấy động, và chỉ có tội ác mới khuấy động được; đức hạnh... không bao giờ có thể dẫn tới hạnh phúc.”

SADE

1

Con tàu *North King* rẽ nước trên dòng sông đầy bùn. Trên boong tàu, hành khách chăm chú ngắm nhìn đường chân trời từ khi bình minh lên, và giờ đây, khi những cây cần câu ở công trường đóng tàu và vạch kẻ đỏ của khu nhà kho cảng hiện ra trong màn sương, đám khách người Đức cùng hát một khúc quân hành, người Italia làm dấu thánh giá, còn người Do Thái thì cầu nguyện dù trời đang có mưa bụi, các cặp đôi hôn nhau, con tàu cập bến Buenos Aires sau ba tuần lênh đênh trên biển. Một mình dựa vào thành tàu, Helmut Gregor suy tư.

Hắn từng hy vọng rằng một chiếc tàu tuần tra của cảnh sát mật sẽ tới đưa hắn đi và giúp hắn tránh khỏi những phiền nhiễu của hải quan. Khi lên tàu ở Gênes, Gregor đã xin Kurt đặc ân này, hắn tự giới thiệu là một nhà khoa học, một chuyên gia tầm cỡ về di truyền học và đề xuất với Kurt hắn sẽ trả tiền (Gregor có rất nhiều tiền), nhưng kẻ tổ chức vượt biên cười và né tránh: quyền ngoại lệ này chỉ dành cho những nhân vật tai to mặt lớn, những quan chức của chế độ cũ, chứ không mấy khi dành cho một đại úy của SS*. Dù sao thì Kurt cũng sẽ đánh điện tới Buenos Aires, Gregor có thể trông cậy vào ông ta.

Kurt đã bỏ túi một số tiền, nhưng chiếc tàu tuần tra thì không hề xuất hiện. Gregor phải kiên nhẫn chờ đợi trong sảnh đường rộng mênh mông của hải quan Argentina cùng với những người di cư khác. Hắn giữ chặt hai chiếc va li, một to một nhỏ, và khinh khỉnh nhìn đám dân châu Âu lưu vong đứng quanh đó, những hàng dài người vô danh lịch lãm hay nhếch nhác mà hắn luôn tránh xa trong suốt hành trình. Gregor thà ngắm nhìn đại dương và các vì sao hoặc đọc thơ Đức trong cabin của mình còn hơn; hắn đã nhìn lại bốn năm vừa qua trong đời mình, từ khi hắn chạy khỏi Ba Lan một cách thảm hại vào tháng Một 1945 và trà trộn vào lực lượng Vệ quốc Đức Quốc xã để thoát khỏi nanh vuốt của Hồng quân: hắn bị giam vài tuần trong một trại tù

của Mỹ, sau đó được thả vì hắn có giấy tờ giả mang tên Fritz Ullmann, rồi hắn ẩn náu trong một nông trang đầy hoa ở Bavière, cách thành phố Gunzburg quê hương hắn không xa, ở đây hắn làm công việc cắt cỏ cho gia súc và phân loại khoai tây trong ba năm với cái tên Fritz Hollmann, rồi sau đó hắn chạy trốn tới Pâques cách đây hai tháng, vượt qua dãy núi Dolomites bằng đường mòn trong rừng của những kẻ buôn lậu, rồi đến vùng Nam Tyrol ở Italia, ở đây hắn đổi tên thành Helmut Gregor, cuối cùng hắn tới Genova, nơi tên buôn lậu Kurt đã giúp hắn làm các thủ tục với chính quyền Italia và cơ quan nhập cảnh Argentina.

2

Tại hải quan, kẻ đào tẩu xuất trình giấy thông hành của Hội Chữ thập đỏ quốc tế, giấy phép lên bờ và visa nhập cảnh: Helmut Gregor, cao 1,74 mét, mắt nâu xanh lá cây, sinh ngày 6 tháng Tám 1911 tại Termeno, tiếng Đức là Tramin, tỉnh Nam Tyrol, công dân Đức quốc tịch Italia, theo Thiên Chúa giáo, nghề nghiệp kỹ sư cơ khí. Địa chỉ tại Buenos Aires: 2460 phố Arenales, khu phố Florida, nhà của Gerard Malbranc.

Nhân viên hải quan kiểm tra hành lý của hắn, quần áo gấp cẩn thận, tấm ảnh chân dung một phụ nữ tóc vàng mảnh dẻ, vài cuốn sách và một số đĩa hát opera, rồi anh ta cau mày khi thấy các món đồ trong chiếc va li nhỏ: ống tiêm hạ bì, vài cuốn sổ ghi chép và bản đồ giải phẫu, các tiêu bản máu, tiêu bản tế bào: không liên quan gì tới một kỹ sư cơ khí. Anh ta bèn gọi nhân viên y tế của cảng tới.

Gregor run rẩy. Hắn đã mạo hiểm một cách điên rồ để giữ chiếc va li nhỏ gây liên lụy, kết quả quý giá của biết bao năm trời nghiên cứu, của cả đời hắn, mà hắn đã mang lên tàu khi vội vã rời khỏi nơi làm việc ở Ba Lan. Nếu bị quân Xô viết bắt được khi đang giữ cái va li đó, hắn sẽ bị xử tử ngay lập tức mà chẳng cần xét xử gì. Trên đường trở lại Tây Âu mùa xuân 1945, khi quân đội Đức Quốc xã rút chạy tán loạn, hắn đã gửi va li cho một nữ y tá có lòng trắc ẩn, rồi sau đó tìm lại cô ở Đông Đức, trong vùng Liên Xô kiểm soát, một chuyến đi điên rồ sau khi hắn được thả khỏi trại giam Mỹ và ba tuần đi đường. Sau đó, hắn đưa va li cho Hans Sedlmeier, một người bạn từ thuở nhỏ và là người được cha hắn, một nhà công nghiệp, hết mực tin cậy, Sedlmeier mà hắn thường xuyên gặp gỡ trong khu rừng xung quanh nông trang nơi hắn ẩn náu suốt ba năm. Gregor không thể rời khỏi châu Âu mà không đem theo chiếc va li này: Sedlmeier đã trả lại va li cho hắn trước khi hắn đi Italia cùng với một chiếc phong bì dày đầy tiền mặt, và giờ đây một gã ngớ ngẩn móng tay bẩn thỉu đang bới tung mọi thứ, Gregor thầm nghĩ,

còn nhân viên y tế của cảng thì xem xét các tiêu bản và những ghi chép viết bằng kiểu chữ gothic sin sít. Vì không hiểu gì cả, nên nhân viên hải quan hỏi hẳn bằng tiếng Tây Ban Nha và tiếng Đức, tay kỹ sư cơ khí giải thích với ông ta về thiên hướng trở thành nhà sinh vật nghiệp dư của mình. Hai người đàn ông khinh bỉ nhìn nhau, còn nhân viên y tế đang muốn đi ăn trưa nên ra hiệu cho nhân viên hải quan cho hẳn qua.

Ngày 22 tháng Sáu 1949 ấy, Helmut Gregor đặt chân tới nơi ẩn náu mới: Argentina.

3

Ở Gênes, Kurt đã hứa với hãn rằng một bác sĩ người Đức sẽ đợi hãn ở cảng và dẫn hãn tới nhà Malbranc, nhưng kẻ chuyên đưa người vượt biên lại lừa hãn.

Gregor đi đi lại lại dưới trời mưa, người đi đón hãn có lẽ đang bị kẹt xe. Hãn chăm chú nhìn bến cảng, vũ điệu của những phu khuân vác, những gia đình đoàn tụ rồi tươi cười cùng ra về, những đồng da thuộc và những kiện len chờ được chuyển lên tàu chở hàng. Chẳng thấy bóng ông bác sĩ người Đức nào cả. Gregor nhìn đồng hồ, tiếng còi của một con tàu chở hàng đông lạnh vang lên, Gregor lo âu lưỡng lự xem có nên tự tìm tới nhà Malbranc không, nhưng rồi hãn quyết định chờ thêm, như thế thận trọng hơn. Một lát sau, hãn đã là một trong những hành khách cuối cùng của tàu *North King* còn ở lại sân cảng.

Hai gã người Calabre vác nhiều đồ như lạc đà mời hãn đi chung taxi. Gregor bất giác đồng ý đi theo hai người ăn vận tồi tàn ấy. Vào cái ngày đầu tiên trên đất Nam Mỹ này, hãn không muốn ở lại một mình, vả lại hãn cũng chẳng có nơi nào để đi.

4

Ở khách sạn Palermo, hấn ở chung trong một căn phòng không có chậu rửa mặt, cũng không có khu vệ sinh, cùng với hai người bạn đường cười nhạo hấn: Gregor dân vùng Nam Tyrol mà lại chẳng xỏ được từ nào tiếng Italia. Hấn nguyên rửa lựa chọn của mình nhưng cố kìm nén, đành ăn vài khoanh xúc xích tỏi rồi lăn ra ngủ vì mệt mỏi, chiếc va li nhỏ được kẹp chặt giữa bức tường và hấn, tránh sự thèm muốn của hai người kia.

Ngay buổi sáng hôm sau, hấn bắt tay vào việc. Hấn gọi điện thoại tới nhà Malbranc nhưng không ai trả lời: hấn liền nhảy lên taxi, gửi chiếc va li nhỏ ở nơi gửi hành lý của nhà ga rồi đi tới một con phố vắng vẻ ở khu Florida. Gregor bấm chuông một ngôi biệt thự rộng lớn phong cách tân thuộc địa. Một giờ sau, hấn quay lại và bấm chuông lần nữa, rồi lại gọi điện ba lần từ một quán cà phê nơi hấn tạm lánh nhưng vẫn không có ai nhắc máy.

Trước khi rời khỏi Genova, Kurt đã đưa cho hấn thông tin về người thứ hai có thể liên lạc ở Buenos Aires: Friedrich Schlottmann, một doanh nhân Đức, chủ của một doanh nghiệp dệt may đang ăn nên làm ra. Năm 1947, Schlottmann đã tài trợ cho một số nhà chế tạo máy bay và kỹ sư không quân trốn thoát bằng đường qua các nước Bắc Âu. “Người đó rất quyền lực, ông ấy sẽ giúp mày tìm được việc làm và bạn bè mới,” Kurt nói với hấn.

Tới trụ sở của công ty Sedalana, Gregor xin gặp Schlottmann nhưng ông ta đang đi nghỉ cả tuần. Vì hấn cứ năn nỉ mãi nên một cô thư ký dẫn hấn đi gặp người phụ trách nhân sự, một người Đức-Argentina mặc bộ vest cài chéo và có dáng người khiến hấn khó chịu ngay lập tức. Gregor ứng tuyển vào một vị trí quản lý nhưng gã trai tóc bóng đầu lại đề xuất cho hấn làm một chân công nhân “rất cao quý”: chải số len được chở đến hằng ngày từ Patagonie, đó là cái lệ cho những người mới từ tàu lên bờ. Gregor mím chặt môi, hấn muốn ngoạm vào cổ tên chó đó. Hấn, con trai của một gia đình tử tế, có hai bằng tiến sĩ nhân học và y khoa, mà lại phải chải với xoa những

mớ lông cừu cùng với người da đỏ và dân lưu vong trong không khí độc hại, mùi tiểng mỗi ngày, ở ngoại ô Buenos Aires ư? Gregor đóng sập cánh cửa văn phòng và thề sẽ lột da Kurt khi hắ trở về châu Âu.

5

Gregor vừa nhắm nháp cốc nước cam vừa điểm lại tình hình. Tìm một công việc, học một trăm từ tiếng Tây Ban Nha mỗi ngày, tìm Malbranc, một cựu điệp viên thuộc mạng lưới Bolivar của cơ quan tình báo quân sự Đức Quốc xã trực thuộc Abwehr, cơ quan chống gián điệp của Quốc xã; cố gắng chịu đựng sống cùng hai gã Calabre cho dù hẳn có thể thuê một khách sạn tiện nghi. Hẳn chẳng hiểu gì phương ngữ của những người miền Nam ấy ngoại trừ thông tin họ là những cựu binh phát xít đã tham gia chiến dịch Abyssinie. Những người lính sẽ không phản bội hẳn, vậy thì tốt hơn hết là sống thâm lặng và giữ những đồng tiền quý giá, tương lai thì vô định nên Gregor chưa bao giờ liều lĩnh.

Avellaneda, La Boca, Monserrat, Congreso... tấm bản đồ được trải ra, hẳn làm quen với địa hình của Buenos Aires và cảm thấy rất nhỏ bé trước những ô bàn cờ, một con người không đáng gì, dù rằng hẳn từng khiến cả một vương quốc phải kinh hãi cách đây không lâu. Gregor nghĩ tới một bàn cờ khác, những lán trại, những căn phòng hơi ngột, những lò thiêu xác, những tuyến đường sắt, nơi hẳn đã trải qua những năm tháng đẹp nhất của một tên xảo kỹ về chủng tộc, một cấm thành với mùi khét của thịt và tóc cháy, bao quanh là các vọng gác và hàng rào thép gai. Trên xe mô tô, xe đạp hay ô tô, hẳn di chuyển giữa những bóng người không thấy khuôn mặt, một công tử ăn thịt người không mệt mỏi, đi giày boots, đeo găng tay, mặc đồng phục bóng bẩy, đội mũ hơi sụp xuống. Nhìn vào mắt hẳn và nói chuyện với hẳn là điều cấm kỵ; ngay cả các đồng đội của hẳn trong đội quân áo đen cũng sợ hẳn. Trên sân ga nơi phân loại người Do Thái ở châu Âu, họ điên dại nhưng hẳn vẫn bình thản, vừa cười vừa huýt sáo vài đoạn của vở nhạc kịch *Tosca*. Không bao giờ mềm lòng trước tình cảm của con người. Lòng thương hại là một điểm yếu: chỉ bằng một cái khóa gậy, kẻ toàn quyền ấn định số phận các nạn nhân của hẳn, sang trái là chết ngay lập tức, những căn phòng hơi ngột,

sang phải là chết từ từ, lao động khổ sai hoặc phòng thí nghiệm của hắn, phòng thí nghiệm lớn nhất thế giới mà hắn duy trì hoạt động bằng “nhân liệu thích hợp” (người lùn, người cao bất thường, người què cụt, những cặp sinh đôi) được chở tới mỗi ngày. Tiêm, đo, trích máu; chặt, giết, mổ xác: hắn có trong tay cả một đàn trẻ con dùng làm vật thí nghiệm để xuyên thủng bức màn bí ẩn của hiện tượng song sinh, để sản sinh ra những siêu nhân và để phụ nữ Đức trở nên mắn đẻ hơn, để có thể một ngày đưa những binh sĩ nông dân đến sống ở những lãnh thổ Đông Âu chiếm được từ người Slave và bảo vệ chủng tộc Bắc Âu. Là một kẻ bảo vệ sự thuần chủng, một nhà giả kim mong muốn tạo ra con người mới: một sự nghiệp rực rỡ trong môi trường đại học và sự công nhận của chế độ Reich sẽ ca khúc khải hoàn đang chờ đợi hắn sau chiến tranh.

Máu cho đất nước, đó là tham vọng điên rồ của hắn, là mưu đồ to lớn của Heinrich Himmler, chỉ huy tối cao của hắn.

Auschwitz, tháng Năm 1943 - tháng Một 1945. Gregor chính là tử thần, bác sĩ Josef Mengele.

6

Sương mù, mưa xối xả, mùa đông ở Nam bán cầu bao trùm Buenos Aires, Gregor suy sụp nằm dài trên giường, hần bị cảm lạnh. Hần nhìn một con gián chạy ra từ một đường ống thông khí và rùng mình trong chăn. Kể từ mùa thu 1944, hần chưa bao giờ ốm yếu như thế này. Quân Xô viết đóng ở Trung Âu: hần biết cuộc chiến đã thất bại và không thể ngủ được nữa, kiệt quệ trong tâm trạng bồn chồn. Irene vợ hần đã vực hần dậy. Hè đó, cô đã đến Auschwitz và cho hần xem những bức ảnh đầu tiên của cậu con trai Rolf mới vài tháng tuổi. Họ đã có những tuần lễ ngọt ngào. Mặc dù công việc của hần rất nhiều, mỗi ngày có tới bốn trăm bốn mươi nghìn người Do Thái ở Hungary được chở đến, vợ chồng hần vẫn trải qua tuần trăng mật thứ hai. Trong khi các phòng hơi ngạt chạy hết công suất, thì Irene và Josef đắm chìm trong bản nhạc *La Sola*. Trong khi quân SS thiêu sống đàn ông, đàn bà và trẻ em trong các hố chôn tập thể, thì Irene và Josef đi hái việt quất về làm mứt. Trong khi lửa bùng lên trong các lò thiêu thì Irene hôn Josef và Josef ôm Irene. Hơn ba trăm hai mươi nghìn người Do Thái ở Hungary đã bị tận diệt trong chưa đầy tám tuần.

Khi Josef có nguy cơ bị suy sụp vào đầu mùa thu, Irene đã ở bên cạnh hần. Họ chuyển đến một ngôi nhà mới tồi tàn có bồn tắm và bếp cùng với một nhóm người phục vụ theo giáo phái Chứng nhân Jehovah.

Gregor ngắm nhìn chân dung của Irene đặt trên chiếc tủ đầu giường, tấm ảnh chụp năm 1936, năm họ gặp nhau ở Leipzig. Hần làm việc ở bệnh viện của trường đại học, Irene tới đó ít ngày, cô học lịch sử nghệ thuật ở Florence. Tiếng sét ái tình đã nổ: cô gái khi đó 19 tuổi, tóc vàng, thân hình mảnh dẻ, dáng dấp như thần Vệ nữ trong tranh của Cranach, người phụ nữ lý tưởng của hần.

Gregor ho và nhớ đến Irene trong chiếc váy mùa hè, khoác tay hần đi dạo trong khu vườn kiểu Anh ở Munich, nhớ đến Irene an nhiên trong chiếc xe

Opel hai cửa lao đi trên những con đường cao tốc của chế độ Reich vào ngày cưới của họ, ngay trước khi chiến tranh nổ ra. Rồi Gregor nổi cáu khi ngắm nhìn lần thứ một nghìn đôi môi thanh thoát của vợ hănh trong ảnh. Cô từ chối đi theo hănh sang Argentina cùng với đứa con trai nhỏ, từ chối sống một cuộc sống chui lủi ở bên kia bờ đại dương. Mengele nằm trong danh sách tội phạm chiến tranh của Mỹ và tên của hănh đã được nêu lên trong nhiều vụ án.

Thực ra, Irene đã rời bỏ hănh. Trong rừng và trong những nhà trọ ở quanh khu hănh nấu ở Bavière, theo năm tháng, hănh dần cảm thấy cô ngày một xa cách. Sedlmeier, cha hănh, và hai người em trai Karl và Alois nói rằng Irene, khi đó đã chải tóc bằng màu đen, an ủi mình bên những người đàn ông khác. “Để che giấu anh ấy”, cô ta đã kể với cảnh sát quân sự Mỹ rằng hănh chết trên chiến trường. “Ồ chó cái,” Gregor rên lên trong căn buồng áp mái của hănh ở Palermo: khi từ chiến trường trở về, đồng đội của hănh được vợ họ chào đón như những người hùng; còn vợ hănh lại phải lòng một kẻ bán giày ở Fribourg và tống khứ hănh về nơi vô định.

7

Trên gác, trong phòng tắm, Gregor với chiếc khăn quấn quanh hông chiêm ngưỡng cái bụng nhẵn nhụi và bộ ngực không lông cùng làn da tươi tắn của mình. Hắn luôn chăm chút da dẻ. Hai em trai và Irene từng chế giễu thói hãnh diện kiểu tiểu thư của hắn và những giờ đồng hồ hắn bỏ ra để dưỡng ẩm và ngắm nghía mình trong gương, nhưng cái tính điếu đà đã cứu mạng hắn. Năm 1938, khi gia nhập SS, hắn đã từ chối xăm mã số của mình dưới nách hoặc trên ngực theo quy định: khi quân Mỹ bắt hắn sau chiến tranh, chúng cho rằng hắn chỉ là một tên tốt đen và thả hắn sau đó vài tuần.

Gregor lại gần gương và nhìn kỹ cặp lông mày hình vòng cung của mình, cái trán hơi dô, cái mũi, cái miệng xảo quyệt cả khi nhìn thẳng và nhìn nghiêng đôi mắt, rồi hắn đảo mắt, quỵến rũ, rồi bỗng nghiêm nghị và lo lắng. Từ lâu, tên kỹ sư thuộc chủng tộc *Aryan* này đã tự hỏi về nguồn gốc cái họ bí ẩn của hắn. Mengele, nghe có vẻ giống như một loại bánh Noel hay một loài nhện lông. Rồi tại sao da và tóc của hắn lại không bóng? Ở Gunzburg, các bạn cùng lớp gọi hắn là Beppo di-gan, còn từ khi giấu mình sau bộ ria rậm ở Buenos Aires, hắn trông giống một quý tộc Tây Ban Nha hay một người Italia: giống một người Argentina. Gregor mỉm cười khi xịt nước hoa và phát hiện ra một cái khe giữa hai răng cửa trên. Mặc dù bại trận và phải đào tẩu, Malbranc thì vẫn chẳng thấy đâu, nhưng hắn đã đánh gục cơn sốt và cứng lên. Là một người đàn ông ba mươi tám tuổi mà cuộc đời và chiến tranh không chừa ra, hắn nghĩ, hắn vẫn còn sức hấp dẫn. Gregor chải tóc ngược ra phía sau như William Powell trong phim *The Kennel Murder Case*^{*}, mặc quần áo rồi đi ra ngoài, bầu trời trong xanh, gió thổi từ sông Rio de la Plata đầy sinh khí.

Từ vài ngày nay, hắn đi khắp Buenos Aires. Đại lộ 9 Tháng Bảy rộng thênh thang và cây cột tháp ở đó; đại lộ Corrientes với các quán rượu và cửa hàng sách; tòa nhà chọc trời Barolo và những quán cà phê Tân nghệ thuật ở

đại lộ Tháng Năm; những bãi cỏ phủ đầy giấy dính dầu mỡ ở công viên Palermo; những trục đường đông đúc ở trung tâm, những quán bánh ngọt và những cửa hàng bán đồ xa xỉ ở phố Florida. Hôm trước, hắn đã xem phiên đổi gác của đội lính trước phủ tổng thống La Casa Rosada, đã thấy sự thích thú của những người đứng xem xung quanh hắn, thấy được sự kính trọng của họ đối với công việc này của quân đội. Quân đội là thể chế ổn định, ở Argentina cũng như ở khắp mọi nơi. Chỉ riêng người Đức là tìm cách phá vỡ truyền thống bằng tội lỗi tập thể, hắn lăm băm trên chiếc tàu điện ngầm đưa hắn trở về căn phòng tồi tàn ở khách sạn Palermo.

Khắp nơi là những cô gái xinh đẹp, hoa, chó hoang, cây tiêu huyền và những cây cho nhựa, khói xì gà và thịt nướng, những cửa hàng nhiều hàng hóa hơn ở châu Âu. Ảnh cầu thủ Alfredo Di Stefano mặc áo trắng sọc đỏ của đội River Plate, chân dung ca sĩ Carlos Gardel và Agustin Magaldi trưng đầy các ki ốt bán báo cùng với những bức tranh khắc Đức Mẹ đồng trinh và trang nhất của các số báo *Sintonia*, tạp chí về các ngôi sao.

Gregor lên một chiếc tàu điện, chìm vào đám đông người đi bộ và ô tô huyền ảo. Từ khi mới được thành lập, thành phố thủ đô này đã mở rộng cửa cho những kẻ đào ngũ và lừa gạt. Hắn không nói chuyện với ai cả. Khi thấy người Do Thái có bộ râu màu hung, con cháu của những người *Rusos* đã chạy trốn cuộc tàn sát người Do Thái dưới thời Sa hoàng hồi đầu thế kỷ, hắn đi sang vỉa hè bên kia. Hắn đã khoan đở khu Villa Crespo và quảng trường Once trên bản đồ, nơi người Do Thái mở các xưởng may, hắn sợ gặp một “bóng ma” của trại Auschwitz và có thể bị lật tẩy.

Gregor không quá ngỡ ở đây. Argentina đang chuyển mình mạnh mẽ và là nước phát triển nhất ở Mỹ La tinh. Từ khi chiến tranh kết thúc, châu Âu điêu tàn phải nhập khẩu lương thực từ Argentina. Buenos Aires ngập tràn rạp chiếu phim và nhà hát; các mái nhà màu xám, học sinh mặc đồng phục nghiêm túc. Và giống như ở nước Đức dưới thời Reich, người ta tôn sùng *líder* của đất nước, một bộ đôi, một con gấu mặc trang phục ca kịch và một con chim sẻ đeo rất nhiều đồ trang sức. Hình ảnh của Juan và Evita

Peron, người cứu độ và người bị áp bức, xuất hiện như những kẻ chiến thắng trên tất cả các bức tường của thủ đô.

8

Gregor giết thời gian bằng cách tìm hiểu câu chuyện tình của họ trên báo. Họ gặp nhau vào tháng Một 1944, tại một bữa tiệc từ thiện nhằm giúp đỡ các nạn nhân của vụ động đất đã phá hủy thành phố San Juan vài ngày trước. Cô diễn viên trẻ Eva Duarte sững sờ trước đại tá Peron, một trong những nhân vật quan trọng của nhóm sĩ quan nắm chính quyền, tiếng nói của những người đang phải chịu thiệt thòi, vận động viên danh dự, khéo ăn nói, có cặp mắt tinh nhanh và một số nét của người da đỏ: ông ta kêu gọi cả nước hành động để giúp đỡ thành phố vừa bị tàn phá.

Sau bữa tiệc, Peron gạt qua đài phát thanh nơi Evita làm việc, và Evita qua Bộ Lao động nơi Peron hoàn thiện số phận của mình. Sự hăng hái và tính độ lượng của cô khiến Peron rung động, chàng trai quyết định đưa cô vào làm thư ký của mình và không lâu sau đó họ sống cùng nhau. Evita tin tưởng vào sự lãnh đạo của Peron: “Peron, vầng thái dương của tôi, bầu trời của tôi, con đại bàng của tôi, con đại bàng bay cao và bay xa, tới những đỉnh núi gần Thượng đế. Lẽ sống của đời tôi.”

Peron mưu mẹo tiếp tục được thăng chức. Ông trở thành Bộ trưởng Bộ Chiến tranh và Phó Tổng thống. Ông tăng thêm ngân sách cho các lực lượng quân sự, thành lập không quân, trên sóng radio, ông khuấy động nguy cơ một cuộc tấn công từ nước láng giềng Brazil, một cuộc tấn công không bao giờ xảy ra. Khi cuộc xung đột toàn cầu sắp kết thúc, Mỹ thúc ép chính quyền quân sự tổ chức bầu cử tự do. Tháng Chín 1945 diễn ra một cuộc diễu hành lớn đòi tự do, phe chống chế độ đổ ra đường. Argentina rung chuyển, quan chức phân hóa, những người có tư tưởng tự do hơn đã tách khỏi những người theo chủ nghĩa dân tộc, bắt giữ Peron và buộc ông ta từ chức. Phe ủng hộ ông ta được huy động đáp lại lời kêu gọi của Tổng Liên đoàn Lao động, công nhân, thành viên các nghiệp đoàn và những người dân cùng khổ tuần hành trên đường phố Buenos Aires và quảng trường Tháng Năm, trước

tường rào của Phủ Tổng thống, đòi trả tự do cho Peron và đưa ông ta trở lại chính phủ. Sau đó vài tháng, Peron kết hôn với Evita và giành chiến thắng trong cuộc bầu cử tổng thống.

Evita và Peron có nhiều nét tương đồng: họ cùng là người tỉnh lẻ, có tham vọng và có tư tưởng phục thù. Peron là đứa con của những thảo nguyên hoang vắng ở bang Chubut, cha ông là người không thành đạt, tính khí thất thường, còn mẹ lại thay lòng đổi dạ; Evita là con ngoài giá thú của một người có địa vị ở tỉnh lẻ, có hai đời vợ. Năm 1911, khi Peron được mười sáu tuổi, vào học trường quân sự, Evita còn chưa ra đời. Panará, dãy núi Andes, tỉnh Misiones nơi có rừng già Amazon: chàng lính trẻ tuổi đi khắp các vùng đất của Argentina theo nhiệm vụ được điều động và thấy những người nông phu kiệt sức vì lao động, những công nhân của các lò mồi ở Buenos Aires bị đối xử tồi tệ hơn cả những con vật được chở tới đây để chọc tiết. Những bất công của một đất nước giàu có, nguồn cung cấp nguyên liệu chính cho nước Anh nhưng bị Anh áp đặt luật lệ: người Anh kiểm soát mạng lưới đường sắt, các ngân hàng khai thác tài nguyên quý giá của các thảo nguyên và các khu rừng gỗ *quebracho* đỏ rộng mênh mông mà từ đó họ chiết xuất *tanin*. Các đại địa chủ chiếm quyền lực và tổ chức những bữa tiệc xa hoa. Ở Buenos Aires, dinh thự và nhà ỗ chuột, nhà hát Colon và các nhà thổ khu La Boca nằm cạnh nhau.

Cuộc khủng hoảng năm 1929 đã tàn phá Argentina. Người thất nghiệp và vô gia cư tràn ngập, các cuộc bãi công làm tê liệt đất nước, những băng đảng vô chính phủ cướp bóc vùng nông thôn. Peron nén chịu. Những lãnh đạo tham nhũng bàng quan trước nỗi khổ của nhân dân, khiến mọi thứ trở nên khan hiếm, họ ca tụng nền dân chủ nhưng lại gian lận trong bầu cử. Thập kỷ 1930 được đánh dấu bằng các phòng hút cần sa, các vụ bê bối tài chính, băng ê-te và cocain, trộm cướp có vũ trang. Giữa thập kỷ đáng hổ thẹn đó, cô thiếu nữ Evita đến Buenos Aires để trở thành diễn viên.

Cô gái ngây thơ gầy gò ấy bị các nhà sản xuất lạm dụng không ngần ngại. Evita giận dữ: cô không quên gì và không bao giờ tha lỗi. Cô ước lồi lủ phản bội ra khỏi hang ổ bẩn thỉu của chúng, chém đầu những đại gia ngành đường

và chần nuôi bám vào tư bản nước ngoài, chà đạp lên tầng lớp bình dân như cô. Evita cuồng nhiệt và đam mê hơn Peron.

Năm 1946, họ trở thành chủ nhân của Argentina, nhận được sự ủng hộ của Giáo hội, quân đội, những người theo chủ nghĩa dân tộc và tầng lớp vô sản: giờ quyết chiến đã đến.

9

Với mong muốn giải phóng Argentina, vợ chồng Peron tuyên bố một cuộc cách mạng về nhận thức cái đẹp và công nghiệp, một chế độ bình dân. Tổng thống Peron diễn thuyết hùng hồn và lớn tiếng chê trách trên radio, trước đám đông ngậy ngất, ông ta khua tay múa chân và khoe khoang, hứa sẽ chấm dứt nỗi nhục nhã, tình trạng phụ thuộc này và đem lại cuộc sống tuyệt diệu, cuộc đại nhảy vọt: ông ta là cứu tinh, chủ nghĩa công bằng xã hội Peron sẽ đưa Argentina vào sử sách.

Peron là chính trị gia đầu tiên làm rung chuyển xã hội nông nghiệp thuộc địa già nua của Argentina. Khi còn là Quốc vụ khanh, ông chủ trương ưu đãi người lao động; khi đã trở thành tổng thống, ông bơm tiền duy trì các dịch vụ công với sự ủng hộ của Tổng Liên đoàn Lao động, sáp nhập cơ quan này vào bộ máy nhà nước to lớn. Tăng trưởng và tự cung tự cấp, tự trọng và phẩm giá: Peron bãi bỏ các đặc quyền của chế độ quả đầu, lên kế hoạch cho các giấc mơ đại quốc của mình, tập trung và quốc hữu hóa ngành đường sắt, viễn thông, các khu vực kinh tế chiến lược do nước ngoài nắm giữ.

Evita là biểu tượng của công cuộc hiện đại hóa triệt để đang diễn ra. Trong chiếc váy dạ hội, Đức Mẹ của dân nghèo tiếp đón các nghiệp đoàn, thăm các bệnh viện và nhà máy, khai trương các cung đường mới mở, phân phát răng giả và máy khâu, ném những tập tiền qua cửa sổ chiếc xe lửa mà cô dùng để đi khắp đất nước không mệt mỏi. Cô thành lập một quỹ giúp đỡ dân nghèo, giúp đỡ tất cả những người thiệt thòi và đi tuyên truyền ngôn từ bù tai của học thuyết Peron ở nước ngoài trong tiếng hoan hô nồng nhiệt của công chúng. Năm 1947, trong chuyến đi “câu vồng”, cô được Giáo hoàng và nhiều nguyên thủ quốc gia tiếp đón.

Vợ chồng Peron, với vai trò trung gian giữa nhân dân và ý Chúa, khép kín trật tự mới, trật tự dân tộc chủ nghĩa và chuyên quyền. Họ thanh trừng hệ thống đại học, tư pháp, báo chí, chính quyền; tăng gấp ba số lượng nhân sự

mặt vụ, những người mặc đồ vải *gabardine* màu be và com lê nâu. Peron tuyên bố “Giày vải, đồng ý; sách thì không!”: Jorge Luis Borges bị chuyển khỏi thư viện thành phố Buenos Aires, được phân công vào ban thanh tra quốc gia ngành chăn nuôi gia cầm và thỏ.

Peron tư duy về thế giới. Con người là một nhân mã* bị những dục vọng mâu thuẫn và đối nghịch thôi thúc, phi nước đại trong đám mây bụi để tìm kiếm thiên đường. Lịch sử là câu chuyện về những mâu thuẫn của con người; chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản biến cá nhân thành một con côn trùng, chủ nghĩa tư bản bóc lột, còn chủ nghĩa cộng sản thì chế ngự. Chỉ riêng chủ nghĩa Peron vượt lên trên chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa tập thể. Đó là một giáo lý đơn giản và bình dân, đem lại một thỏa hiệp chưa từng có giữa thể xác và tâm hồn, giữa tu viện và siêu thị. Peron hứa hẹn với nhân dân của mình về vị trí cân bằng của con lắc: Argentina, quốc gia Cơ Đốc giáo, dân tộc và xã hội chủ nghĩa, thoát khỏi thời đại nhân mã.

10

Nhân mã và khố rách áo ôm, sự hòa hợp không thể xảy ra giữa những đối lập trong chủ nghĩa Peron chẳng gây cảm xúc gì cho Gregor. Hiện tại, hắn chỉ nghĩ tới việc tìm phương hướng và sống sót.

Mùa xuân ở Nam bán cầu đã trở lại, hắn không thiết đi du lịch nữa. Giữa tháng Chín 1949, hắn có được thẻ lưu trú và tìm được một công việc làm mộc ở khu Vicente Lopez. Hắn chuyển tới một căn nhà ổ chuột mới, cửa sổ cáu bẩn, sống chung với một kỹ sư và cô con gái nhỏ của ông ta. Một đêm, Gregor tỉnh giấc vì tiếng rên rỉ của cô bé. Con bé bị sốt co giật, trán nóng bừng, mặt tái xanh. Ông bố sợ hãi nhờ Gregor gọi bác sĩ càng nhanh càng tốt, mặc dù trước đó, ông ta không mấy khi nói chuyện với hắn. Gregor thì thào vào tai ông kỹ sư rằng hắn có thể chữa cho con bé, nhưng với điều kiện là ông ta không được tiết lộ khả năng của hắn cho bất kỳ ai, nếu không thì ông ta tự lo liệu lấy, ông ta mà không làm gì thì cô con gái sẽ chết, còn nếu sau này ông ta phản bội hắn, thì hãy liệu hồn.

Nhất định không một ai được biết hắn là bác sĩ. Khi còn học tại những trường đại học danh tiếng nhất của Đức, hắn rất coi thường những người thợ sửa chữa và các nghề chân tay, nhưng giờ đây hắn chấp nhận làm công việc lắp sàn nhà, ghép xà, từ khi bắt đầu trốn chạy, hắn buộc phải quen với việc lao động chân tay, với công việc trái khoáy. Ở trang trại vùng Bavière, Gregor phải dọn chuồng ngựa, tĩa cây, xới đất. Ở đây, ngày tháng qua đi, cuộc sống của hắn buồn tẻ, cô độc. Từ khi tới Buenos Aires, hắn sợ phạm sai lầm, sợ gặp ai đó ngoài ý muốn, hắn chống chọi với nỗi sợ hãi của mình. Gregor dường như bị xích chân. Hằng ngày, hắn thay đổi đường đi tới nơi làm việc. Hắn rất hay gặp người nói tiếng Đức nhưng không dám bắt chuyện với họ. Hắn ước ao được ăn món chân giò và uống nước táo ép ở một trong những quán ăn Đức mà hắn gặp khi đi lang thang hồi mùa Đông- quán ABC ở ngay trung tâm thành phố, quán Zur Elche trên đại lộ Crámer, hay quán

Otto ở khu Chacarita- nhưng hắn không dám mở cửa bước vào, cũng như việc ăn chẳng dám nói tiếng mẹ đẻ ở nơi công cộng. Gregor nói đặc giọng Bavière. Đừng nói tới việc mua tờ nguyệt san *Der Weg* ủng hộ tự do và trật tự. Gregor tự an ủi vì vẫn có thư twf gửi cho hắn tới khách sạn Palermo. Nhờ có ông bạn Sedlmeier, hắn vẫn liên lạc được với Irene và gia đình: thông qua một hòm thư ở bưu điện, hắn gửi tới họ những bức thư chưa đầy sáu muộn, và Sedlmeier lại gửi cho hắn thư và ngân phiếu của bố mẹ hắn. Ở quê nhà mọi việc đều ổn. Công ty sản xuất máy nông nghiệp của gia đình làm ăn rất tốt, xe cút kít và máy gặt đập bán đắt như tôm tươi, bố hắn tự hào kể. Nước Đức đã không ngừng thu gom những đồng đồ nát và bắt đầu hồi phục. Karl, cha hắn đang chờ hắn: ngay khi những “*người bạn* ôm hận phục thù thôi gây sự”, hắn sẽ trở về nhà và lại tham gia vào hội đồng quản trị. “Josef, đừng than vãn nữa, con đã chiến đấu trên mặt trận phía Đông, con không còn là trẻ con. Hãy kiên nhẫn, đừng chú quan mọi việc sẽ ổn thôi.”

11

Vặn khóa cửa hai lần, nhốt mình trong căn phòng vắng vẻ không có ông kỹ sư và cô con gái, Gregor vừa nghe một bài opera của Strauss vừa đọc tạp chí *Der Weg*. Hôm kia, hăn bị chóng mặt nên đánh rơi cái cửa mộng và suýt ngã từ một khung nhà gỗ cao vài tầng. Hăn nợ người đốc công đã nhanh tay cứu hăn một mạng. Sau đó, mệt mỏi vì phải ngồi chết gí không biết đến bao giờ và hy vọng bóng ma Malbranc trở về, hăn chạy tới ki ốt mua tờ tạp chí của những kẻ từng thuộc đội quân áo đen nhớ quê hương rồi nhét vào trong áo khoác.

Những bài thơ, tức là một loại văn được viết cầu kỳ, những bài báo phân biệt chủng tộc và bài Do Thái như thể chế độ Reich đệ tam chưa từng sụp đổ, Gregor thích thú với những bài viết vô vị của các tác giả từng bị buộc phải im miệng ở Đức từ khi quân Đồng minh kết thúc chiến tranh. Hăn chăm chú đọc các thông báo ngắn ở những trang cuối, khám phá những tiệm bán đồ ăn ngon, quán bia, công ty du lịch, văn phòng luật sư và hiệu sách, không gian của thế giới Đức-Argentina ở thủ đô, và thấy vui mừng, có thể hăn sắp được ra khỏi cái ổ của mình, cuộc sống của hăn ở Buenos Aires cuối cùng cũng sắp bắt đầu.

Ngày hôm sau, khi rời khỏi công trường, Gregor đi đến trụ sở của nhà xuất bản Dürer, 542 đại lộ Sarmiento, và làm quen với Eberhard Fritsch, giám đốc, chủ bút của tạp chí *Der Weg*. Ngày sau bàn làm việc, Fritsch chăm chú nhìn *Hauptstnrm Fuhrer** Gregor kể về quá trình công tác mà không tiết lộ thân phận thực sự của mình: gia nhập đảng Quốc xã năm 1937, vào Hội Bác sĩ Quốc xã và SS một năm sau đó, phục vụ trong quân đội ở Tyrol, một binh đoàn bộ đội sơn địa tự nguyện gia nhập *Waffen-SS**, cơ quan trung ương về di dân và chủng tộc ở Ba Lan bị chiếm đóng, mặt trận phía Đông sau khi phát động chiến dịch Barbarossa với sư đoàn Viking, đồn trú ở Ukraine, tấn công vùng Caucase, trận Rostov-bên-bờ-sông-Đông, bao vây

Bataisk, huy chương Thập tự sắt hạng nhất. Gregor tự hào kể chi tiết với Fritsch chuyện hắn đã cứu hai người lính trong xe tăng đang cháy như thế nào. Hắn nói được bổ nhiệm về một trại tù ở Ba Lan, nhưng không nhắc đến Auschwitz và than thở về số phận của mình, về cuộc đời lưu vong, tổ quốc yêu quý bị chiếm đóng, thành phố Buenos Aires rộng lớn và nỗi nhớ bộ quân phục. Hắn cần được thổ lộ.

Fritsch châm một điếu thuốc lá và thông cảm. Anh ta vẫn giữ kỷ niệm huy hoàng về lần họp Đoàn thanh niên Hitler mà anh ta đã từng tham dự năm mười bốn tuổi, trong quãng thời gian duy nhất sống ở Đức năm 1935, và không hề tin vào những điều ghê rợn mà quân Đồng minh tuyên truyền, gán cho chủ nghĩa quốc xã, “toàn những lời dối trá bị người Do Thái thổi phồng lên”. Anh ta thành lập nhà xuất bản Durer để giúp đỡ những người lính như Gregor. Anh ta cho đăng bài của những văn sĩ cùng một dòng máu, cùng một quê hương bị kiểm duyệt ở châu Âu và trả nhuận bút đặc biệt cho họ trong thời đói kém này, đem cho họ hạt nêm dạng khối, những hộp thịt, hộp bột cacao; anh ta giúp những người đồng đội mắc cạn bên bờ sông Rio de la Plata có một địa điểm tụ họp, những mạng lưới liên lạc. Fritsch bảo đảm với Gregor rằng anh ta có “cánh tay rất dài” và anh ta chẳng có gì để sợ ở Argentina, miền đất những kẻ chạy trốn, rộng như Ấn Độ, quá khứ không tồn tại. Sẽ chẳng ai hỏi hắn từ đâu tới và vì sao lại có mặt ở đây. “Người Argentina thấy kệ những cuộc đấu đá ở châu Âu và luôn oán hận người Do Thái vì đã đóng đinh Chúa lên cây thập giá.”

Gregor lắng nghe Fritsch vui vẻ kể về ngày hội ở công viên Luna Park ở Buenos Aires để kỷ niệm ngày Anschluss*; rồi chuyện làm thế nào mà Argentina, về cơ bản là nước trung lập, mà lại trở thành đầu cầu của Đức Quốc xã ở Nam Mỹ trong chiến tranh. Nơi đây, người Đức đã rửa tiên, hàng triệu triệu đô, mua ngoại tệ và nguyên liệu. Cơ quan tình báo của Đức từng lập trụ sở vùng ở Buenos Aires. “Chính tại đây, vụ lật đổ chính phủ Bolivia thân Mỹ đã diễn ra cuối năm 1943. Peron và các đại tá, những kẻ giành chính quyền năm đó, đã tìm cách liên minh với *Fuhrer*. Họ giải tán cuộc tuần hành kỷ niệm giải phóng Paris và ngăn cản phát hành phim *Kẻ độc tài* của Chaplin một cách thô bạo. Khi Berlin sụp đổ, Peron đã cấm các đài phát

thanh đưa tin: chúng tôi muốn xây dựng một khối các dân tộc ủng hộ Quốc xã để chơi lại Mỹ. Nhưng họ buộc chúng tôi phải cắt đứt quan hệ ngoại giao với Đức, rồi sau đó tuyên chiến nước này. Chúng tôi đã kháng cự bằng tất cả sức lực của mình cho tới cuối mùa đông năm 1945. Argentina là nước cuối cùng tham chiến...”

Chuông điện thoại vang lên, Fritsch ngừng nói và bảo Gregor ra về.

12

Hắn muốn tống năm đấm vào miệng thằng nhãi mắt xanh xám ấy. Hoặc cho nó một chùy vào ngón tay, hay đốt ngón tay, hoặc móng tay, đúng thế, hắn sẵn sàng rút móng tay ra khỏi hai bàn tay của Fritsch, từng cái một, khiến chúng bật ra. Gregor nghĩ tới cảnh tượng ấy trong nhà tắm của cái ổ ở Vicente Lopez và lẩm bẩm: “Sao mà dám như vậy hả Eberhard, thằng nhãi ranh người Argentina? Mà chỉ ở Đức hai tuần mà đòi dạy dỗ tao khi mà mới hai mươi tám tuổi ư? ừ đấy, những ‘điều ghê rợn’ mà mà nói tới, những điều ghê rợn là có thật, nước Đức bị bao vây phải tự vệ, phải nghiền nát các thế lực phá hoại bằng mọi cách. Chiến tranh không phải là trò chơi trẻ con, còn chủ nghĩa quốc xã, thằng ngu si ạ, không chỉ giới hạn ở những điều bộ hoành tráng của Đoàn thanh niên Hitler đâu.” Gregor bẻ nát tuýp thuốc đánh răng rồi bỗng bình tĩnh lại, nếu không hắn sẽ đến công trường muộn mất; đến muộn một giây cũng làm hắn khó chịu.

Càng ngày Gregor càng đều đặn đến tòa báo, nơi gặp gỡ của những tên quốc xã ở Buenos Aires. Ở đây, hắn gặp một kẻ tàn ác mà hắn từng nghe nói đến ở Auschwitz, một trong những nguồn cung người thường xuyên cho hắn: Josef Schwammberger thường dẫn theo một con chó ngao được huấn luyện để cắn xé thịt người, từng đứng đầu các trại lao động khổ sai và phá hủy nhiều khu người Do Thái ở Ba Lan. Ở đây, hắn làm quen với Reinhard Kops, chuyên gia về các âm mưu của người Do Thái và hội Tam điểm của báo, cựu nhân viên tình báo của Himmler ở vùng Balkan, và kết bạn với người mà Fritsch coi là “cây bút hay nhất, nhân vật chính làm nên thành công ngày càng to lớn của *Der Weg*”, một tác giả mà Gregor đã để ý tới các bài báo viết rất khéo của y, đó là Willem Sassen. Mặc dù nghiện rượu whisky và rít thuốc lá liên tục (Gregor không hút thuốc), người đàn ông Hà Lan nói được nhiều thứ tiếng và mặc bộ quần áo kẻ sọc đó vẫn gây ấn tượng tốt với hắn. Gregor luôn chú ý tới việc chỉ giao du với những người có vai

vế và quan chức: ở trường đại học cũng như ở trại Auschwitz, hẳn không bao giờ chơi với bọn lính SS quèn mà chỉ quan hệ với các bác sĩ trưởng và chỉ huy trại. Hẳn không chịu nổi sự tầm thường.

Hai người đàn ông có ria mép dò xét lẫn nhau. Cũng giống như Gregor, Sassen tình nguyện gia nhập một nhóm SS Hà Lan, tham chiến trên mặt trận Nga, tiến sâu vào lãnh thổ Xô viết, tới tận vùng Caucase và bị thương nặng ở đó. Cũng giống như Gregor, Sassen, một kẻ tuyên truyền cho chế độ Reich trên đài phát thanh Bỉ, một tên Hà Lan gian hạng nhất, đã bị bắt sau chiến tranh ở Hà Lan và bị kết án tù rất nặng, nhưng hẳn đã trốn thoát hai lần trước khi chạy tới Ireland rồi Argentina trên một chiếc thuyền buồm xuất phát từ Dublin.

Sassen thích văn hóa cổ điển và đánh giá cao sức mạnh của niềm tin nơi người bạn bác sĩ mới: Gregor tin vào tính kín đáo của Sassen và lần đầu tiên kể từ khi đặt chân tới Buenos Aires, hẳn tiết lộ danh tính thật và câu chuyện của mình. Giống như tất cả mọi người, các bà thượng lưu nhất và Fritsch, người trả cho hẳn một khoản lương khá hậu và tiền thuê nhà, Gregor bị vẻ ngoài oai vệ và tài ăn nói của Sassen thu hút: trong vài tháng, tên Hà Lan mưu mẹo ấy đã học nói tiếng Tây Ban Nha rất giỏi và tạo dựng được một vị trí ở Argentina. Cuốn sổ địa chỉ của y làm Gregor phải thấy ấn tượng. Ngay khi có thể, Sassen sẽ giới thiệu cho hẳn Rudel và nhiều nhân vật tai to mặt lớn. Thịnh thoảng, tên này vẫn làm lái xe và cộng tác viên kín của Rudel, đúng vậy, đại tá Hans Ulrich Rudel nổi tiếng, con át chủ bài của *Luftwaffe**, phi công được tặng thưởng nhiều huy chương nhất trong lịch sử Đức (hai nghìn năm trăm ba mươi phi vụ, năm trăm ba mươi hai xe tăng bị tiêu diệt), cũng tị nạn ở Argentina. Hẳn cũng có thể sẽ được gặp tổng thống Peron vì ông ta ‘luôn có nhiều thời gian dành cho người Đức’.

13

Peron không bao giờ quên các sĩ quan của Bộ Tổng Tham mưu Đức, những người từng dạy ông ta nghệ thuật chỉ huy, từ lúc quân đội Argentina còn đội mũ nhọn, trang bị súng Mauser và pháo Krupp. Mũ trụ, uy quyền, kỷ luật: cái thiên tài quân sự Đức hấp dẫn chàng Peron đến mức ông ta phải viết một bài luận về trận đánh vùng hồ Mazerot và hiếm khi ngủ mà không đọc về các chiến lược gia yêu thích người Phổ như Clausewitz, bá tước Alfred von Schlieffen và Colmar von der Goltz, nhà lý luận về quốc gia sẵn sàng chiến đấu, một hình mẫu xã hội mà Peron cố gắng thiết lập ở Argentina, khi giờ đây, ông ta đã giành được chính quyền. Tất cả đều là thứ yếu phải đặt sau các mục tiêu quốc phòng.

Nước Đức rời nước Ý mê hoặc chàng trai sau khi Mussolini lên nắm quyền vào đầu những năm 1920. Giống như tất cả những cao bồi quăng dây* cùng thế hệ, Peron sững sờ trước những chiến công của Italo Balbo và Francesco De Pinedo, những tên phát xít bay, những phi công quả cảm băng qua bầu trời đầy sao để nối Roma với Nam Mỹ. Peron nghe giọng nói của *Duce** trên sóng phát thanh Argentina và chạy tới rạp Palace để xem bộ phim *Một con người, một dân tộc*. Mussolini gây ấn tượng mạnh với Peron: nhà lãnh đạo được Thượng đế tấn phong có thể cứu một dân tộc và khiến cho dòng chảy lịch sử bùng nổ.

Peron khám phá Italia năm 1939 khi theo học một khóa đào tạo của quân đội phát xít, rồi sau đó, trong vai trò tùy viên quân sự của đại sứ quán Argentina tại Roma. Trong hai năm, ông ta chu du, tìm hiểu và ghi chép: Peron tin rằng ông ta đang ở giữa một sự kiện lịch sử chưa từng có kể từ cuộc Cách mạng Pháp, khi một nền dân chủ nhân dân chân chính được xác lập. Mussolini đã tập trung được các lực lượng tản mát, hướng họ tới mục tiêu mà ông ta đề ra cho họ, đó là chủ nghĩa xã hội dân tộc. Ngày 10 tháng Sáu 1940, quân đội Italia tham chiến. Từ ban công ở quảng trường Venezia,

trước mắt Peron, trong bộ lễ phục quân đội, *Duce* khiến đông đảo công chúng cảm thấy phấn khích.

Vài tháng trước đó, Peron tới Berlin và chiến trường Đông Âu, sau cuộc xâm chiếm Ba Lan chớp nhoáng. Vốn đã đọc *Mein Kampf* bằng tiếng Ý và tiếng Tây Ban Nha, lại ngưỡng mộ các tác phẩm tượng đồng của Breker và Thorak, Peron sửng sờ trước những thay đổi đang diễn ra: nước Đức lại đứng dậy, chủ nghĩa quốc xã đã hàn gắn các vết thương của đất nước và không nơi nào ở châu Âu có một cỗ máy được tra dầu chính xác đến thế. Người Đức làm việc có trật tự để phục vụ cho một nhà nước được tổ chức hoàn hảo. Ngọn núi lửa Hitler thôi miên quần chúng: Lịch sử trở thành nhà hát, ý chí chiến thắng, và giống như trong *Bão trên đỉnh Mont Blanc* và *Cơn say màu trắng*, hai bộ phim có sự góp mặt của diễn viên Leni Riefenstahl mà Peron đã xem trong chuyến đi Đức, lòng dũng cảm và cái chết luôn song hành. Dung nham ngọn núi lửa Hitler sẽ phá hủy tất cả trên đường đi của nó.

Trở về Argentina, Peron hình thành một cái nhìn rất cá nhân về cuộc chiến đang diễn ra ác liệt. Theo Peron, bởi vì nước Italia phát xít và nước Đức Quốc xã đưa ra một mô hình thay thế cho chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa tư bản nên Mỹ và Liên Xô phải liên minh với nhau để ngăn chặn thế lực thứ ba nổi lên, đó là phe Trục, khối các quốc gia không liên kết đầu tiên.

Đức và Italia thua trận, Argentina sẽ tiếp tục con đường của hai nước này và Peron sẽ thành công ở nơi mà Mussolini và Hitler đã thất bại: Liên Xô và Mỹ sẽ nhanh chóng tiêu diệt nhau bằng bom nguyên tử. Kẻ chiến thắng trong Chiến tranh thế giới thứ ba có lẽ đang kiên nhẫn chờ đợi ở một nơi chốn xa xôi, Argentina đang có trong tay lá bài tuyệt vời. Như vậy, trong khi chờ đợi chiến tranh lạnh trở nên tồi tệ hơn, Peron trở thành đại gia thu gom đồng nát. Ông ta lục lọi thùng rác châu Âu, tiến hành công cuộc tái chế vĩ đại: chèo lái lịch sử bằng những mảnh vụn của lịch sử. Peron mở cửa đất nước chào đón hàng nghìn vạn tên quốc xã, phát xít và những kẻ cộng tác với phát xít; những người lính, kỹ sư, nhà khoa học, kỹ thuật viên và bác sĩ; tội phạm chiến tranh được mời đến trang bị cho Argentina đập nước, tên lửa và nhà máy điện hạt nhân, biến Argentina thành siêu cường quốc.

14

Peron đích thân theo dõi sát sao để cuộc đào thoát lớn này diễn ra thuận lợi. Ở Buenos Aires, ông ta lập ra một cơ quan đặc biệt, Văn phòng thông tin, đứng đầu là Rudi Freude, con trai của người góp công quan trọng nhất vào chiến thắng của Peron trong cuộc bầu cử tổng thống năm 1946, Ludwig Freude, một chủ ngân hàng siêu giàu theo đảng Quốc xã, cổ đông của nhà xuất bản Durer; ông ta cử gấp một tên lừa đảo mắt xanh, cựu đại úy Carlos Fuldner của SS, tới Tây Ban Nha theo phe Franco, tới Thụy Sĩ rồi Italia, Roma và Genova, nơi Gregor lên tàu chạy trốn. Freude và Fuldner thiết lập các *ratlines*, lộ trình đào tẩu, và phối hợp các mạng lưới rút chạy, đó là những chuỗi phức tạp bao gồm nhiều nhà ngoại giao và công chức tham nhũng, cảnh sát mật và tu sĩ, những người xá tội cho các tội phạm chiến tranh, ví dụ như ra quyết định miễn tố. Cuộc chiến cuối cùng chống lại chủ nghĩa cộng sản vô thần đã bắt đầu.

Cuối những năm 1940, Buenos Aires trở thành thú đô của lũ sống thừa của đội quân áo đen bại trận. Những tên quốc xã, những kẻ nổi dậy người Croatia, những người theo chủ nghĩa dân tộc cực đoan Serbia, phát xít Italia, thành viên đảng Chử thập nhọn Hungary, lính đánh thuê Rumania thuộc đội cảnh vệ sắt, những người Pháp ủng hộ chính phủ Vichy, đảng viên *Rexist* Bỉ, đảng viên Phalange Tây Ban Nha, tín đồ Công giáo theo phái nguyên giáo chỉ, những kẻ giết người, tra tấn và xảo quyệt tụ hội ở đây: đúng là một chế độ ma Reich đệ tứ.

Peron rất ưu đãi những kẻ bất cần đời này. Tháng Bảy 1949, ông ta ân xá cho những người nhập cảnh bằng căn cước giả và vài lần tiếp đón họ ở Casa Rosada*.

Một đêm nọ, nhóm cấp cao trong số họ có hẹn trên một chiếc thuyền buồm neo ở cảng.

Đó là một đêm êm dịu tháng Mười hai, không trăng, có tiếng dây néo cột buồm kêu, gió bắc thổi bỗng bành; trên bờ, Gregor đi dọc theo những chiếc du thuyền, sau chân Sassen. “Nhân mã”, hai người thì thào vào tai con khi đột đang khám xét họ từng tí một với sự trợ giúp của ba tên đứng làm cảnh cũng to béo như vậy. Hai người đàn ông, một Hà Lan, một Đức, đi qua cây cầu phao làm bằng lớp ô tô *Falken* rồi bước vào boong tàu đầy khói thuốc và tiếng ồn ào bằng các thứ tiếng Trung Âu và Tây Ban Nha.

Sassen vui vẻ nhận cốc bia mà một phụ nữ mập mạp chìa cho ông ta, còn Gregor bằng lòng với một ít nước. “Anh gặp may đấy, Sassen rí tai hần, tối nay có nhiều ả ăn mặc sành điệu.” Ông ta chỉ cho hần một người đàn ông mặt khuất sau chòm râu dê và cặp kính tối màu gọng kim loại đen, “Ante Pavelic, lãnh đạo nhà nước của Croatia” (tám trăm năm mươi nghìn nạn nhân Serbia, Do Thái và Di gan), bị một loạt quân nổi dậy Croatia bao vây; “Simon Sabiani”, cựu “thị trưởng” Marseille, bị kết án tử hình vắng mặt ở Pháp, “và bạn bè của ông ta ở đảng Nhân dân Pháp PPF”; “Vittorio Mussolini”, con trai thứ của *Duce*, cùng với “Carlo Scorza”, cựu tổng thư ký đảng Phát xít; “Robert Pincemin”, người đã lãnh đạo lực lượng dân quân vùng Ariège; “Eduard Roschmann”, đồ tể Riga (sát hại ba mươi nghìn người Do Thái ở Latvia), “vẫn say xỉn như mọi khi”; nhà vật lý “Ronald Richter, sủng thần của tổng thống: ông ta hứa với tổng thống sẽ trở thành người đầu tiên thực hiện thành công phản ứng nhiệt hạch. Peron cho ông ta sử dụng một hòn đảo trên một cái hồ ở Patagonia để theo đuổi các nghiên cứu”. Rudel vẫn chưa có mặt nhưng chắc là sắp đến.

Gregor không quen ai cả, trừ Kops, Schwammberger và người đàn ông to cao mặc quần ngắn chơi golf đang nói chuyện với họ trước cửa sổ tàu, ngạc nhiên chưa, luật gia Gerhard Bohne, giám đốc phụ trách hành chính của chương trình an tử T4 (hai triệu người bị triệt sản, bảy mươi nghìn người tàn tật bị giết chết bằng khí ga), người mà hần đã gặp vài lần ở Auschwitz. Hần tiến đến chào họ khi cử tọa đang sững sờ. Bốn người đàn ông bước lên bục làm tạm, một đại tá Argentina, Fuldner và Freude con, “hai thiên thần hộ mệnh của chúng ta”, và một người khoảng bốn mươi tuổi mặc com lê ba

mảnh và thất nơ bướm, “kẻ ba hoa người Bỉ, Sassen cười, me xừ Pierre Daye”. Me xừ đang bắt đầu nói.

Vài tháng trước, Daye đã tham gia thành lập trung tâm các lực lượng dân tộc chủ nghĩa ở Buenos Aires, đó là một nhóm gồm các thành viên *rexis*, phát xít và quân nổi dậy Croatia nuôi tham vọng nghiền nát chủ nghĩa tư bản Mỹ và chủ nghĩa *bolchevik* Nga, và chiến đấu để các tội phạm chiến tranh bị bỏ tù ở châu Âu được hưởng ân xá “Kitô giáo”. Trước khi diễn ra Chiến tranh thế giới thứ ba, châu Âu lục địa không thể thiếu những chiến binh kỳ cựu như thế.

Daye nói về sự sa ngã nguyên thủy, việc Cain giết Abel và cuộc chiến huynh đệ tương tàn vĩnh cửu làm vấy bẩn xã hội loài người kể từ buổi Sáng Thế. “Chủ nghĩa duy vật đê hèn hiện diện ở nhiều quốc gia, hành động chối Chúa này chính là kẻ thù, chính là nguyên nhân mọi nỗi bất hạnh của chúng ta! tín đồ Công giáo sùng đạo này hùng hồn tuyên bố. Chúng ta phải đoàn kết các gia đình để chiến đấu thành công. Sẽ không có gì và không ai ngăn cản nổi bước chân khải hoàn của chúng ta khi mà chúng ta dung hòa được chủ nghĩa quốc xã và Cơ Đốc giáo...” Cử tọa huýt sáo và vỗ tay, Daye vui mừng nói tiếp bằng giọng mũi: “Tổng thống Peron tuyệt vời, người đem đến cho chúng ta tự do, đã coi việc kết thân này là nhiệm vụ của ông. Và chúng ta sẽ giúp Argentina trở thành đối trọng của Mỹ ở Nam bán cầu. Để bắt đầu, hỏi các bạn thân mến. Sắp tới Nga và Mỹ sẽ bước vào cuộc chiến sinh tử. Năm ngoái, cuộc phong tỏa Berlin suýt bị suy yếu. Hiện nay, tình trạng căng thẳng đang lan rộng trên khắp thế giới. Vậy nên, hãy kiên nhẫn, tương lai thuộc về chúng ta, chúng ta sẽ quay về châu Âu...”

Sassen kéo tay Gregor và bảo hấn lên cầu, ông ta có “hai ông bạn rất thân” muốn giới thiệu với hấn.

“Oberst* Rudel,” một bóng đen béo lùn lấm bầm.

“Malbranc,” một giọng nói khác vui vẻ hơn thì thầm.

Gerard Malbranc, cuối cùng cũng xuất hiện.

15

Đôi khi Gregor vẫn nằm mơ thấy mình bước lên tàu đi Hamburg, một con tàu chở đầy ngô đỏ và lạnh màu tím nhạt có lẽ sẽ đưa hăn tới gần Irene hơn. Từ một quán rượu ở cảng, hăn viết một lá thư cho cô, chẳng hề giống với hăn mọi khi, ngày Chủ nhật thứ ba của tháng trước Noel. Chưa bao giờ hăn hăng hái bày tỏ ngọn lửa tình nồng nhiệt của mình với cô như vậy, chưa bao giờ hăn nuôi tiếc vì thiếu vắng Irene và ôn lại kỷ niệm của họ nhiều đến nhường ấy, nghìn đêm yêu đương, mùa hè dâm loạn ở Auschwitz, những lễ Noel bên nhau khi hăn trở về từ mặt trận, Noel gần đây nhất trong khu rừng phủ đầy tuyết, ánh lấp lánh của những bông tuyết trên mái tóc vàng của cô, và một lần nữa hăn muốn cô đến với hăn, một lần nữa hăn năn nỉ cô vượt Đại Tây Dương. Để đáp lại bức thư, Irene gửi cho hăn một tấm ảnh của cậu con trai Rolf mặc quần ngắn bằng da, chúc mừng năm mới 1950, không ngôn từ hoa mỹ, và khuyên hăn nên mua một con chó cho đỡ cô đơn. Kỳ lạ thay, hăn lập tức làm theo, hăn mua cho mình một chú cún và đặt tên là Heinrich Lyons. Irene đã gợi ý cho hăn cái tên này trong thư, đó là tên của một cụ tổ người Mỹ, Harry Lyons mà hăn đã phiên âm sang tiếng Đức, quả là sáng tạo! Cái tên này còn đồng âm với tên của người lập ra thành phố Munich, Heinrich le Lion, hoàng thân thực dân, công tước xứ Bavière và Saxe, nay là con chó của Gregor.

Tuy nhiên, một tin vui bất ngờ đến từ Đức: Karl Thaddeus, người em trai sinh non chỉ kém hăn mười sáu tháng tuổi, người mà hăn luôn thầm căm ghét, đã chết vào dịp Noel. Gregor bước đi cao ngạo dưới mái hiên đầy nắng của một quán bia ở Florida và nghĩ về thời thơ ấu của hai anh em trong ngôi nhà lớn với những ô cửa sổ nhỏ tí như lỗ châu mai. Một hôm, Karl lấy trộm của Gregor chiếc tàu hỏa đồ chơi, rồi khi mẹ về, cậu em lại khóc nhè khiến hăn bị phạt. Bà Walburga độc đoán đã đánh và nhốt hăn trong tầng hầm. Karl luôn được phần thức ăn nhiều hơn trong bữa tối. Karl được đi cùng mẹ

đến các cửa hàng bánh ngọt ở Marktplatz. Thằng nhãi đều giả: hàng nghìn lần Beppo muốn nó chết đi, trong một trận hỏa hoạn hoặc tai nạn ô tô, nghìn lần hấn gặm nhấm nổi ghen tị trong khi ném những viên đá cuội vào lòng sông Danube, dòng sông chảy dọc Gunzburg và xuyên qua những cánh rừng ven thành phố. Giờ đây Karl đã đi gặp Walburga ở lò thiêu xác.

Trong lá thư báo tin người em trai đã chết, bố hấn cũng kể rằng quân Đồng minh tỏ ra “ngày càng biết điều hơn”. Từ vài tháng nay, họ ngừng truy tố tội ác chiến tranh và cho cựu nhân quốc xã giữ những vị trí quan trọng ở chính phủ và trong nền công nghiệp của nhà nước Cộng hòa liên bang non trẻ. “Họ dần hiểu ra ai là kẻ thù thực sự. Chiến tranh lạnh đã làm cho họ sáng mắt ra. Còn chúng ta, Josef ạ, chúng ta quên đi chiến tranh, chúng ta bắt tay vào công cuộc tái thiết và tiến bước. Chúng ta sẽ xem lão già ngớ ngẩn Adenauer sẽ chèo lái con thuyền như thế nào.”

Gregor ngồi không ở Florida vì hấn vừa mới dọn tới sống ở nhà Malbranc. Họ gặp lại nhau sau lần gặp trên cầu tàu *Falken*. Malbranc rồi rít xin lỗi: ông ta đi công tác quá nhiều, còn khi ở Buenos Aires, ông ta thường ở nhà ở Olivos nhiều hơn là ở nhà ở Florida, ở đó vợ ông ta cảm thấy dễ chịu hơn. Gregor không gặp may, hấn hấn đã tới và gọi điện không đúng lúc. Khi Malbranc đề nghị chuyển đến nhà ông ta, Gregor đồng ý ngay lập tức. Hấn rời bỏ khu ngoại ô buồn tẻ để đến sống ở biệt thự tuyệt đẹp, với một chiếc giường ấm áp, một căn phòng quang đãng, xung quanh là đài phun nước trong vườn, những chiếc bánh nhỏ, trứng và một bà giúp việc người Áo nấu ăn buổi sáng và tối.

Chủ nhà của hấn là người rất có vai vế: Malbranc, cựu điệp viên quốc xã từng giấu các máy phát sóng vô tuyến điện và mua vũ khí trong chiến tranh, giờ đây là một trụ cột của cộng đồng quốc xã ở Buenos Aires. Trong số khách thường xuyên đến chơi có Karl Klingenfuss, cựu quan chức ngoại giao cao cấp của vụ Do Thái thuộc Bộ Ngoại giao, Bubi vĩ đại (Ludolf von Alvensleben) bị kết án tử hình vắng mặt ở Ba Lan, cựu thượng sĩ nhất của Himmler, bạn của Herbert von Karajan, và Constantin von Neurath, con trai của một cựu Bộ trưởng Ngoại giao của Hitler. Fritsch và Sassen đến chơi bài

poker cùng với một kiến trúc sư đam mê âm nhạc và văn học cổ điển Đức, Frederico Haase. Ông ta cài một bông hoa cẩm chướng ở khuyết áo và rất thích Gregor.

Từ hầm mộ với các lối đi bí mật, Gregor đã tìm thấy đường đi của mình trong mê cung Buenos Aires.

16

“1950, năm Giải phóng,” Peron tuyên bố. *El líder** thể hiện mình là người tiếp tục sự nghiệp của San Martin, cha đẻ của nền độc lập của Argentina.

Ngày 25 tháng Sáu, chiến tranh Triều Tiên nổ ra.

Ngày 14 tháng Bảy, đến lượt Adolf Eichmann cũng đặt chân tới Buenos Aires với cái tên Ricardo Klement.

Ông ta nhanh chóng rời khỏi thủ đô. Fuldner đã tìm cho ông ta một công việc ở La Capri, một doanh nghiệp nhà nước chuyên xây dựng các nhà máy thủy điện ở vùng Tucuman.

Trong số những người bạn mới, Gregor quý nhất Uli Rudel. Tuy bị bắn rơi tới ba mươi hai lần, nhưng con đại bàng của mặt trận phía Đông luôn quay trở lại được với hàng ngũ Đức, dẫu Stalin đã treo thưởng một trăm nghìn rúp cho cái đầu của ông ta. Đó là cả một gia tài. Bị trúng một quả đạn phòng không và mất một chân vào tháng Hai 1945, Rudel lại bước lên chiếc máy bay ném bom Stuka của mình hai tháng sau khi phẫu thuật và còn hạ được hai mươi sáu chiếc xe tăng Xô viết trong tiếng còi hú inh ỏi trước khi phải đầu hàng quân Đồng minh ngày 8 tháng Năm 1945.

Khi người phi công cho hẳn xem chiếc huy chương Thập tự sắt hiệp sĩ có hình lá sồi, thanh kiếm vàng sáng chói mà ông ta là người duy nhất được nhận và do chính tay Hitler trao cho, Gregor nhìn ông ta với cặp mắt trẻ con: Rudel đúng là thuộc dòng giống các lãnh chúa. Mặc dù mang chân giả, ông ta vẫn chơi tennis và vừa mới leo Aconcagua, đỉnh núi cao nhất châu Mỹ. Ông ta là hậu duệ của các hiệp sĩ Teuton mà những truyền thuyết về họ được Beppo tô vẽ thêm trước ngọn lửa mừng ngày hạ chí khi hẳn mới mười sáu, mười bảy tuổi, đứng đầu một chi nhánh địa phương của phong trào thanh niên dân tộc chủ nghĩa và bảo thủ Grossdeutsche Jugendbund. Rudel là một chiến binh Đức, giống như Gregor vẫn thường tự coi mình như thế và Rudel cũng có vẻ quý mến hẳn cho dù sự nghiệp của hẳn khá khiêm tốn. Dù thế nào đi nữa, Gregor cũng chỉ là một đại úy SS: ông đại tá sẵn lòng gặp hẳn ở quán ABC khi ông đi qua Buenos Aires.

Mỗi lần gặp nhau, hai sĩ quan quốc xã trò chuyện rất lâu. Họ không uống rượu và lập luận theo các phạm trù số học, chia sẻ những nỗi cay đắng giống nhau trong chuyện tình cảm - vợ của Rudel đòi ly hôn trước khi ông ta đi Argentina; cùng có quan điểm ghê tởm nước cộng hòa Weimar “suy thoái” và “vô đạo đức” từ khi họ còn trẻ; cùng có niềm tin rằng nước Đức đã bị đâm từ sau lưng năm 1918; cùng hoàn toàn tôn sùng dân tộc Đức, dòng máu

Đức. Chiến đấu, tất cả đều là chiến đấu: chỉ những người giỏi nhất mới sống sót, đó là quy luật thép của lịch sử, kẻ yếu và kẻ không xứng đáng phải bị loại bỏ. Khi được thanh lọc và xiết chặt kỷ luật, nước Đức là cường quốc lớn nhất thế giới.

Ngồi cùng bàn với người phi công anh hùng đó, Gregor ca ngợi quá khứ là lính sinh học* của chính mình và không giấu giếm gì cả. Mengele đã vứt bỏ mặt nạ Gregor. Là bác sĩ, hẳn đã chăm lo đến giống nòi và bảo vệ cộng đồng chiến đấu. Hẳn đã chiến đấu ở Auschwitz chống lại sự tan rã và kẻ thù bên trong, những người đồng tính và không thích nghi với đời sống xã hội; chống lại người Do Thái, những vi sinh vật từ hàng ngàn năm nay đã khiến chủng người Bắc Âu biến mất: cần phải tiêu diệt chúng, bằng mọi cách. Hẳn đã hành động như một người có đạo đức. Bằng việc cống hiến hết sức mình vì sự trong sạch và phát triển của sức sáng tạo của dòng máu thần thánh, hẳn đã hoàn thành nghĩa vụ của một sĩ quan SS.

Rudel hấp dẫn Gregor bởi vì ông ta đã đạt được thành công tuyệt diệu. Là cố vấn của Peron, ông ta đảm trách việc thiết kế chiếc máy bay tiêm kích phản lực đầu tiên của Nam Mỹ, *Pulqui*, cùng với Kurt Tank, một kỹ sư hàng không thiên tài cũng chạy khỏi nước Đức. Ông ta kiếm được những khoản tiền khổng lồ với tư cách người trung gian giữa không quân và nhiều nhà công nghiệp khổng lồ của Đức như Daimler-Benz, Siemens, nhà sản xuất thủy phi cơ Dornier, và nhờ những giấy phép nhập khẩu mà Peron hào phóng cấp cho ông ta. Được tự do đi lại, Rudel chu du từ nơi này sang nơi khác, từ châu Âu sang Nam Mỹ, giữa tất cả những điều phiền phức, giữa các mạng lưới giúp tội phạm đào thoát, như Odessa, Ecluse, Araignee. Là người đồng sáng lập *Kamerademwerk* cùng với von Neurath, một tổ chức chuyên gửi đồ và trả phí tư vấn luật sư cho những người đồng đội đang bị giam giữ tại Đức, Rudel trở thành thống soái của quân quốc xã lưu vong.

Rudel che chở cho Gregor và cảnh báo: không đụng chạm vào kho báu quốc xã, không bao giờ đặt câu hỏi với bất kỳ ai.

Về kho báu nổi tiếng này, nhiều tin đồn thất thiệt tràn lan khắp Buenos Aires. Không lâu trước khi chiến tranh kết thúc, Martin Bormann, thư ký

văn phòng Thủ tướng của Hitler, có thể đã vội vã gửi tới Argentina những máy bay và tàu ngầm chứa đầy vàng, đồ trang sức và các tác phẩm nghệ thuật lấy cắp của người Do Thái: chiến dịch Đất lửa. Rudel có thể là một trong những người hộ tống số chiến lợi phẩm đặt trong nhiều tài khoản mang tên Eva Duarte. Sau đám cưới, Peron có lẽ đã chiếm được vàng của quân quốc xã, giúp vợ ông ta tài trợ cho quỹ của bà. Gần đây, thi thể của hai chủ ngân hàng bị nghi ngờ quản lý kho báu này đã được tìm thấy trên đường phố Buenos Aires.

“Nếu không, điều gì cũng có thể xảy ra ở Argentina, Rudel nói với Gregor. Anh biết phương châm của tôi chứ? Chỉ có người bỏ rơi chính mình mới thất bại.”

18

Thế là Gregor được tự do. Như đã thống nhất với cha và Sedlmeier, những người vẫn tiếp tục tiếp tế hắn, Gregor sẽ đại diện cho doanh nghiệp của gia đình ở Argentina, thăm dò những thị trường máy móc nông nghiệp khổng lồ ở Nam Mỹ. Rudel khuyến khích và đưa hắn tới Paraguay bằng máy bay riêng với ý tưởng liên kết: ở đất nước này có nhiều trang trại của người Đức, trong đó có Nueva Germania, một trong số những trang trại lâu đời nhất, do Elisabeth Nietzsche thành lập - bà chính là em gái của triết gia Friedrich Nietzsche và là một người bài Do Thái quyết liệt. Miền Đông Nam Paraguay đầy những đồng cỏ màu mỡ, xe cút kít, máy gặt đập, máy rải phân bón nhà Mengele có lẽ rất cần thiết ở đây. Mà vùng đất này rất an toàn, Rudel có nhiều bạn bè đã tham gia thành lập đảng Quốc xã đầu tiên ngoài Đức tại Villarrica năm 1927.

Sassen cũng quan tâm tới anh bạn bác sĩ. Ông ta đề xuất với hắn một công việc phi pháp không thường xuyên, tinh tế hơn nhưng trong khả năng của hắn và được trả tiền hậu hĩnh: giúp mấy cô tư sản phóng túng giải quyết êm thấm tội lỗi của họ ở Buenos Aires thay vì sinh nở ở một thành phố xa xôi và bỏ đứa trẻ sơ sinh vào trại mồ côi. Nạo phá thai là một tội bị trừng trị nặng nề ở đất nước Argentina theo Công giáo, nhưng Gregor chấp nhận. Hắn đã lấy về chiếc va li nhỏ đựng tiêu bản và dụng cụ y tế (dao mổ, lưỡi lam, kẹp gắp) từ khi chuyển đến ở nhà Malbranc. Giúp đỡ những gia đình đáng trọng vọng nhất, tại sao lại phải từ chối? Hắn thấy ngứa tay, cuối cùng thì đôi bàn tay hắn sẽ lại được tiếp tục làm nghề y sau những năm tháng làm công việc chuyển hàng và làm ở trang trại.

Cuối năm 1950, đám tàn dư phát xít ở Buenos Aires cảm thấy tương đối thoải mái. Chiến tranh thế giới thứ ba năm trong tầm pháo, Peron theo dõi sát sao các máy điện báo, một ngón tay đặt trên cò súng, khi đó, chiến tranh đang leo thang ở Triều Tiên. Tổng thống Truman hứa sẽ sử dụng tất cả kho

vũ khí quân sự Mỹ để ngăn chặn Bắc Triều Tiên tấn công xuống miền Nam, tướng MacArthur thắt chặt vành đai phóng xạ cobalt giữa Hoàng Hải và biển Nhật Bản để ngăn cản Trung Quốc và Liên Xô tiến vào vùng chiến sự.

Trong lúc chờ đợi giấc mơ đế chế của Peron trở thành hiện thực, Gregor và những người bạn mới sống rất xa hoa. Giày cao cổ bóng loáng, tóc vuốt keo, Haase và Gregor có mặt ở buổi diễn các vở opera *Tristan* của Wagner, *Carmen* của Bizet, ở Colon, nhà hát đẹp nhất thế giới theo lời Clemenceau. Ông kiến trúc sư và tay bác sĩ mê kịch ăn tối ở quán café Tortoni hoặc Castelar và trong khi ăn miếng bít tết loại hảo hạng, họ cùng trò chuyện về cái tao nhã của âm nhạc Đức, thứ âm nhạc ôm trọn tất cả các giác quan và dần đạt đến vô tận. Vốn yêu thích những buổi tạp diễn Mexico, Sassen thỉnh thoảng dẫn ông bạn và Fritsch tới quán rượu hoặc tới Fantasio ở Olivos, sàn nhảy ưa thích của ông ta, điếm đến thường xuyên của các nhà sản xuất và các nữ diễn viên. Trò chơi nhập vai: Fritsch trả tiền, Gregor ngắm nhìn những nàng tiên cá với mái tóc của dân da đỏ, Sassen uống rượu, nhảy, sờ soạng những *yeguas* - ngựa cái - và các *potrancas* - ngựa cái non -, trong lúc vợ và các con gái của ông ta mòn mỏi chờ đợi ở nhà. Mỗi tuần hai lần, vào thứ Tư và thứ Bảy, Gregor tới gặp một *lechera*, gái “thối kèn” ở một câu lạc bộ ở Corrientes, cũng theo gợi ý của Sassen. Gregor cấm những ả dễ bảo này đụng vào da thịt của hắn, chỉ dương vật thôi, không được hôn, không cử chỉ thân mật nào, hắn trả tiền, xuất tinh và ra về.

Khi trời quá nóng ở Buenos Aires, họ đi nghỉ cuối tuần trên đồng cỏ, ở nhà của Dieter Menge, một cựu phi công, bạn của Rudel, ông này giàu lên nhờ tái chế sắt vụn và sở hữu một đồn điền rộng lớn, xung quanh trồng bạch đàn và cây keo. Một pho tượng bán thân của Hitler đặt trong vườn, một chữ thập ngoặc bằng đá granit trang trí đáy bể bơi. Ở nhà Menge, dạ hội triền miên, không khí trong lành, mọi người thân thiết với nhau vì đều đã từng cầm súng, từng trải qua lửa đạn, đã vững vàng. Tàn quân quốc xã mặc áo sơ mi uống bia và rượu *schnaps*, nướng những miếng thịt bò, nguyên một con lợn sữa, ợ lên và chuyện trò về tổ quốc xa xôi và về chiến tranh, Gregor ít tham gia câu chuyện, nhưng Sassen thì cực giỏi nói, ông ta hăng say bắt chước tiếng súng cối và tiếng rú của đạn, gọi lại những cơn binh lửa, kỷ

niệm về những khuôn mặt đen sì và những bộ quân phục rách rưới của các sư đoàn của Stalin ở Siberia. Ngày 20 tháng Tư hằng năm, Mengele và đồng bọn của hắn tổ chức rước đuốc mừng sinh nhật *Fuhrer*. Thịnh thoàng, Rudel dẫn tới một người vừa chân ướt chân ráo đặt chân lên miền đất hứa. Trong số đó có Wilfred von Oven, cựu cộng sự thân cận của Goebbels, hay một người khách vắng lai nổi tiếng, như viên sĩ quan SS với vết sẹo dài Otto Skorzeny, người mà sau khi tiêm ma túy đá đã dùng một chiếc tàu lượn giải cứu được Mussolini đang bị quản thúc ở vùng Abruzzo sau khi quân đồng minh đổ bộ vào miền Nam Italia. Sau khi chuyển sang buôn bán vũ khí trái phép, Skorzeny cho là đã quyến rũ được Evita lúc cô ở Tây Ban Nha trong chuyến đi cầu vòng, “bà Peron cũng là một con lợn bản thiu”, ông ta lớn tiếng tuyên bố: Fritsch cười khẩy, Sassen nâng cốc chúc mừng chế độ Reich và Argentina, nơi tàn quân quốc xã có cuộc sống rất dễ chịu.

Giữa tháng Ba 1951, Mengele mời lũ man rợ tới đồn điền. Rudel, Malbranc, Fritsch, Bohne, Sassen, Haase cùng đến mừng sinh nhật tuổi bốn mươi của ông bạn Gregor. Họ có một món quà cho hắn. Một bức tranh khắc huyền thoại của Durer: Hiệp sĩ, Thần Chết và Quý dũ.

19

MacArthur bị cách chức chỉ huy ở Viễn Đông, mặt trận này dần ổn định. Peron bực tức, kế hoạch thoát khỏi thời đại nhân mã và Chiến tranh thế giới thứ ba bị lùi lại. Những tham vọng to lớn của ông ta nay còn phải xem cuộc tái bầu cử có thành công không. Vì vậy, ông ta củng cố chế độ của mình: cấm vu khống chính quyền, kiểm duyệt các tờ nhật báo chính, đóng cửa báo *La Prensa*, thu hồi và biến nó thành cơ quan của Tổng Liên đoàn Lao động. Quân số tăng gấp đôi, tuyên truyền được đẩy mạnh; những kẻ ly khai bị tống vào tù, một số nghị sĩ phải tị nạn ở Montevideo. Và Peron đưa người phụ nữ của hy vọng vào để đảm bảo cho mình chiến thắng to lớn nhất: ông ta đề nghị vợ mình trở thành phó tổng thống trong nhiệm kỳ sắp tới.

Mỗi ngày lại một hàng dài người vô tận chờ Evita ở Bộ Lao động và trước tổ chức của cô, ngân sách của tổ chức đã tăng gấp mười lần. Người ta đánh nhau để nói vài câu với cô hoặc chỉ để bắt gặp ánh mắt của cô. Sượt qua tay cô giống như chạm vào mình đức Kitô, cô là vị nữ thần hào hiệp nhất: chưa bao giờ Evita tặng nhiều nhà cửa, thuốc men và quần áo cho người nghèo ở Argentina đến thế, chưa bao giờ cô hy sinh nhiều đến thế, như thế cuộc sống của cô đang được đếm từng ngày, cô không ngủ nữa và năng nổ hoạt động trên tất cả các mặt trận, như thế chế độ đang bị đe dọa, cô cho cất giấu vũ khí và dự định lập một lực lượng dân quân lao động để phục vụ cho cô.

Buenos Aires tràn ngập áp phích với hình ảnh Evita. Trên cột tháp ở đại lộ 9 Tháng Bảy, những chiếc băng rôn cực lớn kêu gọi bỏ phiếu cho “Peron-Eva Peron, công thức của tổ quốc” được treo lên.

Ngày 22 tháng Tám 1951, hàng trăm nghìn người Argentina với huy hiệu Peron trên ve áo cùng tiến về đại lộ lớn nhất thế giới, nơi vợ chồng Peron chính thức tuyên bố tranh cử. Lẫn trong biển người, Rudel và Gregor dán chặt mắt lên khán đài, hướng về phía Peron dáng vẻ thoải mái, đầu tóc bóng

mượt, khoanh tay trước ngực. Bỗng có tiếng la ó inh tai: Evita xuất hiện. Cô hôn gió những người trung thành đang quỳ và khóc, tung giấy màu từ các ban công xung quanh, trong khi những bó đuốc, cờ, khăn tay và pháo bông chào đón thần tượng cứ như đang ở sân vận động.

Khi Tổng Thư ký Tổng Liên đoàn Lao động đề nghị đám đông đề cử Evita làm ứng viên phó tổng thống, cô nép mình vào vòng tay của *el líder*, ấp úng và xin bốn ngày để suy nghĩ. Thất vọng. Đám đông nhao nhao. Evita năn nỉ: “Một ngày được không?” Đám đông không bằng lòng. Evita van nài: “VẬY THÌ VÀI GIỜ NHÉ?” Không được. Trong mười tám phút, đám đông đồng thanh hô vang tên cô và *ahora, ahora*, ngay bây giờ! Evita ngập ngừng, thốn thức, và nói cô sẽ thông báo quyết định của mình ngay tối nay, qua đài phát thanh.

Rudel và Gregor ra về, trò đùa kéo dài quá đủ rồi. Tiếng trống *bombos* khiến họ vỡ tai; đám công nhân cặn bã da đen *negrada* ở ngoại ô Buenos Aires vây quanh họ khiến họ ghê tởm: không ai có thể tưởng tượng ra một rạp xiếc như thế này dưới thời của *Fuhrer*. Cuộc mít tinh giống với trò hề độc tài của Peron, hai tên quốc xã tự nhủ, còn với người Argentina, “những ông hoàng của kịch tâm lý vâng lệnh nhưng không thực hiện. Ai không biết nghe lời thì sẽ không bao giờ biết chỉ huy”.

Cuối cùng cũng thoát ra khỏi đám đông, Rudel kể với Gregor một tin đồn tuyệt mật: Evita có thể đang bị bệnh, thậm chí bệnh rất nặng. “Nếu đúng như thế thì ông bạn của chúng ta sẽ thất bại.”

Chủ nghĩa công bằng Peron không giữ lời hứa. Vía hè ở trung tâm Buenos Aires vẫn bị sụt lún; tàu hỏa chạy không đúng giờ; Peron vung tay chi tiền và chém gió; ở Patagonie, Richter đã lừa ông ta, ngốn hết hàng trăm triệu peso mà không sản xuất nổi một watt điện hạt nhân; nền kinh tế Argentina chao đảo và chỉ làm mấy thứ chối cùn rế rách: Rudel và Gregor nhận thấy ở đây ảnh hưởng tai hại của Cơ Đốc giáo. Peron hành động không đủ tàn nhẫn bởi vì ông ta bị những điều ngu ngốc của Cơ Đốc giáo Do Thái cản trở, đó là sự đồng cảm và lòng thương hại, mọi hình thức của thuyết đa cảm mà chủ nghĩa quốc xã đã thoát ra được.

Gregor khinh bỉ bè đảng nửa Công giáo, nửa phát xít vây quanh *el líder*, toàn người yếu đuối và hổ không răng, ví dụ như Daye, con người khoác lác quả quyết rằng mình đã uống trà cùng Hitler và quốc vương Iran. Phong trào thống nhất nhân dân quốc tế của hãn chỉ là lời nói phét. Dự đoán của hãn về Chiến tranh thế giới thứ ba chỉ là ảo tưởng của con nít. Hiện tại, Daye đang sa sút tinh thần và viết hồi ký, con trai của Mussolini chuyển sang làm trong ngành dệt, còn Sabiani, cựu thị trưởng Marseille, nhấn chìm nỗi cô đơn của mình trong rượu. Trước đó vài tuần, nhận được tin thống chế Pétain chết, họ cùng tập trung lại để tổ chức tang lễ ở giáo đường Buenos Aires.

Với những con người này, mọi chuyện đã kết thúc. Họ quay về quá khứ, còn quân quốc xã ở Buenos Aires hướng tới tương lai.

Nước Đức.

20

Họ có tham vọng tái chiếm nước Đức. Những người trong nhóm Durer không tin vào “nền dân chủ” mà quân Đồng minh áp đặt. Tổ quốc mà họ ngưỡng mộ không thay đổi nhờ chiếc đũa thần, không thể nào. Họ theo dõi tin tức thời sự và bàn luận trong tờ tạp chí của mình, số lượng bản in tạp chí này không ngừng tăng lên cho dù bị kiểm duyệt và cấm đoán. Họ biết rằng đồng bào họ vẫn luôn nhớ tới đế chế Wilhelm và những năm đầu tiên của chế độ Reich, rằng họ không tin vào những việc “tàn bạo” ở các trại tập trung và rằng họ đã kêu gào đòi báo thù những người chiến thắng sau những phiên tòa ở Nuremberg. Họ tin chắc rằng người Đức không lên án chủ nghĩa quốc xã. Chẳng phải họ đã bầu ra chế độ và biểu quyết tán thành việc đi chinh phục ngoại bang bằng số phiếu áp đảo đó sao? Chẳng phải họ đã tôn thờ *Fuhrer* sao? Gregor kể với Fritsch, Sassen và Rudel về lòng nhiệt tình của các giáo sư đại học và bác sĩ trong những năm 1930, về niềm hân hoan của họ khi thoát khỏi chòm râu già nua ra vẻ nhân đạo, về khao khát thực hiện các thay đổi triệt để nhất, về sự phổ biến của thuyết Darwin xã hội và công cuộc thanh tẩy chủng tộc phổ biến trong khắp các tầng lớp, về tình trạng bóc lột tù nhân do các ông lớn của nền công nghiệp thực hiện trong các trại tập trung, về những người làm chuột bạch trong các phòng thí nghiệm dược phẩm, về việc nhổ răng vàng và gửi về ngân hàng trung ương Đức Quốc xã hằng tháng.

Tất cả mọi người đều được hưởng lợi từ chế độ cho tới khi đất nước bị tàn phá vào những năm cuối của chiến tranh. Không một ai phản đối khi người Do Thái quỳ mọp lau rửa vỉa hè và không một ai nói gì khi họ dần biến mất chỉ trong một sớm một chiều. Nếu cả hành tinh không liên minh với nhau để chống lại nước Đức thì chủ nghĩa quốc xã sẽ vẫn cầm quyền.

Những người trong nhóm Durer tin rằng quốc xã sẽ sống lại. Họ coi khinh thực tại tầm thường của đời sống tư sản mới mà họ đang sống ở nơi tận cùng

thế giới, không cam phận chăm lo cho công việc và chăm chút cho đám bồ nhí của mình. Thất bại đã làm gián đoạn sự thăng tiến rất nhanh chóng của họ. Thế là ở tuổi ngoài ba mươi, Fritsch, Sassen và Rudel quyết định tiếp tục cuộc chiến. Họ phải hành động nhanh chóng, tổ quốc đang lâm nguy, Adenauer bán Tây Đức cho Mỹ và sáp nhập vào khối Tây Âu, còn Đông Đức bị Liên Xô cướp bóc.

Họ lưỡng lự. Từ Argentina khó mà đánh giá được tương quan lực lượng, cũng khó thu xếp. Liệu họ có phải thành lập một chính phủ lưu vong? Xúi giục một cuộc cách mạng ở Đức? Đảo chính lật đổ Adenauer? Những kẻ mưu phản quyết định đi theo con đường do Hitler vạch ra hai mươi năm trước: tham gia trò chơi chính trị, thiết lập các liên minh, giành chính quyền bằng bỏ phiếu. Cuộc bầu cử liên bang sắp tới sẽ diễn ra vào tháng Chín 1953, Rudel được chỉ định, người Đức không quên các chiến công của ông ta.

Mùa hè 1952, người phi công này đã trở về thiết lập quan hệ đối tác với các thành viên quốc xã của đảng Xã hội Reich. Bối cảnh dường như có lợi cho những mưu đồ của nhóm Durer, bởi vì một vụ tai tiếng nổ ra ở Đức vào tháng Chín: trong khuôn khổ Hiệp định Luxembourg, "*rabbi** Adenauer", như Rudel thường nói, thừa nhận người Đức có tội và cam kết Cộng hòa Liên bang Đức sẽ trả hàng tỉ đô la phục hồi Israel và bồi thường người Do Thái. Một tháng sau, tay thủ tướng đó đã thành công trong việc yêu cầu ra lệnh cấm đảng Xã hội Đức hoạt động: Rudel trở lại Buenos Aires và xin ý kiến các đối tác. Ông ta lại nhanh chóng quay về Đức khi được đảng Đế quốc, một tổ chức dân tộc bảo thủ, trao quyền lãnh đạo. Nhưng mất đi phép màu kinh tế, nhóm Durer đã sai lầm. Thay vì nuôi tiếc chế độ quốc xã, người Đức thích đi nghỉ ở Italia hơn. Cùng một thứ chủ nghĩa cơ hội tưng thôi thúc họ phục vụ chế độ Reich nay lại khiến họ quay sang nền dân chủ: người Đức dễ cúi đầu và trong cuộc bầu cử 1953, đảng Đế quốc bị thổi bay.

21

Khi Gregor phát hiện ra ông bạn Rudel quý báu đang thất vọng, hẫng đang nhai một viên kẹo hạnh nhân, nằm dài trên chiếc ghế da màu hạt dẻ trong phòng khách rộng mênh mông của căn hộ mà hẫng chuyển tới vài tháng trước, ở tầng ba, số nhà 431 phố Tacuari, ngay trung tâm Buenos Aires. Hẫng không tiếc lời khuyên cho bạn bè trong nhóm Durer nhưng bằng lòng với việc đôi theo mưu đồ của họ từ xa. Thực ra, hẫng chưa bao giờ quá quan tâm đến chính trị, ngay từ khi còn bé, cho dù nghĩ là yêu nước Đức và trung thành với chủ nghĩa quốc xã, nhưng hẫng bao giờ cũng chỉ nghĩ đến mình, hẫng bao giờ cũng chỉ yêu mình hẫng. Với Gregor khôn khéo, ở thời điểm cuối năm 1953, mọi việc đều ổn, thậm chí ngày càng tốt hơn. Chẳng có gì là quan trọng khi đất nước Argentina vẫn còn khóc thương Evita chết vì bệnh ung thư cổ tử cung, và chìm trong nghèo đói, có gì quan trọng đâu khi Adenauer đã ngăn chặn được những mưu đồ của đám bạn bè lưu vong của hẫng, vì điều cốt yếu được đảm bảo. Hẫng đã chiếm được cảm tình của bạn bè cùng cảnh ngộ và công việc của hẫng đang tiến triển tốt: Gregor vui chơi và làm giàu.

Hẫng điều hành một xưởng mộc và một xưởng sản xuất đồ nội thất được nguồn vốn vô tận của gia đình đài thọ, làm công việc mạo hiểm bí mật và quảng bá sức mạnh huyền thoại của máy nông nghiệp hiệu Mengele với các chủ trang trại ở tỉnh Chaco và tỉnh Santa Fe. Gia đình hẫng đầu tư vào Nam Mỹ, và người thân hẫng lần lượt đến Buenos Aires: em trai Alois và vợ, ông bạn trung thành Sedlmeier đến nhiều lần, rồi ông Karl cha đáng gờm, theo chế độ quốc xã khi cần thiết vào tháng Năm 1933, giờ đây là phó thị trưởng trung lập của Gunzburg. Ông Karl đến khiến Gregor lo lắng. Bố hẫng luôn ca cẩm về cuộc hôn nhân của hẫng với “con ả Irene” và vì hẫng không tham gia vào doanh nghiệp đang ăn nên làm ra mà ông đã gây dựng từ hai bàn tay trắng, doanh nghiệp này có hơn sáu trăm nhân viên khi ông đi thăm con trai cả của mình.

Ở nhà Gregor, ông Karl ngắm nghía bức tranh khắc của nhóm Durer hồi lâu và vuốt ve Heinrich Lyons, “con chó được huấn luyện tốt”, và chỉ thế thôi. Không tình cảm nồng ấm, dạt dào nào cả. Trung thành với bản thân mình, người hiệp sĩ công nghiệp này dành tất cả năng lượng cho công việc, ở Buenos Aires cũng như ở Gunzburg. Gregor làm phiên dịch khi ông gặp gỡ các doanh nhân Argentina, nhưng không tiết lộ hẳn là con của ông, và giới thiệu ông với một số bạn bè quan chức cấp cao của hẳn. Hẳn tự hào giới thiệu cho ông Klingenfuss, cựu quan chức ngoại giao công tác ở Vụ Do Thái của Bộ Ngoại giao, có vai vế trong phòng Thương mại Đức-Argentina hiện tại, và von Neurath, tân giám đốc chi nhánh Argentina của hãng Siemens. Một liên kết đối tác được thiết lập với Orbis, một doanh nghiệp sản xuất bếp và lò ga đầy hứa hẹn, đứng đầu là Roberto Mertig, một tên quốc xã ở Dresden. Thành công và lòng yêu nước của Mertig, với toàn bộ nhân viên là người Đức, khiến ông Mengele rất ngưỡng mộ. Khi chia tay, hai bố con hứa sẽ sớm gặp lại nhau, ở châu Âu, ai mà biết được?

Paraguay là một mảnh đất kinh doanh nữa của gia đình Mengele. Theo ý của bố hẳn, càng ngày Gregor càng ở lại đó lâu hơn cùng với Rudel người đã lấy lại được tinh thần sau thất bại trong cuộc bầu cử bằng cách leo núi lửa Lullaillaco, và vợ chồng Haase: người vợ Paraguay của kiến trúc sư mê âm nhạc này là con gái Bộ trưởng Tài chính của tướng Stroessner, người đứng đầu đất nước từ sau cuộc đảo chính tháng Năm 1954.

Mang theo Heinrich Lyons và tập catalogue máy móc nông nghiệp, Gregor đi khắp các miền quê xanh tươi của hòn đảo bao quanh là đất liền, những khu rừng cọ, cao nguyên trơ trụi của vùng Chaco rộng lớn, những cánh đồng chè và bông; hẳn ghé thăm những người chăn nuôi gia súc, cộng đồng giáo phái Mennonite và con cháu của những người tiên phong nhiệt huyết xứ Nueva Germania. Hẳn thiết lập được nhiều mối quan hệ quý giá trên khắp đất nước. Haase giới thiệu cho hẳn Werner Jung, cựu lãnh đạo hội Thanh niên Quốc xã Paraguay, và nhờ có Rudel, hẳn trở thành bạn của Alejandro von Eckstein, nam tước người Bait sống lưu vong, đại úy trong quân đội của Stroessner và đồng đội của nhà độc tài. Trong những năm 1930, họ cùng nhau đánh bại quân đội Bolivia trong một cuộc chiến vô

nghĩa trên sa mạc, vô nghĩa bởi vì ngược lại với luận điệu của Bộ Tổng tham mưu, vùng Chaco không có lấy một giọt dầu mỡ nào.

Gregor nghĩ rằng Paraguay sẽ là một nơi ẩn náu tốt nếu Argentina sụp đổ. Peron đã suýt mất mạng trong một vụ tấn công vào tháng Tư 1953, tình hình trở nên xấu đi, lạm phát bùng nổ, công nhân ở các nhà máy luyện kim bãi công, tiền lương giảm sút. Giống như một cậu bé điều khiển máy bay, *el líder* nhấn cần lái của nền kinh tế Argentina tùy theo tâm trạng thất thường của mình. Sau khi Evita chết và được ông ta ướp xác, Peron bị mất phương hướng. Trong dinh thự ở Olivos, ông ta ăn lấy ăn để món bánh nhân thịt *ravioli* và thường xuyên đón tiếp những cô gái rất trẻ và dạy họ lái *mobylette*. Bạn gái mới Nelly của ông ta mới mười ba tuổi; khi cô bé ngoan ngoãn, ông ta cho cô đeo nữ trang của Evita. Báo chí đồn ông dan díu với Gina Lollobrigida, còn Giáo hội lúng túng vì những cuộc vui trác táng của tổng thống. Tất cả mọi người đặt cho ông ta biệt danh là *el Pocho*, lão béo.

Chính Gregor cũng nhận thấy điều này, Peron có những bọng mỡ xấu xí dưới mắt. Trong cuộc gặp ngắn ngủi mà tổng thống dành riêng cho ba người, khi Sassen và Rudel cuối cùng phải giữ lời hứa, tổng thống xử sự như thể không có chuyện gì xảy ra, chơi đùa với lũ chó xù trong khi ba tên quốc xã đầy lòng ngưỡng mộ đang lặng ngấm ông ta. Ông ta chỉ nói vài lời với Gregor. Ông của ông ta là bác sĩ và ông ta có lẽ cũng từng theo học ngành y, nhưng vì niềm hạnh phúc lớn của người Argentina, bàn tay của Thượng đế đã dẫn ông ta tới trường quân sự. Peron đuổi họ ra về sau một cái khoát tay mạnh, sừng thần mới của ông ta xuất hiện, đó là Tommy, một tay lang băm người Mỹ.

22

Nhờ luôn ăn mặc lịch sự và hay bông đùa, Gregor có được tiếng tăm tốt trong cộng đồng người Đức ở Buenos Aires. Được coi là thước đo trí tuệ, hẳn thường làm câu nói của mình có trọng lượng bằng danh ngôn của Fichte và Goethe. Phụ nữ ca ngợi thái độ lịch thiệp gần như trịnh trọng và văn hóa Đức đặc sắc của hẳn. Trong cộng đồng, chỉ có một người duy nhất mà nét duyên của hẳn vô dụng. Một hôm, Sassen đã giới thiệu người đó với Gregor khi hẳn đang ăn trưa ở quán ABC, trong căn phòng quen thuộc, dưới huy hiệu của vùng Bavière. Khi chào cái thứ người nhẵn túi và ăn mặc xộc xệch ấy, hẳn đã biết ngay rằng không thể chơi được. Bàn tay của Ricardo Klement ẩm ướt, ánh mắt nhìn chếch sau cặp kính dày cộp đeo trễ.

Hôm đó, Sassen không thể không tiết lộ cho hai người thân phận thật của họ. Adolf Eichmann, giới thiệu với ông đây là ông Josef Mengele; Josef Mengele, đây là ngài Adolf Eichmann. Với Adolf, cái tên của Josef không nói lên gì cả. Kẻ chủ chốt của thảm họa diệt chủng Holocauste từng gặp hàng trăm hàng nghìn đại úy, bác sĩ SS. Mengele là người thực hiện những công việc cấp thấp, một con muỗi trong mắt Eichmann, người khiến hẳn cảm nhận được điều này ngay trong lần gặp mặt đầu tiên, vì y nhắc lại cho hẳn về hành trình chói lọi của mình trên đỉnh cao của bí mật Reich đệ tam, về uy lực y có được nhờ công việc mình đảm trách, uy lực nghiền nát mọi thứ, về quyền hành của y. “Tất cả mọi người đều biết tôi là ai! Những người Do Thái giàu có nhất phải hôn chân tôi để được sống.”

Trước khi tới Argentina, Eichmann cũng ẩn náu trong một nông trang ở miền Bắc nước Đức. Ở đó, y trồng rừng và nuôi gà. Sau đó, ở Tucuman, y đứng đầu một đội đo đạc và trắc địa của Capri, một doanh nghiệp nhà nước do Peron thành lập để tái sử dụng quân quốc xã và xây dựng các nhà máy thủy điện tùy tình hình cho phép. Năm 1953, Capri phá sản; Eichmann cùng

vợ và ba con trai chuyển đến sống ở Buenos Aires, phố Chacabuco, khu Olivos.

Gregor tìm mọi cách tránh gặp nhà Klement nhưng từ khi chuyển đến sống cùng khu vào đầu năm 1954 trong một ngôi nhà đẹp kiểu Hồi giáo có vườn, số 1875 phố Sarmiento, hẳn hay gặp họ, nhất là bọn trẻ con lúc nào cũng ăn mặc lố lăng như đi chăn bò, cứ như trong ngày hội hóa trang vậy. Eichmann là một tên dị hợm được mời tới họp trên tàu *Falken* và đi nghỉ ở vùng quê nơi Menge sống, cộng đồng quốc xã dường như bị vầng hào quang quý dữ của y mê hoặc. Khi Sassen nói chuyện với y, người ta nói rằng Sassen đang cùng lúc nói chuyện với Himmler, Goering và Heydrich, Eichmann thường huênh hoang rằng y là bạn thân thiết của họ. Ở bất cứ nơi nào y đến, Eichmann say sưa, chơi đàn violon, diễn tuồng trong các câu lạc bộ quốc xã. Y hóa mình thành đại pháp quan và vua của người Do Thái. Y từng là bạn của đại luật sĩ của Jerusalem. Y có một chiếc xe công vụ và một tài xế để khùng bố châu Âu theo ý thích. Các bộ trưởng chạy theo sau y và dạt sang hai bên khi y đi qua. Y đã nếm nấp những phụ nữ đẹp nhất của Budapest. Vào cuối buổi dạ tiệc, y đề tặng ảnh cho người hâm mộ: “Adolf Eichmann, *Ober Stunnbannfihrer* SS về hưu”.

Ham muốn được nổi tiếng của Eichmann khiến Gregor khó chịu, hẳn trở nên thận trọng từ khi y xuất hiện: hẳn chỉ tiết lộ thân phận thật và bản chất công việc của hẳn ở trại Auschwitz cho những người thân thiết nhất, và những người này không nhiều. Với tất cả những người khác, hẳn đưa ra thông tin không cụ thể: bác sĩ quân y, người Đức, tới Tân thế giới để thay đổi cuộc sống. Càng chạm mặt với y, Gregor càng coi khinh cái kẻ có thời từng là con buôn vô học, con trai một gã kế toán chưa tốt nghiệp phổ thông và chưa từng trải qua chiến trường này. Eichmann là một hạng người tội nghiệp, thất bại ngay từ trong trứng nước, ngay cả hiệu giặt mà y mở ở Olivos cũng đã phải đóng cửa, và y cũng là người hay ganh ghét, ghen tị với ngôi nhà đẹp, cuộc sống độc thân và chiếc ô tô mới của hẳn, một chiếc xe hai cửa Đức tuyệt đẹp hiệu Borgward Isabella.

Eichmann cũng thấy khó chịu. Gregor hay Mengele, chả có gì là quan trọng với y, chỉ là loại con nhà giàu nhất gan: một tên thối tha đen đúa.

23

Gregor tháo ảnh ra khỏi khung rồi đốt bên cửa sổ, chẳng mấy chốc tấm ảnh chỉ còn là một đống tro. Một cơn gió thổi đám tro bay vào không khí ẩm áp của Buenos Aires. Irene nhất quyết đòi ly hôn để cưới người bán giày ở Fribourg. Gregor gọi cho Haase và Rudel, hẳn cần một người bào chữa giỏi để liên hệ với luật sư của cô ta ở Gunzburg. Tiền không phải là vấn đề nhưng hẳn muốn vẽ ra nhiều thủ tục trung gian, nhiều cản trở, và hẳn sẽ không tạo bất cứ thuận lợi nào cho người vợ cũ. Quyết định ly hôn được công bố ở Dussendorf ngày 25 tháng Ba 1954.

“Một tin tức tuyệt vời, ông Karl viết thư cho hẳn cắt ngắn, cuối cùng thì con cũng cho chúng ta thoát khỏi con đĩ đó. Con sẽ không phải gặm nhấm ý định giành lại nó nữa, ở tuổi của con, việc đó không thích hợp.” Cuộc ly hôn này khiến ông Mengele rất hài lòng, ông đã có một kế hoạch xảo quyệt trong đầu. Một mũi tên trúng ba đích: doanh nghiệp quý giá của ông, Josef, và một người đàn bà đang khiến ông lo lắng, đó là Martha, vợ góa của Karl con và cũng là người thừa kế một số cổ phần doanh nghiệp từ người chồng đã chết. Thời gian gần đây, Martha đang yêu: ông Karl sợ cô sẽ cưới một người lạ rồi người đó nhất định sẽ có chân trong hội đồng quản trị. Ông đề nghị Josef cưới người em dâu để công ty vẫn nằm trong tay gia tộc Mengele, rồi sau đó nhường toàn bộ cổ phần của mình cho Martha sau khi cưới: nếu sau này có lệnh bắt hẳn, thì doanh nghiệp gia đình vẫn không bị tê liệt. Dù thế nào đi chăng nữa, Josef cũng sẽ áp đặt lên Martha các quyết định của mình ở hội đồng quản trị.

Nằm dài trên chiếc ghế vải bô trong vườn của ngôi nhà kiểu Hồi giáo, Gregor thích thú với sáng kiến của cha mình và vui mừng với ý nghĩ sẽ cưới vợ góa của thằng em trai đáng phi nhổ, và Irene sẽ bán loạn, tức giận khi biết hẳn cũng tái hôn, hơn nữa lại là với Martha, Martha mà cô ta chưa bao giờ chịu nổi.

Ông Karl gợi ý Josef nên gặp gỡ người em dâu ở vùng núi Alpes của Thụy Sĩ. “Con sẽ tới đó bằng hộ chiếu Argentina dưới cái tên giả. Con quen khá nhiều người ở Buenos Aires để có thể nhờ làm giúp hộ chiếu không mấy khó khăn. Bố sẽ thuyết phục Martha và lo tất cả các việc còn lại như mua vé, chỗ ở, di chuyển. Và bố sẽ sắp xếp để Rolf đi cùng con bé. Đã đến lúc con gặp con trai của mình.”

24

Gregor bắt đầu làm các thủ tục hành chính vào mùa xuân 1955. Cho dù có nhiều mối quan hệ và tiền bạc, các thủ tục vẫn sẽ kéo dài, bệnh quan liêu dưới chế độ Peron là một mê cung, và vì Gregor chỉ có thể lưu trú nên hẳn phải nộp thêm một hồ sơ khá nhiều giấy tờ (thư giới thiệu, thư bảo lãnh, lý lịch tư pháp, giấy tờ công chứng), rồi mới được phép xin hộ chiếu dành cho người không phải là công dân. Hẳn sẽ phải chờ một năm hoặc gần một năm: trong lúc đó, Argentina nghiêng ngả trong bạo lực và phản cách mạng.

Ngày 16 tháng Sáu 1955, các binh sĩ chống Peron, được gọi là “khỉ gorilla”, ném bom dinh tổng thống và quảng trường Tháng Năm. Peron thoát khỏi cuộc đảo chính nhưng đếm từng ngày còn lại trên cương vị người đứng đầu Argentina. Giáo hội, nơi trú ẩn của phe đối lập, muốn kết liễu Peron: ông ta đã xóa bỏ trợ cấp cho các trường dòng, hợp pháp hóa ly hôn và mại dâm, khuyến khích các giáo phái mở rộng thanh thế do chịu ảnh hưởng của người anh em Tommy. “Peron, đồng ý! Cha xứ, không!”: biểu tình và chống biểu tình liên tục nối tiếp nhau, kẻ chống Chúa Peron bỏ tù các linh mục, Giáo hội rút phép thông công của ông ta, nhiều nhà nguyện bị cướp bóc, mùa đông vô chính phủ ở Nam bán cầu bắt đầu. Để đền mạng cho mỗi người theo chủ nghĩa Peron bị giết chết, *el Pocho* thề sẽ giết lại năm kẻ thù. Tháng Chín, khi Gregor cuối cùng cũng được xác nhận lý lịch trong sạch, thì những tin đồn về một cuộc đảo chính lan rộng, những cuộc binh biến làm nóng Cordoba và cảng Bahia Blanca. Ngày 16, hải quân phong tỏa Buenos Aires và đe dọa ném bom các nhà máy lọc dầu. “Thượng đế rất công bằng” là mật khẩu của nhóm đảo chính.

Argentina đứng bên bờ vực nội chiến, Peron từ chức. Ông ta ném các hồ sơ hung hiểm nhất vào lửa và để tránh bị treo cổ lên cột đèn như hình mẫu của ông ta là Mussolini, Peron lên một pháo thuyền Paraguay để đến Asuncion, ủy ban quân sự dưới quyền điều hành của một tướng nghiện rượu

lên nắm quyền. Vài tuần sau, ông tướng này bị một tướng khác hạ bệ, đó là Aramburu Cling răn, ông ta hứa sẽ xóa sạch mọi dấu vết của chủ nghĩa Peron ở Argentina.

Đứng trước chiếc tủ radio, Gregor nghe chất giọng võ biên của Aramburu dẫn từng tiếng: “Người nào đặt những hình ảnh hay tượng của kẻ bạo chúa chạy trốn và của người vợ đã chết của ông ta ở một nơi dễ nhìn thấy, nói những câu từ như Peron, chủ nghĩa Peron, con đường thứ ba và ca ngợi công lao của nền độc tài đã sụp đổ ở nơi công cộng thì phải chịu hình phạt từ sáu tháng đến ba năm tù giam...” Nhân danh cách mạng giải phóng, các lãnh đạo công đoàn bị bắt, hàng nghìn công chức bị cách chức. Tất cả các nơi (thành phố, khu dân cư, tỉnh lẻ, đường phố, nhà ga, quảng trường, bể bơi, trường đua ngựa, sân vận động, sân nhảy) mang tên vợ chồng Peron đều bị đổi tên; những cô bé tên là Evita cũng sẽ đổi tên. Quỹ Evita bị đóng cửa, ở đó, ga trải giường bị đốt, thìa đĩa bị nung chảy, các bức tượng bị tháo ra, một loạt xe *mobylette* và đồ trang sức được trưng bày để cho thấy thói xấu và tính tham lam của cặp vợ chồng bị lật đổ. Xác ướp của Evita biến mất. Borges được bổ nhiệm làm giám đốc Thư viện Quốc gia và giáo sư Văn khoa tại Đại học Buenos Aires. Peron tìm được nơi ẩn náu ở Panama, sống cuộc sống lưu vong xa hoa với quán bar, thuốc lá, rượu whisky, gái đẹp và phải lòng một vũ nữ tên là Maria Estela Martinez, sau này trở thành vợ ba của Peron và được ông ta đặt lại tên là Isabel.

Mất đi người bảo trợ, tàn quân quốc xã vô cùng lo lắng. Aramburu hứa sẽ làm cho những kẻ hưởng lợi từ chế độ cũ phải điêu đứng. Nhiều doanh nghiệp có vốn đầu tư Đức phải đóng cửa. Cảnh sát lục soát nhà của Rudel ở Cordoba và quản thúc ông ta tại gia. Bohne và những tội phạm chiến tranh khác rời bỏ Argentina, Daye viết trên tờ báo của ông ta rằng “nỗi đau của cuộc đời lưu vong thật chua xót”, Gregor nghĩ tới chuyện chạy sang Paraguay nhưng lại thôi: hắn luôn đứng xa chính trị và chưa từng nằm trong nhóm thân thiết với Peron, và hắn chỉ là một doanh nhân trung thực. Hắn ngừng công việc nạo phá thai phi pháp và chờ đợi cơn dông qua đi. Aramburu có thể cũng ngưỡng mộ truyền thống quân sự Phổ, ông ta có thể chấp nhận quân quốc xã.

Cuối cùng thì Gregor cũng có được hộ chiếu, có giá trị trong ba tháng. Hẳn bay ngày 22 tháng Ba 1956 trên chiếc máy bay DC-7 của hãng Pan Am và tới Genève sau chặng dừng ngắn ở New York.

25

Sedlmeier đón hẳn ở sân bay và đưa hẳn tới Engelberg, đến khách sạn Engel, khách sạn bốn sao sang nhất của khu thể thao mùa đông.

Hai cậu bé mười hai tuổi và một người phụ nữ tóc nâu rất quyến rũ đón hẳn ở quầy lễ tân. Đó là Martha, Karl-Heinz - con trai của cô, và Rolf - con trai của hẳn.

26

Trong phòng tắm, Martha hát véo von trước gương trong khi đợi nước chảy vào bồn. Hai tay ôm gáy, chân không đi giày, Gregor nghe thấy tiếng nước chảy, người phụ nữ vui vẻ. Hắn nằm dài trên giường trong căn phòng sát bên, nơi ngọn lửa trong lò đang nổ tí tách. Hắn nhìn tuyết rơi và cười thoải mái. Chuyển đi Thụy Sĩ của hắn thật là thơ mộng, không khí vùng núi trong lành khiến hắn sáng khoái. Martha giới thiệu với bọn trẻ hắn là chú Fritz đến từ châu Mỹ. thằng Rolf từ hồi bé tí đã được nghe kể rằng bố nó là Josef, đã hy sinh trên chiến trường ở Nga không lâu sau khi nó ra đời.

Rolf và Karl-Heinz là những đứa bé luôn đúng giờ, chăm chú lắng nghe và có lòng biết ơn, chúng ngồi ngay ngắn vào bàn và chỉ nói chuyện khi Mengele-Gregor-Fritz cho phép. Chúng ngưỡng mộ hắn: chú Fritz là một chiến binh trượng nghĩa danh dự từ khi còn phục vụ trong quân đội, ở binh đoàn sơn địa trên núi Alpes, và chúng hào hứng với những câu chuyện của hắn. Trong bữa tối, khi đi dạo, những đêm không ngủ, chúng luôn giục hắn kể chuyện, Karl-Heinz muốn nghe kể về những trận đánh bằng xe tăng, về lòng dũng cảm và tình đồng đội trên những thảo nguyên đầy bụi ở Nga; Rolf muốn nghe bản anh hùng ca trên núi Andes của San Martin, cuộc phiêu lưu của những người chăn bò ở Nam Mỹ và thổ dân Pampas, “bên bờ sông Rio de la Plata, con sông đầy bùn giống như một con rắn chảy ngoằn ngoèo tới chỗ bầy cá heo xanh của đại dương”. Chú Fritz kể về cuộc chinh phục sa mạc Argentina, về “khúc khải hoàn của văn minh trước sự man rợ hoang dã giống như người Đức chúng ta đã làm ở các lãnh thổ Đông Âu trong chiến tranh. Các con đừng bao giờ quên rằng người Germain vốn tài năng hơn người Hy Lạp và mạnh hơn người La Mã”.

Gregor quan sát con trai của hắn mỗi khi có dịp. Rolf có đôi bàn tay và cái mũi giống mẹ, đôi mắt thoáng buồn, nét xinh xắn nhút nhát và sự trong trắng ngây thơ, nó không tự tin bằng Karl-Heinz. Thằng bé này cao hơn nó

một cái đầu và trượt tuyệt giỏi hơn nó nhiều. Karl-Heinz là một người lớn thu nhỏ, còn Rolf vẫn là một đứa trẻ. Lính cứu hỏa, nhà du hành vũ trụ, kỹ sư, nó chưa biết sẽ làm gì sau này và thay đổi ý kiến mỗi ngày. Ở tuổi của nó, Gregor dứt khoát hơn nhiều.

Hắn nhóm lại ngọn lửa sắp tàn rồi lại nằm dài nghĩ về thời còn nhỏ. Hắn không rời chiếc kính hiển vi mà bố hắn mua tặng vào sinh nhật mười tuổi, vì tin chắc rằng Josef Mengele sau này hắn cũng sẽ nổi tiếng như những thần tượng một thời của mình, bác sĩ Robert Koch, ông vua ngành vi khuẩn học, và August Kekulé, người phát hiện ra nguyên tử các bon hóa trị bốn và công thức phát triển của benzen. Hắn sớm hiểu ra rằng nghề thầy thuốc và nhà nghiên cứu sẽ là linh mục và ngôi sao của thế kỷ hai mươi. Hắn vẫn nhớ Serge Voronoff, người đã trở thành trò cười cho dư luận khi ghép tinh hoàn của tinh tinh con cho những bệnh nhân cao tuổi giàu có ở bệnh viện của ông ta ở Côte d'Azur, đó là những kỳ tích mà nhờ đó, báo chí tranh thủ kiếm lợi trong những năm 1920. Voronoff là một tay lang băm nhưng nước Đức là thiên đường của y học hiện đại, của khoa học; ngành sinh học, động vật học và aspirin, kính hiển vi, phòng thí nghiệm là những phát minh của người Đức. Hắn không ngời chết gí ở Gunzburg và để bị cha hắn chi phối, ngay từ khi mười lăm tuổi, hắn đã quyết định như vậy. Nhưng hắn thừa hưởng từ người cha Karl tính can trường, lanh lợi và tham vọng, và từ bà mẹ Walburga sự lạnh lùng và trái tim khô khan, trái tim teo tóp.

Gregor nhớ lại khi còn là sinh viên ở Munich, ở Vienna, ở Frankfurt, thời kỳ làm hắn say sưa, những năm 1930, giai đoạn vô cùng bấp bênh. Trong khi các bạn học đấu tay đôi, uống rượu và thể hiện sức mạnh trong lực lượng quân sự dự bị SA thì hắn chăm chỉ học hành và sự cần cù của hắn đã được đền đáp, những nhân vật cao cấp nhất đã phát hiện ra hắn: Eugen Fischer, đại diện tên tuổi của thuyết ưu sinh từng tham gia cuộc thăm sát những người du mục Herero và Namaqua ở Namibie vào đầu thế kỷ, và giáo sư Mollinson, chuyên gia về di truyền học và thanh tẩy chủng tộc, chủ nhiệm đề tài luận án của hắn (*Nghiên cứu hình thái học chủng tộc qua mặt cắt hàm dưới của bốn nhóm chủng tộc*, luận án bảo vệ thành công, xếp loại xuất sắc). Mollinson tiến cử hắn với nhà di truyền học người Đức nổi tiếng nhất, nam

tước Otmar von Verschuer, chuyên gia nổi tiếng về các cặp song sinh, khi mới hai mươi sáu tuổi, hẳn trở thành trợ lý nghiên cứu rồi là trò cưng của ông ta ở Viện Sinh học và Thuần chủng của chế độ Reich đệ tam, thuộc Đại học Frankfurt. Khi von Verschuer làm viện trưởng Viện Nhân chủng học Kaiser Wilhelm ở Berlin, phụ trách giảng dạy về di truyền ở người và di truyền học, ông ta đã cử Mengele đến Auschwitz, “phòng thí nghiệm lớn nhất trong lịch sử, một vinh dự đặc biệt đối với nhà nghiên cứu trẻ tuổi xuất sắc và chăm chỉ. Ở đó, có thể anh sẽ khám phá ra những bí ẩn của các ca đa sinh”. Nam tước tài trợ cho nghiên cứu của Mengele, và hẳn đều đặn gửi cho ông ta các mẫu bệnh phẩm (tủy, mắt, máu, nội tạng), các bộ xương và kết quả thí nghiệm. Hẳn miệt mài làm việc không ngừng nghỉ trong suốt hai mươi một tháng ở trại. Với sự nghiêm khắc luôn ngự trị, hẳn sùi bọt mép trên sân ga, diệt ký sinh trùng cho hàng trăm lán trại và ngăn chặn nhiều dịch sốt do chấy rận, và nhờ tinh thần hăng hái, hẳn đã được tặng thưởng huy chương Thập tự sắt với hình thanh kiếm, cùng với lời khen ngợi của cấp trên. Có lẽ cũng cần phải có người chăm lo cho Rolf, Gregor tự nhủ khi ở trong căn phòng.

Hắn cởi quần áo và đi vào nhà tắm. Martha đang đợi hắn trong bồn.

Chiếc Mercedes của Sedlmeier kêu ro ro trước khách sạn. Martha và hai thằng bé sẽ về nhà bằng tàu hỏa, còn Gregor đi ô tô cùng bạn của hắn. Hắn chưa hề trở lại Gunzburg kể từ tháng Mười một 1944.

Họ càng vượt qua những đèo phủ đầy tuyết thì Gregor càng cảm thấy ngực thắt lại, bữa trưa bên bờ hồ Constance chẳng thay đổi được gì, mạch hắn đập nhanh, và khi đêm xuống, hắn nhận ra khúc quanh của sông Danube ngay cửa ngõ thành phố, lâu đài Phục hưng, nhà thờ kiến trúc *baroque*, hắn bảo Sedlmeier im lặng, hắn cảm thấy khó chịu.

Hắn lại ở trong ngôi nhà rộng màu xám nơi hắn sống thuở nhỏ. Trừ bức vẽ ngoài cổng và bình đựng di cốt của mẹ và em trai hắn đặt trên mếp lò sưởi, mọi thứ không thay đổi. Gregor lại nhìn thấy những bức tường ốp gỗ màu tối, chiếc bàn từ thời Biedermeier, chiếc máy quay đĩa ở phòng ăn nơi hắn ăn tối cùng với Sedlmeier, em trai và bố. Bố hắn đã cho cô dạy trẻ và đầu bếp nghỉ theo yêu cầu của hắn. Gregor cảm ơn họ. Khách sạn rất tốt, hai thằng bé khỏe mạnh, Martha tuyệt vời, đúng như kế hoạch, hắn sẽ cưới cô ấy, tự nguyện, nhưng hắn lại sa sầm ngay, lẽ ra hắn không nên quay về Gunzburg. Hắn sẽ làm gì ở đây? Bị thông báo mất tích từ khi chiến tranh kết thúc, Josef Mengele không thể đàn hoàng đi trên phố Augsburger! Thế nếu đã phải đến nhà máy, tại sao hắn không đứng trước cổng! Tất cả mọi người sẽ nhận ra hắn, rồi đi nói với nhau, mà thành phố không lớn, đó sẽ là một sự liều lĩnh điên rồ.

Ông Karl cố làm hắn yên tâm. Gunzburg thuộc về ông, doanh nghiệp gia đình là một đế chế nhỏ và hon thế nữa, còn là người sử dụng lao động lớn nhất thành phố, chắc hắn là không một ai dám tố cáo con trai của ông chủ, mà tố cáo với ai chứ? Hắn thậm chí không bị truy nã ở Đức, không một lệnh bắt giữ nào được đưa ra: “Đủ rồi Josef, con lúc nào cũng nhút nhát như thế, dù sao thì đây cũng là nhà của con! Mọi người vẫn giữ những kỷ niệm tốt

đẹp về con và thường nói với bố về kết quả học hành giỏi giang của con. Ông Globke cũng không tự đặt ra cho mình nhiều câu hỏi đến thế mỗi buổi sáng khi ông ta bước vào Văn phòng Thủ tướng, tới Văn phòng Quốc vụ khanh. Tất cả mọi người đều biết rằng ông ta đã bình luận về luật Nuremberg và áp đặt lên người Do Thái những cái tên Israel và Sarah. Thế thì sao? Chả ai quan tâm cả, đầu tiên là Adenauer, giống như người ta không quan tâm đến chuyện con ở đâu trong chiến tranh! Con đã làm xong nghĩa vụ của mình, chấm hết.” Alois cố gắng an ủi ông Karl, mấy tháng nay gây hấn đi. Anh khẳng định với Josef rằng bố của họ chưa bao giờ khỏe mạnh và được nhân viên yêu quý đến thế, thậm chí ông sắp trở thành công dân danh dự. “Không có chúng ta thì Gunzburg tan nát. Chúng ta tài trợ xây dựng nhiều nhà ở xã hội mới, một bệnh viện và một bể bơi. Bố dự định phân phát xúc xích cho tất cả trẻ em nhân dịp ông tròn bảy mươi lăm tuổi.”

Gregor không ngủ được. Mười ngày chơi thể thao mùa đông vừa qua đã làm cho hấn mềm lòng, hấn đang nới lỏng phòng thủ, buông mình vào miệng sói, hấn linh cảm thấy điều đó. Ngay cả khi cả tuần hấn không ra khỏi nhà, điều tồi tệ nhất vẫn có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Tên hấn nằm trong danh sách tội phạm chiến tranh, không thể tin được bất cứ ai, gia đình hấn không hiểu chuyện này. Ngày mai, hấn đã quyết định rồi, hấn sẽ tới thăm một đồng đội ở sư đoàn Viking, ở Munich, một dược sĩ, hấn từng trốn ở nhà anh ta một tháng trước khi tới nông trang sau khi đã lấy lại mấy quyển sổ ghi chép và tiêu bản ở khu vực Liên Xô kiểm soát để bắt đầu hành trình đào tẩu. Không tên tuổi gì ở thành phố lớn là tốt nhất. Hấn sẽ đi bằng ô tô, Sedlmeier sẽ thuê một chiếc xe Opel bình thường bằng cái tên Gregor. Sau đó, nếu mọi việc ổn thỏa, hấn vẫn sẽ ở lại Gunzburg vài ngày: Argentina, Paraguay, rồi sắp tới có thể là Chile, hấn phải bàn chuyện làm ăn với gia đình.

Gregor càu nhàu trước vô lăng khi nghe tin tức. Lục quân Đức sẽ tham gia các cuộc tập trận của NATO, một linh mục vui mừng vì nhóm hữu nghị Cơ Đốc giáo Do Thái được thành lập ở Frankfurt, thương vụ Israel ở Cologne có người mới lãnh đạo. Và nhạc jazz đáng ghét: Gregor tìm một đài

phát nhạc cổ điển. Hắn cúi xuống radio trong ô tô, vặn mạnh các nút một hai giây, và đâm vào chiếc xe dừng đột ngột phía trước.

Gregor gắng hòa giải, xin bồi thường tiền cho người phụ nữ lái xe, giảm xóc xe của cô ta chỉ hơi bị xước, cần gì phải lập biên bản, trời đang mưa, đừng làm mất thời gian nữa. Người phụ nữ mặc áo khoác lông từ chối, luật là luật, “chúng ta đang ở Đức, một đất nước văn minh”. Chiếc BMW màu bạc của chồng cô ta từ ga ra đi ra. Gregor nài nỉ, trả thêm ba mươi mark nữa. Cô ta lấy trong hộc đựng găng ra một tập giấy tờ; hắn bực tức, dọa bỏ đi, còn cô ta dọa gọi cho cảnh sát, đám người tò mò xúm lại, một người mặc áo choàng ghi lại biển số xe Opel, và bỗng nhiên một chiếc xe cảnh sát đi tuần xuất hiện. Ngạc nhiên vì giấy tờ Argentina và chất giọng đặc vùng Bavière, người sĩ quan đề nghị Gregor không rời khỏi Munich khi chưa xác định được danh tính của hắn.

Khi cảnh sát đi khỏi, Gregor chạy đến cabin điện thoại gần nhất. Hắn run rẩy bấm số của bố mình. Hai tiếng sau, cả một đoàn người kéo đến trụ sở cảnh sát Munich. Ông Karl, luật sư của ông, cảnh sát trưởng của Gunzburg và Sedlmeier cầm chiếc va li nhỏ màu đen đến gặp viên cảnh sát. Họ cùng nhau ra ngoài uống bia, tranh luận, thương lượng, vụ việc khép lại.

Ngày hôm sau, Gregor bay đi Nam Mỹ.

Cuộc sống của hắn là ở Argentina, nơi Martha và Karl-Heinz sẽ đến sống cùng hắn. Ở tuổi bốn mươi lăm, Gregor muốn yên tĩnh, có một tổ ấm mới, một ngôi nhà mới rộng rãi để đón họ. Hắn tìm được một biệt thự kiểu California ở số 970 phố Virrey Vertiz, một con phố yên tĩnh nhiều cây ở khu đông dân nhất của Olivos, ngay cạnh bờ sông. Có vài quán rượu trên bãi biển và một bến du thuyền, Martha và Karl-Heinz sẽ không cảm thấy nhớ quê nhà, nơi này rất đẹp và giống với khu hồ Alster ở Hamburg và khu Wannsee ở Berlin.

Mặc dù có tiền, Gregor vẫn sẽ phải vay thêm để mua nhà và để hoàn thành nhiệm vụ mà bố hắn đã giao cho: đầu tư vào công ty dược phẩm Fadro Farm. Mertig, ông chủ của Orbis, đối tác của ông ở Nam Mỹ đã khuyên ông như vậy, một vài người bạn của ông đã tham gia mảng sản xuất thuốc và nghiên cứu những phương pháp đặc trị bệnh lao. Nhưng ngân hàng sẽ không cho vay đồng peso nào đối với một kẻ xa xứ mà hộ chiếu lại sắp hết hạn. Nếu muốn định cư và tái hôn, Gregor buộc phải dùng thân phận thật của mình: trở lại là Mengele.

Như mọi khi, Gregor tham khảo ý kiến nhóm bạn thân. Ở Argentina, hắn không gặp rủi ro nào. Nước Mỹ chỉ có một ưu tiên duy nhất, đó là chiến đấu chống lại Liên Xô, còn nước Đức không muốn biết thêm gì nữa về chủ nghĩa quốc xã. Chiến tranh đã kết thúc. Schwammberger, người từng xóa sổ nhiều khu người da đen ở Ba Lan, đã lấy lại được hộ chiếu, lãnh sự quán Cộng hòa Liên bang Đức không hề gây khó dễ cho ông ta. Và ông đại sứ mới thuộc kiểu người rất dễ chịu, Sassen nói với hắn như vậy. Werner Junker từng là quân quốc xã và là một cộng sự gần gũi của Ribbentrop ở Bộ Ngoại giao. Ông ta từng làm việc ở các nước Balkan và vui mừng vì được gặp lại ông bạn Pavelic từng là nhà độc tài Croatia, ở Buenos Aires.

Gregor tới đại sứ quán và cung cấp tất cả các thông tin mà hắn cố gắng giấu giếm từ khi chiến tranh kết thúc để chứng minh hắn chính là Josef Mengele. Người phụ trách lãnh sự chẳng hề chớp mắt khi Gregor nói rằng đã sống dưới một cái tên giả từ khi đến Argentina. Ông ta chuyển hồ sơ về Bonn, nơi chẳng ai thèm xem danh sách tội phạm chiến tranh bị truy nã. Ở Munich, Gregor có lẽ đã sợ hãi không cần thiết: Cộng hòa Liên bang Đức kết án chủ nghĩa quốc xã nhưng chấp nhận cho các cán bộ và tay sai của chế độ quốc xã phục chức, bồi thường cho người Do Thái nhưng lại kệt cho những kẻ giết họ tập trung vào công việc của mình ở Nam Mỹ và Trung Đông. Công nhận quyền “sai lầm chính trị”, ân xá cho “nạn nhân của quá trình loại trừ chủ nghĩa quốc xã”, đoàn kết dân tộc, người người bị chứng mất trí... Vĩnh biệt Gregor: tháng Chín 1956, lãnh sự quán Tây Đức ở Buenos Aires cấp một phiếu hộ tịch và một bản sao giấy khai sinh cho Josef Mengele.

Giờ đây hắn phải hợp thức hóa tình trạng của mình với chính quyền Argentina. Hắn đến cơ quan tư pháp và lặn dấu và tay ở cơ quan cảnh sát. Không một nhân viên hành chính nào thắc mắc về những lời nói dối của hắn, hắn cũng không bị truy tố hay chịu hình phạt nào, gần đây rất nhiều người Đức phục hồi lại trí nhớ. *Benvenuto, sefior Mengele*: tháng Mười một, hắn được nhận thẻ cư trú mới, số 3.940.484, và khi quay lại lãnh sự quán, hắn được nhận một cuốn hộ chiếu Đức mang tên mình, Josef Mengele, sinh ngày 16 tháng Ba 1911 tại Gunzburg, ngụ tại số 1875 phố Sarmiento, Buenos Aires, cao 1,74 mét, mắt nâu xanh, chủ doanh nghiệp và nhà sản xuất đồ nội thất và đồ chơi bằng gỗ. Trên tấm ảnh mà hắn nộp, một hàng ria mép nằm ngang trên khuôn mặt trái xoan.

Martha và Karl-Heinz đã tới Buenos Aires. Mengele được vay tiền và mua ngôi nhà tuyệt đẹp mà hắn mơ ước. Ngôi nhà này nằm ngay sát biệt điện trước đây của Peron, có vườn và bể bơi. Martha đăng ký tên trong sổ hộ khẩu của vùng, Mengele nhận Karl-Heinz là con trai của hắn.

Đại gia được người ta vây quanh và trở thành một nhà tư sản.

Cuộc đời mỉm cười với hắn.

29

Tháng Mười một 1956, Fritz Bauer, công tố viên trưởng của Hesse, ra lệnh bắt Adolf Eichmann “cho dù y đang ở đâu”. Là người Do Thái đồng tính, đảng viên đảng Xã hội dân chủ, Bauer từng bị giam trong một trại tập trung và bị Gestapo* loại khỏi cơ quan công quyền, sau đó chạy trốn tới Bắc Âu. Bauer muốn bắt các đồng hương của mình phải đối mặt với quá khứ kể từ khi ông ta quay về Đức vào cuối những năm 1940.

30

Thế giới dần dần biết đến cuộc đại đồ sát người Do Thái ở châu Âu. Ngày càng nhiều sách, báo, tài liệu nói về các trại tập trung và thảm sát của Đức Quốc xã. Năm 1956, cho dù chính phủ Tây Đức gây sức ép, yêu cầu và rút được tên bộ phim *Đêm và Sương mù* ra khỏi danh sách đề cử chính thức của liên hoan phim Cannes nhân danh sự hòa giải Pháp-Đức, tác phẩm của Alain Resnais đã làm chấn động lương tâm con người. *Nhật ký của Anne Frank* thành công ngày càng vang dội. Người ta nói về tội ác chống lại loài người, về giải pháp cuối cùng, về sáu triệu người Do Thái bị giết hại.

Nhóm Durer phủ nhận con số này. Họ vui mừng với cuộc thảm sát nhưng ước tính con số nạn nhân Do Thái chỉ khoảng ba trăm sáu mươi lăm nghìn người; họ bác bỏ những vụ giết người hàng loạt, các xe tải và phòng hơi ngạt; sáu triệu chỉ là trò ngụy tạo của lịch sử, mưu đồ thứ n của chủ nghĩa phục quốc Do Thái trên thế giới nhằm buộc tội và hạ gục nước Đức sau khi đã tuyên chiến và gây ra tổn thất khủng khiếp cho nước này, bảy triệu người chết, những thành phố đẹp nhất bị tàn phá, vùng đất tổ tiên để lại ở phía Đông bị mất.

Với Sassen và Fritsch, chỉ một người duy nhất đủ khả năng khôi phục lại sự thật. Đó là Adolf Eichmann. Y đã giám sát tất cả các giai đoạn của cuộc chiến chống người Do Thái. Từ khi Hitler, Himmler và Heydrich chết, y là chuyên gia cuối cùng, nhân chứng quan trọng cuối cùng. Y biết những người chủ chốt và các con số; y có thể đính chính. Người Do Thái đã lôi nước Đức vào vũng bùn, Eichmann sẽ lấy lại danh dự cho nước Đức. Họ đã dựng nên câu chuyện dối trá lớn nhất lịch sử để chiếm Palestine, nhưng họ sẽ bị lên án công khai, mặt nạ của họ và bè lũ tay sai sẽ rơi xuống: nhóm Durer sẽ làm thất bại các mưu đồ của họ và hành động để phục hồi danh dự cho nước Đức, để chuộc tội cho chủ nghĩa quốc xã và *Fuhrer*.

Fritsch và Sassen đề nghị Eichmann lên tiếng về “giải pháp giả cuối cùng”. Họ sẽ làm thành một cuốn sách, nhà xuất bản Durer sẽ đồng ý xuất bản. Ý tưởng này khiến Eichmann hào hứng. Từ khi cửa hiệu giặt của y đóng cửa, y làm việc trong một doanh nghiệp sản xuất sản phẩm vệ sinh, và vì chẳng còn gì tốt hơn để làm, y phải nuôi thỏ *angora* và gà dưới ánh nắng gay gắt trên đồng cỏ. Tháng ngày của y rất dài và đơn điệu: chăn nuôi, dọn chuồng, hót phân và gặm nhấm quá khứ, vinh quang thời xưa, nghĩ về gia đình vẫn còn ở Buenos Aires, đứa con trai thứ tư Ricardo Francisco vừa mới sinh, quả là một điều kỳ diệu, vợ y đã bốn mươi sáu tuổi, còn y sắp năm mươi. Y chỉ kiếm được số tiền ít ỏi. Nếu như có một cuốn sách nói về sự nghiệp lớn lao của y... Cuộc sống vô danh và lữ gà sẽ kết thúc, món hời như thế làm sao mà từ chối được. Y sẽ lại trở thành ngôi sao và tự bào chữa cho mình. Y thường bôi móc báo chí và sách văn học sử và thấy rằng tên của mình thường xuyên được trích dẫn không đúng sự thật, y rất bực mình, các con của y phải biết được sự thật. Người Đức sẽ bỏ phiếu cho y và họ sẽ lại nâng cao đầu chiếm lại châu Âu. Từ nay đến lúc đó, Eichmann, Fritsch và Sassen sẽ kiếm được rất nhiều tiền nhờ việc bán sách.

31

Các buổi ghi âm bắt đầu vào tháng Tư 1957 ở ngôi nhà sang trọng của tay nhà báo người Hà Lan. Chủ nhật hằng tuần, đám đông cả nam lẫn nữ tập trung quanh nhân vật chủ chốt của thảm kịch *Shoah** đang hào hứng vì được chú ý và vui mừng vì được hút xì gà và uống whisky vị khói của chủ nhà. Eichmann bóp mạnh chiếc nhẫn danh dự của lực lượng SS khi trả lời các câu hỏi của Sassen và Fritsch, thỉnh thoảng được một số khách mời có năng lực chuyên sâu nhất hỗ trợ: Bubi von Alvensleben vĩ đại, cựu thượng sĩ nhất của Himmler, và Dieter Menge, phi công cực đoan kỳ cựu, chủ sở hữu của trang trại rộng lớn, nơi các cựu binh quốc xã thích tới để gặp gỡ nhau.

Mặc cho Sassen nài nỉ, Mengele vẫn từ chối tham gia các buổi ghi âm. Hẳn không có ý định nghe những câu chuyện khoác lác của thằng ngu hay cau có ấy, và hẳn cảnh báo ông bạn của mình: Eichmann cuối cùng sẽ gây rắc rối cho họ, tên của y tràn lan trên mặt báo, tư pháp Đức sớm muộn cũng sẽ truy tìm y, và nếu y không ngậm miệng lại thì họ sẽ biết y đang lẩn trốn dưới cái tên Klement. Mengele không muốn xuất hiện công khai. Hẳn còn có việc quan trọng hơn. Làm giàu và tốc váy Martha.

Hẳn trở về sau một tuần đi nghỉ ở Chile. Hẳn đi cùng với Rudel trên chiếc máy bay cá nhân nhỏ của ông ta và hạ cánh ở Santiago, nơi một người bạn cũ của Rudel đang đợi họ, đó là “sát thủ Milan” Walter Rauff (từng giết chín mươi bảy nghìn người), người sáng chế ra xe tải hơi ngạt theo mô hình phòng hơi ngạt của các trại thẩm sát ở Đông Âu. Cả ba người cùng đi thăm thú những ngọn núi lửa trên sa mạc Atacama, bơi khóa thân trong những đầm nước màu xanh ngọc, cắm trại dưới bầu trời trong vắt và đầy sao.

Trở về Argentina, Mengele, Martha và Karl-Heinz cùng với Heinrich Lyons đi nghỉ cuối tuần ở Mar del Plata, bên bờ đại dương, và ở Tigre, thành phố với những con kênh điểm xuyết vài hòn đảo nhỏ đầy cây xanh đang nở hoa, trong vùng đồng bằng sông Parana và sông Rio de la Plata. Họ thuê

phòng ở khách sạn Tigre, nơi hoàng thân xứ Wales và ca sĩ giọng nam cao Caruso từng nghỉ lại. Từ khi Martha đến Argentina, Mengele một lần nữa khám phá vẻ đẹp tráng lệ của Buenos Aires bên cạnh cô, ngắm đài phun nước kiểu Đức trên đại lộ Libertador, tháp Anh trước nhà ga xe lửa Retiro, hay chiếc đèn chùm nghệ thuật Art déco của tòa nhà Kavanagh, quảng trường San Martin. Hai người đi nhà hát, xem hòa nhạc, ăn tối với nhà Haase và nhà Mertig, đưa Karl-Heinz tới trường đua ngựa San Isidro. Họ đi mua sắm ở trung tâm thương mại Gath & Chaves, giữa các bà lịch thiệp và các ông mới giàu.

Cuộc sống thật ngọt ngào trong năm 1957 đó. Mengele nếm mùi thi vị của một nếp sống cứ lặp đi lặp lại mà hẳn chưa từng trải qua trước đây, đó là kiểm tra bài tập về nhà của Karl-Heinz, cặp đùi và các món ăn của Martha, lau rửa những chi tiết mạ crôm trên món đồ chơi của hẳn, chiếc xe hai cửa hiệu Borgward Isabella, những cuộc chơi ở nhà thổ với tên quý Sassen, nhưng ít hơn trước đây.

Tương lai dường như đầy hứa hẹn, điều tồi tệ nhất đã ở phía sau, Mengele cảm thấy an toàn. Hẳn đã bán xưởng mộc để rót vốn vào Fadro Farm. Hẳn lại say sưa đắm chìm trong các tạp chí y khoa và khoa học, dành thời gian để viết lại và bổ sung các ghi chép cũ của mình. Hẳn không từ chối một vị trí giảng viên đại học cũng như công việc cải thiện hệ gen của loài người, và cũng không từ chối vinh quang.

Trong lúc đó, Sassen và Fritsch tiếp tục các cuộc trò chuyện với Eichmann. Trong suốt sáu tháng, “với tinh thần không mệt mỏi của người Đức bất diệt”, y độc thoại đầy tự hào, đôi khi xúc động đến rơi nước mắt trước những câu chuyện của chính mình, trước thành tích của mình - “sáu triệu người Do Thái bị giết” -, trước những tiếc nuối của mình - y đã không hoàn thành nhiệm vụ “tiêu diệt hết kẻ thù”. Eichmann khẳng định quy mô của cuộc đồ sát, kể lại chi tiết với Sassen, Fritsch và nhóm Durer, những người không muốn tin vào “lời tuyên truyền của địch” về những vụ giết người hàng loạt, những phòng hơi ngạt, những lò thiêu xác, những công việc

khổ sai, những cuộc hành quân chết chóc, những nạn đói: đó là cuộc chiến toàn diện mà *Fuhrer* đã chỉ đạo.

Sassen và Fritsch giống như những con cừu non, từng tin rằng chủ nghĩa quốc xã rất trong sáng. Họ không tin vào những chi tiết cụ thể mà Eichmann kể. Hoặc có lẽ họ hy vọng rằng Hitler đã bị phản bội và Eichmann bị các thế lực nước ngoài điều khiển. Sáu triệu, con số này khiến họ rùng mình. Ngay khi những cuộc ghi âm kết thúc, họ giữ khoảng cách với tên tội phạm chống lại loài người này. Họ đã dùng quân bài cuối cùng của mình; họ đã thua. Sassen giữ gìn cẩn thận những cuộn băng ghi âm, nhưng nhà xuất bản Dürer từ chối phát hành cuốn sách. Một số mật vụ Nam Tư đã bắn Pavelic, ông ta phải chạy trốn sang Uruguay. Adenauer lại một lần nữa chiến thắng trong cuộc bầu cử mùa thu năm 1957. Một năm sau, Cơ quan Trung ương Điều tra Tội ác Quốc xã được thành lập ở Ludwigsburg. Chủ nghĩa quốc xã không còn tương lai ở Đức nữa: một trang mới đã mở ra. Thật sự.

Tạp chí *Der Weg* biến mất, Fritsch đóng cửa nhà xuất bản và chuyển đến sống ở Áo vào đầu năm 1958. Bị cấm làm nghề xuất bản, ông ta trở thành người gác cửa đêm của một khách sạn lớn ở Salzburg.

Không có thu nhập cố định từ khi Fritsch ra đi, Sassen tập trung vào công việc nhà báo với nhiều bút danh khác nhau và mơ được trở về châu Âu: ông ta cũng muốn tranh thủ hưởng lợi từ phép màu kinh tế ở đó.

Mặc dù tức tối và chán nản nhưng Eichmann vẫn không từ bỏ ý định cho mọi người nghe thấy giọng mình. Y dự định tự thú trước một tòa án Đức, bởi tin rằng danh dự và uy tín của y có lẽ sẽ được gột rửa sau khi kết thúc phiên tòa chấn động mà y là nhân vật chính. Các con trai và người quen đều can ngăn. Từ đó, y làm một nhân viên quèn ở Orbis, trong doanh nghiệp của Mertig, sau khi việc nuôi gà và thả phá sản.

Mengele không ngạc nhiên về thất bại ê chề của tất cả bọn họ. Hẳn coi thường họ, những tên quốc xã thượng lưu, Eichmann anh hùng rơm, Sassen kẻ viết văn khiêu dâm gọi cảm và Fritsch oắt con lên mặt dạy đời! Hẳn biết, hẳn đã thấy và hẳn đã phạm tội, không hối hận, không tiếc nuối.

Mengele xa rời Sassen, trốn tránh Eichmann và khuyên tất cả cựu quân quốc xã ở Buenos Aires làm như hắn: “Eichmann rất nguy hiểm.”

Những dự án hay ho khác đang chờ đợi hắn.

32

Ngày 25 tháng Bảy 1958, Josef Mengele cưới Martha Mengele ở Nueva Helvecia, Uruguay. Một đám cưới đơn giản và kín đáo, chỉ có Karl-Heinz, Rudel và Sedlmeier chứng kiến, cùng với nhà Mertig và nhà Haase và bạn bè đến từ Paraguay, Jung, cựu lãnh đạo của tổ chức Thanh niên Hitler nay đã chuyển sang kinh doanh, và von Eckstein, nam tước người Bait. Sassen không được mời, còn ông Karl đau ốm nên đành ở lại Gunzburg. Alois thích đem lại vẻ vang cho lô của anh ta ở *festival* Bayreuth hơn. Một lái xe điên đã cán chết Heinrich Lyons hai tuần trước lễ cưới. Ngay sau khi uống ly rượu mừng và ăn bữa trưa (cá hồi xông khói và xa lát trộn xúc xích, thịt nai hầm, bánh cuộn nhân mận; rượu *riesling* Moselle 1947), vợ chồng Mengele gửi con trai cho nhà Haase trông giúp và gói ghém hành lý: đường tới Bariloche khá xa.

Martha có người dựa vào Josef đang lái chiếc xe Borgward Isabella. Mui xe kê phần phật, chiếc xe rẽ gió, nối tiếp đồng cỏ xanh là thảo nguyên nhiều đá, những vùng trời rộng lớn sặc sỡ sắc chim én màu tím nhạt và đại bàng đen, những đoạn đường gập ghềnh dài hàng ki lô mét và hàng ki lô mét xuyên qua xứ sở vô tận, rồi con đường dốc lên cao, những ngọn núi trập trùng, những hàm cá mập hiện ra, dãy Andes rậm rạp và dãy Tyrol của Argentina nhô lên, vợ chồng Mengele chạy dọc theo bờ hồ đẹp tuyệt trần được tuyết tan rửa sạch khi thành phố Bariloche và khách sạn sang trọng của họ dần dần lộ dạng.

Mọi thứ đều tuyệt vời ở Llaolao. Một bó hoa và những thanh sô cô la chờ sẵn cặp vợ chồng mới cưới trong phòng, căn phòng quá rộng và ít đồ, như vốn phải thế. Hiên nhà nhìn ra toàn cảnh hồ Nahuel Huapi và hồ Moreno bao quanh bán đảo và ngọn đồi nơi khách sạn tọa lạc, những ngôi nhà xinh xắn mái dốc, giống như một thị trấn nhỏ thời Trung cổ ở Đức, cách biệt với những điều xấu xa và ồn ào của thế giới. Bữa tối đầu tiên có thịt cừu

Patagonie xiên nướng rất ngon. Martha cảm thấy hạnh phúc. Gần sáng, khi màn sương dần tan, cô rùng mình trước chùng ấy vẻ đẹp, phong cảnh hùng vĩ, những chòm núi tím nhạt, những tia sáng chiếu xuyên qua cánh rừng sồi phủ tuyết trắng. Josef vốn thính ngủ giờ đây vẫn còn ngủ vùi trong chăn ấm.

Kỳ trăng mật khiến hãn thấy lạ. Hãn chưa từng nghĩ rằng có thể chịu đựng được một người phụ nữ khác. Martha rất dịu dàng và kiên nhẫn, mở lòng với suy nghĩ của hãn về sự sụp đổ của La Mã, với những cuộc độc thoại dài hãn góp vui cho buổi đi dạo trong khi hãn kể cho cô nghe về cuộc đời đầy biến động của Wagner và Albrecht von Haller, cha đẻ của ngành sinh học Đức, người đầu tiên nghiên cứu tỉ mỉ nội tạng động vật. Cũng rất lạ là hãn chưa bao giờ cảm thấy ham muốn đến thế với người đàn bà răng to và ngón tay chuối mắn này. Martha là suối nguồn tươi trẻ, cô tình nhân dẫn hãn đi trên những con đường tắt không ai biết. Khi trở về Buenos Aires, hãn sẽ tặng nàng một ngôi nhà nghỉ ở khu nghỉ mát bên bờ đại dương.

Sau chiến tranh, Bariloche đã tiếp nhận đông đảo quân quốc xã, nhiều người Áo vui sướng vì lại được trượt tuyết, và một họa sĩ người Flamand*, cựu lãnh đạo của cơ quan tuyên truyền về Hitler ở Bỉ trong thời kỳ nước này bị chiếm đóng. Người Đức cũng tới đây. Kops, cựu điệp viên của Himmler mà Gregor đã gặp ở tòa soạn *Der Weg*, đã mở một khách sạn tên là Campana ở đó, còn cửa hàng bán thực phẩm khô và thịt chất lượng nhất của thành phố này, cửa hàng *delikatessen* Wien, thuộc về một đại úy SS, Erich Priebke, người từng tham gia vụ thảm sát ba trăm ba mươi lăm dân thường trong các hố chôn ở Ardeatino, ngoại ô Roma. Rudel thường xuyên ghé qua và là thành viên của câu lạc bộ Andes của thành phố, ông ta đã cho Mengele biết thông tin về họ.

Một buổi tối, tất cả mọi người cùng ngồi quanh một nồi pho mát nóng. Rauff đã vượt qua biên giới Chile để chúc mừng đôi vợ chồng mới cưới. Những tên quốc xã nói chuyện về cái thời tươi đẹp đã qua lần thứ n và nhớ về Richter, nhà bác học về vật lý nguyên tử đã lòe Peron và tiêu tốn hàng triệu peso vào các lò phản ứng bịp bợm trong phòng thí nghiệm bí mật của ông ta trên đảo Huemul rất gần đó, ngoài khơi Bariloche. Giai thoại tuôn ra,

các ly rượu chạm nhau, Kops thông báo rằng một âm mưu quan trọng của người Do Thái và hội Tam điểm đang ngầm hình thành ở Nhà Trắng và điện Kremlin. Mengele ngáp ngắn ngáp dài và ôm chặt Martha. Hắn thích cái lỗ phập phồng của vợ hơn là đám đực rửa nòng nặc mùi rượu này.

Ngày hôm sau, Martha và Josef leo núi băng rừng. Bước chân của họ lạo xạo trên tuyết trắng roi thành từng bông to, và họ dừng chân ăn trưa trên một mũi đất, từ đó bao quát được toàn bộ thung lũng phía dưới. Mengele đứng trên bờ vực khi có một tia nắng yếu ớt xuyên qua đám mây bông, rồi các đỉnh núi phủ băng, những hồ nước xanh, thiên nhiên mê hồn người hiện ra trước mắt. Ngây ngất như du khách ngắm nhìn biển mây trong tranh của Caspar David Friedrich, hắn dang tay và cười phá lên. Ngực hắn dãn ra, máu chảy nhanh hơn, hắn cảm thấy rõ mạch máu rần rật ở hai bên thái dương, Martha nói với hắn nhưng hắn không nghe thấy bởi đang say sưa với suy nghĩ của mình, hắn cảm thấy quá hạnh phúc, quá tự hào khi ở cái thế giới đồ nát và bất lương bị Thượng đế bỏ quên này, hắn có được tự do, tiền bạc, thành công, không ai bắt giam hắn và sẽ không ai bắt giam hắn cả.

33

Khi trở về nhà, cả đồng thư từ đang chờ vợ chồng Mengele. Ngoài các loại hóa đơn và tờ rơi quảng cáo, có một lá thư của cha hãn và một giấy triệu tập của cảnh sát: lẽ ra Mengele phải đến trình diện ở sở cảnh sát Olivos ba ngày trước đó. Trong khi hãn gọi điện cho luật sư thì một người hàng xóm bấm chuông liên tục, về mặt bản khoãn. Cảnh sát đã đến đây hôm qua và hôm kia. Và cảnh sát lại tới. Mengele còn chưa kịp dỡ hành lý thì hai viên cảnh sát cao lớn đã tra tay hãn vào còng và tống vào chiếc xe tù, còi hú inh ỏi.

Một viên sĩ quan ném vào mặt hãn những tờ báo ra ngày hôm qua. Hai tờ nhật báo bảo thủ giật tít *Đồ tể của Buenos Aires*, *Bác sĩ tử thần*, tạp chí *Thám tử* đăng bài *Sát thủ đi giày trắng* trên trang nhất. Con gái của một ông chủ công nghiệp lớn qua đời sau khi phá thai trước đó vài ngày, đó là một vụ tai tiếng, cô gái chưa được mười lăm tuổi. Bác sĩ bị cáo buộc làm việc này đã bị bắt và khai ra các đồng nghiệp với cảnh sát, và cảnh sát đã phá toàn bộ đường dây. Mẻ lưới này mang tầm lịch sử và Argentina chấn động đang vui mừng vì những kẻ cầm đầu đã sa lưới. “Hãn ta cho chúng tôi cái tên của một ông Gregor nào đó, chính là ông, Josef Mengele, viên sĩ quan gầm lên. Ông tự đẩy mình vào tình thế cực kỳ khó khăn: hành nghề y bất hợp pháp, phá thai chui, vi phạm đạo đức của một dân tộc đã rộng lòng đón nhận ông.” Có mặt luật sư riêng, Mengele bặm ria mép, phủ nhận tất cả, rồi lại thay đổi ý kiến, “chuyện xảy ra lâu lắm rồi, chỉ là làm giúp thôi, hai hoặc ba lần và đều diễn ra tốt đẹp... Tôi cực lực lên án các hành động của mình và không có ý định tiếp tục. Vậy thì, thưa ông sĩ quan, tại sao chúng ta không thỏa thuận và kết thúc vụ việc sai trái này?”

Viên sĩ quan dụi mắt, Mengele bị bắt giam. Con người siêu phàm sống dở chết dở. Buồng giam khai mùi nước tiểu, đệm đầy rận, còn thức ăn mà cai ngục mang cho hãn vào buổi sáng, buổi trưa và buổi tối thì thật ghê tởm.

Đến ngày thứ ba, viên sĩ quan gọi hắn tới: “Bao nhiêu?” Mengele đưa ra con số gấp đôi, rồi gấp ba số tiền ban đầu, vài trăm đô la, đủ để sống rất ổn ở Buenos Aires trong nhiều tháng.

Bị cơ quan tư pháp giám sát chặt chẽ, đội ơn một tên cớm gian xảo đã xếp hồ sơ của hắn vào tập tài liệu cá nhân, Mengele trở về với tâm trạng rối loạn, mỗi một, tuyệt vọng. Martha còn lo lắng hơn khi lao vào vòng tay của hắn. Cô run rẩy cho hắn xem bức điện mà Sedlmeier gửi hôm trước: “Đầu tháng Tám vừa rồi, một nhà báo đã kiện cậu ở Ulm.”

Vài tháng trước, Ernst Schnabel cho xuất bản một cuốn sách *best-seller*, *Theo dấu chân Anne Frank*. Ông ta đã điều tra hoàn cảnh cái chết của Anne Frank ở Bergen-Belsen và lấy làm tiếc rằng nhiều sĩ quan SS đã bốc hơi. “Chẳng hạn như không một ai biết bác sĩ Mengele chuyên lựa chọn tù nhân ở Auschwitz nay đã trở thành cái gì, đã chết hay còn sống ở đâu đó.” Nhiều tờ nhật báo địa phương đã in những đoạn trích của cuốn sách, trong đó có báo *Ulmer Nachrichten*. Ulm chỉ cách Gunzburg ba mươi sáu ki lô mét. Đầu mùa hè năm 1958, tòa soạn báo nhận được một lá thư nặc danh: “Ông Mengele đã kể cho người trông trẻ cũ rằng con trai của ông ta, bác sĩ trong lực lượng SS, đang sống ở Nam Mỹ... Vợ góa của người con trai khác của ông ta cũng đã tới sống với hắn ở đó.” Tổng biên tập đã gửi lá thư cho Schnabel, ông này lại chuyển thư cho công tố viên ở Ulm. Năm ngoái, ông ta đã kết án tù giam chín thành viên của *Einsatzgruppe** A đã từng hoành hành ở Litva.

Đơn khiếu nại được thụ lý, tòa án yêu cầu cảnh sát Gunzburg cung cấp thông tin, cảnh sát vội vàng thông báo cho gia đình Mengele.

34

Mengele đẩy mạnh Martha và ném đồng đĩa trên bàn ăn tối vào tường. Hai mắt đỏ ngầu, long sòng sọc, hăn gầm lên như kẻ điên, như con sói dại, giống như ở Auschwitz, khi hăn phát hiện ra cặp sinh đôi ở sân ga. Martha không còn nhận ra hăn nữa, không dám lại gần hăn, hăn ném hết thìa đĩa, cốc, một giá nến, tất cả những gì trước mặt hăn, rồi lên phòng, nhét vài bộ quần áo vào túi thể thao, vài tập tiền, hộ chiếu, rồi vội vã ra xe và lao đi mà không ngoái lại nhìn cô. Hăn tuyệt vọng, hăn đã quá ngây thơ, quá kiêu ngạo. Thật là một thằng ngốc thảm hại, thật là ngớ ngẩn, hăn đã chế giễu Eichman vì giấu mình bằng một cái tên giả, trong khi hăn ghi tên thật của mình vào sổ hộ khẩu của vùng! Một đứa trẻ cũng có thể tìm ra hăn! Mengele suýt cán chết vài nông dân trên con đường nơi chiếc xe của hăn lao như tên bắn, thẳng tiến về hướng Bắc, về phía Paraguay để ẩn náu ở nước này, hăn muốn chắc chắn rằng với một chút may mắn, các vụ phá thai, vụ kiện của tay nhà báo, tất cả mọi chuyện sẽ dịu đi. Gia đình hăn rất mạnh, mua được mọi thứ, chỉ cần ra giá, và lại hiện tại hăn không phải là đối tượng của bất cứ lệnh bắt giữ nào.

Mengele đến sống ở Asuncion. Von Eckstein và Jung tiếp đón hăn; Sedlmeier và Alois tới đây gặp hăn. Ông Karl đã mệt nên từ nay, người con trai út của gia đình điều hành doanh nghiệp đa quốc gia ấy. Ba người bàn luận rất lâu và xin lời khuyên của Rudel. Vốn là bạn chí cốt của Stroessner và là người trung gian được hưởng nhiều ưu đãi từ quân đội Paraguay, đối tác mua vũ khí của ông ta, viên phi công trấn an kẻ chạy trốn: Paraguay của Stroessner cũng giống như Argentina thời Peron, hăn không phải sợ gì cả và nên mua đất ở đây, đất nước này rõ ràng là thối nát và lộn xộn nhưng lại ổn định, sẽ không ai làm phiền hăn cả. Mặt mũi nhợt nhạt, Mengele nghiêng rằng: “Không phải bây giờ!” Hăn đã làm lại cuộc đời ở Buenos Aires, nhà của hăn rất đẹp, phòng thí nghiệm được của hăn vận hành tốt. Alois và

Sedlmeier động viên hãn đừng vội vã, hàng nghìn đơn kiện được nộp mỗi năm, phần lớn không khiến ai bị truy tố, và trong khi hãn ở Paraguay, họ giao cho hãn một nhiệm vụ mới, đó là bán một loại máy rải phân đang bán rất chạy ở châu Âu.

Mengele lại đến gặp nông dân, đi trên những con đường gập ghềnh dưới cái nóng gay gắt của tỉnh Chaco. Nhưng hãn chẳng có tâm trạng nào. Một nỗi lo lắng nặng trĩu đục khoét hãn, một linh cảm đen tối, cuộc sống của hãn có nguy cơ bị chao đảo một lần nữa, và trong khi lái xe, hãn nghĩ tới bức tranh trong bảo tàng Pinakothek ở Munich mà khi còn nhỏ hãn rất sợ, Jonas trong miệng cá voi, nhà tiên tri sẽ bị quái vật biển cả nuốt chửng. Bạn bè nhận thấy hãn thay đổi, già trước tuổi. Người trí thức hoạt bát mà họ ngưỡng mộ trước đây nay trở thành một con người trầm mặc và hay cáu giận. Một buổi chiều, hãn đã chửi mắng con trai Jung khi nó đọc thuộc lòng cho hãn nghe bài sinh học. Ở những buổi dạ tiệc mà bạn bè hãn tổ chức quanh bể bơi, hãn chỉ ăn vài lát bánh mì, đứng riêng một chỗ, trốn tránh, tâm trạng bứt rứt. Khi von Eckstein cố bắt chuyện, Mengele chỉ cười miễn cưỡng. Hãn chỉ cảm thấy bình an bên gia đình Haase, bên Martha và Karl-Heinz. Họ đều đặn đến thăm hãn trong những tháng cuối năm 1958. Cháu hãn tỏ ra là một thằng bé dễ thương, biết an ủi và thông minh, xứng đáng được nhận bản sao bức tranh khắc mà Durer tặng Mengele nhân dịp hãn tròn bốn mươi tuổi. Trong không khí gia đình, họ ăn mừng lễ Giáng sinh và năm mới ở nhà Jung. Các cựu thành viên quốc xã chạm cốc, 1959 sẽ là một năm tuyệt vời, Mengele thầm cầu mong tai qua nạn khỏi.

Visa của hãn đã hết hạn, hãn quyết định quay trở lại Buenos Aires.

35

Hắn vẫn chưa biết rằng mình đang bị một tên mật thám khác truy lùng. Một tay cộng sản người Áo, cựu binh từng tham gia chiến tranh Tây Ban Nha, từng là tù nhân ở trại tập trung Dachau và Auschwitz. Ở Auschwitz, ông ta làm thư ký riêng cho Eduard Wirths, bác sĩ trưởng của trại. Ông ta, Hermann Langbein, không bao giờ quên bác sĩ Mengele, cũng không tin rằng hắn biến mất. Ông ta đã tìm ra dấu vết của hắn khi vô tình đọc được báo cáo tư pháp về vụ ly hôn của hắn năm 1954. Hai năm trước đó, ông ta đã đồng sáng lập ủy ban Quốc tế Auschwitz để bồi thường cho những người sống sót của trại và giúp họ kiện những kẻ đã tra tấn họ ra tòa bằng cách thu thập thông tin và bằng chứng. Langbein kiên nhẫn, âm thầm điều tra và thu thập chứng cứ chống lại Mengele. Ông ta tin rằng hắn đang sống ở Buenos Aires, ông ta ghi lại thông tin về vị luật sư người Argentina đã tham gia vụ ly hôn. Langbein chuyển hồ sơ tới Bộ Tư pháp Liên bang nhưng được trả lời là không thuộc thẩm quyền của họ: trường hợp của Mengele do Viện Kiểm sát của bang giải quyết. Các tòa án đều từ chối, trừ tòa án Fribourg, nơi cuối cùng Mengele từng lưu trú mà người ta được biết. Hắn đã giúp Irene chuyển đến sống ở đây khi chiến tranh sắp kết thúc. Chính ở đây, ngày 25 tháng Hai 1959, công tố viên ra lệnh bắt giữ vì tội giết người có chủ đích và có âm mưu giết người. Langbein một mực khẳng định Mengele sống ở Buenos Aires, Bộ Ngoại giao phải yêu cầu chính phủ Argentina dẫn độ hắn.

Sedlmeier gửi điện tín báo cho Mengele về thông tin mà một tên cảnh sát đã tiết lộ. Lần này, không thể lẩn tránh được nữa, phải bán ngôi biệt thự và cổ phần ở Fadro Farm, đóng các tài khoản ngân hàng, chạy sang Paraguay. Không một biểu hiện nào cho thấy chính phủ mới của Argentina theo tư tưởng tự do, được bầu ra một cách dân chủ, cũng sẽ nương tay với cựu binh quốc xã như những người tiền nhiệm theo Peron và là quân nhân. Buenos Aires có thể sẽ chấp nhận yêu cầu của Bonn: Mengele kinh hãi, suýt nữa bị

khủng hoảng tinh thần khi sắp xếp các tờ tạp chí khoa học của hắn vào thùng các tông và từ biệt các đồng nghiệp ở phòng thí nghiệm được phẩm mà không giải thích lý do. Martha và Karl-Heinz vẫn ở lại Argentina nhưng phải chuyển chỗ ở. Hắn yêu cầu họ phải vô cùng kín đáo. Hắn ôm hôn hai người và hẹn gặp lại họ ở Asuncion, “rất sớm thôi”.

Một lần nữa, Rudel bay tới giúp đỡ hắn. Ông ta sẽ giúp hắn có được quốc tịch Paraguay: giữa Bonn và Asuncion không có hiệp định dẫn độ nào, tổng thống Stroessner sẽ không bao giờ giao một kiều dân đang sống tại nước của mình cho bất cứ thế lực nước ngoài nào, chủ quyền của Paraguay rất thiêng liêng. Sợ hãi trước ý nghĩ phải sống ở một thành phố lớn, Mengele xin ông bạn tìm cho hắn một nơi ẩn náu ở thôn quê, một khu đông kiều dân người Đức. Luôn là người hòa giải, Rudel gửi gắm hắn cho Alban Krug, một cựu binh quốc xã mặt đỏ, vai đô vật, đang sở hữu một trang trại ở Nueva Bavaria, cách biên giới Argentina vài ki lô mét.

36

Cuộc sống trôi đi chậm rãi ở Hohenau. Xóm nhỏ nằm quanh quảng trường nhà thờ noi những thổ dân Guarani ma lanh và mê tín hay nằm ườn xác. Trên những con đường màu đỏ ở trung tâm, bò lợn lội bì bõm, từng đàn côn trùng bay lượn quanh những quầy hàng bán lòng và da rắn, những đứa trẻ tóc vàng đánh xe bò đi tới sông Parana ở bên dưới. Xung quanh đó, những người châu Âu di cư đầu tóc dể dặt mồ hôi, làm việc vất vả trên các cánh đồng ngô và dưa hấu, dưới ánh mặt trời chói chang. Tiếng chim ruồi hòa nhịp với cuộc sống ỉ ề thường nhật của làng. Ngôi làng chỉ nhộn nhịp trong lễ hội bia mùa thu và bữa tiệc mùa xuân của vùng Souabe, khi những người nông dân ngà ngà say cùng ăn uống, nhảy múa trước mặt Mengele đang hoảng hốt nhìn họ. Họ trình diễn những vũ điệu *ronde* và *farandole* bất tận, giống như trong một bức tranh được danh họa Bruegel già vẽ từ bốn thế kỷ trước.

Trung thành, phàm ăn, vô học, Alban Krug khiến hấn nhớ tới Heinrich Lyons. Người bảo trợ hấn điều hành trơn tru một hợp tác xã gồm vài nông trại, nhưng theo bảng cân đối kế toán, anh ta thích bia của một trong những nguôi hùn vốn, thích các món ăn bổ dưỡng của vợ, thích săn bắn và câu cá, thích cậu con trai Oskar và các cô con gái ở bên cạnh cậu ta. Krug hoàn toàn không hiểu các phương pháp điều hành hiện đại mà kẻ ở nhờ cố truyền đạt cho anh ta. Mengele thường hay phải đi công tác, tiếp tục công việc chào hàng của mình, lang thang không mệt mỏi từ khu dân cư đến đồn điền khắp Paraguay, chỉ có những cuốn catalogue máy nông nghiệp và trạng thái tinh thần làm bạn đường. Mengele nguyên rửa, càu nhàu, cáu giận vì đã đánh mất vỏ kén Argentina, than thở cho số phận của mình, lo lắng bị bắt hoặc phải sống chui lủi mãi mãi ở nhà của lão ngốc Krug. Đôi khi, sau nỗi sợ hãi là tinh thần lạc quan thận trọng. Nếu có được quốc tịch Paraguay, hấn sẽ có thể làm lại cuộc đời, mua đất đai, chuyển đến đó sống cùng Karl-Heinz và

Martha, cho dù sẽ khó thuyết phục được cô. Vợ là một trong những mối bận tâm đau đớn nhất của hãn: thay vì ủng hộ hãn, cô không chịu nổi cảnh nắng nóng, mất điện, bụi đỏ len lỏi khắp nơi, “cô thấy Hohenau và nông thôn Paraguay không hợp với mình”. Lẽ ra hãn phải tát Martha khi cô khóc nức nở vì bị nhện cắn ngay buổi tối đầu tiên đến đây. Cô không muốn sống cuộc sống của kẻ đào tẩu, liên tục thay đổi chỗ ở, ngủ ở khách sạn, hãn đã khiến cô quen với cuộc sống xa hoa và cô rất đau khổ khi hãn vắng mặt, người quen của họ ở Buenos Aires không ngớt hỏi tin tức của hãn nhưng cô không biết trả lời thế nào, ở trường bọn trẻ con cũng hỏi Karl-Heinz, thằng bé bị rối loạn từ khi hãn ra đi. Mà nếu họ sống trong rừng thì thằng bé sẽ đi học tiếp ở đâu? Một thành viên của gia đình Mengele không thể học ở nơi nào cũng được. Martha tin rằng Josef đang làm quá lên. Hãn nên trở về Buenos Aires, họ sẽ hạnh phúc như những ngày đầu tiên, hãn không gặp rủi ro nào cả. Cô nghĩ thực ra, Karl con can đảm hơn.

Mengele đồng ý gặp Martha ở Asuncion. Ở đó, hãn cố gắng tạo ấn tượng tốt khi họ ăn tối với gia đình Jung và von Eckstein. Cuộc sống của hãn nằm trong tay họ, hai người này bảo lãnh cho đơn xin nhập quốc tịch của hãn, và von Eckstein đã giới thiệu hãn với một trong những luật sư giỏi nhất Paraguay, nhưng việc làm này là phi pháp: về nguyên tắc, cần phải sống ở Paraguay trong năm năm mới được phép xin nhập quốc tịch.

37

Một cuộc chạy đua với thời gian bắt đầu. Yêu cầu dẫn độ Mengele đã được Bonn chuyển tới Buenos Aires, một yêu cầu nữa đang trên đường tới Asuncion, có tin đồn rằng hãn đang trốn ở Paraguay. Ở Argentina, thủ tục kéo dài, các rào cản pháp lý và hành chính ngày càng nhiều thêm, đại sứ Đức Junker phản đối, lần chần tránh né, yêu cầu dẫn độ qua tay Bộ Ngoại giao, chủ tịch Thượng viện, tổng kiểm sát trưởng, một thẩm phán của Tòa án Liên bang, cảnh sát, các tòa án sơ thẩm. Thật ra, chính phủ Argentina và chính phủ Tây Đức chấp nhận mớ bòng bong lớn này. Ở Paraguay, Bộ Nội vụ và cảnh sát có nghe phong thanh rằng sắp có yêu cầu dẫn độ, Interpol đã yêu cầu họ cung cấp một bản sao hồ sơ của người xin nhập quốc tịch, nhưng Rudel đã can thiệp. Bạn của ông ta, bác sĩ tài năng Josef Mengele, bị truy tố ở Đức vì quan điểm chính trị, chứ không làm gì tàn ác cả, Mengele rất quý giá đối với Paraguay, vì thế cần phải khẩn trương cấp quốc tịch cho anh ta: tháng Mười một 1959, việc đã xong, Tòa án tối cao Paraguay đã trao cho Mengele tư cách công dân, giấy phép cư trú, lý lịch tư pháp trong sạch và một tấm thẻ căn cước.

Tuy nhiên, Mengele suy sụp mà đến nhà Jung, ở đó họ tổ chức một bữa tiệc nhỏ mừng tin vui. Mắt ngấn nước, hãn nức nở: cha hãn vừa qua đời. Nước Đức mất đi một người yêu nước, còn hãn mất đi người đồng minh muôn thuở, lá chắn của hãn, người cha đáng sợ và không nhân nhượng nhưng cho dù thế nào cũng không bao giờ bỏ rơi hãn. Ở nơi cách xa Gunzburg hàng nghìn ki lô mét, nơi một bức ảnh chân dung lớn của người đã khuất được treo ở mặt trước tòa thị chính, Mengele thổ lộ tâm tư bên bờ hồ bơi lung linh ánh đèn, trong đêm khó chịu ở Asuncion. Hãn kể lại cho Eckstein, Karl-Heinz, gia đình Jung, gia đình Haase và Rudel về chuyên leo núi Hirschberg với cha mình mùa hè năm 1919. Lần đó chỉ có hai người, họ đã cắm trại, một con bướm tới đậu trên tay áo của hãn, và từ đỉnh núi nhìn

xuống, các hồ nước của vùng Bavière lấp lánh như những cuộn phim phủ bạc. Khi hãn còn nhỏ, trước khi đi ngủ, người cha mà hãn rất sợ hãi thường đọc cho hãn nghe một câu cầu nguyện bằng tiếng La tinh học được từ các tu sĩ dòng Trappe sau khi hãn suýt chết đuối trong một bể nước mưa hồi sáu tuổi: *procul recedant somnia, et noctium phantasmata*: xin những giấc mơ và các quái vật đêm tránh xa chúng ta.

Mengele đau đớn khôn nguôi, nói lập bập và khóc nức nở như một đứa trẻ. Hãn sẽ về dự lễ tang, bằng bất cứ giá nào, hãn sẽ lên chuyến bay đầu tiên của ngày mai để trở lại châu Âu. Rudel can ngăn hãn, như thế khác nào tự sát, cảnh sát sẽ tóm được hãn ở nghĩa trang, hãn phải từ bỏ ý định này.

Ngày an táng, ban tổ chức tang lễ đặt lên mộ một vòng hoa có ghi dòng chữ không biết của ai: “Từ phương xa, kính xin từ tạ”.

38

Ở Buenos Aires, Eichmann, nay là nhân viên giao nhận làm việc cho hãng Mercedes, đã bị lộ.

Lothar Hermann, một người Do Thái mù quốc tịch Đức, tị nạn ở Argentina, tin chắc rằng đã tìm thấy dấu vết của Eichmann. Con gái của người này từ lâu đã thường gặp gỡ Nick Eichmann, tên này luôn ca ngợi các chiến công của cha mình trong chiến tranh và cảm thấy tiếc vì nước Đức không tiêu diệt hết người Do Thái. Năm 1957, Hermann viết thư cho kiểm sát trưởng của bang Hesse, Fritz Bauer. Thay vì hợp tác với các cơ quan mật vụ và đại sứ quán Đức ở Buenos Aires, do các cơ quan này đã bị cựu binh quốc xã thâm nhập, Bauer quyết định bí mật chuyển thông tin tới Mossad*. Cơ quan tình báo Israel nhanh chóng tổ chức điều tra ở Argentina nhưng không xác thực được gì và Mossad thôi dò xét: Hermann đòi quá nhiều tiền; nơi ở của người bị tình nghi là tên đại đồ tể thám sát người Do Thái ở châu Âu là một túp lều ở ngoại ô Buenos Aires. Không thể tin được. Nhưng Bauer tin vào luận cứ của Hermann. Ông ta dõi theo một nguồn tin thứ hai xác minh câu chuyện của Hermann: Ricardo Klement chính là Adolf Eichmann. Lần này, Mossad sẽ can thiệp, quyết định bắt cóc tay sĩ quan ss được đưa ra vào tháng Mười hai 1959.

Isser Harel, người đứng đầu Mossad, dự định bí mật lên kế hoạch cho cuộc bắt cóc thứ hai: trong danh sách săn lùng, ông mơ ước được ghi thêm cái tên Mengele. Yêu cầu dẫn độ của phía Tây Đức đã rò rỉ trên báo chí và Hội nghị Do Thái thế giới khuyến khích những người sống sót từ trại Auschwitz đứng ra làm chứng về tội ác của hắn với Langbein. Harel chỉ nắm được những thông tin tản mát và đã cũ: Mengele đổi tên thành Gregor, điều hành một xưởng đồ nội thất ở trung tâm Buenos Aires. Kế hoạch của ông ta rất đơn giản: sau khi bắt được Eichmann, dự kiến vào ngày 11 tháng Năm

1960, quân của ông ta sẽ có chín ngày để tóm tay bác sĩ quốc xã và đưa hắn lên máy bay đi Israel cùng với Eichmann.

Từ khi trở thành công dân Paraguay và nhận được một phần thừa kế, Mengele cố tống khứ những suy nghĩ đen tối. Hắn chơi lướt ván, khám phá các bộ tộc Guayaki cùng với con người kỳ quặc von Eckstein và lại khá bình thản trù tính tương lai. Căng thẳng đã dịu đi bên Martha, hắn lại tự do đi lại. Đầu năm 1960, khi các nhóm của Mossad chuẩn bị bắt cóc Eichmann ở Buenos Aires, hắn nghỉ lại nhiều ngày ở nhà trọ nơi Martha chuyển đến sống cùng Karl-Heinz, ở khu Vicente Lopez. Vài tuần sau đó, vào tháng Tư, họ lại gặp nhau tại khách sạn Tirol, một khách sạn cao cấp ở thành phố Encarnacion của Paraguay. Người bạn không mệt mỏi Sedlmeier cũng tới gặp họ. Họ nói chuyện về tài chính, về phương thức liên lạc và triển vọng phát triển của chi nhánh ở Paraguay. Mengele cho ông bạn xem ảnh chụp một ngôi nhà xinh đẹp mà hắn định mua ở vùng Alto Parana. Hắn quay lại nhà của Krug với tâm trạng thanh thản, gần như tươi vui, vì cuối cùng Martha cũng chấp nhận ý nghĩ đi sống lưu vong cùng hắn.

Đầu tháng Năm, chiến dịch Attila bước vào giai đoạn nước rút, đội biệt động Mossad đã đến Buenos Aires. Harel xếp hồ sơ mang mật mã Mengele vào hành lý của mình. Ngày 11, như dự kiến, Eichmann bị bắt cóc. Ở nơi giam giữ, mật vụ Israel tra hỏi: y có biết Mengele không? Hắn đang ẩn náu ở đâu? Hiện nay trông hắn thế nào? Hắn thường làm gì ở Buenos Aires? Hắn thường gặp gỡ ai? “Eichmann, Mengele ở đâu?” Cựu sĩ quan quốc xã vẫn im lặng. Cho dù giữa họ có những tranh cãi và y thì khinh bỉ hắn, nhưng y vẫn từ chối phản bội đồng đội: “Danh dự của tôi tên là nghĩa khí.” Mật vụ Israel kiên trì, hứa hẹn, dọa dẫm, nài nỉ, và cuối cùng Eichmann tiết lộ địa chỉ của nhà trọ ở Vicente Lopez.

Thời gian quá gấp gáp, mật vụ Israel thận trọng, trong khi các cựu binh quốc xã ở Buenos Aires cảnh giác cao độ. Ngay khi Eichmann biến mất, các con trai của ông ta vội đến nhà Sassen để phối hợp tìm kiếm. Chắc chắn vụ này do người Do Thái làm, họ không nghi ngờ gì nữa, và dự định làm nổ tung đại sứ quán Israel hoặc bắt cóc đại sứ để trả đũa; chúng lúng lúng khắp

thành phố với sự trợ giúp của những tên phát xít trong đội ngũ dân quân Tacuara và Đoàn thanh niên Peron; Sassen được giao nhiệm vụ giám sát sân bay.

Harel cử hai mật vụ đến nhà trọ, đó là một căn biệt thự biệt lập hàng rào bao bọc, nằm cuối một con phố hẹp, khó giám sát vì sẽ nhanh chóng bị phát hiện. Bà chủ nhà trọ không biết ông Gregor hay Mengele nào cả. Một tay đưa thư lăm lờn tiết lộ: một gia đình Mengele đúng là từng sống ở đây nhưng đã biến mất cách đây vài tuần, không để lại địa chỉ để có thể gửi thư từ cho họ. Ở xưởng đồ nội thất, không một ai từng nghe nói về một người Đức tên là Gregor. Ngày lại ngày trôi đi, vẫn không tìm ra tên bác sĩ tị nạn ở Paraguay, nhưng Harel không lùi bước. Mengele “cháy như một ngọn lửa trong người ông ta”, người đứng đầu Mossad thậm chí còn định tấn công nhà trọ vì tin rằng hắn vẫn còn lẩn trốn ở đây. Nhưng nhân viên của ông ta ngăn lại, ông ta có nguy cơ làm hỏng toàn bộ chiến dịch.

Ngày 20 tháng Năm 1960, một máy bay của hãng El Al bay từ Buenos Aires tới Tel Aviv, chở theo Adolf Eichmann mặc đồng phục của phi hành đoàn và bị đánh thuốc mê. Harel thề với quân của mình rằng sẽ nhanh chóng tóm được Mengele. Một đơn vị đặc nhiệm mới sẽ được thành lập, chuyên truy lùng các cựu binh quốc xã, và tên bác sĩ của trại Auschwitz sẽ là mục tiêu đầu tiên.

39

Vài ngày sau, khi Ben Gourion thông báo với Knesset* đã bắt được Eichmann, đám tội phạm chiến tranh đang tị nạn ở Nam Mỹ thật sự choáng váng. Ai sẽ là người tiếp theo trong danh sách? Ai sẽ bị bắt cóc, bị đánh như tử, bị giết chết một cách lạnh lùng ngay trên giường ngủ hay ở bãi đỗ xe trong tay một đặc nhiệm báo thù bất thành linh xuất hiện? Năm sau, ai sẽ bị đưa tới Israel bằng vũ lực, đứng trong một cái lồng kính điếm nhục như một con quái thú, chịu sự trừng phạt của người Do Thái và công luận thế giới, giống như Eichmann trong phiên tòa ở Jerusalem? Các cựu binh quốc xã sống lưu vong sẽ không được yên ổn nữa. Nếu muốn toàn mạng, chúng phải lánh đời, từ bỏ các thú vui trần tục, tự kết án mình sống một cuộc sống chui lủi của kẻ đào tẩu, phải chạy trốn không ngừng nghỉ, không nơi ẩn náu.

Lần này, cuộc săn lùng cựu binh quốc xã được tiến hành công khai.

Phóng viên trên khắp thế giới tới điều tra ở Buenos Aires. Vụ bắt cóc Eichmann mở ra một kỷ nguyên mới; đó là sự sỉ nhục đối với Argentina, là thảm họa đối với Tây Đức. Argentina phải chứng minh rằng đất nước này không phải là nơi chứa chấp cựu binh quốc xã: ngày 20 tháng Sáu, lệnh bắt giữ Mengele được công bố, dẫn tới việc Lothar Hermann bị bắt vào năm sau đó, ông này bị cáo buộc là bác sĩ ở trại Auschwitz; còn nước Đức phải tỏ ra sẵn sàng xét xử các tội phạm và đối mặt với quá khứ của mình. Bắt đầu có lực đực lớn, các nhóm quốc xã ở Buenos Aires tan rã. Sassen bị đồng đội nghi ngờ đã phản bội Eichmann. Ông ta bán các băng ghi âm của mình với giá đắt như vàng cho tạp chí *Life* và các hãng truyền thông của Đức và Hà Lan, sau đó chạy trốn sang Uruguay, ở đây ông ta tự xưng là một “lính quốc xã đã giải ngũ”.

“Tên Eichie ngu xuẩn và tự phụ cùng tội lỗi tệ hại của nó!” Mengele tức điên lên khi nghe tin về vụ bắt cóc Eichmann qua đài phát thanh, trong bếp nhà Krug. Hãn chửi bới người Do Thái đáng nguyên rủa, người Argentina

vô dụng, người Đức ăn tiền, và tất cả thế giới, và khi Krug nói rằng hẳn không việc gì phải sợ bởi vì hẳn làm theo theo lệnh của cấp trên và chăm sóc mọi người trong trại, thì Mengele muốn cho ông ta một phát đạn vào giữa hai mắt, ông ta và cả gia đình của ông ta đang uể oải ngồi bên bàn ăn tối nữa. Đúng thế, hẳn sẽ hạ từng người một, bọn con gái sau cùng, quỳ xuống lữ ngu, nhà Krug sẽ chết thay người Do Thái, người Argentina, người Đức, toàn thế giới, cả tên khốn Eichmann, giá như hẳn có thể giết tên khốn ấy trong xà lim ở Israel, rồi hẳn sẽ trốn vào rừng, biến mất mãi mãi. Nhưng Mengele bắt đầu run rẩy, hai bàn tay, hai cánh tay, hai đùi rung bần bật như đang dọa phản bội hẳn, bà Krug giúp hẳn ngồi xuống và ép hẳn uống một cốc nước đường. Khi tỉnh táo trở lại, hẳn chỉ có thể đối diện với chính thực tế tồi tệ ấy: đó là cái giếng sâu, nơi vạ bắt cóc nhấn chìm Eichmann và hẳn tin chắc là mình cũng sẽ chết đuối trong đó. Eichmann sẽ rất sẵn lòng ném hẳn cho Israel. Những kẻ khác cũng sẽ nói ra, hẳn đã để lại dấu vết ở khắp nơi, giấy tờ của hẳn đều mang tên hẳn, hẳn còn có vợ, con trai, sẽ rất dễ dàng để lại lên đường, đi đến trang trại trồng huơ trồng hoác mà chỉ mình Krug, một khẩu súng lục Walther cũ và vài cái xiên phòng thủ, một trò đùa trước những sát thủ tinh nhuệ của Mossad. Thế là Mengele di chuyển liên tục; hẳn không cảm thấy yên ổn ở bất cứ đâu. Cả ngày lẫn đêm, hẳn nhay nhay bộ ria của mình và đi quanh quẩn như con ong vò vẽ bị rơi vào bẫy trong chiếc cốc thủy tinh và sắp bị ngạt. Khi hẳn ngủ thiếp đi, khoảng ba, bốn giờ sáng, sau khi uống vài viên thuốc ngủ, thì chỉ cần một tiếng động rất nhỏ, tiếng sàn gỗ kêu, một con côn trùng nhỏ xíu, cũng khiến hẳn bật dậy. Hẳn sợ bị phát hiện khi giờ đây chính phủ Tây Đức treo thưởng hai mươi nghìn mark cho cái đầu hẳn, và (rốt cuộc) hẳn đã trở thành nhân vật nổi tiếng thế giới. Báo chí thuật lại các tội ác tàn bạo mà hẳn đã gây ra và đăng ảnh của hẳn. Từ nay, Rolf đã biết rằng cha của nó không mất tích ở Nga, mà chính là thần chết ở trại Auschwitz. Với bạn bè ở Asuncion, Mengele cố sức biện minh, giảm nhẹ vai trò của mình, tuy nhiên mọi người vẫn xa lánh hẳn, Jung tránh mặt và sẽ trở về Đức, chỉ riêng von Eckstein tin lời hẳn. Hẳn sợ hãi, đau khổ, than thở: Haase, người bạn trung thành trước đây vẫn đều đặn

gửi cho hã các tập thơ, viết thư khuyên hã không nên mất tinh thần, kháng cự và đứng vững, thì lại vừa mới chết vì ngã thang ở Buenos Aires.

Tháng Chín 1960, Mengele quyết định phải chạy trốn càng nhanh càng tốt, bỏ lại tất cả, làm lại từ đầu ở tuổi bốn mươi chín, nếu không Israel sẽ bắt hã. Đơn vị đặc nhiệm của Mossad đang giám sát mọi hoạt động đi lại của vợ con hã và đang tiến đến gần trang trại của nhà Krug, đem đến nhiều mối nguy hiểm. Rudel đưa cho hã một khẩu súng lục Mauser và một thẻ căn cước mới của Brazil với cái tên Peter Hochbichler. Mengele phải rời xa Martha và Karl-Heinz, họ trở về châu Âu mà không chào từ biệt hã. Hã vội vã đốt hết các ghi chép, hộ chiếu Đức, và hủy hết các tiêu bản lấy từ trại Auschwitz. Rạng sáng ngày 1 tháng Mười, Krug và Rudel đưa hã trên xe jeep tới biên giới Brazil. Khi con người cao lớn lực lưỡng ấy kêu to với hã rằng cuộc chiến của hã chưa kết thúc, Mengele không quay đầu lại, cứ dẫn bước vào những lối đi quanh co xanh thẫm của rừng già.

Vậy là hã mắc vào lời nguyền của Cam, kẻ sát nhân đầu tiên của nhân loại: lang thang và trốn chạy trên trái đất, người nào gặp hã sẽ giết hã.

PHẦN HAI



Chuột cống

“Hình phạt tương ứng với tội lỗi: bị tước bỏ mọi niềm vui sống, chán sống cực độ.”

KIERKEGAARD

40

Trong bảo tàng Tinguely ở Bâle, có một căn phòng chìm trong bóng tối. Không khí tàn sát, phòng tra tấn bị bỏ quên. Một con quái vật đầu hà mã đứng giữa các bức tượng-máy làm từ nhiều bộ xương động vật, từ gỗ và xà nhà cháy, từ kim loại bị lửa làm cho xoắn lại, từ những vật liệu mà Jean Tinguely thu nhặt được trong đống đổ nát của một trang trại bị sét đánh, gần ngôi làng ở Thụy Sĩ nơi ông đặt xưởng của mình. Trong số những gì còn sót lại đã bị cháy thành than, có bộ khung của một cỗ máy tách hạt ngô mang thương hiệu Mengele.

Các bức tượng-máy lắc lư dưới một vầng mặt trời đen. Bánh xe, ròng rọc, xích, đai ốc nghiêng kèn kẹt, lạo xạo trong một bãi tập kết phân loại phế thải lộn xộn. Các hàm thép mở ra, rộng ngoác, những hộp sọ người và động vật tách rời nhau và rơi xuống đoạn dốc có đai kim loại, côn trên các bức tường, bóng của chúng xoay tròn trông như những chiếc ống tiêm rất lớn, những chiếc rìu của đao phủ, cưa, búa, lưỡi hái, những cái giá treo cổ. Một điệu valse lộng óc, trong khi ở phần còn lại của bảo tàng là tiếng nhạc jazz đập thình thình và những hình ảnh màu xanh lá, xanh dương, bóng loáng của dòng sông Rhin phản chiếu qua các vách kính. Ngập trong đống đồ sắt cũ hỏng, người khách tham quan bị các bức tượng-máy nuốt trọn. Chúng dọa đánh đập và xé xác anh ta, nhảy xổ vào để lôi anh ta đến tận đoạn dốc*. Bị cái chết và các trại tập trung quốc xã ám ảnh, Tinguely đã tạo ra phòng trưng bày *Mengele - vũ điệu chết chóc*.

Vũ điệu chết chóc ở trại Auschwitz ấy, một bác sĩ pháp y người Hungary đã bị ép phải thực hiện vào mùa hè và mùa thu năm 1944. Miklos Nyiszli là một trong những *Sonderkommando*, những cái xác sống buộc phải thu thập tóc và lấy vàng từ các xác chết ngạt trước khi ném chúng vào lò. Nyiszli người Do Thái là tay dao của Mengele. Theo lệnh của hắn, ông cưa các chỏm sọ, mở lồng ngực, cắt màng ngoài tim, và sau khi thoát khỏi địa ngục

ấy một cách kỳ diệu, ông đã ghi lại điều không thể tưởng tượng nổi và vô cùng khủng khiếp trong cuốn sách *Bác sĩ ở Auschwitz*, được xuất bản ở Hungary ngay sau chiến tranh và ở Pháp năm 1961.

“Mengele làm việc không mệt mỏi. Ông ta dành hàng giờ để lúc thì chìm đắm trong công việc, lúc thì đứng cả nửa ngày ở sân ga tập trung người Do Thái, nơi mỗi ngày có bốn đến năm chuyến tàu chở người bị giam giữ từ Hungary đến... Cánh tay của ông ta luôn vung về một phía: bên trái. Những chuyến tàu chở đầy người được chuyển tới các phòng hơi ngạt và giàn thiêu...”

Mengele coi việc đưa hàng trăm nghìn người Do Thái tới phòng hơi ngạt là một nghĩa vụ thể hiện lòng yêu nước.”

Trong lán thử nghiệm của trại giam người Di gan, “người ta thực hiện tất cả các xét nghiệm y tế mà cơ thể con người có thể chịu đựng được trên người lùn và các cặp sinh đôi. Lấy máu, chọc tủy sống, trao đổi máu giữa các cặp sinh đôi, vô số xét nghiệm trên cơ thể sống gây mệt mỏi, làm suy sụp tinh thần”. Để nghiên cứu so sánh các bộ phận của cơ thể, “các cặp sinh đôi phải chết cùng một lúc. Họ chết như vậy ở một trong những lán của trại Auschwitz, ở khu B, trong tay bác sĩ Mengele”.

Hắn tiêm cho họ vài mũi chloroforme vào tim. Các bộ phận được lấy ra, gắn nhãn “quân dụng khẩn cấp”, rồi được gửi tới Viện Kaiser Wilhelm ở Berlin, đứng đầu là giáo sư von Verschuer.

“Mengele được coi là một trong những đại diện sáng giá nhất của nền y khoa Đức... Và công việc mà ông ta thực hiện trong phòng phẫu tích là nhằm phục vụ cho tiến bộ của y học Đức.”

Khi dịch ban đỏ lan ra trong các lán nhốt người Do Thái ở Hungary, “Mengele chỉ đạo đưa họ lên xe tải đến thẳng lò thiêu”.

Nyiszli bị vầng hào quang chết chóc của kẻ tra tấn mình ám ảnh: “Tâm trạng vui vẻ, vẻ mặt tươi tắn che đậy sự tàn bạo của ông ta. Thái độ vô liêm sỉ gây bất ngờ, ngay cả trong trại... Bác sĩ Mengele là một cái tên khủng khiếp..., con người mà tất cả mọi người đều khiếp đảm nhất ở trại. Chỉ nghe tiếng ông ta thôi, mọi người đều run sợ.”

Nyiszli miêu tả sự hăng hái đến phát điên của hắn trong phòng phẫu tích của nhà hỏa thiêu cho tới mùa thu năm 1944, khi nước Đức đã thua trận: “Bác sĩ Mengele đến như thường lệ vào khoảng mười bảy giờ... Ông ta làm việc hàng giờ bên cạnh tôi, giữa những ống kính hiển vi, các nghiên cứu, ống nghiệm, hoặc đứng hàng giờ liền bên bàn phẫu tích, áo blouse vấy máu, hai bàn tay đầy máu, khám nghiệm và nghiên cứu như bị ma ám... Vài ngày trước, tôi ngồi cùng ông ta trong phòng phẫu tích, ngay cạnh bàn. Khi chúng tôi lật giở tập hồ sơ về các cặp sinh đôi thì trên bì xanh nhạt của một hồ sơ, ông ta nhận thấy một vết mờ màu xám. Bác sĩ Mengele nhìn tôi với ánh mắt nghi hoặc và nói bằng giọng vô cùng nghiêm trọng: ‘Tại sao anh có thể vô ý như thế với các hồ sơ mà tôi đã dành biết bao tình yêu để thu thập!’ “

Một ngày bình thường của Nyiszli thật kinh khủng. “Ánh sáng đỏ rực của các giàn thiêu và khói xoáy tròn từ ống khói của bốn lò thiêu bay tới tận đây. Không khí nặng mùi thịt và tóc cháy. Các bức tường vang lên tiếng kêu chết chóc và tiếng đạn nổ từ nòng súng gí vào người. Đây là nơi bác sĩ Mengele tới thư giãn sau mỗi cuộc phân loại và mỗi lần nổi lửa lò thiêu. Đây là nơi ông ta ngồi lúc rảnh rỗi, và trong không khí ghê rợn ấy, với một sự điên rồ lạnh lùng, ông ta lệnh cho tôi mở tử thi của hàng trăm người vô tội buộc phải chết. Vi khuẩn được cấy trong một tủ sấy điện và được nuôi bằng thịt người tươi. Bác sĩ Mengele ngồi hàng giờ trước kính hiển vi tìm kiếm nguyên nhân dẫn đến hiện tượng sinh đôi, hiện tượng mà sẽ không một ai giải thích được.”

41

Một hôm, từ đoàn tàu bước xuống một người cha gù và cậu con trai thọt chân, hai người Do Thái đến từ khu biệt cư *ghetto* ở Lodz. Nhìn thấy họ ở sân ga, Mengele lập tức cho họ ra khỏi hàng và đưa thẳng tới nhà hỏa thiêu số 1 để Nyiszli khám nghiệm. Bác sĩ người Hungary lấy các số đo của họ và cho họ ăn món mì xào bò, “bữa ăn cuối cùng”, ông viết. Lính SS đưa họ đi, lột quần áo rồi gi súng bắn chết họ theo lệnh của Mengele. Xác của họ được đưa đến cho Nyiszli. Ông cảm thấy vô cùng ghê tởm nên đã giao cho đồng nghiệp làm phẫu tích.

“Buổi chiều muộn, sau khi ra lệnh giết ít nhất mười nghìn người, bác sĩ Mengele tới. Ông ta sốt sắng nghe tôi báo cáo về các kết quả quan sát được trên cơ thể sống cũng như kết quả mổ xác hai nạn nhân tàn tật. ‘Không được hỏa thiêu hai cái xác này, mà cần chuẩn bị và gửi cả hai bộ xương đến Berlin, đến Bảo tàng Nhân học. Anh biết những phương pháp nào để róc sạch hoàn toàn các bộ xương?’ ông ta hỏi tôi.”

Nyiszli đề nghị ngâm xác vào dung dịch clorua vôi để phân hủy các phần mềm của xác sau hai tuần hoặc đun xác trong nước sôi cho tới khi có thể tách thịt ra khỏi xương. Sau đó ngâm xác vào bể xăng để hòa tan các chất béo cuối cùng, làm cho bộ xương trắng, khô và không có mùi. Mengele lệnh cho ông dùng phương pháp nhanh nhất, đó là đun chín. Lò nấu được chuẩn bị. Thùng sắt được đặt lên bếp, bên trong đun sôi âm ỉ xác của người gù và người thọt chân, cha và con, những dân thường Do Thái ở Lodz.

Nyiszli viết: “Sau năm tiếng đồng hồ, tôi thấy các phần mềm dễ dàng tách ra khỏi xương. Vì thế tôi cho tắt lửa, nhưng các thùng sắt vẫn được để nguyên tại chỗ cho tới khi nguội hẳn.”

Ngày hôm đó, nhà thiêu không hoạt động. Các tù nhân thợ nề sửa chữa ống khói của nó. Một trợ lý của Nyiszli hốt hoảng đến tìm ông: “ ‘Thưa bác sĩ, lũ Ba Lan đang ăn thịt trong thùng sắt.’ Tôi chạy nhanh tới. Bốn tù nhân

nước ngoài mặc áo len thô kẻ sọc đang đứng quanh các thùng, về mặt kinh hãi... Vì quá đói, họ đi tìm thức ăn trong sân và vô tình lại gần các thùng sắt, chỉ trong vài giây không được giám sát. Họ tưởng đó là nôi thịt dành cho *Sonderkommando*, tưởng họ đang nấu nướng trong đó... Các tù nhân Ba Lan chết đứng vì kinh hãi khi biết mình vừa ăn thịt gì.”

Cuối cùng, hai bộ xương được đặt lên bàn phẫu tích của phòng thí nghiệm. “Bác sĩ Mengele rất hài lòng: ông ta dẫn tới vài đồng nghiệp là sĩ quan cấp trên để cho họ xem hai bộ xương. Tất cả bọn họ đều tỏ vẻ nghiêm trọng và tuôn ra những thuật ngữ khoa học to tát... Rồi hai cái xác được cho vào những chiếc túi to làm bằng loại giấy bền chắc, sau đó gửi tới Berlin với dấu đóng trên túi: ‘Chuyển hỏa tốc, Quốc phòng’.”

Mengele là quý Xa tăng châu Âu. Tên bác sĩ kiêu ngạo này đã phẫu tích, tra tấn, thiêu chết trẻ em. Đứa con của gia đình tử tế vừa huýt sáo vừa đưa bốn trăm nghìn người vào phòng hơi ngạt. Suốt một thời gian dài, hắn tưởng rằng có thể dễ dàng thoát tội, hắn, tên quái thai đê nhục và cuồng nhiệt, tự cho mình là một vị á thần, kẻ giẫm đạp lên luật pháp và cấm giới, và lạnh lùng buộc con người, đồng loại của mình, phải chịu biết bao đau đớn và buồn khổ.

Châu Âu là biển nước mắt.

Châu Âu là mồ chôn một nền văn minh bị tiêu diệt trong tay Mengele và quân áo đen mang huy hiệu đầu lâu xương chéo, mũi tên tẩm thuốc độc được bắn đi năm 1914.

Mengele, nhân viên mẫu mực của nhà máy tử thần, kẻ tiêu diệt Athenes, Roma và Jerusalem, nghĩ rằng có thể thoát khỏi hình phạt.

Nhưng giờ đây hắn đã bị lộ diện, là nô lệ cho sự tồn tại của mình, trong tình thế tuyệt vọng, Cain hiện đại trôi dạt ở Brazil.

Giờ đây hành trình đi xuống địa ngục của Mengele bắt đầu. Hắn sẽ mòn mỏi và lạc lối trong đêm.

Buộc chiếc khăn tắm quanh hông trong phòng tắm ở tầng hai, Mengele bực bội lại gần gương. Quảng mắt hăn vẫn sừng lên, màu xanh nhạt của chúng tương phản với sắc nhợt nhạt của khuôn mặt, nửa thân trên gầy đi, lồng ngực xẹp xuống. Mấy tháng nay hăn gầy đi biết bao! Hăn mím môi và gặm gặm bộ ria mép, một anh hề ở hội chợ, tóc hoa râm, xấu kinh hoàng, hăn nghĩ, trông không giống kiểu Đức, không giống trí thức tí nào, khi ăn xúp, hăn liếm bộ ria như một lão già khó tính. Hăn rất ghét bộ ria này, nhưng nó che đi phần nào khe răng cửa trên của hăn, khiến hăn yên tâm, cho dù gần như không gì làm cho hăn yên tâm được từ một năm nay, từ khi tới Brazil, và sáng nay ngày 7 tháng Mười 1961, hăn lại càng lo lắng hơn thường lệ, một khối tròn lớn đang hành hạ dạ dày của hăn. Như một cái máy, hăn xoa hai bên thái dương từ dưới lên trên trước gương, như thể động tác xoa sẽ làm tan biến các cơn đau và làm phẳng cái trán dô của hăn, cái trán đáng nguyên rủa gây phiền nhiễu cho hăn và rốt cuộc sẽ phản bội hăn cùng với cái khe răng thừa, Irene đã cảnh báo hăn từ mười lăm năm trước.

Mengele nhắm mắt lại, và vốn không tin vào bất cứ điều gì, hăn khẽ đọc đi đọc lại câu thần chú của Rudel, chỉ người nào buông xuôi mới bị thua cuộc, hăn nắm chặt hai tay. Giờ đây hăn phải tích cực lên, cạo râu và đánh răng, mặc quần vải, đi giày, mặc áo sơ mi vải thô cài cúc cao tận cổ, không đeo cà vạt, trời đã quá nóng rồi, và chỉnh lại chiếc mũ rộng vành mà hăn luôn đội trên đầu. Mengele xách hai chiếc va li đi xuống cầu thang, một người đàn ông tươi cười đợi sẵn dưới chân cầu thang, xách hành lý của hăn và xếp vào cốp của một chiếc xe Ford Anglia bình dân. Họ rời thành phố Itapecerica lúc gần tám giờ sáng.

Người đàn ông nhiệt tình giúp đỡ hăn đeo kính đen và tên là Wolfgang Gerhard. Anh ta đại diện cho *Kameradenwerk* của Rudel ở vùng São Paulo và viên phi công đã liên hệ với anh ta ngay khi quyết định bí mật đưa

Mengele tới Brazil. Ở Gunzburg, lúc đầu gia đình hẳn rất hoài nghi: Gerhard phải sống bám từ khi rời khỏi nước Áo năm 1949, liệu anh ta có chiếm đoạt số tiền khổng lồ của hắn hay không? Liệu có thể tin vào con người thường hát trong dàn hợp xướng và có vẻ nghiện rượu ấy không, lũ chỉ điểm cho họ có biết rõ điều này không? Rudel trấn an họ, Gerhard sẽ không đòi hỏi một xu nào, bảo vệ một tội phạm chiến tranh tầm cỡ như Mengele là một vinh dự, một hành động dâng hiến vô giá đối với một người cuồng chủ nghĩa quốc xã như anh ta. Con trai của anh ta tên là Adolf. Anh ta mơ ước được buộc xác của Simon Wiesenthal vào xe ô tô và kéo đi trên phố vào ngày cưới như những hộp thức ăn. Mỗi dịp Noel, trên ngọn cây thông của nhà Gerhard gắn chữ thập ngược.

Trong khi người lái xe đi về hướng Bắc, Mengele quan sát đôi tay lông lá của anh ta điều khiển vô lăng và đôi chân quá dài đối với khoang lái chiếc Ford. Gerhard khiến hắn nghĩ tới một thanh niên trèo lên đu quay của trẻ em, sung sướng vì khiến đám bạn vẫn nghi ngờ về thói bạo gan của mình phải kinh ngạc. Gerhard huýt sáo, hôm nay là một ngày tuyệt vời với anh ta, anh ta chỉ mới hai mươi tuổi khi chiến tranh kết thúc và thường in những tập tuyên truyền khó hiểu cùng một tờ báo lá cải chống Do Thái. Một nhiệm vụ xứng đáng với một chiến binh, mà lẽ ra anh ta đã có thể trở thành một người như vậy nếu các thế lực xấu xa không liên minh với nhau để chống lại chủ nghĩa quốc xã: lái xe chở bác sĩ Mengele, nay đã rất nổi tiếng, tới nơi kín đáo mà anh ta, Gerhard nhỏ bé, cựu binh quèn, đã tìm thấy, đó là một nông trại nằm tách biệt ở ngoại ô Nova Europa, cách São Paulo ba trăm ki lô mét. Chủ nhân của nông trại là một cặp vợ chồng người Hungary, Geza và Gitta Stammer. Họ rời đất nước mình sau chiến tranh vì quân Liên Xô chiếm đóng xứ ấy; Gerhard gặp họ vài năm trước trong một cuộc họp của những người Trung Âu lưu vong. Họ là những người bình thường và đáng tin cậy về chính trị, họ sẽ không đặt ra cho Mengele những câu hỏi khó xử.

Phong cảnh hai bên đường càng trở nên căn cỗi, Mengele càng cảm thấy lo lắng. Đây là lần thứ n Gerhard phải giải thích cặn kẽ cho hắn về kế hoạch mà anh ta đã lập ra một cách rất công phu, được Rudel và người nhà hắn ở Gunzburg tán thành. Tên người Áo đã quen an ủi kẻ chạy trốn này; khi

Mengele đặt chân đến Brazil, anh ta đã cho hẳn làm ở xưởng may của mình, an ủi và động viên hẳn như làm với một đứa con trai. Với Gerhard, hết lòng tận tụy với Mengele có nghĩa là cứu Berlin khỏi khói lửa, một nghĩa vụ nhưng cũng chính là phần thưởng cho anh ta, vả lại từ một năm nay, công việc, vợ và hai con của anh ta đã được đưa xuống hàng thứ hai.

Gerhard giới thiệu với vợ chồng Stammer rằng Mengele là một chuyên gia về chăn nuôi người Thụy Sĩ, nay không muốn sống một mình ở tuổi năm mươi nữa. Gerhard nói, Peter Hochbichler tính tình kỳ quặc vừa thoát khỏi một thời kỳ có chút khó khăn vì vấn đề sức khỏe, vì thế ông này tìm kiếm bạn bè, công việc, hơn nữa ông vừa được thừa kế một khoản tiền lớn và muốn đầu tư bằng cách mua đất đai. Hochbichler có thể giúp quản lý nông trại của họ, bởi vì Geza chuyên đi đo đạc đất đai nên thường xuyên vắng nhà dài ngày. Vợ chồng Stammer không dư dả gì nên chấp nhận lời đề nghị của Gerhard. Họ sẽ không trả lương cho Hochbichler, nhưng ông ta sẽ được ăn, ở, được giặt đồ.

Tiếp sau con đường rải nhựa là hàng ki lô mét đường rừng rồi một con đường đất uốn lượn qua trảng cỏ dẫn tới một nông trại cũ. Tới nơi: đàn chó nhảy lên sủa khi chiếc xe đi qua, rồi một cặp vợ chồng chừng bốn mươi tuổi cùng hai con trai xuất hiện ở cửa ngôi nhà gỗ, gia đình Stammer nóng lòng được làm quen với ông chủ bí ẩn Peter Hochbichler.

43

Một Mengele nào đó được một đội cận vệ người da đỏ bảo vệ, đang ở thành phố nhỏ Mato Grosso, nhưng hắn đã thoát khỏi cuộc mai phục của cảnh sát Brazil vào tháng Ba 1961. Vài tháng sau, hắn bị bắt ở một địa điểm thuộc bang Minas Gerais. Một sai lầm không đúng lúc, người bị bắt là một *Waffen-SS* đang đi nghỉ mát. Mengele lại một lần nữa bị phát hiện vào tháng Hai 1962 ở một thành phố giáp Paraguay. Khách sạn nơi hắn ở bị đội quân tình nhuệ của cảnh sát Brazil tấn công, nhưng hắn đã rời khỏi phòng ngay sáng hôm đó. Báo chí Argentina tiết lộ rằng hắn đã giết một nữ điệp viên của Mossad ở Bariloche; có vũ trang và vô cùng nguy hiểm, hắn có một đội quân riêng luôn đi cùng: từ khi cái đầu của hắn được treo giải thưởng và các tội ác của hắn được công bố, Mengele trở thành đối tượng của những câu chuyện hoang đường, sắp trở thành một sinh vật huyền thoại, “bác sĩ quý Xa tăng, tạo vật của quý, không thể gọi là người cho dù bề ngoài trông giống con người”, nhà soạn kịch Rolf Hochhuth viết trong vở kịch *Phó tế* năm 1963 như vậy.

Mossad không sao nhãng trước những tin đồn thất thiệt. Đội đặc nhiệm đã đặt trụ sở tại Paris, đứng đầu là Zvi Aharoni, một trong những người phụ trách vụ bắt cóc Eichmann. Ông này là người Do Thái ở Đức, từng thề lời người đồng hương cũ của mình ra trước tòa án Israel. Đơn vị này có những thông tin chính xác và đã xác định được hai trong số những người giúp sức cho Mengele ở Nam Mỹ, đó là Krug và Rudel, nhưng cuộc vây khốn rất phức tạp, không thể tiếp cận được người thân trong gia đình Mengele ở Gunzburg, còn gia đình Krug rất cảnh giác: một trong các cô con gái không yếu lòng trước sức hấp dẫn của một playboy trong đội đặc nhiệm. Aharoni cài cắm nhiều điệp viên ở Paraguay vì tin rằng Mengele vẫn còn lẩn trốn ở đây, Israel nghe phong thanh hắn đã nhập quốc tịch. Ông ta cho người theo dõi Rudel ở khắp Nam Mỹ, theo dõi Martha, chặn hết thư từ của cô và cố

gắng thâm nhập vào các hội của cộng đồng Đức tại Asuncion. Mossad sốt sắng nhưng không nóng vội. Mengele vẫn luôn đi trước.

Cho đến mùa xuân năm 1962. Ở Uruguay, Aharoni đã kiếm được con mồi bự, kẻ chỉ điểm mà mọi điệp viên bậc thầy đều mơ ước. Sassen quyết định tiết lộ, ông bạn cũ Mengele đã làm ô uế danh dự của lực lượng ss, và trên tất cả, Sassen cần tiền để duy trì cuộc sống xa hoa và bao rất nhiều người tình. Mossad trả cho ông ta rất hậu hĩnh. Tên Hà Lan xảo quyệt này không gặp Mengele từ lâu nên đã quên hẳn nhưng ông ta nhanh chóng phát hiện ra hắn đã chạy trốn sang Brazil và có được thông tin về người bảo trợ mới của hắn, Wolfgang Gerhard, người duy nhất giúp hắn liên lạc với thế giới bên ngoài. Người của Mossad luôn bám sát Gerhard. Một buổi sáng, chiếc xe Ford Anglia của Gerhard lao đi trên tráng cỏ về phía một nông trại nằm tách biệt.

Đi cùng hai điệp viên, những người Do Thái ở Brazil, Aharoni đã ngoại quanh khu nông trại. Một lát sau, ba người đàn ông đến gặp họ. Một người trong số họ tầm vóc trung bình, kiểu người châu Âu, có ria và đội mũ sụp xuống mặt. Anh ta lặng lẽ, lùi lại khi hai người cao lớn đi cùng tới nói chuyện bằng tiếng Bồ Đào Nha với ba người đi dạo. Aharoni để cho nhân viên của mình nói chuyện, còn ông ta quan sát người đội mũ đang lảng tránh ánh mắt của mình. Đúng là hắn, chắc chắn rồi, trời ơi ông ta muốn nhảy xổ đến tóm lấy họng của hắn và siết cổ hắn bằng tất cả sức bình sinh, nhưng ông ta giữ bình tĩnh, cần phải cho một nhóm khác quay lại chụp ảnh hắn ta để xác định chính xác. Chỉ vài tuần nữa thôi, điều tồi tệ nhất có lẽ là đánh rần động cỏ. Ba người đàn ông trở về nông trại; còn Aharoni quay lại trụ sở ở Paris để lên kế hoạch một chiến dịch còn phức tạp hơn vụ bắt cóc Eichmann.

Ngay khi trở về Pháp, một bất ngờ đang đợi ông ta ở văn phòng. Người đứng đầu Mossad, Isser Harel, mặt mũi hốc hác căng thẳng bất thường, ra lệnh cho ông ta tạm dừng cuộc vây bắt Mengele để tập trung tìm kiếm một thằng bé tám tuổi. Cảnh sát nghi ngờ ông ngoại của nó, một tín đồ Do Thái giáo chính thống cực đoan, đã bắt cóc cháu mình. Bố mẹ nó là người Do Thái không theo tôn giáo nào, gặp khó khăn về tiền bạc. Họ giao thằng bé Yossele cho ông ngoại trông giúp, nhưng khi họ đến đón con thì ông ngoại giải thích rằng Yossele phải được nuôi dạy theo quy định của *Torah** và từ chối trả con cho họ. Lần thứ hai họ tới, thằng bé đã biến mất. Khi người ông bị bắt giam vì từ chối hợp tác với cảnh sát, các tín đồ quá khích xuống đường biểu tình, ném đá: nhà nước Do Thái bắt giam một ông già, một thánh nhân, “Ben Gourion là một tên quốc xã”. Israel đứng bên bờ vực nội chiến, các tín đồ Do Thái giáo chính thống và những người không theo tôn giáo thóa mạ nhau và chuẩn bị vũ khí, chính phủ lúng túng, Ben Gourion có nguy cơ bị mất đa số phiếu tại quốc hội và thất bại trong lần bầu cử sắp tới. Để làm dịu căng thẳng, cần khẩn trương tìm được Yossele, và vì có thể đứa trẻ đang ở nước ngoài, nên Mossad phải can thiệp, tung ra bốn mươi điệp viên tinh nhuệ nhất để tìm kiếm, Thủ tướng yêu cầu như vậy. Đây là chiến dịch Hồ, và Aharoni đương nhiên bị huy động.

Viên sĩ quan mím môi nhưng tuân lệnh. Dường như sắp tóm được Mengele rồi, vậy mà giờ đây ông ta và nhóm của mình phải đeo râu giả để thâm nhập vào các giáo phái cuồng tín nhất của Do Thái giáo trên khắp châu Âu, ở Hoa Kỳ và Nam Mỹ. Những thợ săn quân quốc xã hăm dọa các giáo trưởng trong các nhà thờ ở khu Pigalle, có ảnh kèm theo. Cuối cùng, một hướng điều tra dần sáng tỏ: Yossele bị Madeleine Frei bắt cóc. Đây là một nữ quý tộc Pháp đã cải sang Do Thái giáo, một anh hùng trong thời kỳ Kháng chiến chống Đức Quốc xã, rất hâm mộ Đội quân bảo vệ thành

Jerusalem, giáo phái của ông ngoại đưa trẻ. Một câu chuyện không thể tưởng tượng nổi: Frei đã nhuộm tóc thẳng bé thành màu vàng và hóa trang nó thành bé gái để rời khỏi lãnh thổ Israel. Cuối cùng, Yossele được tìm thấy trong một gia đình Do Thái giáo chính thống cực đoan ở Brooklyn và được đưa về Israel. Chiến dịch Hồ kéo dài tám tháng và tiêu tốn của Mossad một triệu đô la.

Trong thời gian đó, Mengele đã thay đổi chỗ ở.

45

Một năm trước, Mengele khó thích nghi với thời tiết. Hắn đến Nova Europa vào đầu mùa khô và thời tiết chưa bao giờ nóng như thời điểm cuối năm 1961 đó: không một giọt mưa nào trước Noel, đêm rất nóng nực, khó thở hơn ở nhà Krug ở Hohenau. Công việc mệt nhọc, đất đai khô cằn, nhà Stammer sống trong nông trại nhỏ của họ như ở thời Trung cổ, không điện, không điện thoại.

Bà chủ nông trại Gitta giám sát kỹ càng những bước đi đầu tiên của Peter Hochbichler trong đồn điền cà phê. Hắn làm việc từ tờ mờ sáng và trở về muộn hơn những người làm thuê khác; chăm chỉ làm việc, hắn chăm chút lũ bò, gà, con ngựa và ba con lợn trong cái chuồng nóng hầm hập sặc mùi phân, vừa làm hắn vừa huyết sáo những giai điệu của Mozart và Puccini. Sau một tháng, vì Geza chỉ về nhà vào một số ngày cuối tuần, nên gia đình Stammer, chính xác hơn là Gitta, quyết định giữ người nông dân chăm chỉ và đom đống đến kỳ quặc này ở lại: mỗi buổi sáng, trước khi đi ra bãi chăn thả gia súc, Hochbichler xịt nước hoa và mơ màng ngắm mình trong gương ở cửa ra vào. Hắn luôn đội mũ và kéo sụp xuống mỗi khi có một người làm thuê khác lại gần, và mặc cho cái nóng hừng hực, hắn vẫn đi đôi ủng cao và mặc áo choàng cài khuy kín cổ, một loại áo choàng không thấm nước bằng vải trắng khiến hắn trông giống như một đốc công ở cảng phụ trách việc đổ đầy các tháp *silo* chứa các loại hạt. Hai bàn tay hắn thật kỳ lạ, lòng bàn tay và đốt ngón tay chai sạn của người lao động chân tay, nhưng móng tay được cắt sửa như móng tay của đại tư sản Budapest. Hắn rửa tay ba mươi lần mỗi ngày và kì cọ mạnh căng tay bằng xà phòng đen giống như bác sĩ phẫu thuật khử trùng tay sau ca mổ.

Hochbichler là con người rất lạ: hắn ăn nói nhẹ nhàng nhưng biết làm món dồi. Vài ngày trước lễ Noel, hắn đập đầu một con lợn bằng rìu và cắt tiết nó bằng một con dao rất lạ mà hắn đã mài từ hôm trước. Hắn hứng máu

lợn phun ra ào ào, rồi thò tay đến khuấy vào khuấy trong chậu để tiết lợn không đông lại, rồi như một tên điên moi hết nội tạng con vật, máu me bắn lên bê bết, hăn lôi ra hai lá phổi, hai quả cật, lá gan và bộ lòng mà sau đó nhà Stammer cùng các công nhân và gia đình của họ được ăn no nê trong bữa đêm.

Một buổi sáng khi hăn đã đi ra ruộng, Gitta vào phòng của hăn và lục đống đồ đạc. Hôm đó hăn quên khóa cửa phòng, việc rất hăn hữu. Ngoài số quần áo hàng hiệu được gấp gọn ghẽ, Gitta tìm thấy một chiếc ô kiểu Anh, hàng trăm tờ đô la mệnh giá lớn, báo và tạp chí khoa học bằng tiếng Tây Ban Nha và tiếng Đức, một quyển sổ dày có khóa, những giấy tờ được phân loại mà cô không dám đọc, vài chiếc đĩa hát opera, những quyển sách mà cô không biết tác giả là ai, Heidegger, Carl Schmitt, Nova lis, Heinrich von Treitschke. Cô chỉ hơi ngỡ ngàng khi vô tình phát hiện ra danh tính thật sự của Hochbichler. Ngày thứ Bảy, 27 tháng Một 1962, Geza đã mang về nhà một tờ nhật báo lớn của São Paulo, nhân kỷ niệm mười bảy năm ngày giải phóng trại tập trung Auschwitz, trên trang nhất có in hình một bác sĩ trẻ của lực lượng SS vẽ mặt hoan hỉ, có biệt danh là tử thần, một gã Josef Mengele nào đó vẫn đang lẩn trốn. Bức ảnh chân dung ấy khiến Gitta chú ý: cái nhìn sắc lẹm của tay bác sĩ, cặp lông mày ác quỷ, khe giữa hai răng cửa trên, cái trán hơi gồ. Cô bảo cậu con trai lớn Roberto đi tìm Hochbichler, cô sẽ cho hăn xem bức ảnh này. Run rẩy, mặt nhợt nhạt hơn người chết, hăn ra khỏi phòng mà không nói lời nào.

Tối hôm đó, sau bữa tối mà hăn hầu như không nuốt nổi, tên chủ trang trại người Thụy Sĩ thú nhận với gia đình Stammer rằng “không may” hăn chính là Mengele, nhưng hăn không gây những tội ác mà “báo chí theo chỉ đạo của người Do Thái” cáo buộc hăn.

Dù thật hay không, gia đình Stammer chẳng quan tâm đến các tội ác của Mengele cũng như Auschwitz. Geza từng học ở Đức trong chiến tranh; cả ông ta và vợ tương lai đều không có cảm xúc gì trước việc người Do Thái ở Hungary bị đưa vào trại tập trung hay những vụ tàn sát cuối năm 1944 khi đảng Chử thập nhọn nã súng trên bờ sông Danube rồi ném sống người Do Thái, người Di gan và những người chống đối chế độ Szalasi mà nhà Stammer ủng hộ nhiệt tình xuống dòng sông lạnh buốt. Họ cũng từng phải chịu đau khổ, cha mẹ họ quê gốc ở vùng Transylvanie đã mất hết đất đai sau thất bại năm 1918, một chị gái của Gitta bị quân Đồng minh hãm hiếp và giết chết khi họ tiến vào Hungary. Sau đó, tổ quốc họ bị Liên Xô chiếm đóng, người Liên Xô buộc họ phải di cư và chết gí ở cái xó này. Những lời buộc tội của một tờ báo Brazil đối với tay bác sĩ người Đức này chẳng nghĩa lý gì với họ. Nhưng họ muốn bình yên.

Đêm đến, họ không thể ngủ được: tên chủ trang trại người Thụy Sĩ của họ lại là một trong những tên tội phạm bị truy nã gay gắt nhất trên thế giới, cái đầu của hắn được chính phủ liên bang Đức treo thưởng. Geza sợ hãi cứ đi đi lại lại trong phòng, tay cầm tờ báo mà như cầm một bó đuốc cháy rực. Tác giả bài báo dẫn nguồn tin đáng tin cậy rằng Israel chuẩn bị bắt cóc Mengele ở Nam Mỹ, một chiến dịch đặc công do đơn vị báo thù từng bắt cóc Eichmann ở Argentina thực hiện. Mossad có lẽ sẽ nhanh chóng tấn công nông trại và tàn sát những cậu con trai của họ, vì thế họ phải tống khứ vị khách này đi càng nhanh càng tốt. Geza quyết định đi São Paulo sớm hơn dự định và liên lạc với Gerhard trong thời gian sớm nhất.

Gerhard cố làm cho Geza yên tâm, không ai biết Mengele đang ẩn náu ở đâu, báo chí toàn nói bừa, nhà Stammer chẳng chịu rủi ro nào cả. Lẽ ra họ phải tự hào vì được tiếp đón một nhà khoa học đỉnh cao của chế độ Reich đệ tam và thực hiện một sứ mệnh cao quý đối với sự nghiệp lẽ ra phải ca khúc

khải hoàn, với những nông dân Hungary vô danh tiểu tốt (loại cặn bã, Gerhard nghĩ), đây là một may mắn không ngờ. Stammer nhún vai và cao giọng, ông ta chẳng có gì để làm với cái sự nghiệp cao cả ấy hết, Hochbichler-Mengele phải ra đi càng nhanh càng tốt. Cuối cùng, Gerhard cũng hứa với ông ta điều đó, nhưng còn phải liên lạc trước với gia đình của Mengele ở Gunzburg, “kiên nhẫn thêm một chút, ông bạn ạ”, và từ nay tới lúc đó, Gerhard cảnh báo, tay lướt qua khẩu súng ngắn trong túi, đừng có nói gì, đừng làm gì đại dột, cựu nhân quốc xã ở Brazil rất mạnh sẽ khiến họ phải trả giá đắt nếu tố giác: “Geza, hãy nghĩ tới tương lai của các con ông.”

Vài tuần sau đó, chiếc Ford Anglia của Gerhard hiện ra trong đám bụi trước nông trại của gia đình Stammer. Ông ta mở cửa xe cho một người đàn ông to lớn, vẻ mệt mỏi sau hành trình dài xuyên Đại Tây Dương và nhiều cây số đường bộ. “Ông Hans”, tay sai của quý, tay trái cầm một chiếc va li nhỏ bằng da đen móc vào cổ tay bằng một sợi xích mạ bạc. Ông ta lấy từ đó ra một chiếc phong bì niêm phong. Ông ta cùng nghĩ tới tương lai của hai cậu con trai nhà Stammer, Roberto và Miklos, và xoa mái tóc vàng của chúng: hai nghìn đô la, để tranh thủ thời gian và cảm ơn cha mẹ của lũ trẻ, bởi vì cả Gerhard và Rudel đều không tìm được nơi ẩn náu mới cho ông bạn Hochbichler. Giờ đây, nhà Stammer đã có lý do để kiên nhẫn, Gerhard sẽ trở lại đây trong thời gian nhanh nhất mà anh ta thu xếp được để trút bỏ cho họ gánh nặng từ vị khách phiền toái này.

Trước khi ra đi, Sedlmeier đi dạo một lát với Mengele. Hai má hóp lại, râu ria lởm chởm, ông bạn thường ngày rất chải chuốt nay không thể nhận ra trong bộ quần áo rách như của bù nhìn. Từ khi nhà Stammer phát hiện ra thân phận thực sự của hắn, hắn bị tâm trạng bồn chồn gặm nhấm và bị sang chấn trước những tin tức về phiên tòa xử Eichmann diễn ra cách quãng ở Jerusalem, mỗi khi ra một tờ báo. Hắn khẩn cầu Sedlmeier đưa hắn ra khỏi cái rọ này. Hắn rất mệt mỏi, kiệt sức vì cuộc chạy trốn không hồi kết từ nơi ẩn náu này sang nơi ẩn náu khác, vì phải sống chui lủi, cuộc sống của con thú bị vây dồn giữa lũ báo và lũ thú ăn kiến. Và cả trắng cỏ và thời tiết nóng nực chết tiệt này nữa. Hắn không còn đủ khả năng đọc ba trang liền: có lẽ hắn sắp phát điên thật rồi. Sedlmeier giúp hắn đứng dậy, chìa cho hắn một cái khăn tay sau khi phủi bộ đồ bằng vải *gabardine* của hắn: nhà Mengele sẽ không bỏ rơi hắn, tiền có thể dời được núi. Martha vừa mới chuyển đến Merano, vùng Nam Tyrol cùng Karl-Heinz, cô rất dũng cảm, một người vợ Đức chung thủy, cô đã từ chối trả lời tất cả phóng viên báo chí, hắn có thể

tin ở cô. Còn Irene? Mengele không thể không hỏi. Vẫn mạnh khỏe, vui vẻ như mọi khi, Sedlmeier thừa nhận. Ở Fribourg, Rolf cũng vẫn ổn, nhưng do ảnh hưởng từ mẹ, cậu coi anh em họ và cả gia đình nhà nội chả ra gì. Cậu dự định học luật. Sedlmeier nhìn sâu vào cặp mắt đỏ vằn lên của Mengele: họ phải ngừng viết thư, rất nguy hiểm, nhiều người lạ mặt lảng vảng quanh nhà máy và quanh khuôn viên của gia đình ở Gunzburg, ở Merano, Martha cũng cảm thấy bị theo dõi. Tháng trước, hai thợ điện đến nhà cô trong khi cô không yêu cầu. Hẳn chỉ được phép nói chuyện với Gerhard.

Các tuần tiếp theo thực sự đầy sóng gió ở nông trại Nova Europa. Những cơn mưa rào nóng như lửa nhấn chìm trắng cỏ, hai cậu bé nhà Stammer tránh mặt bác Peter, Geza rối bời với ý nghĩ để tên quốc xã cực đoan và cuộc đột kích của Mossad đe dọa, khi đo đạc ruộng đất ở xa với số tiền lương ít ỏi. Gitta dò xét từng hành động của Hochbichler. Hẳn im lặng và cau có trong bữa ăn, quay mặt đi khi Gitta cố nhìn vào mắt hẳn. Ngay khi bữa tối vừa xong, hẳn xoay chìa khóa hai vòng để khóa cửa, nhốt mình trong phòng, Gitta nghe thấy tiếng hẳn lẩm bẫm và đi đi lại lại vọng ra từ đó. Ở ruộng ngô, Hochbichler cộc cằn chỉ đạo công nhân và nổi cáu nếu họ không tuân theo hay hiểu sai những hành động và tiếng Bồ Đào Nha bồi của hẳn. Gitta nhận thấy rằng ít nhất ba kẻ lừa dối (hai người da đen, một người phụ nữ lai) cũng sợ hẳn và làm việc chăm chỉ, trong khi họ thường chẳng động chân động tay vì Geza thiếu uy. Tên tội phạm chiến tranh buộc họ phải phục tùng.

Thêm một tháng nữa trôi qua mà Gerhard vẫn chưa xuất hiện. Geza ngày càng căng thẳng. Cuối cùng, Geza nói với Gitta rằng sẽ đưa Hochbichler tới São Paulo vào tuần sau, dù hẳn tự nguyện hay phải ép buộc. Vỡ kịch đã đủ dài, Gerhard hay một tên điên cuồng nào đó sẽ phải nhận lại hẳn, đây không phải việc của anh ta, và nếu quân quốc xã gây rắc rối, anh ta sẽ kể lại toàn bộ câu chuyện cho một nhà báo quen biết ở đây. Vợ anh ta phản đối. Tay bác sĩ hẳn là có vũ khí và tên người Áo đủ khả năng làm những trò xảo quyệt để cứu hẳn. Cô có ý này hay hơn: những tên nhà giàu ở Bavière cần vợ chồng họ, chắc hẳn sẽ không thể từ chối họ điều gì. Hochbichler, cô không muốn gọi hẳn là Mengele, là một nguồn lợi đặc biệt. Thay vì đuổi hẳn đi, tốt hơn hết là thét giá cao lên, yêu cầu Gerhard đưa thêm một khoản tiền khủng.

Hoặc là gia đình của kẻ đào tẩu có thể chi trả để họ mua một trang trại lớn ở vùng đất dễ sống hơn. Sau đó, họ vẫn sẽ tìm được cách tống khứ hẳn đi, Hochbichler không thể ở trong nhà họ cả chục năm.

Vợ chồng nhà Stammer tranh luận dưới ánh nến mờ ảo chập chờn. Geza nói với vợ rằng cô bị mất trí rồi, Gitta đáp lại rằng tất cả là lỗi của chồng, giá như có điều kiện tốt hơn, họ đã chẳng phải cho một người Đức kỳ dị đến ở trọ để trang trải nhu cầu của mình. Geza từng thề non hẹn biển trước khi cưới cô. Họ còn phải sống lay lắt trong tầm ngắm của cảnh sát bao lâu nữa? Geza có nghĩ đến tương lai của các con không? Cần có nhiều tiền hơn cho chúng học hành. Và nếu chẳng may cảnh sát bắt giữ Hochbichler, họ sẽ gặp rủi ro gì? Họ có thể nói rằng không biết danh tính thực sự của hẳn và rằng Gerhard đã lừa họ.

Trời bắt đầu sáng khi Geza chịu nghe những lý lẽ của vợ mình. Ở São Paulo, anh ta truyền đạt những yêu cầu mới của họ với Gerhard. Lần này Gerhard nhanh chóng quay lại chỗ họ: gia đình Mengele chấp nhận tặng cho họ một đồn điền mới, hay đúng hơn là một nửa số vốn, họ phải tự lo nửa còn lại bằng cách bán đất đai của mình ở Nova Europa. Thỏa thuận đã đạt được. Vài tuần sau, nhà Stammer và Hochbichler dọn đến một trang trại nằm tách biệt, rộng bốn mươi lăm héc ta. Năm tháng trước khi Mossad tìm được cậu bé Yossele.

Ngày 1 tháng Sáu 1962, ngay khi vừa chuyển đến Serra Negra, Mengele biết tin Eichmann bị treo cổ trong sân nhà tù Ramla. Hấn choáng váng. Ngay khi nghe tin qua đài bán dẫn của Roberto, hấn lao vào phòng ngủ để giấu đi nỗi tuyệt vọng và lo lắng, nỗi sợ này không bao giờ buông tha hấn, làm tê liệt và cản trở hấn từ khi hấn phải rời bỏ tổ kén của mình ở Buenos Aires.

Eichmann bị người Do Thái hành hình! Tro của y bị rải ở Địa Trung Hải để ngăn vợ và các con trai đến tụ tập quanh mộ! Mengele run rẩy, trán vã mồ hôi lạnh ngắt, trong lúc bơi đen hết trang này đến trang khác bằng kiểu chữ viết sít nhau trong những quyển vở học sinh đóng gáy xoắn, trong đó hấn nói về bản thân ở ngôi thứ ba và tự đặt tên cho mình là Andreas. Hấn chưa bao giờ nghĩ sẽ dành quá ba dòng cho tên người Áo đáng ghét và đáng thất vọng đó, nhưng để tỏ lòng kính trọng Eichmann vì đã không tố giác hấn, hấn thương xót cho số phận của chính mình, chuẩn bị phòng vệ, và chỉ nghĩ đến bản thân, như mọi khi. Eichmann, con dê tế thần và bị ruồng bỏ, Mengele viết nguệch ngoạc. Người Đức đã phản bội y và bỏ mặc y chịu cơn thịnh nộ đời trả thù của người Do Thái; một ngày nào đó họ sẽ phải hối hận vì đã hy sinh những con người vinh quang đã chiến đấu đến viên đạn cuối cùng cho tổ quốc và cho *Fuhrer*. Xấu hổ thay cho người Đức, một lũ nhu nhược và hèn nhát, một dân tộc toàn những bọn con buôn tầm thường, bị tầng lớp lãnh đạo không đáng một xu làm cho yếu đuối, bị bán cho kẻ nào trả giá cao nhất, cho bọn nhà buôn trong đền thờ: họ đã bỏ rơi Eichmann! Họ đã bắn lén sau lưng y, trong khi y chỉ thực hiện nghĩa vụ của mình và chúng tôi sẵn lòng tuân theo mệnh lệnh, nhân danh nước Đức, vì nước Đức, vì sự vĩ đại của tổ quốc yêu thương. Giờ đây nước Đức bội bạc công khai bêu xấu chúng tôi, để mặc cho những kẻ thù xấu xa nhất thao túng. Có đất nước nào trên thế giới này lại trừng phạt những đầy tớ nhiệt thành nhất và những người yêu

nước xuất sắc nhất của mình? Nước Đức của Adenauer là một con yêu tinh ăn thịt lũ con của nó. Tất cả chúng tôi đều sẽ chịu chung số phận, hết người này đến người khác, đáng thương thay cho chúng tôi...

Mengele chưa bao giờ cảm thấy đơn độc như trong đêm mưa đông hôm ấy. Trong khi hấn trút cơn buồn bực bằng cách nhay bộ ria mép, những tia chớp rạch ngang bóng đêm, trời gầm lên, như thể dàn pháo của Stalin nã xuống ngọn đồi nơi có trang trại Santa Luzia. Địa ngục và sự đày đọa, hấn lấm bầm, lạy Chúa, hấn đã rơi xuống đáy vực, hấn đã trượt khỏi mặt đất từ ba năm nay, biến mất, không là gì cả, chỉ giữ được mạng sống nhờ hai sợi dây mỏng manh là gia đình Hungary mà sớm muộn sẽ phản bội hấn, và Gerhard số sòng, kẻ hoàn toàn thua cuộc, lính quốc xã quèn ở Brazil. Hai sợi dây mỏng manh này có nguy cơ đứt bất cứ lúc nào. Thật đáng sợ! Rạng sáng, Mengele xiêu người vãi mồ hôi trên giường.

49

Một ngã tư ngập trong ánh sáng trắng, bao quanh là các tòa nhà cao tầng không cửa ra vào, không cửa sổ, bên trên là các ống khói cao tới tận trời sặc mùi thịt cháy. Mengele đứng ở giữa; hắn trẻ ra hai mươi tuổi và mặc bộ quân phục SS có biểu tượng hình đầu lâu xương chéo. Đôi ủng bóng loáng của hắn lộ sâu trong máu, toàn bộ ngã tư vắng tanh ngập trong máu, những con chim săn mồi to màu đen bay lượn phía trên. Mengele quay bên này, quay bên kia, lúng túng, không định hướng nổi, hắn thấy có tám lối đi nhưng biết chọn lối nào? Bên phải chột vang lên âm thanh đục, giống như thác nước, như tiếng trống dồn, ngày càng mạnh hơn, âm âm như sấm vang, tiếng chó sủa, phải, một bầy chó đang tiến đến gần ngã tư. Mengele lao sang trái. Hắn chạy dọc theo một con ngõ, người vấy máu, nhưng lũ chó đang đến gần, hắn nghe thấy mà không nhìn thấy chúng, hắn lấy hết sức bình sinh chạy nhanh hơn, nghiêng sang trái, sang phải, rồi lại sang trái, thở hổn hển. Bỗng nhiên tiếng chó ngừng hẳn và mùi thịt cháy biến mất. Mengele chỉ còn nghe thấy nhịp tim hắn đập dồn dập. Và một tiếng còi chói tai vang lên khi hắn đến ngã tư tiếp theo. Một con rắn hổ mang ngóc đầu lên, nghiêng về bên phải và chặn ngang lối đi dẫn đến bức tượng bán thân của Hitler. Hắn miễn cưỡng rẽ sang trái, đi theo một hành lang dài, hai bên treo cả nghìn bức tranh Đức Mẹ đồng trinh được những chân nến vàng bảy nhánh chiếu sáng. Hắn cảm thấy lạnh, đói và khát, máu chảy xuống tận mắt cá chân, trong hành lang cũng có những tấm lưới rỉ máu xuống bức tường. Thế nhưng hắn lấy lại được hy vọng: hắn thấy một ánh sáng rực rỡ ở cuối đường hầm, những giọng nói và tiếng cười quen thuộc của phụ nữ và trẻ em, cuối cùng thì hắn cũng sắp thoát được khỏi mê cung. Nhưng không may hắn lại đến ngã tư ban đầu; hắn vẫn đứng ở chỗ cũ. Một nhóm người đang mở tiệc và chơi nhạc trên sân thượng một ngôi nhà ở ngay ngã tư. Người đầu tiên nhìn thấy hắn báo hiệu cho những người còn lại rồi cả nhóm ngó qua lan can, chỉ

tay và giữu cọt hăn, la ó, ném về phía hăn hạt ô liu, cà chua, mùi tên và cả một nồi vôi sống giống như ở thời Trung cổ. Mengele giơ năm đấm lại nhưng miệng hăn không nói được lời nào. Hăn dường như đã nhận ra Sassen, Rudel và Fritsch đang chúc tụng nhau trên sân thượng đó cùng với mụ phù thủy báo thù Medea và thần Saturn đang tựa vào lưỡi hái, khi đám chim săn mồi màu đen ùa đến bên ông ta. Hăn năm xuống đất, bò đến ngõ phố gần nhất, người lấm máu. Bầu trời tối sầm lại, hăn lại chạy đến đứt hơi, chạy thẳng về phía trước, một tiếng, hai tiếng, chạy mãi, cho tới khi lại tới ngã tư đáng nguyên rửa đó.

Giờ đây, đêm đã xuống, mảnh trăng lưỡi liềm soi sáng ngã tư đã trở lại yên lặng. Máu đã biến mất, như thể bị hút hết vào đất đỏ. Những ô cửa kính hiện ra ở tầng một của các tòa nhà gạch. Bên trong mỗi ô cửa có một chiếc ti vi đen trắng rất to. Mengele lại gần và nhận thấy qua hình ảnh phản chiếu rằng hăn lại mang những nét tuổi già, chiếc mũ rộng vành, bộ ria mép, chiếc áo choàng không thấm nước màu trắng. Trên màn hình, hăn thấy Martha mặc một bộ quần áo, ở trên boong tàu và vẫy tay chào hăn. Trong ô cửa thứ hai, màn hình ti vi chiếu hình ảnh thằng bé Rolf ở tuổi thiếu niên đang đọc một cuốn sách, tay vuốt tóc. Nó không hề ngược mắt lên để nhìn bố nó. Vẫn còn một ô cửa nữa, Mengele nhìn Irene ân ái với người bán giày ở Fribourg. Hăn dùng hết sức đập vào cửa kính, nhưng kính cường lực, thế rồi hăn vừa bỏ đi vừa hét lên đau đớn cho tới màn hình tiếp theo, ở đó đang phát một lễ tang, lễ tang của ông Karl, hăn nhận ra tên của cha mình trên một vòng hoa, nhận ra trong đoàn người có người em trai Alois cùng cô vợ Ruth và cậu con trai Dieter, rồi Sedlmeier suy sụp, mặc bộ đồ đen, tay đỡ vợ, rồi đến các thành viên hội đồng thành phố Gtinzburg.

Hồi chuông cầu nguyện vang lên.

Mengele tỉnh giấc, người sốt nóng như hòn than.

50

Tình trạng của hắn trở nên tồi tệ thêm trong những ngày tiếp theo. Mengele nằm liệt giường, mê sảng, ăn được rất ít. Gitta lo lắng: nếu tên tội phạm chiến tranh này chết ở nhà họ thì sao? Tất nhiên là Geza không có mặt để giúp cô. Khi cô định tìm một bác sĩ, người ốm thu lấy chút sức tàn, nói với cô rằng hắn không muốn. Đến ngày thứ sáu, cơn sốt giảm bớt. Gitta thường xuyên đến làm thông thoáng phòng, mang xúp và những bát nước chè to, đắp khăn lạnh lên trán hắn. Từ lúc đó, cô gọi hắn là Peter. Một buổi chiều nồm, khi hai đứa trẻ đi học và các công nhân đang làm việc ngoài đồng, cô lùa bàn tay không thể chờ đợi thêm nữa xuống dưới lớp chăn, vuốt ve và kéo ra của quý đang co rúm lại của người ốm. Mengele vận vẹo người, rên rỉ khi cô nông dân Hungary vén váy và bắt đầu ngồi lên hắn. Gitta buộc lại tóc và biến mất trong im lặng.

Đã mười lăm năm cô sống trong nỗi âu sầu ở miền nhiệt đới này. Luôn một mình chăm sóc bọn trẻ, quát mắng người làm công, xới những luống đất cần cỗi; luôn một mình chăm lo trồng hoa trong vườn, quản lý chi tiêu, nấu ăn, may vá, giặt giũ, trong khi có trời mới biết được Geza lang thang ở đâu và cứ ba cuối tuần mới về thăm nhà một lần, túi tiền trống rỗng, tay cầm một bó hoa để xin tha thứ cho những thất bại liên tiếp. Anh ta đã đánh cắp tuổi trẻ của cô. Gitta từng mơ về cuộc sống hào nhoáng của một ngôi sao ballet ở nhà hát opera Budapest hay Vienna. Cô tin mình đã mất cơ hội. Ở Debrecen quê hương cô, ông giám đốc đoàn khiêu vũ nơi cô thể hiện tài năng của mình đã phá tan sự nghiệp của cô khi đưa đối thủ của cô lên sân khấu thủ đô, cho dù cô ta kém hơn. Tên Do Thái đều giả, cô nhắc đi nhắc lại với hai con, hắn bị Thượng đế trừng phạt bằng cách tống hắn cùng cả gia đình vào một trong các trại tập trung tràn ngập khắp Đông Âu vài năm sau đó. Từ đó không ai nhìn thấy họ nữa. Nhưng với Gitta, thế là hết, chiến tranh, cuộc

sống lưu vong, đám cưới và những lần mang thai. Thời gian đã hoàn thành công cuộc hủy diệt của nó.

Ở tuổi bốn mươi hai, đùi cô vẫn còn săn chắc, thân thẳng, hông tròn mẩy. Nóng, ẩm, hỗn tạp, đất nước Brazil gây bất ngờ với cơ thể khỏe mạnh này. Vài ngày sau khi Geza đi khỏi nhà, Gitta đã thất vọng. Một lần, chỉ một lần thôi trước khi Hochbichler đến đây, cô đã sa ngã vào vòng tay một người làm công qua đường, một người lai da đen cao lớn, cảm giác ăn nằm mà người phụ nữ châu Âu đáng xấu hổ ấy phải mất hàng tháng trời mới tìm lại được.

Peter hấp dẫn cô. Hai bên thái dương tóc hoa râm, bộ ria mép và cách chải ngược tóc ra đằng sau, giống như những tay đua ô tô Argentina trên các tạp chí có hình minh họa... Đôi mắt luôn động. Gitta thích sự cương quyết của hắn, giờ đây, khi bảy nhân công vừa mới được tuyển mộ để canh tác trên vùng đất đỏ màu mỡ của đồn điền mới, tính cách đó rất quan trọng với cô. Và cô thấy việc cho một nhân vật trong tiểu thuyết trinh thám ở trọ thực sự rất kích thích. Cuối cùng là một chút adrenaline... Đáng đời Geza, cô tự nhủ, cô đã nhiều lần cảnh báo anh ta rồi.

Ở Nova Europa, vài tuần trước khi chuyển đi, Peter đã gây ấn tượng với cô khi phẫu thuật cho một con bò cái bị thoát vị bụng. Anh ta mổ con vật bị một túi da to chảy dài xuống đất làm cho biến dạng, sửa phần thoát vị rồi khéo léo khâu lại, rất nghệ thuật, con bò chỉ còn lại một vết sẹo nhỏ và rất khỏe mạnh. Nhờ tài năng của anh ta, cô vui mừng vì tiết kiệm được khoản phí cho bác sĩ thú y vốn rất tốn kém. Một lần khác, Peter khiến cô cười vui vẻ. Anh ta phát hiện ra một tổ kiến. Thay vì đốt cháy nó, anh ta treo một quả lắc vào đầu một sợi dây rồi quấn dây quanh một cành bạch đàn. Trong nhiều giờ, như một sinh viên kỹ thuật, anh ta tính toán, vẽ, tỉ mỉ làm theo sơ đồ thiết kế ròng rọc để phá nát tổ kiến. Chưa bao giờ Gitta thấy anh ta bận rộn và hăng hái như sau khi phá được tổ kiến, hơn cả sau khi họ vui vẻ với nhau. Vài giờ sau đó, lũ kiến trắng di chuyển tổ của chúng đi xa hơn.

Peter sẽ không phải là một người tình không thể quên được; anh ta không khỏe mạnh cũng không ngông cuồng như Geza. Nhưng anh ta xứng đáng

cho cô dùng trong những buổi chiều buồn tẻ. Anh ta sẽ không thể từ chối cô điều gì, dù sao anh ta cũng không quan tâm. Và như Gitta đã dự tính, nhờ có anh ta, tiền đô la sẽ chảy về, chỉ cần kêu ca với Gerhard là đủ để được nhận khoản trả thêm. Cô đã sắm cho mình hai chiếc váy trong một cửa hàng ở Serra Negra và mua cặp da cho lũ trẻ. Cô đang đặt mua một chiếc giường mới. Và may mắn là có điện.

51

Bất ngờ bị Gitta tấn công, Mengele nghỉ lại khi đã khỏi bệnh. Hắn không thích cô ta. Mái tóc vàng do tẩy màu cũng tầm thường như các điệu bộ và đôi mắt tẻ nhạt của cô ta; khuôn mặt bóng dầu vẫn còn dấu vết mụn trứng cá của tuổi dậy thì. Cái miệng đáng sợ và hàm răng hằn là bị viêm nhiễm vì hơi thở của cô ta rất hôi trong thời gian hắn nằm liệt giường và cô ta cầm lấy cẳng chân hắn. Cô ta nói tiếng Đức tốt hơn ông chồng dần; nhưng giọng Hungary của cô ta thì không thể chịu nổi. Tuy nhiên Gitta là người bảo đảm mạng sống cho hắn. Nếu để cô ta lệ thuộc vào hắn, hắn sẽ được ẩn náu ở nhà Stammer. Vì thế hắn sẵn sàng chấp nhận, hơn nữa hắn không phải không thích trang trại Santa Luzia. Trang trại ẩn mình trong cây xanh, khí hậu vùng này ôn hòa hơn ở Nova Europa, cảnh quan nhẹ nhàng, và hắn say mê những chú bướm cánh đỏ, xanh, cam hay đen đốm trắng, to bằng bàn tay người lớn. Rừng rậm đã thay thế trảng cỏ ngả màu vàng. Đồi núi và rừng chứa đựng nguồn nước trong vắt: Serra Negra là một thành phố có suối nước nóng từ khi người Italia tiên phong lập ra nó. Nằm trên đồi giống như một pháo đài thời Trung cổ, trang trại nhô lên giữa vùng đồng bằng. Mengele luôn lo lắng từ khi Eichmann bị treo cổ, nhưng hắn cảm thấy khá an toàn ở đây, an toàn hơn bất cứ nơi trú ẩn nào kể từ khi hắn rời Argentina. Đằng sau trang trại và đồn điền cà phê là một ngọn núi đá, một lá chắn tự nhiên bằng vách đá và rừng rậm bất khả xâm phạm, bảo vệ sau lưng hắn.

Mengele không bao giờ ra khỏi trang trại và không gặp gỡ bất cứ ai, trừ Gerhard, anh ta mang đến cho hắn sách báo, thuốc nhuận tràng, và đôi khi cả đĩa nhạc cổ điển. Trước khi gia đình Stammer tiếp đón những vị khách, những người hàng xóm ít ỏi - những người di cư giàu có gốc Đức hay Italia - hắn sàng lọc họ bằng những câu hỏi: họ là ai, từ đâu đến, gia đình này quen biết họ lâu chưa? Ngay cả khi đã yên tâm, hắn cũng không ra mặt. Thứ Bảy hằng tuần, ngay sau khi chào bạn của Roberto và Miklos đến chơi, hắn liền

biến mất. Đối với chúng, hẳn là *tio Pedro*, bác Peter, ông già Thụy Sĩ kỳ dị mà chúng bị cấm chụp ảnh và nhắc đến ở bên ngoài. Hẳn yêu cầu nhà Stammer thuê một bảo vệ, gia đình hẳn sẽ trả tiền. Hẳn sống giữa bầy chó, một đàn khoảng mười lăm con chó lai mà hẳn đã thuần hóa và thường vây quanh hẳn khi hẳn đi vào rừng. Con đầu đàn tên là Cigano không bao giờ rời hẳn nửa bước. Nhưng tổng hành dinh của đội quân hẳn là một tháp canh cao sáu mét mà hẳn nhờ một người làm ở trang trại xây cho với cái có là để quan sát chim chóc. Do sợ mối nên gỗ được thay thế bằng cột đá, một tháp canh bề thế nằm trong trang trại, từ đây hằng ngày Mengele ăn mặc như người nuôi ong và quàng ống nhòm Zeiss quanh cổ, chăm chú quan sát hàng giờ liền con đường tình lộ uốn lượn qua các quả đồi và con đường đất đỏ dẫn đến trang trại. Không một hoạt động nào qua được mắt hẳn. Khi trời quang, hẳn nhìn thấy trong bán kính hàng ki lô mét, cho tới tận làng Lindonia. Như một con cú, hẳn trèo lên tháp canh lúc hoàng hôn đầy muối và sục sạo trong bóng tối; trong lúc canh chừng, u sầu và thiu thiu ngủ, hẳn mở các vở opera của Wagner và các bản cantata của Bach trên chiếc máy hát điện Teppaz mà Gerhard mua cho hẳn ở São Paulo. Khi cuối cùng hẳn cũng xuống đi ngủ thì đàn chó của hẳn tiếp tục canh gác.

Ngày, tuần, rồi tháng cứ trôi đi, cuộc đời biệt giam của Mengele cứ tù túng như vậy, ở Brazil, trong căn xà lim nhìn ra vô tận và tách biệt với con người, một cuộc sống chết gí trong tiếng vo co bất tận, trong những mùa khô và mùa mưa nối tiếp nhau, trong những cơn bão, trong cái nóng bị bách và những trận mưa phùn, một cuộc sống xung quanh đầy rẫy, rết, bọ cạp và ký sinh trùng, cây bạch đàn và mít với những bộ rễ đan vào nhau như những cái chân quái dị của khủng long.

Mengele hay bị ốm. Bị nhiễm khuẩn hoặc có thể là bị sốt rét, những cơn đau đầu, đau người tấn công hẫ, sau đó là những trận nôn, tiêu chảy, những cơn run bần bật và sốt rất cao. Hẫ ngủ ít và không ngon giấc, suy nhược vì những ác mộng, vì những hình ảnh mà hẫ không thể xua tan, những ngọn lửa của lò thiêu xác, những đứa bé sơ sinh hấp hối mà đôi mắt bị ghim lên tường phòng thí nghiệm của hẫ như những con bướm, Eichmann trong lồng giam ở Jerusalem, một giáo trưởng Do Thái với mái tóc dài tháo rời các khớp xương của hẫ và ném hẫ vào thùng mỡ người đang sôi sùng sục. Hẫ nghe thấy những giọng nói, những tiếng rên rỉ và cả những tiếng khóc, tiếng còi ù của máy bay ném bom Stukas lao xuống trang trại Santa Luzia.

Thỉnh thoảng hẫ quên đi ngõ cụt mà hẫ đang rơi vào và nỗi sợ ngày ngày gặm nhấm tâm can. Đàn chó tuân theo cử chỉ tay và ánh mắt của hẫ, và liếm hẫ rất tình cảm. Hẫ thư giãn bằng cách làm đồ mộc, đục đẽo gỗ và làm thành một số vật dụng nhỏ, vui thú với các loài hoa và thực vật vùng nhiệt đới, giống như Napoléon khi bị lưu đày ở đảo Sainte-Hélène. Hẫ cũng viết những bài thơ khoa trương và phần đầu của một thiên anh hùng ca, một bức tranh hoàn chỉnh về tuổi thơ và những năm tháng học tập của hẫ để dành tặng cho Karl-Heinz và Rolf, nếu như một ngày nào đó hẫ ra được khỏi noi ả nấu của mình.

Tất cả thời gian còn lại thật khó nhọc và gian khổ. Gitta dò xét hăn, gãi gãi vào cửa phòng hăn, thường xuyên quấy rối hăn. Hăn không thể từ chối gì đối với bà Bovary miền nhiệt đới này, ban đêm, khi hai đứa trẻ ngủ say, hay buổi chiều, ngay sau khi những người làm công đi khỏi, chiều chuộng bà ta đằng sau một cây xoài. Công việc trên cánh đồng và đồn điền cà phê khiến hăn mệt mỏi, lữ bò và lợn làm hăn kiệt sức, chắc chắn hăn không được sinh ra cho ảo tưởng nông nghiệp của SS, cho công việc tiếp xúc với đất đai, cho cuộc sống lành mạnh, cho không gian mênh mêng. Thế là Mengele trút giận lên những người làm công, hành hạ họ như một lãnh chúa Nga mặc sức sỉ nhục các nông nô lao dịch. Hăn cấm họ hút thuốc và uống rượu, kể cả ngày Chủ nhật: người nào say rượu sẽ bị đuổi việc ngay lập tức. Hăn khinh thường người Argentina, bêu xấu người Brazil lai da đỏ, lai châu Phi và lai châu Âu, với một nhà lý luận về chủng tộc cuồng tín như hăn, họ là những người chống Chúa, và hăn lấy làm tiếc vì tình trạng nô lệ đã bị xóa bỏ. Hăn đều đặn ghi lại các quan sát của mình trong nhật ký. Lai tạp chủng tộc là một tai họa, là nguyên nhân khiến mọi nền văn hóa suy tàn. Các vết sẹo do hành hạ giải thích việc các công nhân, “lũ khỉ tườu”, luôn phải có tâm trạng tốt, Mengele ghi lại, sự uế oải, óc ứng tác và sự lộn xộn vui vẻ của họ làm hăn rất khó chịu. “Do người Brazil không thuần chủng, nên tính không thuần nhất về chất của họ thể hiện qua chứng tâm thần phân lập của trí óc. Họ hoàn toàn không có ý thức thuần túy và ý chí rõ ràng; những bản thể khác biệt và mâu thuẫn cùng tồn tại và chiến đấu với nhau bên trong họ. Họ tạo thành một dân tộc không rõ ràng, lộn xộn và nguy hiểm, giống như người Do Thái, trong khi những trí óc lành lặn và quyết đoán được sinh ra từ một cơ thể sinh vật trung thành với bản sắc chủng tộc của mình.”

Hochbichler kín đáo đã được thay thế bằng Mengele tại ngược có mặt ở khắp nơi. Với Roberto và Miklos, hăn đòi hỏi chúng phải học hành chăm chỉ hơn ở trường, đạt điểm cao nhất và tuân thủ kỷ luật, cứ như chúng là con đẻ của hăn. Hăn cho rằng tiếng Đức của chúng quá tồi nên hầu như không bỏ lỡ dịp nào nói cho chúng biết. Sẽ tốt hơn nếu chúng học xướng âm, thay vì tập bắn dơi bằng súng cao su với lũ trẻ con nghịch ngợm trong làng. Hăn cấm chúng nhai kẹo cao su trước mặt hăn, khuyên chúng cảnh giác với bọn con

gái, chỉ chơi với con cái những gia đình da trắng, và phản đối buổi tiệc khiêu vũ mà Roberto định tổ chức nhân dịp sinh nhật mười lăm tuổi. Hôm bắt quả tang chúng nghe đĩa nhựa 45 vòng của ban nhạc The Beatles bằng chiếc máy Teppaz của hã trên tháp canh, hã nổi giận đùng đùng. Chưa bao giờ con trai nhà Stammer bị mắng chửi như vậy; Gitta đã phải can thiệp. Với cô ta cũng vậy, hã gây sự, và chủ yếu là gây sự với cô ta: Mengele thích kiểm chuyện cà khịa. Cô ta ngủ quá lâu và phải chú ý đến việc ăn uống, đánh răng kỹ hơn, hút thuốc ít hơn. Hã chê cô ta ăn mặc lôi thôi như nông dân và gãi mông trước mặt đám công nhân. Khả năng nấu ăn của cô ta rất kém, cho quá nhiều muối và ớt. Gitta phải chú ý hơn, đong đếm các loại nước xốt và khoai tây nghiền cẩn thận hơn, lau dọn nhà cửa sạch sẽ hơn. Mengele bị rối loạn ám ảnh sợ bẩn. Thật là tai họa cho người nào gây xáo trộn cách sống không thay đổi và rất quy củ của hã, mượn cái bút, cái kéo, quyển sách, di chuyển cái ghế hay thăm thẳm là hã nổi cơn thịnh nộ, gào thét, rú rít, như thể việc một đồ vật biến mất có thể làm rung chuyển cấu trúc mong manh của cuộc sống của hã và làm hiện rõ cái hư vô của sự cô đơn vô hạn nơi hã.

Cuối cùng, Mengele cũng nhận được tin tức từ gia đình vào giữa năm 1963. Người đưa thư Gerhard tiếp tục giúp đỡ: Sedlmeier thông báo cho hắn rằng những kẻ không mời mà đến đã rời khỏi Gunzburg và Martha không còn bị theo dõi ở Merano. Cuộc vây bắt Mengele dường như lại tạm ngưng.

Sau thành công đẩy gian khổ của chiến dịch Hồ, Mossad lại tập trung vào vùng Trung Đông. Người đứng đầu Harel vẫn phải chịu áp lực vì lần này mối đe dọa cực kỳ nguy hiểm: Israel gặp nguy hiểm sống còn từ khi Ai Cập phóng thử một tên lửa đạn đạo có khả năng bắn tới bất kỳ điểm nào trên lãnh thổ Israel vào tháng Bảy năm 1962. Nhân dịp một cuộc diễu binh mừng thắng lợi trên đường phố Cairo, tổng thống Nasser đã phô trương những quả tên lửa mới tầm xa sáu trăm ki lô mét. Những nhà khoa học Đức Quốc xã, những cựu chiến binh thuộc chương trình V2 của Hitler, đã giúp sức cho các nhà bác học Ai Cập. Chín trăm quả tên lửa đang được sản xuất ở một nơi tuyệt mật, nhà máy Factory 333; chúng có thể sẽ được trang bị chất thải phóng xạ hay đầu đạn hạt nhân, các báo cáo đáng lo ngại nhất cảnh báo như vậy.

Mãi phung phí nguồn lực nhỏ bé của mình vào việc vây bắt các thành viên Đức Quốc xã ở Nam Mỹ và tìm kiếm thằng bé Yossele, những vụ việc gây tiếng vang khiến Harel nổi tiếng trên toàn thế giới, thì Mossad lại đang thất bại trong sứ mệnh thực sự của mình, đó là đảm bảo an ninh cho Israel. Người đứng đầu bị chỉ trích. Những kẻ công kích chê trách ông ta vì đã biến cơ quan tình báo thành cơ quan quan hệ công chúng. Để phủ nhận điều này, Harel tung ra chiến dịch Damocles: loại trừ các nhà khoa học Đức tham gia chương trình tên lửa của Ai Cập. Một số người nhận được những lá thư gài bẫy, một số người khác bị bắt cóc hoặc đơn giản là bị sát hại. Khi các điệp viên Israel từng đe dọa con gái của người phụ trách hệ thống dẫn đường tên lửa bị bắt ở Thụy Sĩ và bị cáo buộc giết người và âm mưu giết người, vụ

scandal nổ ra, lớn đến mức gây nguy hiểm cho mối quan hệ với Cộng hòa Liên bang Đức, đây lại là mối quan hệ mấu chốt đối với các lợi ích kinh tế và quân sự của nhà nước Do Thái. Harel bị ép từ chức và bị thay thế bằng tướng Meir Amit. Việc vây bắt các thành viên quốc xã không được ông ta ưu tiên, Mossad phải tập trung thu thập thông tin và chiến đấu chống lại các kẻ thù Ả Rập. Israel cần đồng minh, mà vụ bắt cóc Eichmann lại không được cộng đồng quốc tế ủng hộ. Các nước không đùa giỡn với chủ quyền của họ.

Cuộc bùng nổ mang tính quyết định năm 1967 đang được chuẩn bị.

Việc bắt giữ Mengele được đưa xuống hàng thứ yếu.

54

Đầu năm 1964, Mengele nhận được một tin khủng khiếp. Hắn cảm thấy như có một lưỡi gươm xuyên qua mạng sườn và đâm sâu vào tận tim khi đọc lá thư của Martha: hắn đã bị tước bỏ tất cả các bằng cấp ở đại học. Bởi vì hắn đã vi phạm lời thề Hippocrates và gây ra những vụ giết người ở Auschwitz, nên các trường đại học Frankfurt và Munich đều rút lại danh hiệu tiến sĩ y khoa và tiến sĩ nhân học của hắn.

Biết bao nỗ lực và hy sinh đã trở thành con số không vì những kẻ quan liêu dốt nát... Mengele trở về con số không. Hắn, một bác sĩ phẫu thuật quốc dân đầy tham vọng, nhiều lần được tặng thưởng huy chương, niềm hy vọng lớn của ngành nghiên cứu gen di truyền, nay bị tước bỏ những thứ quý báu nhất, niềm tự hào lớn nhất, kinh nghiệm nghề nghiệp không còn giá trị, chỉ còn như một tên lang băm tầm thường!

Mengele đốt lá thư của vợ, chạy ra khỏi đồn điền và bỏ đi gặm nhấm nỗi đau trong rừng cùng với đàn chó của mình. Nước Đức thật đáng nguyên rủa và không công bằng, hắn chỉ làm đúng nghĩa vụ của người lính trong lĩnh vực chính trị sinh học của Quốc xã. Một thế hệ trước đó, người Đức vẫn coi học thuyết Darwin và thuyết ưu sinh là nền tảng của một xã hội hiện đại và phân chia theo chức năng. Tất cả mọi người đều muốn chọn ngành sinh học vì nó mang lại những sự nghiệp danh giá nhất và được trả lương cao nhất, ừ, Mengele lâm bầm với con chó lai Cigano, xã hội Đức chỉ lập luận bằng ngôn từ sinh học. Chúng tộc, dòng máu: các luật cơ bản của đời sống điều chỉnh luật pháp, chi phối chiến tranh, giới tính, quan hệ quốc tế và khoa học tối thượng, tức y học. Ở trường đại học, cả khóa học của hắn ngưỡng mộ Hy Lạp cổ đại vì cá nhân phù du phải tuân theo các đòi hỏi của cộng đồng và của nhà nước. Với thế hệ của hắn thì những kẻ thấp kém, không lao động được và ăn bám không đáng được sống. Hitler đã chỉ ra cho họ. Mengele không phải là người duy nhất theo Hitler, tất cả người Đức đều ngây ngất

trước *Furer*, trước sứ mệnh vĩ đại và mê hoặc lòng người mà ông ta đã giao cho họ, chữa bệnh cho dân tộc, thanh tẩy chủng tộc, xây dựng một trật tự xã hội phù hợp với tự nhiên, mở rộng không gian sống, hoàn thiện giống người. Hẳn xứng đáng với công việc đó, hẳn biết vậy. Liệu người ta có thể chỉ trích hẳn về chuyện này? Dễ dàng tước bỏ các bằng cấp quý giá của hẳn như vậy ư? Hẳn đã dùng cảm loại bỏ bệnh tật bằng cách tiêu diệt người mang bệnh, chế độ đã khuyến khích hẳn, luật pháp của chế độ cho phép hẳn, giết người là một công việc cấp nhà nước.

Mengele nổi điên, đá mạnh vào một tổ mối ngay trước đàn chó đang sủa ăng ăng và chảy dãi. Ở Auschwitz, các doanh nghiệp Đức đã bỏ đầy túi tiền bằng cách bóc lột đến kiệt quệ nguồn nhân lực nô dịch mà họ có trong tay. Auschwitz, một doanh nghiệp làm ăn có lãi: trước khi hẳn tới trại, những người bị giam ở đây đã sản xuất cao su tổng hợp cho IG Farben và vũ khí cho Krupp. Nhà máy dọ Alex Zink mua những bao đậy tóc phụ nữ của *Kommandantur* và từ đó làm ra tất chân cho các đội thủy thủ tàu ngầm và các loại ống cho đường sắt. Công ty dược phẩm Schering đã trả tiền cho một trong các đồng nghiệp của hẳn để tên này thực hiện các thí nghiệm về sinh sản trong ống nghiệm và công ty Bayer thử nghiệm nhiều loại thuốc mới trị bệnh sốt chấy rận đang hoành hành trong trại. Hai mươi năm sau, Mengele cầu nhau, lãnh đạo của các doanh nghiệp này đã trở mặt. Họ hút xì gà bên gia đình, nhấp rượu ngon trong biệt thự ở Munich hay Frankfurt trong khi hẳn lội trong phân bò! Lũ phản bội! Lẫn như trạch! Thối tha! Qua việc bắt tay hợp tác với nhau ở Auschwitz, các xí nghiệp, ngân hàng và tổ chức chính phủ đã thu về những khoản nợ khổng lồ; còn hẳn chẳng được một đồng xu nào mà còn phải trả giá một mình.

Hôm đó, Mengele cảm thấy cay đắng. Hắn xót thương cho số phận, như mọi khi, không hối hận hay tiếc nuối, và xả những uất ức của mình lên đàn chó, lên những cây bao bắp trong rừng nguyên sinh luôn thì thầm và hát nhưng lại không nghe hắn nói. Đến một khoảng rừng thưa, hắn ngồi xuống một thân cây, hai tay ôm đầu, nghĩ tới các đồng nghiệp ở Auschwitz, hai mươi bác sĩ SS được cử đến trại. Horst Schumann triệt sản đàn ông và phụ nữ bằng cách chiếu tia X vào họ, sau đó hoạn đàn ông và cắt buồng trứng của phụ nữ. Carl Claubert cấy bào thai động vật vào bụng những người bị đem ra làm thí nghiệm và triệt sản họ bằng cách tiêm các chất gốc formol vào hệ sinh sản. Dược sĩ Victor Capesius ăn cắp răng giả còn đang chảy máu của những tù nhân bị giết chết để bán ra ngoài trại. Friedrich Entress truyền bệnh sốt chấy rận cho tù nhân và giết họ bằng cách tiêm phenol vào tim. August Hirt tiêm hoóc môn vào người đồng tính và giết người để xác lập hệ thống kiểu hình khung xương người Do Thái. Và tất cả những người khác (ba trăm năm mươi giáo sư đại học, chuyên gia sinh học, bác sĩ) đã từng hoành hành trong các trại và tham gia chương trình an tử T4, nay họ ra sao rồi? Một số người tự tìm đến cái chết hoặc bị kết án sau chiến tranh trong một vụ án tại tòa án Nuremberg, nhưng phần lớn họ đã lọt lưới, trở lại với gia đình và xã hội dân sự, sau đó tiếp tục sự nghiệp của mình, Mengele biết điều đó và hắn phát điên.

Trở lại trang trại, hắn trèo lên tháp canh của mình. Hắn khóc nức nở khi nghĩ về việc những người từng dẫn dắt hắn, Eugen Fischer và nam tước Otmar von Verschuer, đã thoát thân một cách ngoạn mục. Fischer, một lão già có thể lực, nhà lý luận của công cuộc thanh tẩy chủng tộc và người truyền cảm hứng cho Hitler sau khi tham gia vào cuộc thăm sát người Herero và người Namaqua ở Namibie, hiện đang sống cuộc đời ẩn dật yên bình ở Fribourg-en-Brisgau bên cạnh ông bạn thân nhất Martin Heidegger.

Là thành viên danh dự của các tổ chức nhân học và giải phẫu học của Đức, Fischer thậm chí còn cho xuất bản thành công hồi ký của mình, *Cuộc gặp với người chết*. Cha hắn từng gửi cho hắn một bản không lâu trước khi ông mất. Von Verschuer, cựu giám đốc Viện Kaiser Wilhelm ở Berlin, người mà Mengele từng gửi những tiêu bản máu, những đôi mắt hai con người màu sắc khác nhau và những bộ xương trẻ em từ trại Auschwitz, von Verschuer, người rất ngưỡng mộ *Fuhrer*, ông ta từng ca ngợi *Fuhrer* là “nguyên thủ quốc gia đầu tiên quan tâm đến di truyền sinh học và thanh tẩy chủng tộc”, von Verschuer được bổ nhiệm làm giáo sư di truyền học con người tại Đại học Munster, sau đó trở thành trưởng khoa, rồi lãnh đạo trung tâm nghiên cứu di truyền lớn nhất của Tây Đức. Mengele còn nhớ, nhân một lần nhận được giấy phép đi chiến trường Nga, họ cùng đi xem phim *Der ewige Jude* ngoài rạp. Trong căn phòng đầy kín người, họ la ó cùng với khán giả mỗi khi trên màn ảnh xuất hiện người Do Thái độc ác, trong khi miệng nhai kẹo in nổi hình chữ thập ngoặc làm bằng đường vị quả mâm xôi. Hai bác sĩ có cùng một lòng nhiệt thành với chủ nghĩa quốc xã. Mengele nhiều lần viết thư cho nam tước từ Argentina, nhưng ông ta chấm dứt việc trao đổi thư từ với hắn và hủy các tư liệu gây liên lụy khi chiến tranh kết thúc, và chưa bao giờ trả lời hắn. Cả ông ta lẫn Fischer đều không bị truy tố trước tòa.

Lũ khốn kiếp, lũ khốn kiếp, Mengele kêu than, hai tay nắm chặt trong tháp canh.

Năm 1967, Fischer chết tại nhà ở tuổi chín mươi ba, còn von Verschuer chết trong một tai nạn ô tô hai năm sau đó.

56

Liệu anh ta có nghi ngờ về những trò lừa gạt và những lời nói dối của vợ không? về mối quan hệ nhiệt tình giữa cô ta với tên quốc xã khó gần kia không? Geza Stammer phỉ nhổ vào Mengele. Vốn vô lo, ham chơi và lười biếng, người đàn ông Hungary ấy thích uống rượu, hát hò và hút thuốc, tận hưởng cuộc sống mà bác sĩ Hochbichler, anh ta gọi Mengele như vậy để chọc tức, đầu độc anh ta khi anh ta quay về trang trại: Mengele coi thường anh ta và không giấu giếm điều này. Nếu chỉ trông vào Geza thì nhà Stammer vẫn còn chết gí nơi tận cùng đồng cỏ. Nhà này chuyển đến đây được là nhờ vào tiền của Mengele, ngoài ra còn mua được máy nông nghiệp để tăng thu nhập và Gitta sắm được váy áo, chăn gối, bát đĩa mà cô ta chưa từng dám mơ ước. Hơn nữa, hẳn còn nắm rõ tình hình gia đình: Mengele cho rằng mình đủ khả năng đưa ra lời khuyên cho Geza kém cỏi. Anh ta phải đòi ông chủ tăng lương cho mình vì bị bóc lột một cách vô liêm sỉ; anh ta và vợ phải nghiêm khắc hơn với hai cậu con trai vì chúng đang học hành chệnh mảng, còn Roberto với mái tóc như cái nồi úp trên đầu trông rất luộm thuộm phải đi cắt tóc đều đặn. Nhà này lộn xộn vì người chủ gia đình không có uy. Khi Geza hút thuốc lá hay uống một cốc rượu mạn, Mengele lên lớp về đạo đức cho anh ta bằng cách nói về cuộc chiến của Đức Quốc xã chống lại bệnh ung thư, các chiến dịch y tế dự phòng chống lại thuốc lá và các chất phụ gia hóa học, việc cấm hút thuốc ở nơi công cộng, những toa tàu đầu tiên dành cho người không hút thuốc trên các chuyến tàu của chế độ Reich. Ở bàn ăn, hẳn cấm nhà Stammer nói tiếng Hungary vì nghĩ rằng họ đang có âm mưu và giễu cợt hẳn. Hẳn yêu cầu có bánh mì nguyên cám để dễ tiêu hóa và than phiền về các món đặc sản Hungary mà Geza và hai thằng bé rất mê, như món xúp cá với cà chua và ớt ngọt, món sườn bê nhồi gan ngỗng. Mặc dù nhạc Liszt thật diễm lệ trong mắt hẳn nhưng Mengele lại coi thường người Hungary, “dân tộc hạ đẳng” với “nền văn hóa thấp kém”. Geza là hiện

thân của các tội xấu của đất nước anh ta mà Mengele thích kể ra khi người thợ đo đạc bị cầm sừng trở về nhà vào cuối tuần. Hiếm có bữa trưa Chủ nhật nào mà ông bác sĩ thất thế người vùng Bavière không bắt nhà Stammer phải nghe những bài giảng lịch sử dài lê thê về thất bại của Hungary, thấp kém toàn diện so với nước Đức “trung thực và chăm chỉ” mà Hungary là một đồng minh nước đôi trong chiến tranh, Hungary bị cắt mất hai phần ba lãnh thổ và bị quân Xô viết chiếm đóng, “sự trừng phạt thích đáng khi một dân tộc Di gan chỉ sản xuất ra xúc xích salami và ớt paprika”.

Do đui lý hoàn toàn nên Geza né tránh Mengele. Khi bị nói xấu trước mặt vợ con, anh ta không bao giờ đáp lại thẳng thừng, tay người Đức độc đoán rất đanh thép, nhưng Geza rất thích khiêu khích ông ta một cách hài hước và gian xảo, bằng cách chế giễu các thuyết của ông ta về chủng tộc và sự thượng đẳng của người Đức -”nước Đức cũng bị chiếm đóng, thưa bác sĩ Hochbichler yêu quý” -, chế giễu *Fiihrer* là “người ăn chay bất lực” và bắt chước rất giống, đội cái rổ trên đầu, hai tay nắm chặt, cái nhếch mép hiệu chiến nơi góc miệng sùi bọt, khiến hai đứa con và Gitta thấy vui sướng. Geza chiến thắng tất cả các hiệp trước Mengele, kể vẫn tôn thờ Hitler “nhân vật của thế kỷ và người khổng lồ của lịch sử, dòng dõi Alexandre Đại đế và Napoléon”, Mengele chồm lên, đóng sầm cửa phòng ăn, miệng quát tháo rồi trốn lên tháp canh. Được các con trai và người làm công vốn thường xuyên than phiền về Mengele ủng hộ, Geza đã nghĩ ra một cách để làm cho hãnh khó chịu. Một ngày Chủ nhật, Geza cố chụp ảnh hãnh bằng chiếc máy ảnh Nikon mới; khi theo dõi hãnh, Geza phát hiện ra hãnh đã nhận thấy một nhóm khách du lịch Israel khả nghi trong làng; một hôm khác, với bộ ria mép rậm, hãnh trông giống như Groucho Marx. Geza không bao giờ quên đem về cho hãnh những tờ báo kể về tội ác của hãnh, về chuyện một tên quốc xã bị bắt, về một phiên tòa xử các tội phạm chiến tranh ở Tây Đức, hay về một chiến công của Simon Wiesenthal. Nhiều lần, Gitta phải hòa giải hai người, và mọi chuyện dịu đi. Nếu không, Gerhard được gọi đến trợ giúp và đem lại hòa bình trong nhà nhờ mang theo một hộp sô cô la và một tập đô la. Khi Geza lại lên đường thì Mengele tiếp tục chi phối trang trại một cách tàn bạo.

Nhưng vào thứ Hai sau lễ Phục sinh năm 1964, vài tuần sau khi Mengele bị tước bỏ các học vị, hai người đàn ông lại động chân tay. Đài phát thanh phát đi một phóng sự về phiên tòa xét xử các tội phạm Auschwitz diễn ra ở Frankfurt từ vài tháng nay. Tên của Mengele được nhắc tới thường xuyên, những người sống sót đứng ra làm chứng về các tội ác và sự tàn bạo của hắn. Geza khích bác: “Ông cũng thế, bác sĩ Hochbichler, ông cũng phải dửng dưng đối mặt với công lý! Ông cho cái chết một giá trị tích cực, vì thế chả có gì phải lo cả! Ông chỉ thực hiện nghĩa vụ của mình thôi, đúng không, ông không có gì phải tự trách mình phải không? Vậy thì hãy xử sự như một người lính và hãy đi giải thích với đồng bào của ông rằng ông đã chiến đấu ở Auschwitz chống lại sự thoái hóa của họ và vì sự lành mạnh của chủng tộc họ...”

Trong vô số quy định mà Mengele áp đặt cho nhà Stammer, có một điều mà hắn không bao giờ nhân nhượng: nghiêm cấm nói về Auschwitz. Nhắc đến tên của trại cũng bị cấm. Thế là hôm đó, Mengele nhảy lên túm cổ Geza, chỉ chực giết chết anh ta, hắn dùng hết sức lực siết chặt cổ người đàn ông Hungary, trong khi người này la hét, giãy giụa. Gitta và hai cậu con trai vội chạy tới kéo họ ra. Miklos kéo tóc tên quốc xã, Gitta cho hắn một cú đá vào ống đồng còn Roberto chạy từ vườn vào, tay cầm cái cào vể hăm dọa. Cuối cùng, Mengele phải buông ra. Geza mặt đỏ bừng, người lão đảo, hét lên rằng như thế là quá lắm rồi, rằng lần này là kết thúc, raus Hochbichler, đi ra ngay, “cuốn xéo, cút ngay lập tức, nếu không tao gọi cảnh sát”.

Mengele nhếch mép cười đều, hắn nhìn thẳng vào mặt vợ chồng nhà Stammer với vẻ kiêu căng. Hắn rất muốn nói ra tất cả, nói với Geza rằng vợ anh ta là đồ đĩ, nói với hai đứa con trai rằng mẹ của chúng là một con điếm biến thái, nhưng hắn đã nghĩ lại trong lúc cắn những sợi ria mép. Nếu như hắn đã từng thoát khỏi nanh vuốt của Hồng quân trong chiến tranh, khỏi quân đội Mỹ và Mossad cho tới bây giờ, thì hắn sẽ không mạo hiểm mạng sống của mình chỉ vì vài lần làm tình. Nhà họ có bốn người, chưa kể các công nhân vốn thù oán hắn sẵn sàng ra tay giúp đỡ họ. Mengele bình thản khoanh tay trước ngực: hắn đang ở nhà của mình, một nửa trang trại này là của hắn, nếu hắn thu xếp hành lý, họ cũng phải ra đi. Gerhard được gọi đến

khẩn cấp để tuyên bố cuộc chia tay “thân mật”. Ngay cả Gitta cũng đồng ý với quyết định này vì sức khỏe tinh thần của cô và vì sự sống sót của gia đình, Peter đã đi quá xa.

Được Sedlmeier đồng ý và Rudel giúp đỡ, Gerhard tìm một giải pháp nhượng bộ. Anh ta kể với nhà Stammer về một con đường Ả Rập, về khả năng chuyển sang Ai Cập, sang Syrie, có thể là sang Maroc, nhưng không có kết quả gì, các bước đi rất phức tạp, không ai muốn nhận Hochbichler phiền phức mà tiếng tăm của hãn trong các nhóm quốc xã đã vượt qua đại dương. Gia đình hãn phải chi một khoản đăm để nhà Stammer chấp nhận tiếp tục lưu giữ cái tên nặng nợ này. Việc hãn bị bắt sẽ làm tổn hại đến danh tiếng huyền thoại về độ đáng tin cậy và sức mạnh của doanh nghiệp Mengele đang trên đà mở rộng nhanh chóng ra khắp nước Đức và trên toàn thế giới. Họ đề nghị tặng Geza một chiếc xe hơi mới. Người đàn ông Hungary này chần chừ, từ chối, rồi nhận lấy một chiếc xe thùng có tài xế và một túi tiền to, “cần thiết để bảo dưỡng xe”, anh ta nói với Gerhard.

Bộ ba vợ chồng chồng ghê tởm này lại có thể tiếp tục tồn tại.

Tháng Hai 1965, thi thể của Herbert Cukurs được tìm thấy trong một chiếc hòm ở Montevideo. Tên phi công Cukurs có biệt danh “đao phủ Riga” và “Eichmann của Latvia” từng giam người Do Thái trong các nhà thờ của họ và châm lửa thiêu sống họ. Ông ta bị tiêu diệt trong tay một biệt đội báo thù của Mossad, “những người sẽ không bao giờ quên”. Những người thực hiện vụ ám sát đã ghim lên cái xác một bản án được đánh máy chữ: *xét tính chất nghiêm trọng của các tội ác mà Herbert Cukurs bị cáo buộc, đặc biệt là trách nhiệm cá nhân của hắn trong việc sát hại ba mươi nghìn người gồm cả đàn ông, phụ nữ và trẻ em, và xét sự tàn bạo đáng ghê sợ của Herbert Cukurs trong khi thực hiện các tội ác, tòa tuyên phạt ông Cukurs mức án tử hình.*

Khi biết tin kẻ không mấy quan trọng kia bị giết, Mengele tăng cường cảnh giác. Hắn nuôi thêm chó, sắm cặp ống nhòm nhìn được xa hơn, dành nhiều thời gian hơn để dò xét khắp vùng thôn quê ấy từ trên tháp canh. Một buổi tối, từ trên cao hắn phát hiện ra một chùm tia sáng. Những chiếc đèn pha tắt đi, rồi lại bật sáng và tiến lại gần, tim Mengele đập thành thịch, một chiếc xe leo lên đồi, đàn chó của hắn sủa vang, hắn lên cò khẩu súng ngắn và run rẩy chĩa nó về phía bóng tối, hắn muốn xuống khỏi tháp canh nhưng hai chân không nghe lời, mà xe ô tô khi đó đã dừng lại trước cổng. Hắn nghe thấy tiếng cửa xe đóng sầm lại, tiếng thì thầm của những thanh niên, hắn thấy những bóng đen lén vào, đàn chó sủa, nhảy chồm lên rồi đột nhiên có tiếng kêu: Tao đây, tao đây! Roberto hét lên, cậu vừa ra ngoài dự tiệc cùng bạn bè.

Mengele cũng tăng cường phòng bị trong việc trao đổi thư tín với người thân ở Đức, chỉ sử dụng những chữ cái đầu, một trò chơi trẻ con, chữ p để chỉ bản thân hắn, chữ R là Rolf, Situ Un, Serra Negra... Các bức thư niêm phong được gửi đến một hộp thư ở Thụy Sĩ, hoặc thỉnh thoảng được gửi tới

một người bạn của gia đình hân sống ở Augsburg, sau đó Sedlmeier sẽ tới nhận và phân phát chúng; thư từ gửi cho hân ở Brazil được chuyển đến một hòm thư mang tên Gerhard. Nét chữ khó đọc của Mengele rất dễ bị nhận ra, nên sắp tới hân sẽ mua một chiếc máy chữ.

Giữa năm 1964, vài tháng trước khi Cukurs bị xử tử, hân đã tránh được những rắc rối rất nghiêm trọng: hệ thống trao đổi thư tín với Gunzburg suýt bị lộ. Ở Frankfurt, công tố viên trưởng Bauer đã ra lệnh khám xét nhà Sedlmeier vì cho rằng anh ta là trung gian giữa Mengele và gia đình hân. Nhưng cảnh sát không tìm thấy bất cứ lá thư, dấu vết hay bằng chứng liên quan nào ở nhà Sedlmeier: một lần nữa anh ta lại được mật báo vào phút cuối rằng một cuộc đột kích đang được chuẩn bị và sắp sửa được tiến hành, may mà có cú điện thoại từ một người quen làm ở sở cảnh sát.

Từ khi phát lệnh bắt giữ, quan chức tư pháp Tây Đức theo dõi Mengele nhưng không tin lắm là sẽ có kết quả. Họ đã phải mất hơn một năm để chuyển dấu vân tay của hân cho đại sứ quán của các nước Nam Mỹ đóng tại Tây Đức. Khi còn là người chào hàng ở Paraguay, trong một đoàn người Đức, Mengele đã gặp một cô gái làm công việc đánh máy ở đại sứ quán, cô bị bong gân ở mắt cá chân và hân đã chữa trị cho cô. Cô gái biết tên hân nhưng không biết quá khứ của hân. Trở về Asuncion, cô gái ngạc nhiên vì không thấy vị bác sĩ đăng ký ở lãnh sự quán nên đã thông báo chuyện này với các cán bộ ngoại giao. Một cuộc điều tra nhanh chóng được thực hiện, rất nhẹ nhàng, người phụ trách điều tra đến gặp Krug và nhờ có tiền mặt, những lời nói dối của ông ta đã được chấp nhận.

Bonn không dành những nguồn lực đặc biệt cho cuộc vây bắt Mengele và không cử bất cứ điệp viên hay đặc nhiệm mật vụ nào đến hiện trường. Cơ quan tình báo ở Bonn dù bị các cựu sĩ quan quốc xã thâm nhập phá hủy nhưng hân sẽ chẳng gặp bất cứ khó khăn nào để tiếp cận với Rudel, Sassen, Krug hay von Eckstein, những kẻ không bao giờ che giấu lòng trung thành với Reich đệ tam. Cộng hòa Liên bang Đức đặt ra lắm thủ tục và bằng lòng với việc treo thưởng cái đầu của tên tội phạm chống lại loài người; họ tập trung tìm kiếm ở Paraguay sau khi các cơ quan ngoại giao có được bản sao

các tài liệu xác nhận rằng Mengele đã có được quốc tịch của nước này. Tây Đức tin rằng Mengele sống ở Asuncion hoặc ở vùng Alto Parana. Năm 1962, họ đề nghị dẫn độ hắn. Tướng Stroessner, được Rudel báo tin Mengele đi sang Brazil, đã từ chối hợp tác. Ông ta có sở thích quái đản là làm rối loạn các hướng đi: Mengele đã đi khỏi Paraguay, nhưng nếu hắn bị bắt trên lãnh thổ nước này, Stroessner sẽ từ chối dẫn độ, nhà nước Paraguay luôn bảo vệ các công dân của mình. Năm sau đó, thủ tướng Adenauer sẽ trao mười triệu đô la tiền viện trợ phát triển nếu Paraguay trao trả bác sĩ Mengele. Vị tướng độc tài không muốn nghe gì hết. Bonn kết luận rằng các cấp xét xử tối cao của Paraguay che chở cho kẻ đào tẩu. Năm 1964, khi cả thế giới tập trung quan tâm đến Frankfurt, nơi diễn ra phiên tòa Auschwitz, áp lực từ phía Tây Đức tăng cao. Bộ Ngoại giao công bố Mengele là công dân Paraguay, rằng hắn sống ở vùng biên giới chung của ba nước và thường đi sang Brazil. Đại sứ Cộng hòa Liên bang Đức tại Asuncion yêu cầu Stroessner thu hồi quốc tịch của hắn, với lý do hắn đã nói dối để được cấp quốc tịch. Tổng thống Paraguay nhắc lại với ông ta rằng Mengele đã đi khỏi Paraguay từ rất lâu rồi và sự can thiệp của Tây Đức là không thể chấp nhận được: nếu đại sứ tiếp tục yêu cầu, ông ta sẽ trở thành nhân vật không được hoan nghênh, một cường quốc ngoại bang không thể làm tổn hại đến chủ quyền của Paraguay. Vài tháng sau, cùng lúc diễn ra cuộc đột kích vào nhà Sedlmeier, Fritz Bauer triệu tập báo chí: một phần thưởng năm mươi nghìn mark sẽ được trao cho người nào giao nộp Mengele; hắn tự do đi lại, sống bằng tên thật ở Paraguay, có rất nhiều tiền ở đây và có những người bạn là quan chức cao cấp bảo vệ hắn. Bộ trưởng Nội vụ Paraguay phản bác lại luận điệu của ngài công tố viên trưởng, Mengele có lẽ đang lẩn trốn ở Brazil hoặc Peru. Không ai còn tin vào lời bác bỏ của chính phủ Stroessner khi vào năm sau đó, một cựu sĩ quan SS bị bắt ở Paraguay, tên này khẳng định rằng đã gặp bác sĩ Mengele ở đó nhiều lần.

Tây Đức rơi vào ngõ cụt. Năm 1965, nước này bổ nhiệm đại sứ mới tại Asuncion, được ủy nhiệm việc cải thiện mối quan hệ giữa hai nhà nước: rất nhiều người Đức và con cháu của họ sống ở Paraguay, và đất nước này là một quân cờ quan trọng trong lực lượng của Tây Âu nhằm ngăn chặn các

phong trào du kích mác xít ở Nam Mỹ mà Moscou và La Havane đang chỉ đạo từ xa. Áp lực từ phía Cộng hòa Liên bang Đức liên quan đến Mengele ngừng lại.

Israel không vây bắt Mengele nữa, mối đe dọa từ Syria và Ai Cập trở nên rõ nét, sự sống còn của người Israel mới là vấn đề. Mossad không chuyển giao các thông tin từ Brazil cho mật vụ Đức, cũng dễ hiểu thôi, nhưng tại sao Mossad không liên hệ trực tiếp với Bauer, người đã giao nộp Eichman cho họ?

Đó là bí ẩn.

Vì các nước bị những sự việc ngẫu nhiên của chính sách thực tế cản trở nên cánh nhà báo và những người chuyên săn lùng cựu binh quốc xã bị mật ngọt của vinh quang, tin độc quyền về cuộc đời một con người và tiền bạc thu hút bắt đầu hành động. Họ cũng xối tung Paraguay và dựng nên câu chuyện về một kẻ cực kỳ xấu xa và không thể bắt được giống như Goldfinger, một nhân vật đại chúng, con người của cái ác, không ai thắng nổi, siêu giàu và lắm mưu mẹo, luôn cắt đuôi những kẻ truy đuổi và thoát khỏi những tình huống nguy hiểm nhất mà chẳng mất một sợi lông. Giữa những năm 1960 ấy, James Bond xuất hiện tràn ngập màn ảnh, còn bác sĩ Mengele trở thành một cái tên mà chỉ nhắc tới thôi đã khiến người ta lạnh gáy và làm gia tăng số lượng bản in sách và tạp chí: hình mẫu của tên quốc xã lạnh lùng và tàn ác, một con quái vật.

Đó là Mengele mặc áo sơ mi cộc tay xuất hiện vài giây trong một bộ phim tài liệu Séc, đạo diễn người Brazil từng khẳng định hẳn đổi tên thành bác sĩ Engwald, sống ở biên giới Paraguay và Argentina, đi tàu *Viking* trên sông Parana. Một nữ phóng viên người Argentina tiết lộ rằng hẳn đang ẩn náu trong một trang trại gần thành phố Altos của Paraguay, trong vòng tay của một phụ nữ tuyệt vời: Mengele là một kẻ quyến rũ không cưỡng lại được. Mặc dù tuổi đã cao nhưng hẳn còn rất sung sức, thích khiêu vũ và giao lưu với giới thượng lưu. Một cựu binh SS tin rằng hẳn đã đi phẫu thuật thẩm mỹ, giống như bạn của hẳn là Martin Bormann (chết ở Berlin năm 1945) mà hẳn thường cùng ăn tối trong những nhà hàng sang trọng nhất ở Asuncion và La Paz. Một người lái tàu tiết lộ rằng Mengele ít nói và thô bỉ, có râu và thường xuyên đi qua sông Parana. Một cựu vệ sĩ của Bormann tiết lộ với tờ *Sunday Times* rằng Mengele đã gia nhập quân đội Paraguay với cấp bậc thiếu tá trong một đơn vị ở phía Bắc và làm bác sĩ ở đây. Tháng Năm 1966, cảnh sát Brazil thông báo đã bắt được Mengele; sau khi xác minh, đó chỉ là

một du khách người Đức. Hai năm sau đó, một cựu cảnh sát thề rằng đã hạ gục hắn trên một con tàu xuôi dòng Parana. Bị trúng đạn vào ngực và cổ, thân chết đã ngã xuống nước và bị chết đuối.

Huyền thoại về sát thủ không thể bị bắt càng thêm nổi tiếng nhờ Simon Wiesenthal. Là cựu tù nhân trong gia đình gốc Galicie đã bị tàn sát trong cuộc diệt chủng *Shoah*, ông bắt đầu thu thập thông tin về các tên tội phạm quốc xã ngay sau chiến tranh, ở Linz, rồi ở Vienna, nơi ông thành lập một trung tâm tư liệu nhỏ. Wiesenthal trở thành nhân vật nổi tiếng thế giới sau khi cho xuất bản tự truyện *Tôi đã truy lùng Eichmann*, trong đó ông tự cho mình đóng vai trò quyết định trong vụ bắt viên sĩ quan SS dù chỉ tham gia với vai trò thứ yếu; công việc của Bauer vẫn còn là bí ẩn và các thành viên Mossad giữ bí mật nghiêm ngặt. Trong con mắt công chúng, đặc biệt là công chúng Mỹ, con người cáo già và cuốn hút này thường mặc áo vest vải *tweed*, nói tiếng Anh và tiếng Đức với giọng Do Thái, là hiện thân của con người cô độc chuyên thực thi công lý, thường xuyên bị dọa giết ở văn phòng tại Vienna, nơi có một tấm bản đồ đáng sợ về các trại tập trung và diệt chủng của Đức Quốc xã. Ông là người Mohican cuối cùng của cộng đồng người Do Thái đã biến mất ở Trung và Đông Âu. Nếu như Wiesenthal đã giúp xác định nơi ẩn náu của nhiều tên quốc xã và góp phần lụi, rồi sau đó xóa bỏ thời hiệu truy cứu trách nhiệm các tội ác chiến tranh ở Đức, thì trước hết ông là một người kể chuyện xuất sắc biết sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng từ rất sớm. Giờ đây khi Eichmann đã bị đưa ra xét xử và hành quyết, Wiesenthal tập trung nguồn năng lượng không cạn của mình vào việc bắt Mengele. Vì thiếu thông tin về nơi ẩn náu của Mengele mặc dù có mạng lưới chỉ điểm, Wiesenthal luôn cảnh báo công luận thế giới bằng cách thêu dệt những câu chuyện không thể tin nổi để không một ai quên được những tội ác của tên bác sĩ đeo găng trắng ở Auschwitz và để cho tên tội phạm luôn không cảm thấy an toàn ở bất cứ đâu.

Tháng Bảy 1967, Wiesenthal ra mắt cuốn sách *Những kẻ sát nhân ở quanh ta*. Ông dành riêng một chương nói về Mengele, nhan đề “người sư tử tìm những đôi mắt màu xanh”.

Ông lấy câu chuyện về vụ sát hại một nữ điệp viên của Mossad do tên quốc xã ở Bariloche thực hiện và thêm thắt vào những chi tiết hấp dẫn: nữ điệp viên tóc vàng quyến rũ đã bị Mengele triệt sản ở Auschwitz, hắn nhận ra cô ở Bariloche và giải mã được hình xăm ở cẳng tay khi khiêu vũ cùng cô. Sau đó hắn ném cô xuống vực khi cô đang đi trên một con đường mòn trên núi.

Mengele là một người hay dịch chuyển với biệt tài có mặt ở khắp mọi nơi, vì thế Wiesenthal theo dõi hắn ở Peru và Chile, ở Brazil và cho tới tận những cứ điểm thành cao hào sâu nhất của quân đội Paraguay. Luôn có vệ sĩ vây quanh, hắn thường tới những nhà hàng sang trọng nhất ở Asuncion và lái một chiếc Mercedes đen động cơ rất khỏe. Sau khi Nasser từ chối cho hắn nhập cảnh vào Ai Cập, hắn cùng với Martha lên một chiếc du thuyền và tới hòn đảo Kythnos của Hy Lạp. Được tin, Wiesenthal cử ngay một nhà báo tới để tóm cổ những kẻ đào tẩu. Người quản lý khách sạn Caillou cycladique báo cho ông ta biết rằng một người Đức và vợ đã rời khỏi khách sạn ngày hôm trước và lên một chiếc thuyền buồm đi đâu đó không ai biết. “Mengele lại thắng thêm một ván,” Wiesenthal viết. Trận thắng sau lại vẫn thuộc về hắn, khi hắn thoát khỏi một đội đặc nhiệm gồm những người thoát nạn Auschwitz, “ủy ban mười hai”, đến bắt cóc hắn ở khách sạn Tirol tại thành phố Encarnacion của Paraguay trong “một đêm đen nóng nực” của tháng Ba 1964. Mengele có giác quan thứ sáu, như là phù thủy: “Khi đó là một giờ sáng, các đặc nhiệm đi rất nhanh lên cầu thang và phá cửa phòng 26 ở tầng ba. Căn phòng trống rỗng” và giường vẫn còn ấm. Được báo tin qua điện thoại rằng nhóm báo thù sắp đến, Mengele vội chạy trốn vào rừng chỉ mười phút trước, trên người vẫn mặc bộ pyjama.

Wiesenthal dành cho các độc giả của mình một tiết lộ mới nhất: vị trí chính xác của tên tội phạm vào năm 1967 đó. “Mengele sống... trong khu quân sự giữa Puerto san Vincente, trên đường lớn Asunción-São Paulo, và pháo đài Carlos-Antonio-Lopez ở biên giới, trên sông Parana. Ở đó, hắn sống trong một cái lán màu trắng, ở góc rừng do người Đức nhập cư bố trí. Chỉ có hai con đường dẫn tới ngôi nhà ở nơi hẻo lánh ấy, hai con đường luôn được binh lính và cảnh sát Paraguay tuần tra, họ được lệnh chặn tất cả các

xe ô tô và bắn vào bất kỳ ai không tuân lệnh. Và trong trường hợp cảnh sát phạm sai lầm, thì bốn vệ sĩ được vũ trang đến tận răng, được trang bị thiết bị liên lạc vô tuyến và bộ đàm sẽ trông chừng cho Mengele. Hẳn dùng tiền túi của mình trả cho họ.”

59

Trong khi người ta ảo tưởng về sức mạnh toàn năng tai hại của hắn, thì Mengele nằm trên giường vô cùng lo lắng, vào một đêm tháng Chín 1967, ở nơi ẩn náu tại Serra Negra, hắn chưa bao giờ bước ra khỏi đây kể từ khi đến, đã được năm năm rồi. Một lần nữa, nỗi buồn bóp nghẹt hắn. Lẽ ra hắn không nên đọc tờ báo cũ *Spiegel* mà Gerhard tìm thấy trong một trạm xăng. Hắn bực tức vì bài phỏng vấn Albert Speer, người vừa mới ra tù sau hai mươi năm bị giam giữ trong trại cải tạo Berlin-Spandau. Mengele đã suýt nghẹn thở khi biết kiến trúc sư của Hitler hối hận, trong mắt hắn ông ta là một tên “tội phạm”. Ông ta nói không biết gì về cuộc diệt chủng người Do Thái, ông ta, sủng thần của *Fuhrer*, cựu Bộ trưởng Khí tài và Vũ trang của Reich, người đã từng sử dụng nhân công trong các trại tập trung? Mengele tức tối ném tờ báo sau khi thấy ảnh Speer, về mặt ngưỡng ngưỡng, đứng trước ngôi biệt thự rộng lớn của y ở Heidelberg. Hắn không thể ngủ nổi, thế là hắn trở dậy và đi lên tháp canh.

Chìm trong bóng tối, hắn nghe bản concerto dành cho violon của Schumann mặc cho tiếng côn trùng vo vo êm ái, âm thanh đặc thù của miền nhiệt đới suốt ngày và đêm. Gió luồn qua các tán lá, còn Mengele suy ngẫm, trong mùi ngai ngái của quả mít thối, về cái chết yếu của Schumann do bị ảo giác âm thanh, về vụ tự sát của Bernhard Forster trong một phòng khách sạn sau thất bại của Nueva Germania, ngôi làng do ông thành lập cùng vợ mình là Elisabeth Nietzsche, về thời gian trôi đi trong khung cảnh với các mùa không thay đổi, khiến hắn càng thêm nhớ quê hương và giày vò hắn: hắn nhớ sương mù mùa thu, những bông tuyết đầu tiên tháng Mười một, đồng cỏ điểm tuyết hoa nở mùa xuân và hồ nước lấp lánh ánh bạc của tuổi trẻ đã qua của hắn. Mengele biết rằng không thể thoát khỏi một nhà tù lộ thiên. Hắn tự hỏi liệu có nên kết thúc sự sống thay vì phải chịu đựng sự trống rỗng và dẫn

vật của cuộc sống lưu vong, trò chơi mà hẳn chắc chắn bị xử thua vì các đồng minh thì phản bội, còn kẻ thù thì ngày càng nhiều.

Franz Stangl, cựu chỉ huy các trại thảm sát Sobibor và Treblinka, đã bị chính quyền Brazil bắt vào tháng Hai tại nhà riêng ở São Paulo và nhanh chóng bị dẫn độ về Cộng hòa Liên bang Đức. Khi tin ông ta bị bắt được công bố, Gerhard phẫn nộ vội đến ngay Serra Negra để thông báo cho Mengele rằng anh ta dự định bảo lãnh cho sĩ quan SS này, đồng hương của anh ta, “một con người mẫu mực, người giỏi nhất trong số các chỉ huy trại ở Ba Lan”, Gerhard đã nói như vậy về con người phải chịu trách nhiệm về cái chết của một triệu người. Mengele đã thuyết phục được anh ta giữ bình tĩnh và dừng ngay các hoạt động theo phong trào tân quốc xã trong vùng São Paulo, anh ta có nguy cơ thu hút sự chú ý của cảnh sát và làm liên lụy đến hẳn. Thêm vào những lo lắng sau vụ bắt Stangl là nỗi thất vọng về cuộc chiến Sáu Ngày mà Mengele theo dõi hằng ngày trên chiếc ti vi Geza tặng cho hai cậu con trai vài tuần trước đó. Naser là người hay bịa chuyện, chẳng hơn gì Peron. Quân đội của ông ta và các quân đội đồng minh Ả Rập đã bị những người Do Thái nhược tiểu nghiền nát, họ đã chiếm Jerusalem, Golan, Sinai, toàn bộ Palestine: Mengele vô cùng bất ngờ.

Run lập cập trên tháp canh vì rét và vì bất lực, hẳn cứ nhìn mãi mặt trăng màu đỏ ẫm sau những đám mây đen nặng trĩu nước. Đêm tháng Chín 1967 ấy, Mengele linh cảm hẳn đã thất bại. Hẳn không còn hiểu nổi điều gì về thế giới đang tuột khỏi hẳn, thế giới không dành cho hẳn, một thế giới đã loại bỏ hẳn, chính hẳn, “kẻ đánh xe của quỷ”. Suốt cả mùa đông ở Nam bán cầu, hẳn đã xem qua ti vi các thanh niên Đức bàn tán về trật tự của ông cha, kỷ luật, thứ bậc, quyền lực, đời tính sổ với cha ông, những thanh niên tóc dài điên khùng khiêu vũ trong sự kiện Summer of Love ở San Francisco và lên đường tới Kathmandou, những người da trắng bảo vệ người da đen ở châu Mỹ. Các nghệ sĩ Đức đương thời khiến hẳn khó chịu, những cộng đồng đầu tiên bị đẩy tới Cologne, Munich và Tây Berlin, Beuys và các tác phẩm điêu khắc xã hội bằng than, bằng gạch vỡ và thép gỉ, phong trào Zero, Richter, Kiefer, mấy tên theo chủ nghĩa hành động Vienna là Brus, Muehl, Nitsch, những kẻ tự rạch da và dùng máu làm vấy bẩn vải vẽ, và các nhạc công bị ảo

giác với những chiếc đàn *synthesizer* gây tranh cãi, sáo và nhạc cụ gõ ung nhọt giết chết chất trữ tình của Wagner. Những khúc ca đơn điệu về vũ trụ của họ thể hiện những gì sâu kín nhất trong tâm hồn Đức và gào thét nỗi tuyệt vọng trong họ bằng cách giẫm lên quá khứ. Bị ám ảnh vì chiến tranh, các nghệ sĩ tạo hình, họa sĩ và nhạc công chạy khỏi nước Đức ưa nói tránh cùng thói giả tạo và dối trá của nó, trốn khỏi lịch sử đáng khinh bỉ của cha ông họ, những kẻ đi cướp bóc, nước Đức và cơn thịnh nộ từ bỏ truyền thống, phòng tra tấn, vũng bùn tội lỗi loài con người, nước Đức mà họ gắn với tấm pa nô bên phải của bức tranh *Khu vườn lạc thú* của Bosch, gắn với địa ngục và quý dữ, quê hương của kẻ đại gian ác đã tàn phá châu Âu, các nhà máy chết chóc của hãn, Auschwitz, Treblinka: Megele.

Các buổi tối ngồi trước tivi đã trở thành một nghi thức ở nhà Stammer. Nơi đó, Megele đi dép đi trong nhà, nghiền ngẫm tin thời sự, trên người khoác tấm chăn còn Cigano thiu thiu ngủ trên đùi hăn. Hăn bắt Gitta và hai cậu con trai phải xem tin tức, nghe hăn ca ngợi nền độc tài cứng rắn của quân đội Brazil và sự can thiệp mang tính “quyết định” của quân Xô Viết vào Praha, nghe hăn vui mừng vì Mỹ sa lầy ở Việt Nam, không hài lòng với sự sa sút của phương Tây “bị bại hoại trong tay chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa cá nhân, trong tay tất cả những điều bẩn thỉu như nhập từ Mỹ sau chiến tranh”, nghe hăn chế giễu các cuộc biểu tình sinh viên năm 1968, “tất cả lũ thanh niên ngu si không có tổ quốc đã nhằm lẫn tự do với vô chính phủ”. Tin tức thời sự về nước Đức khiến hăn nổi cáu, liên minh lớn do “tên quốc xã Kiesinger và kẻ đào ngũ Brandt” cầm đầu, “tính nhu nhược và sự lơ là của những người lãnh đạo”, và hai cậu con trai nhà Stammer cười sau lưng khi bác Peter chửi to: “lũ phản bội, lũ chuột, bọn li khai, dối trá, lũ chó đẻ” là những lời chót lại khi có một bộ trưởng hay một cựu nhân quốc xã chuyển sang phe dân chủ xuất hiện trên màn hình, hay khi hăn nhảy khỏi ghế và bước từng bước dài trong phòng khách, miệng chửi rửa kính Cựu ước và Cơ Đốc giáo mà hăn cho là “phải chịu trách nhiệm về sự suy đồi” của tổ quốc xa xôi của hăn. Tuy nhiên, Sedlmeier cũng gửi đến cho hăn một thông tin có tính khích lệ: đối thủ nguy hiểm nhất của hăn, công tố viên trưởng Bauer, đã chết một cách bí ẩn vào ngày 1 tháng Bảy 1968.

Mối quan hệ của hăn với Geza vẫn rất tồi tệ. Họ thường xuyên kiểm chuyện và chửi rửa nhau. Người đàn ông Hungary lại được vợ ưu ái từ khi cô ta nghi ngờ chồng có nhân tình ở São Paulo. Mengele trả thù bằng cách công khai ngủ với các cô người làm của trang trại; Gitta rên lên trong vòng tay Geza và vuốt ve gáy chồng trước mặt Peter. Gerhard thường phải can thiệp để làm dịu hai người. Nhưng cuộc khủng hoảng tháng Mười năm 1968

làm hãn ngao ngán. Nhà Stammer muốn bán trang trại ở Serra Negra, bỏ nghề trồng trọt và chuyển nhà. Geza được thăng chức và muốn sống gần nơi làm việc, nhưng bác sĩ Hochbichler không muốn rời bỏ nơi ẩn náu của mình. Nhà Mengele hoảng hốt liên lạc với Rudel, đại diện của họ ở Paraguay từ khi thành viên khốn khổ của gia đình ra đi trong thảm họa.

Vài tuần sau, tên cựu phi công chuyển cho Gerhard một tin đầy hứa hẹn: Klaus Barbie sẵn sàng đón nhận Mengele. “Đồ tể Lyon” đang làm ăn tối ở Bolivia sau khi cung cấp thông tin cho cơ quan tình báo Mỹ về hoạt động của cộng sản trong quân đội và vùng Pháp chiếm đóng ở Đức. Hai lần bị tòa án quân sự Lyon kết án tử hình vắng mặt, ông ta đổi tên thành Klaus Altmann ở La Paz, nơi ông ta điều hành một doanh nghiệp khai thác gỗ, buôn lậu ma túy và vũ khí, cùng với Rudel. Được CIA và cơ quan tình báo Đức ủng hộ, tên cựu thành viên Gestapo ấy đào tạo kỹ thuật hỏi cung dùng cơ bẫy cho các sĩ quan người Bolivia từ khi phe quân sự lên nắm chính quyền năm 1964.

Gerhard ngây thơ thấy phương án Bolivia khá hấp dẫn. Với chiếc mũ kẻ ô trên đầu, anh ta tưởng tượng ra cảnh đi xuyên rừng và biên giới cùng vị bác sĩ quý hóa và gặp Barbie, lý lịch phục vụ tại ngũ của Barbie gây ấn tượng mạnh với anh ta. Mengele không muốn nghe về chuyện này. Chỉ riêng ý nghĩ phải trèo lên chiếc xe nhỏ xíu của gã người Áo đã khiến hãn lạnh người vì kinh hãi, lại còn phải di chuyển sang nước khác, lần thứ n rồi, trong khi hãn sắp sáu mươi tuổi, không thể được. Hãn không biết Barbie, nhưng một điều chắc chắn là hãn sẽ không thể điều khiển ông ta như hãn từng làm với nhà Stammer. Hãn làm chủ không gian, con người và gia súc ở Serra Negra. Hãn sẽ không gặp rủi ro nào, vả lại Rudel không đáng tin cậy và đã làm hãn thất vọng, ông ta không tới thăm hãn từ khi hãn sống ở Brazil và cũng không chúc mừng sinh nhật lần gần đây nhất của hãn. Ông ta chỉ quan tâm đến số tiền hoa hồng khá hời từ nhà Mengele mỗi khi bán được xe cút kít ở Paraguay: *chỉ người bỏ rơi chính mình mới thất bại*, khẩu hiệu quái quỷ ấy ít nhất không phản lại ông ta ở điểm này. Rudel cùng với những chiếc áo vest bằng vải *cashmere* và kế hoạch Bolivia của ông ta có thể biến ngay đi. Thông tin được chuyển đi, Barbie méch lòng, Rudel tức tối. “Mengele là vua

phiền nhiễu, ông ta nói với Gerhard. Từ nay cứ để ông ta tự xoay xử, tôi không muốn nghe nói về ông ta nữa.”

Mengele từ chối rời đi nhưng không muốn sống một mình; nhà Stammer cần phần của hắn trong số tiền bán Serra Negra để tậu nơi sống trong mơ của họ, một ngôi nhà lớn trên ngọn đồi rợp bóng cây. Nhà có bốn phòng ngủ trong khuôn viên hơn tám nghìn mét vuông ở ngoại ô Caieiras, cách São Paulo khoảng ba mươi ki lô mét.

Mengele phải quyết định đi theo họ, nhà Stammer phải đưa hắn đi cùng. Họ chuyển nhà vào đầu năm 1969.

61

Lần này không có tháp canh nữa, mà là một hàng rào: Mengele ngay lập tức bắt tay vào xây dựng công sự. Hänn trông nhiều cọc, nối chúng với nhau bằng dây, đào lỗ để chôn sâu các cây cột cao hai mét, đất khá cứng nên hänn mất rất nhiều công sức để cuốc và khoan, Geza ranh mãnh quan sát hänn còng lưng để khoan hàng tuần liền, rồi lại làm lại, tay cầm ê ke, bởi vì các cột đều nghiêng trên nền đất dốc, phải đổ sỏi, xi măng, nước vào các hố và đất vào xung quanh cột, đóng đinh vào xà đỡ, cuối cùng là cố định các tấm ván ngang, một, hai, ba lớp gỗ không thể mục nát, sau đó sơn màu trắng. Sau hàng rào vững chắc ấy là một rừng cây bụi và cây chanh hoàn chỉnh thế trận.

Ngồi không rảnh rỗi, Mengele khó thích nghi được với môi trường mới. Hänn phải từ bỏ nhiều con chó lai của mình và chỉ đi dạo vào sáng tinh mơ và chiều tối vì khu vực này đông dân cư hơn vùng quê quanh Serra Negra. Hänn sửa chữa vật trong nhà, sửa sang cửa và sàn nhà, đóng các giá để sách của mình, và né tránh nhà Stammer. Geza giờ đây chỉ vắng nhà hai hoặc ba ngày mỗi tuần và Mengele sẵn sàng gần gũi với Gitta, nhưng cô ta không thích hänn nữa, tính cách khó chịu của hänn đã khiến cô ta ngán ngẫm. Mengele thường ăn tối một mình ở bếp hay trước ti vi. Hänn viết nhật ký, làm thơ ướm át và tiếp tục nghiên cứu động thực vật. Mengele theo dõi lũ nhện-chuối, bọ hung, và phát hiện ra mình có đam mê với loài côn trùng *blattodea* mà nhà Stammer cũng như tất cả mọi người đều gọi là gián. Vì không thể bắt được chúng bằng tay không - loài vật này có thể đổi hướng hai mươi lăm lần mỗi giây, hänn đã đọc được như thế - nên hänn bẫy chúng bằng một mẩu đường, một miếng thịt đặt trên nền nhà tắm để quan sát máu trắng rỉ ra từ phần ngực bị thương và vẽ phác đôi mắt to, bộ cánh màu sắc rực rỡ với hoa văn ảo giác của chúng vào quyển vở học sinh. Khi bị rút ra, chân chúng mọc lại ngay lập tức. Chúng có sáu chân và mười tám khớp; bộ râu dài và lớp lông tơ phủ hai

bên sườn giúp chúng phát hiện ra mọi dòng khí dù là nhỏ nhất của con vật ăn mồi. Mengele ghen tị với những con côn trùng vui vẻ này vì chúng không biết đến luật pháp cũng như bộ luật hình sự và có thể kháng cự lại bom nguyên tử, người ta nói thế. Hẳn vui sướng phát hiện ra rằng giống gián Đức là độc nhất trong các loài gián: chúng mang vi trùng gây dị ứng cho con người. Bột mịn từ gián đắp lên vết thương có thể giảm đau. Lần tới đây nếu Gitta bị đứt tay khi làm món xa lát, hẳn sẽ đắp cao gián lên ngón tay đau của cô. Hoặc đắp lên mắt cá chân của Roberto, thằng bé cứng đầu này rất hay bị thương trong lúc chơi đá bóng. Ý nghĩ đó khiến hẳn thấy vui vẻ, đời thật khốn nạn.

Đời thật khốn nạn, đó là câu lái nhải hằng ngày của hẳn. Cãi cọ với Geza và Gitta về giấy màu ở cửa ra vào, về món ăn, về hóa đơn điện, về việc chọn ngành học cho hai cậu con trai sắp tốt nghiệp phổ thông; buồn chán, mất ngủ: Israel đang làm gì và Wiesenthal đang mưu toan gì? Ông ta loan báo rằng hẳn đang ẩn náu ở Paraguay, Mengele đã đọc những mẩu tin cắt từ báo. Nhưng liệu đó có phải là một cách đánh lạc hướng để hẳn mất cảnh giác? Các phương tiện truyền thông từng khẳng định rằng Eichmann ẩn náu ở Koweit trong khi Mossad chuẩn bị bắt cóc ông ta ở Argentina. Hai gã to cao mà hẳn đã gặp trong rừng hôm trước là ai? Còn Rudel và Barbie, họ có phản bội hẳn không? Mengele gửi những bức thư ngày càng hoảng sợ hơn về Gunzburg: Alois phải gửi nhiều tiền hơn cho nhà Stammer. Mengele đã tính toán rồi, phần thưởng năm mươi nghìn mark cao hơn giá trị phần góp của hẳn vào ngôi nhà mới. Nếu Geza đem ra so sánh, anh ta sẽ có lãi! Mengele than phiền với Gitta về chuyện gia đình cô thiếu hào phóng. Sedlmeier lính cứu hỏa phải can thiệp năm 1969. Ông ta tới Caieiras bơm thêm tiền cho nhà Stammer và làm yên lòng Mengele.

Giờ đây, khi Mengele đã ở gần São Paulo, Gerhard tới thăm hẳn thường xuyên hơn. Một buổi chiều, anh ta đến cùng một người gầy gò khoảng năm mươi tuổi, nói giọng Áo đặc sệt. Tóc ngắn, hai bên thái dương cạo nhẵn, Wolfram Bossert thắt một chiếc cà vạt màu tối, mặc áo sơ mi trắng muốt và đi giày đen. Ông ta tặng bánh ngọt cho nhà Stammer, còn với người mà Gerhard giới thiệu là Hochbichler, ông ta chìa tay và cười khích lệ. Ông ta hân hạnh được làm quen với người nông dân Thụy Sĩ có những công lao mà đồng hương của ông ta hết lời ca ngợi.

Hai người đàn ông Áo gặp nhau ở câu lạc bộ Đức tại São Paulo vài năm trước. Là cựu hạ sĩ của quân đội Đức Quốc xã, Bossert cũng đi tìm miền đất hứa ở Brazil sau khi Reich thua trận. Là người phụ trách bộ phận bảo dưỡng ở một nhà máy sản xuất giấy, thành công của ông ta không được ngoạn mục, nhưng cũng khá hơn đồng hương của mình. Bossert yêu thích nhạc cổ điển đến mức được đặt biệt danh là Musikus, có những tham vọng về tri thức và nghệ thuật muốn chia sẻ với những người xung quanh. Ông ta có thể giúp Mengele tạm quên đi những lo lắng thường ngày.

Gerhard đã biết bao lần năn nỉ tên tội phạm chiến tranh đồng ý gặp Bossert, với điều kiện không cho ông ta biết hẳn là ai. Trong khi uống trà, Mengele chăm chú nhìn và đánh giá người lạ mặt. Gốc gác và lai lịch của ông ta rất thường, nhưng bù lại ông ta có nền tảng văn hóa nhất định và niềm tin không có gì để chê trách, có lẽ là như vậy: Bossert có quan điểm phân biệt chủng tộc, bài Do Thái và phản động, tụng kinh thù hận không sai chữ nào. Ông ta là một tên cuồng quốc xã, một binh sĩ bại trận của Hitler, ông ta sẵn lòng khẳng định Hitler là “người Đức ưu tú, con người xuất sắc nhất của mọi thời đại”. Ông ta trở lại Caieiras trong những tuần tiếp theo, lần nào cũng đi cùng Gerhard và tò mò về người đàn ông Thụy Sĩ ít nói đội mũ rộng vành. Qua cách nói, qua giọng nói vùng Bavière mà người này cố

giấu nhưng không được, và qua những suy nghĩ chính xác về lịch sử và sinh học, ông ta phỏng đoán Hochbichler không phải là một người bình thường.

Ở gần Musikus cũng không khó chịu, nhưng Mengele vẫn phải cảnh giác: ông ta có thể là một điệp viên ngầm của Israel, một diễn viên thiên tài, một tên chỉ điểm gian xảo. Gerhard không tin điều này. Anh ta biết bà vợ Liselotte “duyên dáng” của ông ta, “mông to, đây là nói nhỏ với nhau thôi bác sĩ ạ”, hai đứa con của ông ta, Sabine và Andreas, Mengele không việc gì phải lo lắng và thậm chí nên tiết lộ nhân thân thật của mình cho Bossert. Gerhard cũng đã nói với Sedlmeier, ông này đồng ý với Gerhard sau cuộc gặp ngắn với tay kỹ thuật viên trong chuyến đi gần đây nhất tới Brazil.

Mengele miễn cưỡng cười mặt nạ; Bossert phải thề trước mặt Gerhard và đem các con ra để thề rằng sẽ không tiết lộ bí mật này với bất kỳ ai.

Lần đầu tiên kể từ khi tới Brazil, Mengele quyết định mạo hiểm đi ra ngoài. Buổi tối thứ Tư, trong tâm trạng bồn chồn, hắn vuốt ngược tóc ra đằng sau, ăn mặc cẩn thận và giấu khẩu súng ngắn vào túi áo choàng không thấm nước trước khi đi ăn tối với nhà Bossert. Những lần đầu, Gerhard phải đi cùng hắn, Mengele sợ bị mai phục. Sau đó, Musikus đến đón hắn ở Caieiras vào đúng mười chín giờ và khi giao thông thuận lợi, sau hai mươi phút họ tới một căn chòi không ai biết tới ở ngoại ô São Paulo, khu biệt lập kiểu Đức của nhà Bossert: những bức ảnh chân dung gia đình nghiêm trang, đồ mỹ nghệ vùng núi Alps, bình sứ Gmunden bày quanh nhà, vợ và các con Bossert ăn mặc chỉnh tề nhiệt tình tiếp đón bác Peter. Vốn là trung tâm của sự chú ý, Mengele nay đã tìm thấy một ốc đảo; trong suốt vài giờ, hắn quên đi cuộc sống khốn khổ, nhà Stammer và nỗi sợ hãi. Hắn dạy Sabine và Andreas chơi trò *monopoly*, được thoải mái ăn nhiều đĩa xúp gan viên, rồi món thịt lợn quay được Musikus cắt thành miếng nhỏ, hơi nhiều gân. Giao du với người sừ tầm mắt xanh, tên quốc xã còn sống nổi tiếng nhất hành tinh, là vinh dự lớn đối với vợ chồng Bossert. Bữa ăn vừa xong, Liselotte vào bếp rửa bát đĩa, còn hai người đàn ông ngồi ở phòng khách nghe nhạc cổ điển.

Họ chuyện trò rất nhiều. Hay đúng hơn là Bossert nhấm nháp ly rượu trắng và rít tẩu thuốc bằng sứ trong khi vị khách than thở về số phận và trút hết buồn bực: chủng tộc Bắc Âu, người Do Thái hèn hạ, tính ưu tú sinh học, dân tộc Đức cao thượng và anh hùng... Mengele nói miên man về quá khứ của hắn, những định kiến và quan điểm tiêu cực và lo lắng về cái thế giới đang tập trung vào sự suy thoái của Đức và Áo dưới sự lãnh đạo của “kẻ đào ngũ Brandt và tên Do Thái Kreisky”. “Cần phải triệt sản ép buộc và diệt trừ những người không có khả năng lao động sản xuất để làm giảm số dân nguyên thủy nhất và gìn giữ vận động thuần khiết và trong sáng của thiên

nhiên sau hàng nghìn năm chịu sự tha hóa của Cơ Đốc giáo Do Thái: viên hạ sĩ người Áo tán thưởng, ngậm ngừng ghi lại lời nói của vị kỹ sư chủng tộc mà ông ta nịnh bợ một cách đê hèn, ông ta chưa bao giờ có dịp được giao du với một nhà bác học tầm cỡ như vậy. Mengele đã tìm được đệ tử mà hẳn ra sức tìm kiếm từ khi Haase chết ở Buenos Aires cách đây mười năm - Krug và giờ đây là Gerhard chỉ là những trợ lý đáng khinh bỉ. Morike, Novalis, Spengler... Musikus làm đúng theo những gì hẳn khuyên về việc đọc sách. Musikus nghe các đĩa hát mà hẳn khuyên nên nghe, và bắt tay vào nghiên cứu văn minh Hy Lạp, thực vật học. Ông ta dõi theo cả niềm đam mê của hẳn với loài gián: Musikus vô cùng ngưỡng mộ tên cự sĩ quan quốc xã. Mengele tận hưởng ảnh hưởng của hẳn đối với con người hiền lành và đúng giờ này, khác hẳn với nhà Stammer thường cười nhạo các ý tưởng nông cuồng và moi tiền của hẳn. Lũ mọi rợ hẳn xõ ra một tràng về gia đình Hungary mỗi tối thứ Tư. Không thể ngắt lời hay phản bác lại hẳn, Bossert đã từng có một trải nghiệm cay đắng về việc này khi rụt rè gợi ý quan tâm đến mong muốn của họ, vì lợi ích của chính hẳn. Mengele đã ngừng cuộc nói chuyện, thể hiện một biểu cảm điên rồ qua đôi mắt.

Musikus tiễn hẳn ra về lúc gần nửa đêm. Ông ta ngạc nhiên vì vị khách đột ngột thay đổi nét mặt khi họ chuẩn bị ra khỏi nhà. Kẻ lăm lờm ngạo nghễ bỗng nhiên im lặng, đội chiếc mũ rộng vành sụp xuống và run rẩy dựng cao cổ áo choàng, nét mặt co rúm lại. Cái nhìn của một viên cảnh sát khiến hẳn vã mồ hôi, còn lúc trong xe, hẳn giấu mặt giữa hai bàn tay và cúi xuống, đầu chúi về phía trước, để buộc lại dây giày khi có một chiếc xe nào đó dừng ngang xe của họ trước đèn đỏ. Từ lúc rời khỏi nhà Bossert, Mengele lại khoác lên người bộ dạng của con thú bị vây đuổi.

Tuy nhiên, hẳn đồng ý đi cùng bạn bè vào rừng vào một ngày cuối tuần và để Musikus chụp ảnh cho hẳn, lần chụp ảnh đầu tiên kể từ cuối những năm 1950. Bossert cố thuyết phục rằng không ai có thể nhận ra hẳn cả và động viên hẳn ra khỏi nơi sống chui nhủi của mình, nếu không kết cục của hẳn sẽ rất xấu. “Chẳng khác gì ông ta tự tử”, một đêm Bossert nói với vợ sau khi đưa Mengele trở lại cái ô của hẳn. Thế còn cái trán dô? Và cả khe giữa hai răng cửa nữa? Bossert khẳng định là Mengele không gặp rủi ro gì nếu không

gây chú ý. Một công cuộc tái hòa nhập chậm chạp bắt đầu diễn ra. Khi ở bên Gerhard và Musikus, Mengele tự cho phép mình đi chơi chút ít, cách xa nhà Stammer, không đội mũ, không mặc áo choàng mỗi khi nhiệt độ ngoài trời tăng cao. Kẻ tha hương lạng lẽ vào thành phố mà không để ai nhận ra, các con của Bossert đi cùng hắn trên xe bus, ở siêu thị, ở rạp chiếu phim. Hắn vã mồ hôi và run rẩy vì sợ bị một người sống sót từ Auschwitz hay một người giỏi nhớ mặt phiến phức nhận ra, nhưng hắn nghiêng răng, bình tĩnh lại (một chút) và đôi khi đã bắt đầu mơ tới một cuộc sống ít thiếu thốn hơn cho những năm tháng tuổi già. Gia đình hắn chiều theo ý thích thất thường lần thứ n của hắn giúp hắn mua được một *studio* ở São Paulo để hắn cho thuê lấy tiền. Nhưng công việc là công việc: giấy chứng nhận quyền sở hữu do Miklos Stammer đứng tên.

Sau buổi sinh nhật sáu mươi tuổi, Mengele bị đau bụng, bị co cơ dữ dội, có lẽ do cái bánh phô mai của Liselotte bị ôi vì trời nóng, hoặc do stress: trong bữa tiệc nhỏ, Gerhard giọng run run, thông báo với hăn rằng anh ta sắp phải rời xa Brazil mãi mãi. Anh ta không kham nổi tài chính, vợ và con trai anh ta có lẽ đang gặp những vấn đề sức khỏe nghiêm trọng, họ phải làm cả đồng xét nghiệm, lấy máu, chụp X quang, chọc tủy, và nên làm ở Áo để được theo dõi tốt hơn. “Thế còn tôi, còn tôi thì sao?” Mengele hỏi. Bossert sẽ là bảo mẫu mới của hăn, ông ta sẽ làm trung gian liên lạc giữa Gunzburg và nhà Stammer, sẽ chuyển thư từ cho hăn và đi mua sắm giúp hăn. Gerhard tặng hăn tấm thẻ căn cước của mình làm quà chia tay. Hăn chỉ cần thay ảnh của hăn vào, việc dễ như trò chơi trẻ con, Musikus sẽ giúp hăn ép nylon lên thẻ, tấm thẻ này rất quý giá khi đi làm các thủ tục hành chính, thẻ dưới cái tên Hochbichler là thẻ giả, trông khá rờm, rồi sẽ gây nguy hiểm cho hăn.

Những cơn đau bụng là xuất hiện sau vài tháng, đau dữ dội, khủng khiếp. Mengele bị đau kết tràng. Hăn đặt túi chườm đá lên bụng dưới, trát đất sét xanh trộn nước ấm lên bụng, nhịn đói suốt một ngày, nhưng không có tác dụng gì, kể cả các loại trà táo gai, thuốc và các loại kháng sinh mà Bossert mua cho hăn. Cơn đau ngày càng tồi tệ hơn, hết tiêu chảy lại đến trướng bụng, nôn, táo bón nặng, ruột bị tắc, và cơ thể hăn suy yếu, cổ nổi hạch, hăn lại sốt cao. Một buổi sáng khi mới thức dậy, Mengele ấn vào bụng và thấy nổi lên một cục ở vị trí dạ dày, hăn nghĩ ngay tới một khối u, hay là nhà Stammer đã đầu độc hăn để chiếm lấy ngôi nhà, căn hộ nhỏ, và những cuốn sổ của hăn mà họ sẽ bán cho một nhà xuất bản với giá cả một gia tài. Hăn gặp người lại vì đau nhưng từ chối mời bác sĩ đến khám ở Caieiras: “Nguy hiểm lắm,” hăn thì thầm với Bossert đang ngồi chăm sóc hăn ở đầu giường. Geza cũng không đồng ý, anh ta sợ những rắc rối có thể xảy ra khi có người đến khám và không tin hăn đang bị bệnh, người sống chung với gia đình anh

ta, lão cáo già mắc bệnh tương này cuối cùng cũng sẽ khỏi thôi, giống như mọi khi. Thế nhưng lần này lại rất nghiêm trọng. Những ngày tiếp theo, Mengele không thể ăn được nữa, hẳn uống nước một cách khó nhọc và cảm thấy có vị phân nồng nặc đầu độc miệng hẳn. Đầu óc vẫn còn tỉnh táo, hẳn đoán rằng có nguy cơ nôn ra phân, bị viêm màng bụng và sẽ bị bực ruột. Hẳn phải đi khám bác sĩ ngay lập tức. Bossert dẫn hẳn tới một bệnh viện ở São Paulo.

Bác sĩ ấn vào bụng của kẻ hấp hối đang rên rỉ, quan sát khuôn mặt trắng bệch, bộ ria mép màu trắng và các nếp nhăn trên trán, kiểm tra hồ sơ được lập theo những giấy tờ mà Bossert đã cung cấp cho bộ phận tiếp nhận. Kết quả chụp X quang nhanh chóng cho phép kết luận. Bác sĩ lúng túng. Trong hai mươi năm làm việc, ông ta nói với họ, ông ta chưa bao giờ khám cho một bệnh nhân da trắng nào mà cơ thể và các cơ quan lại bị tổn thương đến thế ở tuổi bốn mươi sáu, bốn mươi bảy: ông Gerhard hẳn là có cuộc sống không dễ dàng. Musikus bỗng nhớ ra rằng năm sinh viết trên tấm thẻ căn cước thật mà giả của Mengele là 1925 chứ không phải 1911. Ông ta lấy cớ đây là do lỗi của bộ phận hành chính của bệnh viện và sẽ yêu cầu họ sửa lại, bác sĩ nói đúng, người bệnh phải già hơn mười tuổi, quả là bái phục bác sĩ. Đúng lúc đó, một nữ y tá bước vào, tay cầm phim chụp ổ bụng: “Sẽ ổn thôi Wolfgang, sẽ ổn thôi,” Bossert nói với tên quan thầy mặt mũi đang tái nhợt.

Đúng là có một khối cầu đen to bằng quả bóng billard đang làm tắc ruột của hẳn. Ung thư chẳng? Không, có lẽ ruột bị tắc. Liệu có phải hẳn đã nuốt thứ gì lạ? Không, đã nhiều ngày nay hẳn không ăn gì, những cơn đau đầu tiên bắt đầu từ năm ngoái. Thế thì là cái gì? Bí ẫn, nhưng cần phải phẫu thuật ngay lập tức.

Bác sĩ lấy ra từ bụng Mengele một mớ lông lớn. Thói quen nhắm ria mép của hẳn khiến cho những sợi ria tích tụ lại đến mức làm tắc ruột. Hẳn đã thoát nạn, trên tất cả các phương diện. “Wolfgang Gerhard” chi trả viện phí bằng tiền mặt và biến mất.

Mengele yếu đi sau khi ra viện. Vết mổ dần liền sẹo, nhưng sức lực suy giảm, cơ thể tàn tạ phát đi những tín hiệu đáng lo ngại. Hẳn bị kẹt đốt sống khi nhắc một khúc củi rất bình thường và những cơn đau nửa đầu trước kia thỉnh thoảng tấn công hẳn nay trở nên dữ dội đến nỗi hẳn phải nằm liệt giường nhiều ngày trong bóng tối. Hẳn bị phì đại tiền liệt tuyến, thị lực giảm, răng đau hành hạ. Cuối năm 1972, với một mẫu dây và một con dao, hẳn tự nhổ một răng hàm bị sâu có nguy cơ gây nhiễm trùng hàm dưới. Đau đớn không chịu nổi, giống như một thợ rèn nện búa vào tủy, vào men răng, các dây thần kinh của hẳn gào thét. Mengele không đi khám bởi vẫn còn hết hồn về nhận xét của vị bác sĩ ở bệnh viện về ngày sinh của hẳn, tấm thẻ căn cước như một món quà tẩm thuốc độc của Gerhard. Hẳn biết rằng hẳn đang trả giá bằng tâm trạng căng thẳng, nỗi cô đơn và những đêm trắng trong mười năm trở lại đây, những công việc chân tay ngoài trời nắng, những sự sỉ nhục và những trận cãi cọ, những cuộc chia ly, cái nóng, nỗi u sầu và thời tiết ẩm ướt, trả giá cho trái tim khô cứng, trái tim teo tóp của hẳn. Những ý nghĩ u tối và nỗi lo sợ hiện sinh lại xuất hiện, bóng của cái chết. Sự thờ ơ của nhà Stammer với cảnh ngộ khốn khổ của hẳn khiến hẳn tuyệt vọng.

Hẳn chỉ còn trông chờ vào Musikus, đồng minh cuối cùng. Nhưng Bossert không phải là Gerhard. Ông ta không thể trèo lên chiếc Volkswagen của mình mỗi khi hẳn bị đau có chút ít: ông ta không tận tâm và nhiệt thành như người đồng hương của mình. Cho dù ngưỡng mộ tính ngoan cường của kẻ đào tẩu, ông ta vẫn giữ khoảng cách với hẳn và không muốn hy sinh sự nghiệp và gia đình vì hẳn. Mengele là một kẻ mưu mô lấy mình làm trung tâm, Bossert bị sốc trước sự vô liêm sỉ của hẳn với Gerhard khi mà số phận của anh ta là một chuỗi thảm họa: các xét nghiệm ở Áo cho thấy rằng vợ anh ta bị ung thư dạ dày, còn cậu con trai Adolf bị ung thư xương. Việc điều trị tiêu tốn cả gia tài. Gerhard quay sang cầu cứu người mà anh ta đã trung

thành bảo vệ suốt mười năm qua mà chưa từng đời một xu nào. Nhưng Mengele bực bội vì nghĩ rằng Gerhard thổi phồng số tiền viện phí để tổng tiền mình: tốt hơn hết là chấp nhận điều tất yếu là vợ sắp chết, chứ không nên lãng phí tiền của người khác! Nếu Bossert không nài nỉ, thì Mengele đã chẳng bảo em trai giúp đỡ Gerhard, hơn nữa, Bossert nghĩ, hẳn đã chẳng làm việc đó nếu không sợ người phụ tá cũ trong tình cảnh tuyệt vọng sẽ bán một vài bí mật của hẳn cho báo chí hay cảnh sát. Luôn trung thành với chính mình, Mengele sau đó viết thư cho Gerhard rằng hẳn bị sốc vì tính bủn xỉn của gia đình mình.

Cựu sĩ quan quốc xã già khiến mọi người quanh hẳn mệt mỏi. Đầu những năm 1970, hẳn khiến những người cuối cùng trung thành với hẳn phải thất vọng vì hay than vãn về số phận và chỗ mũi vào cuộc sống riêng của người thân, đưa ra cho họ lời khuyên, yêu cầu họ phải luôn quan tâm (cả về tiền bạc và thư từ), như một đứa trẻ. Martha hiếm khi viết thư cho hẳn. Alois không tha thứ cho việc hẳn chỉ trích cách quản lý doanh nghiệp và cách giáo dục con trai Dieter của anh ta, đứa bé hẳn thậm chí không biết đến; hay việc hẳn tự cho phép mình gửi cho anh ta một danh sách đen các gia đình ở Gunzburg không được mời dự đám cưới khi Dieter muốn lấy vợ. Alois còn yêu cầu hẳn ngừng gửi cho cháu Karl-Heinz của họ những lá thư dài dằng dặc trong đó nhắc đi nhắc lại về những thứ hẳn đã mất, ca ngợi *Fuhrer* và thuyết ưu sinh, chê bai Cộng hòa Liên bang Đức đang rất độ lượng với họ. Trật tự thế giới đã thay đổi: sau khi cha mình mất năm 1974, Dieter từ chối đáp ứng những xin xỏ của ông bác ở châu Mỹ. Ngay cả ông bạn trung thành Sedlmeier cũng chán ngán với những chuyến đi về mệt mỏi tới Brazil, với những lời ca thán và tính ngoan cố của Mengele, với những cuộc cãi vã muôn thuở với nhà Stammer, với sự vô ơn của hẳn. Không một tên quốc xã đào tẩu nào được giúp đỡ như vậy! Mengele đã trở thành một gánh nặng, nhưng gia tộc ở Gunzburg không thể bỏ rơi hẳn: nếu hẳn bị bắt, việc tiết lộ những mối liên hệ mật thiết của gia đình với bác sĩ tử thần sẽ rất nguy hại cho công việc kinh doanh của công ty đa quốc gia đang có doanh thu hàng triệu mark và hiện nay có đến hơn hai nghìn nhân viên. Năm 1971, Sedlmeier còn nói dối một thẩm phán điều tra khi tuyên tenê làm chứng:

Mengele không giữ bất cứ liên hệ nào mới gia đình; hẳn chưa từng làm việc cho công ty của gia đình; chắc hẳn hẳn đang sống ở Paraguay – Sedlmeier cũng đọc báo như tất cả mọi người; lần Sedlmeier gặp hẳn gần đây nhất là ở sân bay Buenos Aires, cách đây đã hơn 10 năm.

Rolf Mengele là một thanh niên với tâm trạng luôn day dứt. Mỗi khi xuất hiện, anh được đón tiếp bằng sự im lặng bối rối, những ánh mắt lúng túng. Mengele, giống như...? Đúng vậy, Mengele. Con trai của quỷ satan. Cái họ đáng nguyên rủa, chữ thập, lá cờ, Rolf sẽ không bao giờ quên được cảm giác rụng rời và buồn bã vào ngày mà anh phát hiện ra khi đọc báo, ít lâu sau khi Eichmann bị bắt cóc, rằng ông chú vui tính đã kể cho anh nghe những câu chuyện về người chăn bò và người da đỏ ở khách sạn Engel thực ra lại là cha của anh, bác sĩ tra tấn tù nhân ở Auschwitz. Gia đình thảm họa: được mẹ nuôi dạy và trở thành luật sư ở Fribourg, Rolf trốn chạy khỏi gia tộc ở Gunzburg. Anh khinh bỉ sự im lặng của gia đình đối với những tội ác của cha anh và thái độ coi thường của họ đối với nạn nhân của ông ta. Tình đoàn kết dòng họ, lòng tham tiền và sự hèn nhát của họ đối với anh thật bỉ ổi. Rolf tự nhận mình theo cánh tả, đấu tranh chống lại chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa phát xít, xe Mercedes, thói giả tạo và lương tâm đang ngủ quên của xã hội thượng lưu Tây Đức. Rolf là một đứa trẻ nghi kỵ xã hội sau chiến tranh, được các em họ Dieter và Karl-Heinz của mình đặt cho biệt danh “cộng sản”. Một đứa trẻ nổi loạn, nhưng nổi loạn mà dễ tổn thương, bị mắc kẹt trong các mâu thuẫn của bản thân, bị người cha phiền hà và độc ác hành hạ.

Ở bảo tàng tranh Munich, đứng như trời trồng trước những cơ thể trần trụi đan vào nhau trong bức tranh *Sa vào địa ngục* của Rubens, anh không thể không nghĩ đến cha mình, trên sân ga phân loại tù nhân, nhạc trưởng vĩ đại của vở ba lê chết chóc, con quỷ trong bộ đồng phục trắng muốt đẩy mọi người xuống địa ngục tối tăm. Giá như ông ta chết ở Nga, như câu chuyện cổ tích gia đình bấy lâu vẫn quả quyết... Giá như anh, Rolf, có đủ can đảm để phũ phàng hắt hủi ông ta, báo cho ông ta biết rằng anh đã kết hôn với một cô gái người Do Thái ở Ba Lan hay người Zair chứ không phải một cô gái người Đức gia đình danh giá, rằng anh chuyển đến sống ở một nông trường

tập thể, giống như một người bạn tốt của mình, hay việc anh có đủ sức đưa ông ta ra trước công lý hay không. Nhưng Rolf không làm được. Như thế sẽ là giết cha của mình, gây ra nhiều đau khổ khác, thêm một bi kịch. Cha anh là Josef Mengele. Anh là con trai của Josef Mengele. Rolf phải biết rõ, tại sao, như thế nào, các cuộc phân loại tù nhân, các cuộc thử nghiệm, trại Auschwitz. Liệu có phải ông già ấy chẳng hề hối tiếc hay ân hận chút nào không? Ông ta có phải là con thú tàn bạo như báo chí miêu tả? Ông ta có độc ác và thoái hóa đến mức đó không? Liệu anh có thể giúp ông ta cứu rỗi linh hồn mình hay không? Còn anh, Rolf, có phải là một con người xấu xa vì tội lỗi của ông ta không?

Đầu những năm 1970, hai cha con tích cực trao đổi thư từ hơn. Trong một thời gian dài, Mengele không để ý đến con trai vì Rolf vẫn núp váy Irene. Mengele thích Karl-Heinz hơn, đứa con trai tinh thần mà hẳn đã có thể nhào nặn từ nhỏ khi sống cùng hẳn ở Argentina. Nhưng từ khi suýt chết, Mengele bắt đầu nghĩ đến việc liên lạc lại với đứa con đẻ của mình mà hẳn mới chỉ gặp khoảng mười ngày ở Thụy Sĩ mười lăm năm trước. Hẳn kỳ vọng từ con trai lòng thương cảm mà những người khác từ chối hẳn, hẳn cũng chẳng thà kể lể cho con trai tất cả những phiền hà trong cuộc sống hằng ngày của mình, những lo lắng về sức khỏe, bệnh viêm xoang, đĩa đệm cột sống bị tổn thương - “có lẽ là khởi đầu của bệnh thoái hóa cột sống” -, hẳn hy vọng sẽ khơi gợi được lòng thương hại nơi Rolf vì hẳn biết con trai mình dễ xúc động và nhạy cảm hơn tất cả những người khác trong dòng tộc Mengele. Kết tội, khơi dậy lòng kiêu hãnh, mưu toan. Người cha cố tình ca ngợi các đức tính của cậu em họ Karl-Heinz, “người Đức xuất sắc”, chăm chỉ, khiêm tốn và tình cảm, đều đặn gửi tiền cho ông ta mà không cho Alois và Dieter biết, và là người mà Rolf nên học tập. Hẳn muốn dạy dỗ thẳng thắn này, thẳng con lầm lạc do “ảnh hưởng từ các phương tiện thông tin đại chúng bị Do Thái hóa và được bán cho các thế lực giàu có”, do cách giáo dục theo đường hướng ôn hòa của Irene và gã bán giày ở Fribourg. “Không có sự độc đoán, thế giới sẽ lộn xộn và sự sống thì khó hiểu,” hẳn viết cho con trai. Mengele chỉ trích cách sống của con trai, ngoại hình của vợ cậu và không hề tỏ vẻ gì ngạc nhiên trước những thất bại trong đời sống tình cảm của cậu - Rolf ly

hôn chỉ một năm sau đám cưới. Khi chàng trai không muốn hoàn thành bản luận án, hắn tỏ vẻ coi thường việc con trai hắn thiếu tham vọng: “Hiện nay tất cả mọi người đều là luật sư, nếu con muốn bố tự hào về con, hãy hoàn thành luận án tiến sĩ luật.” Rồi Mengele dịu giọng và cầu xin một chút tình cảm, những tấm ảnh, bưu thiếp từ Rừng Đen và Munich, hắn cảm thấy quá bất hạnh và cô đơn “trong rừng rậm, bị đi đày ở nơi tận cùng thế giới”.

Rolf tranh luận, nhượng bộ, phủ nhận, đặt câu hỏi: nhưng còn Auschwitz thì sao hả bố? Mengele khẳng định mình vô tội đối với các tội ác mà hắn bị cáo buộc. Hắn đấu tranh để bảo vệ “các giá trị truyền thống không thể tranh cãi” và chưa từng giết ai. Ngược lại, bằng việc quyết định ai đủ khả năng lao động, hắn đã cứu sống nhiều người. Hắn không hề cảm thấy mình có tội. Rolf đã nhận được những thông tin sai, anh phải học cách chối bỏ một số sự việc đau đớn: lật đi lật lại mãi quá khứ chỉ gây nguy hại. Nước Đức đang gặp nguy hiểm sống còn. Hơn nữa, cha và con trai phải thương yêu nhau, cho dù trong hoàn cảnh nào. Hắn đề nghị con trai đến Brazil thăm mình, “với tinh thần cởi mở, không định kiến”.

Rolf tự đặt cho mình nhiều câu hỏi. Tự đáy lòng, anh biết mình sẽ chỉ cảm thấy bình yên khi đối chất với người sinh ra anh, người bác sĩ đã cười ở Auschwitz và huýt sáo những giai điệu opera trên sân ga phân loại tù nhân. Mặt đối mặt, hai người đàn ông đối diện với nhau, Mengele với Mengele. Đúng vào lúc họ bắt đầu lên kế hoạch cho chuyến đi thì nổ ra một cuộc khủng hoảng mới với nhà Stammer.

Mengele động thủ với Gitta. Một cuộc tranh cãi phi lý đã trở nên tồi tệ hơn, miếng sô cô la cuối cùng, một hũ mứt bị vỡ, cái gì đó sượt qua miệng của cựu vũ nữ, cuộc tranh chấp thật khó hiểu, nhưng Gitta gào lên và Mengele đã tát cô ta. Geza túm lấy tên quốc xã lão toét và lập tức gọi điện cho Bossert. Mengele đã phải đến nhà bạn bè ở tạm vài ngày trong lúc Sedlmeier vượt Đại Tây Dương. Lần này, nhà Stammer rất cứng rắn: ngay cả năm nghìn đô la mà hắn đưa ra như cũng không khiến họ động lòng, mười ba năm chung sống kết thúc bằng cuộc phân kỳ, vĩnh biệt Peter, vĩnh biệt Hochbichler, thế là nhẹ nợ. Làm gì với Mengele đây? Musikus không có liên hệ gì với Gerhard; Rudel đã biến mất. Lựa chọn thay thế duy nhất của hắn lại trốn tránh. Một người thân đã đồng ý nhưng rồi lại từ chối, cả đêm ông ta không ngủ được vì cảm thấy bị những người lạ mặt bí ẩn theo dõi kể từ khi Musikus nói với ông ta về kế hoạch của mình. Vợ Musikus, Liselotte, thì không thích Mengele chăm chú nhìn đuôi và miệng cô ta khi ông chồng vừa quay lưng đi: Bossert đã thề với cô rằng hắn sẽ không gieo rắc mối bất hòa trong gia đình họ. Thời gian gấp gáp quá rồi, nhà Stammer đã bán Caieiras và chuyển đến sống trong một villa lộng lẫy rộng một nghìn mét vuông ở São Paulo; Mengele và Cigano có hai tháng để dọn nhà, nếu không họ sẽ phải ra đường vào cuối tháng Một 1975. Không còn lối thoát, lão già tuổi ngoài sáu mươi quyết định bất ngờ: sống một mình, lần đầu tiên từ khi hắn rời bỏ Buenos Aires. Geza quyết định bắt hắn phải trả giá đắt vì đã tiết lộ mối quan hệ với Gitta. Anh ta bắt hắn phải chịu một sự sỉ nhục cuối cùng, cho thuê căn nhà gỗ mà hắn đã mua bằng phần của mình trong số tiền bán Caieiras, một túp lều ộp gạch giả đá hoa ở Eldorado, vùng ngoại ô nghèo của São Paulo: Mengele sẽ không dám kiện ra tòa.

Suy sụp. Hắn cảm thấy chóng mặt khi Bossert đưa hắn đến nơi ở mới giống như đi trả một cái vỏ chai và biến mất mà không nói lời nào, ngoài

một nụ cười gượng gạo trên môi. Cánh cửa đóng lại, Cigano sửa ăng ăng, còn Mengele đi loạng choạng vì buồn khi phát hiện cánh cửa trượt trong không khí ẩm ướt của tầng hầm sẽ dẫn hẳn ra biển cả. Trực giác cho thấy giai đoạn trượt dốc tiếp theo của hẳn sẽ là nghĩa địa hoặc nhà tù. Eldorado! Ngôi nhà trên phố Alvarenga thật thảm hại, tường màu gỉ đồng, nhà tắm loang lổ, chật chội, bếp ga, mái nhà dột nát. Eldorado! Bến cuối của người theo thuyết ưu sinh xuất thân từ gia đình danh giá, trên hòn đảo lộn xộn và lai tạp, Brazil chuẩn bị xâu xé hẳn.

Những tháng đầu tiên, hẳn rất muốn sửa sang và làm cho ngôi nhà an toàn hơn, nhưng nỗi cô đơn đã ngốn hết năng lượng của hẳn. Hẳn bắt đầu lát lại nhà tắm và vá vúi lại bếp nhưng mãi vẫn không làm xong. Trần tròng nằm trên sàn bê tông, súng ngắn trong tầm tay, hẳn nhìn chăm chăm hàng giờ vào cánh quạt trần chứ không phải nhìn vào các chấn song cửa sổ mà hẳn mới lắp đặt. Vốn dậy rất sớm từ khi còn nhỏ, nay hẳn không muốn ra khỏi giường. Thỉnh thoảng hẳn lại nằm xuống, cổ họng thắt lại. Để làm gì, hẳn thì thầm với Cigano, và còn bao nhiêu tai họa nữa đây? Tất cả những gì hẳn làm đều không thành như bị phù phép. Nước lọc qua thiết bị mà hẳn lắp trên mái nhà vẫn có mùi sắt; hẳn làm thông thoáng ngôi nhà nhưng vô ích, mùi hôi mốc không hết và lũ gián sinh sôi không khiến hẳn quan tâm nữa. Vào cuối ngày, nỗi buồn nhấn chìm hẳn, Irene, Martha, một cử chỉ an ủi, đôi khi hẳn nhớ cả nhà Stammer, hẳn chỉ gặp họ để giải quyết chuyện tiền bạc, chào hỏi, số tiền thuê nhà gõ trừ đi số tiền cho thuê căn hộ nhỏ thuộc về hẳn, tạm biệt và cảm ơn, Gitta đợi trong xe trong lúc Geza nhận tiền. Chỉ mỗi Bossert mang đến cho hẳn chút an ủi. Ông ta đến ăn tối vào thứ Tư hằng tuần, nghe nhạc của Bach và những lời than vãn, ca thán muôn thuở của Mengele, nước Đức, Hitler, gia đình, sức khỏe. Huyết áp của hẳn lên quá cao. Hẳn bị thấp khớp và mất ngủ, có thể phải phẫu thuật tuyến tiền liệt; lưng hẳn trở nên nặng nề, các đốt sống bị tổn thương nặng đến nỗi hẳn đi lại khó khăn. “Rolf yếu đuối, Sedlmeier thì ích kỷ, Rudel là kẻ phản bội theo thuyết duy vật, còn Dieter là đồ chó đẻ giống y như bố nó, đồ chó Alois”: nó không gửi cho hẳn đủ tiền, may mà Karl-Heinz vẫn chú ý bù thêm cho số tiền chu cấp ít ỏi của hẳn, cho dù thế thì đến cuối tháng cuộc sống của hẳn vẫn khó khăn, hẳn phải

lượng lự mãi mới dám mua một cái máy quay băng. Và Mengele nói về nỗi ám ảnh mới của hắn, *bárrio** nhộm nhoạm mà Thượng đế đã ném hắn vào, “một tụ điểm của dân da đen và dân lai tạp bê tha, của dân trộm cướp và nghiện ngập”, nơi “rác chất đống và đầy chuột”. “Tối hôm nọ, một lũ vô lại đã bấm chuông nhà tôi vào giữa đêm và tôi không thể nào ngủ lại được”. “Ác mộng”, mỗi tuần con người gốc Gunzburg lại nhắc đi nhắc lại với Musikus: giao thông tệ hại, cắt điện, hàng tràng tiếng nổ, bắn thiêu, nhà cửa tồi tàn, mất an toàn, nhà thổ. Những cuộc chè chén cuối tuần và những buổi thác loạn tập thể mỗi buổi tối có đá bóng và nghi lễ *macumba*... “Thật quá sa sút... Tôi không nghĩ mình lại rơi xuống cái vực sâu đến thế.”

Với hàng xóm xung quanh, Mengele là Pedro, một ông già ốm yếu và kỳ cục. Hắn không rời khỏi khu hắn ở nữa từ khi một đôi vợ chồng chăm chú nhìn hắn trong tàu điện ngầm - đúng hơn là từ khi hắn nghĩ rằng một người đàn ông thì thâm vào tai một phụ nữ đang nhìn hắn chăm chăm. Mengele lại chìm đắm trong cơn hoang tưởng, cái trán dô ám ảnh hắn, khe răng cửa làm hắn suy mòn, mỗi khi hắn đánh liều cúi đầu đi đến cửa hàng bán thực phẩm khô, chú chó lai Cigano theo sau, hắn run vì sợ bị lộ diện, bị tra hỏi, bị bắt, bị đánh, các báo mà hắn mua hằng ngày vẫn tiếp tục nói về hắn, người ta không tha cho hắn và hắn bị choáng, bị bất ngờ với những câu chuyện miêu tả hắn là bá chủ trong cánh rừng ở Pedro Juan Caballero, Paraguay hay đã trở nên giàu sụ ở Peru, với tên Wiesenthal đáng nguyên rủa cho rằng suýt bắt được hắn ở Tây Ban Nha, với hàng chục nghìn đô la treo thưởng cho ai bắt được hắn, chưa kể đến bộ phim Hollywood đang quay, *Marathon Man*, trong đó Lawrence Olivier đóng vai Thiên thần trắng, một nhà sĩ quốc xã “chủ động chịu ảnh hưởng từ bác sĩ Mengele đáng sợ, tử thần của Auschwitz vẫn đang trốn chạy”, hắn đọc được như thế, hắn giờ đây chỉ là một con người trôi dạt, không nhớ nổi các đường nét của những người phụ nữ từng yêu hắn, chỉ còn co ro ở nhà và giật nảy mình khi có tiếng mèo kêu, hắn giờ đây hấp hối trong hiu quạnh và rất muốn gào lên vào mặt cả thế giới rằng hắn đang bị bệnh và cô đơn như một bụi cây giữa hoang mạc, cô đơn mà chết trong đống đổ nát của khu phố nghèo. Mọi người chạy trốn hắn. Tất cả đều tránh mặt hắn, ngay cả thằng bé Luis, mười sáu tuổi, thợ làm vườn

trong khu phố. Họ từng thích chăm sóc hoa cùng nhau, bàn luận về cây cỏ trong lúc ăn kem dưới bóng cây *couroupita* ở vườn hoa thành phố, đằng sau căn nhà gỗ. Pedro cứ nghĩ là Luis yêu quý hẳn: hẳn đã mở cửa nhà cho thằng bé, cho kẹo và sô cô la, và cho nó làm quen với nhạc cổ điển. Hẳn đã mua một chiếc ti vi để thằng bé vui.

Nhưng thằng bé sợ hãi khi ông già có ria mép bắt đầu nhảy điệu valse một mình và đề nghị cậu ở lại ngủ cùng: họ có thể cùng xem một tập phim truyền hình và dựng một túp lều trong vườn vào ngày hôm sau.

Luis không bao giờ quay lại nữa.

Mùa thu năm 1975, Bossert cảnh báo Sedlmeier: Brazil chuẩn bị thay đổi hình thức thẻ căn cước. Gerhard cần phải quay lại São Paulo, chỉ có anh ta mới có thể lấy được thẻ phù hợp với luật mới, Mengele không thể ra trình diện cơ quan hành chính. Sedlmeier phải thuyết phục tay người Áo đó giúp đỡ ông bạn già của mình lần cuối cùng. Việc này rất tế nhị, Gerhard rất giận nhà Mengele vì đã nhấn nhó khi chi trả chi phí điều trị cho vợ và con trai anh ta và đã từ chối tài trợ cho cửa hàng vật tư nhiếp ảnh mà anh ta định mở ở Áo. Anh ta yêu cầu họ ba mươi nghìn mark nhưng chỉ nhận được một nghìn sau những cuộc thương lượng vã cả bọt mép. Trong khoảng thời gian đó, vợ anh ta đã qua đời, còn cậu bé Adolf vẫn chưa khỏi bệnh.

Do đó, Gerhard cần tiền, nhưng cũng cần được coi trọng. Sedlmeier hiểu rằng cho Gerhard tiền là chưa đủ, vì thế ông ta đến đón Gerhard bằng xe Mercedes và đưa tới Braunau am Inn ăn trưa trong nhà hàng sang trọng nhất thị trấn, ở đây câu chuyện bắt đầu. Hitler sinh ra trong một ngôi nhà ở đường Salzburger Vorstadt, và họ đã tới thăm nơi này sau một bữa ăn thịnh soạn và vài điệu xì gà cỡ bự. Kẻ cuồng phát xít xúc động roi nước mắt, Sedlmeier tranh thủ nói về kế hoạch của mình: để tưởng nhớ *Fuhrer*, anh ta sẽ quay lại Brazil, đổi thẻ căn cước và cứu giúp đại úy SS Mengele.

Gerhard tới São Paulo vào đầu năm 1976.

Đổi giấy tờ chỉ là một thủ tục, làm giả giấy tờ và làm giả thêm lần nữa cũng vậy, nhưng chúng dường như càng ít giống thật hơn trước vì dạo này Mengele có nhiều nếp nhăn hơn. Mặt mày hốc hác, râu ria lởm chồm, hẳn làm Gerhard phải động lòng. Người đàn ông Áo này giúp hẳn sơn lại phòng khách và treo một cái đầu lợn rừng nhồi rơm trong phòng, nhưng đứa con trai ốm yếu của anh ta đang cần anh ta trở về châu Âu. Gerhard đề nghị Bossert dành nhiều thời gian hơn cho ông bạn của họ hoặc là giới thiệu cho ông ta một gia đình để thỉnh thoảng đến chơi với ông ta cho khuây khỏa dần.

Musikus nghĩ đến Ernesto Glawe, một kỹ sư dệt may người Argentina gốc Đức, và hỏi ý kiến Gerhard. “Một con người dũng cảm, ông ấy sẽ làm được”, cả hai cùng đồng tình, họ không cần tiết lộ nhân thân thật của Pedro Gerhard, cựu bác sĩ quân y trên mặt trận Nga và là người họ hàng xa của Wolfgang Gerhard. Trước khi ra đi, anh ta giới thiệu Glawe với ông già, và âm thầm thực hiện nhiệm vụ cuối cùng mà Sedlmeier đã giao cho và Bossert cũng đã được biết: dành cho ông bác ốm yếu một chỗ bên cạnh ngôi mộ của mẹ anh ta ở nghĩa trang thị trấn Embu. Gerhard không bao giờ gặp lại Mengele nữa: anh ta gục ngã trước xe ô tô của mình năm 1978, ở tuổi năm mươi ba.

Chủ nhật, ngày 16 tháng Năm 1976, Mengele ở cùng với nhà Glawe. Đây là lần đầu tiên hăn tới dự *asado*, bữa tiệc nướng kiểu Argentina; thường thì Ernesto và con trai Norberto đến thăm hăn, mang theo những túi bánh quy và vài món hầm trong giỏ - Bossert đã bảo họ rằng bác Pedro ăn không ngon miệng và không biết nấu nướng. Mặc dù vườn nhiều cây cối, nhưng Mengele cảm thấy ngột ngạt trong ngày Chủ nhật nóng như đổ lửa ấy và bảo Norberto đưa hăn về trước khi mọi người cùng uống cà phê, hăn xin lỗi vì một cơn đau nửa đầu khủng khiếp đang rình chờ hăn, không, hăn không muốn nằm nghỉ, hăn muốn về nhà càng nhanh càng tốt, “cảm ơn cháu”. Về đến trước cửa, hăn không làm sao mở được cửa, lạ thật, hăn không đủ sức xoay chìa khóa trong ổ, cánh tay phải tê cứng không đáp lại mệnh lệnh của não nữa, đầu hăn bỗng đau như búa bổ, có lẽ một van bị hở và máu tràn ra não, mạch máu vỡ ra khiến hăn không thể kêu cứu, không cử động được và thậm chí còn nhìn không rõ, thế là hăn khập khiễng lê đến xe ô tô của Norberto. Cậu thanh niên phát khiếp: ông già nôn lên cửa xe; môi dưới của ông ta xệ xuống bên phải.

Năm viện hai tuần, Mengele dần hồi phục sau tai biến mạch máu não. Các thành viên trong gia đình Bossert và Glawe thay nhau túc trực bên giường bệnh, sau khi ra viện về nhà, Norberto sẽ đến ở cùng hăn: tạm thời, ngay cả khi các bác sĩ cho rằng hăn rất may mắn và sẽ chỉ còn lại rất ít di chứng thì chú Pedro vẫn không đủ sức để sống một mình.

Cuộc sống chung giữa chàng trai Nam Mỹ và tên cựu sĩ quan quốc xã đã kiệt sức nhanh chóng xấu đi. Norberto không đủ kiên nhẫn và cũng không có các kỹ năng của một y tá để giải tỏa nỗi lo lắng đang giày vò Pedro. Lão khọm ấy trở nên điên dại khi trí nhớ quay lưng với hăn, hăn ném chiếc tô vít hay quyển sách mà bàn tay phải run rẩy không giữ được nữa, phàn nàn về cách nấu món mì spaghetti. Sau cái đêm lão khọm nằm mơ và hét lên bằng

tiếng Đức, Norberto quyết định rời bỏ hẳn. Nhà Glawe không bao giờ muốn gặp lại hẳn nữa.

“Tìm nữ giúp việc, nấu ăn tốt, kiên nhẫn và tận tâm, cho một người thân cao tuổi. Yêu cầu giấy tờ chứng nhận. Không khó tính, tránh...” Một phụ nữ dáng người xương xương, chừng ba mươi tuổi, đã đáp lại thông báo này của nhà Bossert. Elsa Gulpian de Oliveira bắt đầu làm việc cho don Pedro vào cuối năm 1976.

Luôn đứng giờ và tươi cười, Elsa thông gió, lau chùi, phủi bụi cho căn nhà ổ chuột từ trên xuống dưới. Cô cảm thấy thương hại ông già luôn ngồi một mình, càu nhàu, cắn móng tay với tâm trạng căng thẳng hay đọc thơ tiếng Đức để duy trì trí nhớ. “Don Pedro, ông không nên sống như vậy nữa”: cô động viên ông ta cùng cô đi chợ và đi dạo, và Mengele làm theo, cầm tay cô giúp việc nhỏ bé nhưng mạnh mẽ, thêm nữa nấu ăn cũng không tồi. Hẳn dẫn cô đi ăn, mời cô đi xem phim: ngoài Bossert, hẳn chỉ còn cô trên đời này. Ngày Cigano chết, theo bản năng, cô nhân từ ôm chặt lấy hẳn, dường như chưa từng có ai ôm hẳn sau Martha. Sự hiện hữu của Elsa khiến hẳn yên tâm, hẳn đã lấy lại được một chút nhanh nhẹn và hy vọng có thể giữ được lời hứa với bản thân từ nhiều năm trước: bắt con trai hẳn đến Brazil.

Rolf lại lần chần, Mengele đáp lại bằng những lá thư thống thiết, trong đó đầy những lời đe dọa van vỉ rồi bời. Hẳn cô đơn và bị ghét bỏ đến mức sẽ tự tử nếu Rolf không tới. Sức khỏe của hẳn suy sụp, đã hai lần hẳn suýt chết; người Do Thái sẽ giết hẳn: “Rolf, bố cần con, chúng ta phải gặp nhau càng sớm càng tốt.”

Cuối cùng, anh chàng luật sư trẻ bị dẫn vặt cũng quyết định lên đường. Cha anh chuẩn bị cho chuyến đi của anh như một vị tướng chuẩn bị cho trận đánh quyết định. Không được phó mặc bất cứ điều gì cho may rủi, Rolf sẽ phải tuân thủ tất cả các hướng dẫn của cha mình để đến chỗ ông ta, đi nhiều đường để đánh lạc hướng, đặt nhiều phòng khách sạn, học cách lẫn vào đám đông và ngụy trang, “không thể thiếu cặp kính đen và một chiếc mũ”, hẳn nói rõ, phải học cách phát hiện có bị theo dõi không và cắt đuôi những kẻ theo dõi, “Rolf, bố hy vọng con đủ sức khỏe, nếu không hãy tập thể thao để chuẩn bị cho chuyến đi.” Nếu Rolf muốn, Bossert sẽ trao cho anh một vũ khí ngay khi tới São Paulo. Và đặc biệt, anh cần một cuốn hộ chiếu giả. Mengele con không thể đi tới Nam Mỹ bằng tên thật của mình. Nhưng

những thận trọng ấy thật vô ích: chẳng ai còn tìm kiếm Mengele vào giữa những năm 1970 này. Tây Đức vẫn nghĩ hãn ở Paraguay. Israel không có thông tin mới và không định bắt cóc hãn nữa. Từ sau chiến tranh Sáu Ngày, tiếng nói của tất cả các nước đều có giá trị ở Hội đồng Bảo an Liên Hiệp quốc, các nước Mỹ La tinh cũng giống như các nước khác, Israel cũng tránh quấy rối họ vì một tên Đức quốc xã già và có thể đã chết, huống chi là vi phạm chủ quyền.

Sedlmeier phải giám sát việc chuẩn bị. Rolf sẽ gặp tai họa nếu tự mình phản đối. Mengele quát tháo, liên tục gửi thư cho con trai. Rolf muốn đi cùng một người bạn rất tin cậy, nhưng Mengele không biết cậu ta nên Rolf phải đi một mình, “bố có biết bạn nào của con đâu”, v.v. Hàng chục lá thư vượt qua Đại Tây Dương, thời gian trôi đi, Rolf yêu một cô gái ở Đức và trì hoãn ngày khởi hành, Mengele lo âu trút giận lên Sedlmeier, ông bạn chỉ biết vò đầu bứt tai. Cuối cùng, vé máy bay đã được đặt: Rolf sẽ bay ngày 10 tháng Mười năm 1977. Anh sẽ phải mang những “món quà quý” cho nhà Bossert, Mengele tin rằng tính hà tiện của gia đình hãn là nguyên nhân khiến hãn phải rời khỏi nhà Stammer, hãn đòi phải mang những linh kiện thay thế cho chiếc máy cạo râu chạy điện của hãn, vài lọ dưa chuột bao tử muối của vùng Spreewald và những chiếc khăn trải bàn đăng ten cho Elsa, hãn đã báo cho cô biết rằng một người cháu sắp tới thăm. Trước khi lên đường, Karl-Heinz và Rolf gặp nhau trong vườn nhà Sedlmeier, và Karl-Heinz đưa cho người anh họ vài nghìn đô la để chuyển cho Mengele, chồng của mẹ anh ta, “bác Fritz” yêu quý của họ.

Rolf và bạn đến Rio de Janeiro mà không gặp khó khăn gì. Tại hải quan, Rolf xuất trình cuốn hộ chiếu mà anh lấy cắp của một người bạn, còn người đi cùng có hộ chiếu thật, để đề phòng, nhưng nhân viên hải quan cười tươi: chàng trai, chào mừng anh đến với Brazil. Sau một đêm ở Rio, Rolf bay đến São Paulo một mình. Như đã giao hẹn, chiếc taxi đầu tiên đưa anh đến điểm A, chiếc thứ hai đưa đến điểm B, chiếc thứ ba đưa đến nhà Bossert. Không nói lời nào, hai người lập tức đi theo hướng Eldorado. Sau đó họ tới Alvarenga. Đường phố sặc mùi thịt cháy, dây chằng chịt trên cột điện, lũ chó bói các thùng rác. Rolf quan sát các túp lều, đàn ông mặc áo phanh ngực,

đàn bà da đen lực lưỡng làm công việc khuân vác. Tim anh đập mạnh như đánh trống. Chiếc xe nẩy lên và dừng trước số 5555. Một ông già có ria mép mặc áo sơ mi đứng trên bậc cửa, hai tay chống trên hông.

Đó là cha của anh, Josef Mengele.

Thứ đầu tiên mà anh nhận thấy là mùi căn phòng hẹp của ngôi nhà gỗ và giọng nói run run của cha mình. Trước kia, khi anh còn nhỏ, giọng nói ấy mạnh mẽ và hách dịch, gây ấn tượng mạnh với anh trong quãng thời gian đi nghỉ ở vùng núi. Nhưng Rolf không xúc động trước những giọt nước mắt của ông già khi đón anh cũng như trước bàn tay phải dị dạng của ông ta và ánh mắt của con thú bị rơi vào bẫy. Sedlmeier đã cảnh báo: “Josef là một diễn viên đáng gờm.” Rolf giúp ông già ngồi xuống và đi thẳng vào chủ đề chính. Sau ngần ấy năm, sau những lá thư mơ hồ và những đêm trắng, cuối cùng cha anh cũng phải nói cho anh biết sự thật. Tại sao ông ta lại tới Auschwitz? Ông ta đã làm gì ở đó? Ông ta có gây ra những tội ác mà người ta cáo buộc ông ta hay không?

Lần đầu tiên Mengele phải đối mặt với những tội ác kinh hoàng của mình. Hấn húng hắng ho khi chăm chú nhìn con trai, bản sao của mẹ nó, và thấy nó đẹp hơn trong ảnh, có lẽ nó phải cắt mái tóc dài như diễn viên Mỹ khi ở Brazil và cả cái quần ống loe. Nó chỉ muốn uống nước thôi à? Mengele đã mua cả bia và rượu vang để tiếp đón con trai. Liệu nó có muốn ăn gì không? “Bố, hãy nói chuyện trước đã, rồi tính sau.” Nói về những chuyện cũ ư? Mengele thở dài.

Đúng vậy, về những chuyện cũ.

Nhân loại là một hình thái không có mục tiêu hay kế hoạch gì hơn cây hoa lan hay con bướm. Con người và ngôn ngữ cũng lớn lên và già đi giống như những cây sồi, cây thông và các loài hoa, còn non rồi già đi. Tất cả các nền văn hóa đều có thể có những cách biểu đạt mới, chúng nảy mầm, trưởng thành, héo úa và biến mất mà không xuất hiện trở lại, người cha nói, ông ta đã chuẩn bị cho cuộc thăm vấn của con trai. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, phương Tây đã đạt tới điểm tới hạn và nước Đức đạt tới giai đoạn khó khăn của nền văn minh của mình, bị tính hiện đại của kỹ thuật và tư bản,

quần chúng, chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa thế giới làm cho bại hoại. Hai lựa chọn được đặt ra: chết hoặc hành động. “Người Đức chúng ta, chúng tộc thượng đẳng, phải hành động. Chúng ta phải làm lan tỏa một sức sống mới để bảo vệ cộng đồng tự nhiên và bảo đảm chủng tộc Bắc Âu được trường tồn,” Mengele nói. Hitler muốn có một trăm triệu người German, hai trăm năm mươi triệu trong trung hạn và một tỉ người vào năm 2200. “Một tí, Rolf ạ! Ông ấy là Caesar của chúng ta, còn chúng ta, các kỹ sư của ông ấy, được giao nhiệm vụ làm sao để ông ấy luôn có được số lượng ngày càng nhiều gia đình khỏe mạnh và đáp ứng được các yêu cầu về chủng tộc...”

Rolf gõ gõ ngón tay xuống bàn. Anh biết học thuyết của Spengler về sự suy tàn của phương Tây và không liêu mạng đến Brazil để nghe cha mình xõ ra cả tràng giáo lý quốc xã: “Bố, bố đã làm gì ở Auschwitz?”

Mengele phác một cử chỉ thể hiện hãn đang nổi cáu, hãn hiếm khi bị ngắt lời. “Nghĩa vụ của bố, hãn nói và nhìn thẳng vào mắt con trai, nghĩa vụ của người lính khoa học Đức: bảo vệ cộng đồng hữu cơ sinh học, thanh lọc huyết thống, loại bỏ các vật thể lạ khỏi huyết thống ấy.” Hãn phải phân loại, tuyển chọn và loại bỏ hàng nghìn người không đủ khả năng được chờ đến trại hằng ngày. “Bố đã cố chỉ định số lượng người lao động nhiều nhất để giảm tối đa số sinh mạng phải chết. Các cặp sinh đôi mà bố nghiên cứu vì tiến bộ khoa học cũng nợ bố mạng sống”, hãn còn dám nói vậy. Rolf nhìn hãn từ góc nghiêng. Mengele cố gắng giải thích nguyên tắc tuyển chọn của hãn: trong một bệnh viện quân y, người ta không phẫu thuật tất cả những người bị thương. Một số người phải chết, chiến tranh là thế, các quy luật của cuộc sống được điều chỉnh theo cách đó, chỉ những người mạnh nhất mới sống sót. Khi các đoàn xe tới, có chừng đấy và còn nhiều xác sống hơn. Phải làm thế nào? Auschwitz không phải là nhà cứu tế, mà là một trại lao động, Mengele nói: tốt hơn hết là làm cho họ thoát khỏi vô số đau khổ bằng cách tiêu diệt họ ngay lập tức. “Hãy tin bố, không phải ngày nào cũng dễ dàng. Con hiểu chứ?” Không, Rolf không hiểu, tuyệt đối không hiểu gì cả, nhưng anh không phản bác lại. Nếu cứ để cho Mengele nói, biết đâu cuối cùng hãn lại lỡ thốt ra một lời thú nhận hay một cảm giác hối hận. “Bố đã tuân thủ các mệnh lệnh vì bố yêu nước Đức và vì đó là chính sách của *Fuhrer*. Của

Fuhrer của chúng ta: bố phải thực hiện sứ mệnh của mình trên cả phương diện pháp lý và đạo đức. Bố không có lựa chọn nào khác. Bố không tạo ra Auschwitz, cũng không sáng tạo ra các phòng hơi ngạt và các lò thiêu xác. Bố chỉ là một trong số các thành viên của bộ máy. *Nếu* người ta đã phạm phải điều gì đó quá đáng thì bố không phải là người chịu trách nhiệm, bố...”. Rolf đứng lên và quay lưng lại với cha mình, anh không nghe hẳn nói nữa. Anh đưa tay lên xoa đầu và nhìn qua cửa sổ, xem bọn trẻ chơi bóng

“Thế người Do Thái đã làm gì bố?” anh hỏi sau khi lại ngồi xuống trước mặt hắn. Mengele lại nói về sinh học, trực khuẩn, vi khuẩn và ấu trùng cần diệt. Hắn chỉ tay vào một con muỗi to đang đậu trên tường. “Chúng ta sẽ đập chết nó vì nó đe dọa môi trường của chúng ta và có nguy cơ tuyến bệnh nhiều nó đốt chúng ta. Người Do Thái cũng giống như vậy.” Rolf nhắm mắt lại. Anh muốn chạy trốn nhưng anh ra lệnh cho cho mình ngồi yên, họ vẫn chưa nói chuyện xong, con muỗi cứ chờ đấy. “Lẽ nào bố không động lòng thương đối với những trẻ em, phụ nữ và người già mà bố đưa vào phòng hơi ngạt? Bố không hối hận ư?” Mengele lườm con trai, nó hoàn toàn không hiểu gì cả. “Lòng thương không phải là một phạm trù có hiệu lực bởi vì người Do Thái không thuộc giống người, hắn nói. Chúng đã tuyên chiến với chúng ta, từ hàng ngàn năm nay chúng muốn loài người Bắc Âu diệt vong. Cần phải tiêu diệt hết bọn chúng. Sau này lũ trẻ trai sẽ trở thành đàn ông, lũ trẻ gái sẽ trở thành những người mẹ khao khát phục thù. Những kẻ sống sót đang đầu độc nước Đức hôm nay và Israel đang đe dọa hòa bình thế giới. Rolf, con hãy nhớ rằng lương tâm là một thứ điên rồ do những kẻ bệnh hoạn nghĩ ra để cản trở hành động và làm tê liệt người hành động,” Mengele nói. Hắn không ra đầu thú vì quan tòa toàn là những kẻ muốn thực hiện bản án và báo thù.

Màn đêm buông xuống Eldorado. Hai cha con Mengele ăn tối trong im lặng. Người con quan sát cha, con người xa lạ đang khoét lòng đỏ trứng và nhúng bánh mì vào đó ăn ngẫu nhiên. Một ít rau chân vịt thái nhỏ dính vào ria mép hắn. “Bố đã giết người phải không? Có phải bố đã tra tấn và ném trẻ sơ sinh vào lửa?” đột nhiên Rolf hỏi. Mengele ngồi thẳng lại, khiến cậu con trai chết đứng bằng ánh mắt của mình. Hắn thề rằng chưa bao giờ làm điều ác với ai mà chỉ làm nghĩa vụ của một người lính và của một nhà khoa học thôi. Khi một phi công ném bom xuống một thành phố trên lãnh thổ kẻ thù,

thì tập thể không lên án anh ta, mà ngược lại, coi anh ta như người anh hùng. Vậy thì tại sao người ta lại ra sức buộc tội hắn? Và lại người Đức chẳng bao giờ phản đối, Giáo hoàng cũng vậy. Như thế vừa không công bằng, vừa bỉ ổi! Mengele nói. Với tư cách là bác sĩ phẫu thuật của nhân dân, hắn đã nỗ lực làm việc để chủng tộc *Aryan* được trường tồn và vì hạnh phúc của cộng đồng. Cá nhân không là gì cả.

Lão già mặt đỏ bừng đứng phắt dậy và hét lên: “Con là con trai duy nhất của ta mà lại tin vào tất cả những chuyện bần thiêu người ta viết về cha mình! Con chỉ là một thằng tiểu tư sản, bị ảnh hưởng từ người bố dượng điên rồ, từ việc học luật và từ báo chí, giống như tất cả thế hệ thối tha của con. Chuyện này vượt quá khả năng của các con, vậy thì hãy để cho người lớn được yên và tôn trọng họ. Bố không làm gì xấu xa, Rolf ạ, con nghe thấy bố nói không?”

Mọi chuyện đã kết thúc. Sau hai ngày hai đêm tranh luận không ngừng, Rolf bỏ đi. Cha anh rất ngoan cố, bất trị và hung ác, một tên tội phạm chiến tranh, một tên tội phạm chống lại nhân loại, không chịu hối cải. Phải, thế là hết, Rolf tự nhủ, và quãng thời gian còn lại của anh ở đây không còn quan trọng nữa, những cuộc dạo chơi, những bức ảnh chụp với nhà Bossert và chuyến picnic trên bãi biển Bertiooga chỉ là giả tạo. Anh lên đường trở về sớm hơn dự kiến. Ở sân bay, cha anh nói thầm vào tai anh rằng hy vọng gặp lại anh.

Rolf đi xa dần về phía khu vực lên máy bay.

Mengele coi việc con trai đến thăm là một thắng lợi, coi trạng thái thanh thản những ngày gần đây như một sự tha bổng sau những khởi đầu sóng gió. Rolf đã đem lại cho hắn một chút năng lượng, nhưng bốn, năm, sáu ngày sau khi Rolf đi, nó vẫn không báo tin nó đã về đến nhà. Nó có bị bắt ở Rio không? Hay ngay khi vừa trở về Đức? Mengele đã cố can ngăn nó dùng hộ chiếu thật để trở về châu Âu. Hắn viết cho con trai những bức thư đầy lo sợ, ngẫu nhiên đọc báo, lo lắng nghe và xem tin tức, con trai của bác sĩ tử thần có thể đã bị bắt khi trở về từ Brazil. Mengele bồn chồn suốt cho tới một tháng sau đó, khi Sedlmeier báo tin để hắn yên tâm. Chuyến viếng thăm của Rolf thế là chẳng được tích sự gì. Thắng ranh con. Mengele tổn thương; một lần nữa, sự trống rỗng và nỗi buồn lại xâm chiếm hắn. Bossert khuyên hắn chuyển tới sống ở khu thích hợp hơn nhưng hắn không muốn rời bỏ Eldorado, nơi sẽ không bao giờ có ai tìm kiếm tên tội phạm đáng sợ nhất vũ trụ. Và lại, hắn không đủ sức, cũng không muốn làm quen với một môi trường mới.

Hơn nữa, ở Eldorado có Elsa. Elsa chải chuốt, chăm sóc hắn mỗi ngày, Elsa mà Mengele dìu bước đến với nhạc cổ điển, tiếng La tinh và tiếng Hy Lạp, Elsa mà hắn tặng khăn choàng, một chiếc vòng tay bằng vàng và nhiều món quà giá trị khác nhờ tiền của Karl-Heinz và tiền bán căn hộ nhỏ ở São Paulo. Hắn đau khổ khi cô giúp việc rời xa hắn vào cuối ngày sau khi kiếng chân tô son môi trước gương phòng tắm để đi chơi với những người đàn ông khác. Khi Elsa chuẩn bị cà phê sáng, hắn tưởng như nhìn thấy Irene, nhìn từ sau lưng, hai người phụ nữ khá giống nhau, cũng phần hông mảnh mai, mái tóc màu vàng Venise lượn sóng được búi lại. Elsa quý don Pedro vì ông ta khiến cô nhớ tới người cha đã mất khi cô mới mười lăm tuổi, ông tốt với cô, lịch sự, khác hẳn những kẻ thô kệch nát rượu ở khu cô sống.

Don Pedro đi cùng cô đến đám cưới của chị gái. Hăn từ chối chụp ảnh chung cùng gia đình nhưng sẵn sàng khiêu vũ cùng cô gái, áp sát vào cơ thể mảnh dẻ của cô, tới mức hít được hơi thở mùi chanh xanh và mùi rượu *cachaça*. Lão già thèm muốn cô: gần nửa đêm, Mengele lấy cố khó chịu, đột nhiên đau lưng và đau cơ ở một bên chân, để cô phải đưa hăn về.

Elsa xoa bóp cơ thể khô héo của don Pedro. Đùi phải của hăn bị đau. Khi cô gái ngây thơ lúng túng đặt tay lên đùi, Mengele kéo tay cô về phía bộ phận sinh dục của hăn. Elsa phản ứng, “chỉ lấy lệ thôi”, hăn nghĩ và siết chặt cổ tay cô, Elsa làm theo, vẫn luôn muốn làm don Pedro hài lòng, và bắt đầu lướt tay qua của quý của hăn, nhẹ nhàng mơn trớn, rồi vuốt mạnh hơn nhưng nó không cương cứng được, mà ngược lại, nó co lại như một con ốc, Mengele nài nỉ, “nhẹ nhàng”, “nhanh lên”, nhưng hăn vẫn không lên được. Thật thê thảm. Cô giúp việc vuốt ve mái tóc và ru hăn như ru con mặc dù cô chưa có con: đúng vậy, cô muốn ngủ cùng don Pedro đêm nay.

Sáng hôm sau, Mengele đề nghị Elsa chuyển đến ở cùng hăn. Cô gái từ chối - “Không được, don Pedro, hàng xóm sẽ nói gì, cả mẹ em nữa? Nhà em nghèo nhưng có liêm sỉ.” Hoặc là, với một điều kiện, hăn phải cưới cô.

“Không, không thể được, không thể,” Mengele lúng túng, ấp úng, òa khóc. Hãn thích, hãn mong ước rằng người phụ nữ hiền dịu và biết quan tâm này trở thành vợ hãn và sống cùng hãn những năm cuối đời, nhưng hãn không thể giải thích với cô rằng hãn rất sợ phải xuất trình giấy tờ tuy thật mà giả dưới cái tên Gerhard cho nhân viên hộ tịch của Eldorado. Elsa vừa khóc vừa làm dấu thánh giá ba lần, rồi lấy hai tay ôm mặt. Nếu hãn không thể nói gì thêm và không thể cho cô một lời giải thích thì cô sẽ ra đi, cô không phải là gái làng chơi. Don Pedro là một người đáng quý, nhưng hãn sẽ phải tìm một người giúp việc khác.

Tên quốc xã già sẽ không để đồng minh cuối cùng của mình bỏ trốn. Hãn đến gặp mẹ cô, thề với bà sẽ tăng lương và đem lại cho Elsa cuộc sống tốt nhất, hãn quỳ xuống, chắp tay trước lồng ngực đang nghẹn thử hãn năn nỉ bà thuyết phục con gái trở lại làm việc ở nhà hãn. “Vậy thì hãy cưới nó.” Truyền thống đáng nguyên rủa! Thiên Chúa giáo như nhóp! Mengele tuyệt vọng. Hãn quấy rầy họ, đi đi lại lại trước nhà họ, gửi tặng hoa cho họ, khóc nước nỡ, khẩn nài, rên rỉ. Don Pedro đúng là một lão già kỳ quặc. Bà mẹ nói với con gái rằng ông ta không tinh táo và khuyên cô nên tránh xa. Tháng Mười 1978, Elsa báo cho Mengele biết rằng cô sẽ lấy chồng và hãn phải để cô yên. Hãn suy sụp, van xin cô từ bỏ, không người đàn ông nào chăm sóc cô tốt như hãn, nhưng cô gái không muốn nghe gì cả. “Vậy thì tôi sẽ chết,” don Pedro lẩm bẩm.

Elsa ra đi là phát súng cuối cùng.

Sức khỏe mong manh của Mengele suy sụp nhanh chóng, mặc dù đã có một cô giúp việc mới tên Inez đến sống trong túp lều ở cuối vườn. Bệnh mê day, zona và rối loạn chức năng gan, cơ thể hãn bỏ mặc hãn. Hãn không còn muốn ăn và gầy rộc đi trông thấy, cuộc sống của hãn không còn ý nghĩa nữa, sự cô đơn là một hình thức tra tấn, hãn đã thua cuộc, hãn viết cho Sedlmeier

như vậy, và bởi vì tất cả mọi người đều bỏ rơi hắn, nên lần này hắn sẵn sàng tự tử. Đêm nào của hắn cũng thật dữ dội và bị giày vò trong nỗi hoảng sợ đè nặng lên lồng ngực, trong nỗi đau cay đắng, như thể hắn sắp nghệt thở tới nơi. Trước khi ngủ, hắn quỳ gối, nhắm mắt, đọc câu cầu nguyện bằng tiếng La tinh mà cha hắn thường đọc khi hắn còn nhỏ để hắn dễ ngủ: *procul recedant somnia, et noctium phantasmata*, hãy để ác mộng và quái vật đêm tránh xa chúng con. Nhưng không gì có thể cứu rỗi tâm hồn và làm dịu đi những rối loạn trong hắn. Mengele không thể ngủ nổi nữa. Như một đứa trẻ, hắn yêu cầu Inez để đèn sáng trong phòng khách và đến túp lều của hắn để chúc hắn ngủ ngon, giá như cô đồng ý ngủ với hắn thì có lẽ hắn có thể chợp mắt vài giờ. Tỉnh thoảng, trong đêm, hắn nghe thấy những tiếng nói và dậy đi đi lại lại ban đêm trong lều, giống như một kẻ mộng du tìm kiếm những bóng ma. Chứng sa sút trí tuệ lảng vảng quanh hắn. Ban ngày, hắn va vào đồ đạc trong nhà và lẩm bẩm một mình, Rolf, Irene, bố. Hắn thậm chí không đủ sức đến dự bữa đêm Noel ở nhà Bossert. Khi Musikus ghé qua mang cho hắn ít thịt còn thừa và một miếng bánh ngọt, sáng ngày 25, ông ta phát hiện hắn tái nhợt, nằm lơ dờ trong vũng nước tiểu và phân. Trên chiếc tủ đầu giường có một hộp thuốc đạn, những mẫu móng tay, một tấm thiệp chúc mừng. Sedlmeier chúc mừng năm mới 1979 và báo cho hắn biết hắn đã trở thành ông nội từ vài tháng trước. Rolf không báo tin đã sinh con trai cho hắn biết.

Tháng Một, một đợt nóng ập đến bang São Paulo. Bossert đề nghị Mengele rời túp lều ngọt ngào để đi biển nghỉ mát, trong căn nhà nghỉ duỡng của ông ta ở Bertiooga: bọn trẻ sẽ vui mừng được gặp lại ông bác. Sáng sớm ngày 7 tháng Hai năm 1979, Mengele lên xe khách tới cảng Santos. Musikus đón hắn ở bến xe, hắn mệt lả, tâm trạng tồi tệ, mệt đến nỗi không ăn được gì mà phải về phòng ngay khi vừa tới để chợp mắt.

Mengele ngủ mơ. Lần đầu tiên sau nhiều ngày tháng, Mengele nằm mơ.

Một khu rừng phủ đầy sương, những ngôi làng tăm tối, tiếng khóc, tiếng thở dài, nhiều ngôn ngữ khác nhau, biệt ngữ đáng ghê tởm. Những đám đông trẻ em, phụ nữ và đàn ông trần truồng, đầy ruồi và ong vò vẽ bấu vào, bị lũ quỷ đen áp tải. Trong số các tù nhân có Eichmann, Rudel, Gitta và Geza Stammer, von Verschuer, chuyên gia di truyền học bất chấp tất cả, và cả gia tộc ở Gunzburg, cả gia đình thần thánh tụ hội, cha, mẹ, các em trai, các cô vợ, con trai và cháu mỗi người vừa đẩy một khối đá nặng vừa chửi rủa. Một cái lò khổng lồ đang được chuẩn bị. Lũ dê và khỉ kéo những chiếc xe chất đầy củi, một dàn nhạc đang so dây. Một mù phù thủy đầu tóc bù xù bước lên bục, hai tay giơ cao về phía những ngôi sao và mây trên trời, dự báo trời sắp có mưa tuyết, mù ta đang quát tháo đoàn người. Hôm đó là trước ngày hội hóa trang và nữ thần Germania sẽ phải chịu nhục hình.

“Mengele!” hai giọng nói yếu ớt thét lên, “Mengele!” Hẳn quay lại: hai người đàn ông ăn mặc rách rưới chìa súng về phía hẳn. Hẳn nhận ra ngay hai cha con mà hẳn đã ra lệnh phẫu tích và luộc chín ở Auschwitz, người cha gù và người con trai thọt chân, hai dân thường Do Thái ở Lodz. Họ tiến lên và chìa khẩu súng ngắn vào thái dương của tên bác sĩ già mặc áo blouse trắng tinh. Mengele run rẩy, quỳ xuống, van xin. Người cha gù phá lên cười, còn người con thọt chân huýt sáo một giai điệu của bản *Tosca*.

Hắn bình tĩnh, mệt mỏi rã rời, mồ hôi vã ra như tắm, tim đập nhanh, và run rẩy từ đầu đến chân, bởi vì hắn linh cảm đã ở cuối hành trình chết chóc của mình, đó là ngày 7 tháng Hai 1979.

Mặc dù bị đau lưng, hắn vẫn đứng dậy được, xỏ chiếc áo may ô, mặc quần áo và đi ra ngoài, không ăn uống gì. Hắn đi ra bãi biển bên dưới nhà nghỉ dưỡng. Bossert giơ tay vẫy gọi hắn. Hắn muốn nằm nghỉ dưới ô không? Hay một cốc nước chanh, một miếng cá tuyết tẩm bột rán? Mengele đề nghị ông ta cùng đi dọc bờ biển. Đầu và ngực trần, hắn ngậy đại bước đi trong ánh sáng chói lòa, không để ý đến những chuyện tầm phào mà Bossert nói tới. Khó thở, đầu óc quay cuồng, hắn phải ngồi xuống một tảng đá. Im lặng. Tiếng trẻ con hò hét, tiếng chim bay, sóng vỗ gió mặn và nóng từ biển thổi vào làm bốc lên những cột cát vàng lơ lửng. Rồi bỗng nhiên Mengele bắt đầu nói, lộn xộn, về bố mẹ hắn và về Gunzburg, mắt đăm đăm nhìn về phía chân trời. Hắn mơ ước được trở về và sống những ngày cuối cùng ở đó, hắn nói với Bossert. Hắn chết vì nóng và khát.

Hắn chết, đơn giản thế thôi. Bị một mãnh lực khó hiểu thôi thúc, hắn bước một mình vào làn nước màu xanh, đầu cúi xuống, để mặc thân người nổi lên, hắn không còn cảm nhận được thân thể đau đớn hay các cơ quan nội tạng đã bị hủy hoại nữa, bị dòng nước kéo tuột về phía khơi xa và đáy biển sâu cuốn đi. Khi bỗng nhiên phần gáy gầy guộc của hắn cứng lại, hai hàm nghiến chặt, chân tay và sự sống bất động thì Mengele thở khò khè, lũ chim mòng biển vỗ cánh, vừa bay vừa cất tiếng kêu vui mừng, Mengele chìm xuống. Hắn vẫn còn thở khi Bossert chống chọi với sóng để đưa hắn vào bờ, nhưng chỉ còn là cái xác khi được ông ta đưa lên khỏi mặt biển.

“Bác Pedro chết rồi!” Liselotte và những đứa trẻ kêu lên. Bác Pedro đã chết trong đại dương mênh mông, dưới ánh mặt trời Brazil, âm thầm, không

phải đối mặt với công lý của con người cũng như các nạn nhân vì những tội ác ghê tởm hắn đã làm.

Ngày hôm sau, Mengele được mai táng ở Embu với cái tên giả. Bossert phải nằm viện, không có mặt lúc chôn cất hắn. Chỉ có vợ ông ta, ông giám đốc và một nhân viên của nghĩa trang có mặt khi đưa “Wolfgang Gerhard” về với lòng đất.

PHẦN KẾT



Bóng ma

Ngày 27 tháng Một năm 1985 ấy, tuyết rơi ở Auschwitz. Trong số những người sống sót tới dự lễ kỷ niệm bốn mươi năm ngày giải phóng trại, có một nhóm người gù chùng năm mươi và sáu mươi tuổi, những cặp sinh đôi, những người lùn và cụt tay. Những người dị tật từ vườn thú người của Mengele đòi công lý trước ống kính máy quay của toàn thế giới và kêu gọi các chính phủ bắt giữ kẻ tra tấn họ. “Chúng tôi biết rằng hãn còn sống. Hãn phải trả giá.”

Phần lớn trong số họ bay từ Ba Lan tới Israel. Ngày 4 tháng Hai, phiên tòa xét xử tên tội phạm chống lại loài người bắt đầu Yad Vashem, khu tưởng niệm các nạn nhân của cuộc diệt chủng *Holocaust* ở Jerusalem. Chánh án tòa án chính là cựu trưởng công tố của phiên xét xử Eichmann. Suốt ba tối liền, những người bị Mengele đem ra làm vật thí nghiệm kể lại nỗi thống khổ của họ. Một cựu nhân viên nữ canh gác một khu giam giữ các cặp sinh đôi người Di gan nhớ lại. Sau khi bơm tinh dịch của một người sinh đôi nam vào cơ thể một người sinh đôi nữ với hi vọng cô gái trẻ sẽ sinh ra một cặp sơ sinh, nhưng sau đó nhận thấy cô này chỉ mang thai đơn, Mengele đã lấy đứa bé ra khỏi tử cung và ném vào lửa. Về mặt ngây dại, một phụ nữ nói rằng cô đã phải giết đứa con gái mới tám ngày tuổi của mình. Mengele đã ra lệnh băng chặt ngực của cô để cai sữa đứa bé: hãn muốn biết một đứa trẻ sơ sinh không được ăn uống có thể sống được bao lâu. Người mẹ đã nghe thấy đứa bé gào khóc không ngớt và cuối cùng cô đã tiêm cho nó một mũi morphine do một bác sĩ Do Thái đưa cho. Một số phụ nữ kể rằng lính SS đã đập hộp sọ trẻ sơ sinh còn sống bằng báng súng và miêu tả bức tường ghim đầy mắt giống như ghim bướm trong phòng làm việc của Mengele. Lời khai của các nhân chứng được truyền hình khắp thế giới và gây tiếng vang lớn: trước khi phiên tòa kết thúc, Bộ trưởng Tư pháp Mỹ yêu cầu thẩm tra lại toàn bộ hồ sơ và bắt giữ tên tội phạm do phải chịu sức ép của trung tâm Simon Wiesenthal

ở Los Angeles, trung tâm này vừa công bố một bản ghi chép không còn là bí mật do phản gián cung cấp cho thấy Mỹ đã bắt giữ Mengele năm 1947. Thông tin này là không chính xác nhưng lại gây tai tiếng lớn: Mỹ đã để cho bác sĩ tử thần chạy thoát? Họ có sử dụng cơ quan tình báo của mình như mật vụ của rất nhiều tên cựu sĩ quan quốc xã sau chiến tranh? Văn phòng điều tra đặc biệt do chính quyền Carter thành lập để truy tìm các tội phạm quốc xã ở Mỹ cũng phối hợp điều tra. Cơ quan có quyền điều động CIA, NSA, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, những nguồn lực vô hạn của siêu cường quốc Hoa Kỳ. Hai ngày sau, ngày 8 tháng Hai, Israel thông báo mở lại cuộc truy bắt và treo thưởng một triệu đô la cho người nào giao nộp Mengele. Phần thưởng cho việc bắt được hẳn đạt tới con số khủng: trung tâm Simon Wiesenthal và báo *Washington Times* mỗi cơ quan treo thưởng thêm một triệu đô la, Cộng hòa Liên bang Đức một triệu mark... Bốn mươi năm sau khi kết thúc chiến tranh, cái đầu của Mengele đáng giá ba triệu bốn trăm nghìn đô la. Mỹ, Israel và Tây Đức cam kết phối hợp hành động và chia sẻ thông tin. Các nhà báo và những người ưa mạo hiểm tràn đến Gunzburg và Nam Mỹ; các phương tiện truyền thông đăng nhiều kỳ về cuộc săn lùng người lớn nhất cuối thế kỷ XX. Chỉ là một cuộc săn ma, nhưng cả thế giới vẫn chưa biết điều này.

Làn sóng *Holocaust* vừa tràn qua ở Tây Âu. Cuối những năm 1970, bộ phim truyền hình nhiều tập do Meryl Streep và James Woods đóng vai chính đã giúp cho hàng chục triệu gia đình biết đến cuộc diệt chủng người Do Thái ở châu Âu. Cú sốc nặng nề, xúc động mạnh, thuật ngữ này đi vào ngôn ngữ chung, cuối cùng những người sống sót trong các trại tập trung cũng lên tiếng. Ở Đức, thế hệ cán bộ và người hành quyết của chế độ quốc xã đã về hưu và một công việc đau đớn, chính thức hồi tưởng lại thời đã qua, có thể bắt đầu. Ở Mỹ, cuộc diệt chủng *Holocaust* trở thành điểm quy chiếu đạo đức. Quốc hội Mỹ thông qua việc xây dựng một bảo tàng ở Washington; hai mươi hai bảo tàng khác sau này sẽ được xây dựng trên khắp đất nước. Đạo diễn Claude Lanzmann đang hoàn tất bộ phim *Shoah*.

Lần này, cần phải bắt được con quái vật và đưa “biểu tượng của sự tàn bạo của chế độ quốc xã” ra trước công lý, chánh án tòa án Yad Vashem,

công tố viên trưởng của phiên tòa Eichmann nói. Những năm gần đây, các thông tin kỳ lạ nhất tiếp tục lan truyền, bí ẩn càng gia tăng, “Herr Doktor” vẫn không bị bắt. Mặc dù cuối cùng Paraguay đã tước quốc tịch của Mengele vào mùa hè năm 1979, nhưng nhiều người vẫn nghĩ rằng hắn còn sống ở đây và được cảnh sát của tổng thống Stroessner bảo vệ. Tháng Năm 1985, Beate Klarsfeld phản đối bên dưới cửa sổ của dinh tổng thống ở Asuncion. Simon Wiesenthal khẳng định rằng Mengele đi lại giữa Chile, Bolivia và Paraguay; Israel cho rằng hắn đang ẩn náu ở Uruguay. Tờ *New York Post* phát hiện ra hắn ở quận Westchester, ngay cạnh một chủng viện Do Thái giáo chính thống, gần New York. Dưới cái tên Henrique Wollman, hắn có thể là một trong những ông trùm buôn lậu ma túy giữa Nam Mỹ và Hoa Kỳ và suýt bị bắt ở Miami. Do ảnh hưởng từ thành công của bộ phim *Những chàng trai đến từ Brazil*, trong đó Gregory Peck đóng vai một Josef Mengele giống như trong huyền thoại - cầm đầu một âm mưu tân quốc xã, hắn đã nhân bản vô tính chín mươi tư Adolf Hitler nhỏ để thành lập một chế độ Reich đệ tứ, một câu chuyện bịa đặt rằng hắn ẩn náu đằng sau hiện tượng nhiều cặp sinh đôi tóc vàng ra đời ở Candido Godoi, một thị trấn nhỏ ở miền Nam Brazil.

Ở Gunzburg, hai cậu em họ Karl-Heinz và Dieter rất lo lắng. Cơ bản truyền thông và tư pháp đe dọa công việc làm ăn, đám nhà báo đóng đô trước nhà máy và tư gia của họ, các khoản tiền treo thưởng có thể khiến những kẻ tâm phúc tham tiền của họ ở Nam Mỹ mở miệng. Thỏa thuận im lặng của họ đã kéo dài sáu năm nay. Sau cái chết của cha, Rolf quay lại Brazil để thu dọn quần áo, thư từ và các cuốn sổ ghi chép của hă. Rolf đã trả một khoản tiền hậu hĩnh cho nhà Bossert vì đã trung thành phục vụ và tặng cho họ một nửa căn nhà gỗ ở Eldorado. Nửa còn lại Rolf tặng cho nhà Stammer và họ nhanh chóng bán nó cho nhà Bossert. Cả hai gia đình thề sẽ không bao giờ tiết lộ bí mật về cái chết của bác Pedro. Gia tộc ở Gunzburg cũng đồng ý với họ và không nói gì, vì tiết lộ sẽ kéo theo những vấn đề khó chịu, làm lộ việc họ đã giúp đỡ kẻ đào tẩu trong thời gian dài, một tai tiếng đáng ghét đối với công ty đa quốc gia của họ. Nhà Mengele hă hê chứng kiến những nỗ lực vô ích của những người còn sống sót từ các trại, các chính phủ và thợ săn quốc xã nhằm bắt kẻ đào tẩu. Rolf mặc dù không thoát được khỏi những mâu thuẫn nhưng cũng im lặng vì kính trọng các đồng minh của cha mình. Mặc dù rất ghét các em họ của mình, nhưng cũng giống như họ, anh ta hy vọng rằng cái xác sẽ không bao giờ bị phát hiện và thời gian sẽ xóa nhòa Mengele. Các nhân chứng nguy hiểm lần lượt qua đời, Gerhard đã chết từ lâu, còn Rudel và Krug chết năm 1982.

Nhưng cuối mùa đông năm 1985, nhà Mengele phải thay đổi chiến thuật. Sức ép rất lớn, những bài báo buộc tội doanh nghiệp của gia đình bị tình nghi đã chuyển tiền vào tài khoản ở Thụy Sĩ của tên tội phạm đang chạy trốn. Tháng Ba, Dieter trả lời phỏng vấn trên một kênh truyền hình lớn của Mỹ. Anh phủ nhận mọi liên hệ với bác mình từ khi hă chạy trốn sang Argentina, bào chữa cho các tội ác của hă và đặt giả thiết hă có thể đã chết - “trong gia đình chúng tôi, đàn ông thường chết trẻ” -, Mengele có lẽ đã bậy

mười tư tuổi. Cho dù người ta chẳng bị lừa, anh cũng không có bất cứ thông tin nào. Lời thề thốt của anh chỉ khiến người ta suy diễn thêm: chắc chắn là Mengele còn sống, hiện tại cháu hấn đang có mưu đồ nên các cơ quan tình báo và cảnh sát phải theo dõi hấn, phải tăng cường tìm kiếm. Rolf nổi giận với Dieter vì đã không báo trước cho anh biết về cuộc phỏng vấn trên truyền hình. Cuối tháng Ba, ba người anh em họ gặp nhau ở Gunzburg. Dieter đề xuất khai quật hài cốt ở nghĩa trang Embu, mang về Đức và đặt trước cửa nhà của công tố viên phụ trách việc bắt Mengele kèm theo một lời nhắn nặc danh: “Đây là hài cốt của Josef Mengele.” Rolf từ chối. Anh muốn tuyệt đối im lặng. Nếu may mắn, bộ hài cốt sẽ không bao giờ được tìm thấy.

Nhưng may mắn đã không tới. Mùa thu năm 1984, ông bạn trung thành Sedlmeier buột miệng tâm sự trong một bữa tối ở vùng núi Rừng Đen, nơi người đàn ông mới nghỉ hưu ấy và vợ tới nghỉ dưỡng. Một buổi tối dễ chịu, mọi người uống rất nhiều rượu, và tay sai của quỷ dữ đã mềm lòng: ông ta kể với một người bạn rằng mình rất nhiều lần gửi tiền cho Mengele. Người này báo với cảnh sát, và ngay sau đó cảnh sát nhận được lệnh: ngày 10 tháng Năm 1985, tại Frankfurt, vị công tố viên người Đức thông báo cho các đối tác Mỹ và Israel về lệnh khám nhà Sedlmeier sắp diễn ra. Lần này, cảnh sát Gunzburg sẽ bị tách ra nên sẽ không báo trước được cho người bị khám nhà.

Cuối tháng Năm, cảnh sát bao vây căn biệt thự xa hoa của Sedlmeier. Trong tủ quần áo của vợ ông ta, họ tìm được một cuốn sổ địa chỉ và số điện thoại mã hóa, bản sao những bức thư của Mengele, của nhà Bossert và của nhà Stammer. Một trong những bức thư của Bossert thông báo cái chết của ông chú. Sedlmeier từ chối hợp tác, ông ta bị cấm đi khỏi nơi cư trú trong thời gian cảnh sát giải mã cuốn sổ. Cuốn sổ chỉ dẫn tới Brazil; được thông báo, cảnh sát São Paulo theo dõi những người ra vào nhà Bossert và nhà Stammer trong suốt bốn ngày, hai mươi tư trên hai mươi tư giờ. Không có bất cứ dấu vết nào của Mengele. Vì vậy, họ vào nhà Bossert lúc rạng sáng ngày 5 tháng Sáu.

Mấy thứ chối cùn rế rách và những bức ảnh mới chụp gần đây của ông già có ria mép được tìm thấy trong tủ khăn định mối liên hệ của gia đình này

với Mengele. Rất nhanh chóng, nhà Bossert khai: Mengele đã chết và được chôn cất tại nghĩa trang Embu trong một ngôi mộ với cái tên Wolfgang Gerhard. Ngày hôm sau, Gitta Stammer vẫn còn ngoan cố: vâng, cô ta nhận ra người trong ảnh, đó là Peter Hochbichler người Thụy Sĩ, ông ta quản lý trang trại của họ trong thời gian dài, Gerhard đã giới thiệu ông ta với họ. Cô ta không biết Josef Mengele nào cả. Geza không bị thẩm vấn, anh ta đang du ngoạn trên biển ở châu Á.

Cùng ngày hôm đó, ở đầu kia của thế giới, thông tin giật gân rò rỉ trên báo chí: trên năm cột báo ở trang nhất, tờ nhật báo *Die Welt* thông báo rằng xác của Mengele đã được tìm thấy ở Brazil. Ngày 6 tháng Sáu, một rùng ống kính máy quay, máy ảnh và micro vây quanh nhóm cảnh sát cùng nhà Bossert đi khai quật mộ Gerhard ở nghĩa trang Embu. Đất được đào lên, quan tài được đưa lên, bật nắp, cuối cùng bộ hài cốt lộ ra. Giám đốc phòng xét nghiệm của cảnh sát pháp y São Paulo giơ cao hộp sọ như thể ông ta đào được hóa thạch của một loài bò sát bí ẩn được tìm kiếm từ hàng thế kỷ, khuôn mặt thật của quái vật, màu bùn, lúc nhúc giòi, một sự kiêu căng, chiến thắng của cái chết.

Những bác sĩ pháp y giỏi nhất đổ dồn về Brazil để xác định danh tính của bộ xương. Israel và Klarsfeld hoài nghi. Tại sao gia đình đó lại giữ im lặng trong suốt sáu năm? Tại sao làm rồi tinh rồi mù lên đến mức ấy? Và tại sao lại là thời điểm này? Chắc chắn đây lại là một bức bình phong mới để Mengele có thể sống bình yên những năm cuối đời. Wiesenthal cũng không tin, tên tội phạm chết lần này là lần thứ bảy rồi, một lần trên mặt trận Nga, hai lần ở Paraguay, một lần ở Brazil, một lần khác ở Bolivia, và thậm chí cả ở Bồ Đào Nha nơi hẳn có lẽ mới tự sát gần đây.

Trong khi đó, các chuyên gia xác định nhóm máu của bộ xương, lấy một sợi tóc, vài sợi ria mép, một dấu vân tay, đo các xương và khe giữa hai răng cửa trên, khám nghiệm xương sống, xương đùi, một lỗ thủng ở má và phần trán dô, xếp chồng chất các ảnh của Mengele từ lúc trẻ đến già, tham khảo hồ sơ SS của hắn trong đó có ghi nhận một vết gãy xương chậu do tai nạn xe máy ở Auschwitz. Rolf quyết định phá vỡ im lặng. Đầu tiên anh định bán

cho tạp chí *Stern* các bức thư, các cuốn sổ và phim âm bản của cha anh mà anh đã lấy về trong chuyến đi Brazil, sau đó anh nhượng lại miễn phí cho *Bunte*, một tạp chí ảnh với số lượng phát hành rất lớn. Lợi nhuận được chuyển cho các hội những người sống sót từ các trại tập trung. Trên bìa tạp chí ra ngày 18 tháng Sáu, người Tây Đức thấy một Mengele mặt nhiều nếp nhăn, mặc áo sơ mi kiểu cổ disco, đội mũ rơm. Một hồ sơ đặc biệt tiết lộ rằng gia đình hẳn biết hẳn ẩn náu ở đâu và giúp đỡ hẳn về tài chính cho đến cuối đời. Trong một thông báo ngắn, Rolf khẳng định cha anh đã chết ở Brazil năm 1979 và bày tỏ sự thông cảm sâu sắc đối với các nạn nhân và người thân của họ. Anh không tiết lộ cái chết vì kính trọng những người đã giúp đỡ cha anh. Anh không kể gì về những lần ông ấy đòi gửi tiền; Dieter, Karl-Heinz và Sedlmeier cũng giữ im lặng.

Ngày 21 tháng Sáu, cảnh sát mời báo chí đến trụ sở ở São Paulo. Với một bằng chứng khoa học có căn cứ, các bác sĩ pháp y đã xác định được chắc chắn danh tính của bộ xương tìm thấy ở Embu, đó chính là hài cốt của Josef Mengele.

79

Năm 1992, các xét nghiệm ADN đã khẳng định ý kiến của các chuyên gia.

Cũng năm đó, Đức, Israel và Mỹ chính thức đóng lại hồ sơ về Mengele.

Xương cốt của hắn được lưu giữ trong một chiếc tủ của Viện Pháp y São Paulo. Gia đình không yêu cầu lấy lại di cốt. Mengele sẽ không có mộ phần.

Dieter, Karl-Heinz và Sedlmeier không bị truy tố trước pháp luật, Rolf cũng vậy. Tội che giấu tội phạm đang bị truy nã được quy định ở Đức sau đó năm năm.

Doanh nghiệp Mengele Agrartechnik suy yếu sau những phát hiện tháng Sáu năm 1985, chỉ còn sáu trăm năm mươi nhân viên năm 1991 so với số lượng đông gấp đôi sáu năm trước đó. Cùng năm đó, nó được bán đi.

Thương hiệu này biến mất hoàn toàn năm 2011.

Năm 2009, Dieter và Karl-Heinz Mengele thành lập một quỹ nhằm giúp đỡ những người nghèo khó ở Gunzburg và đem lại một chút hào nhoáng cho cái họ “gắn liền với những điều tiêu cực những năm gần đây”, Dieter nói với tờ báo *Augsburger Allgemeine*.

Năm 2011, các cuốn sổ ghi chép và nhật ký sống lưu vong của Josef Mengele được đem bán đấu giá ở Mỹ và thu được hai trăm bốn mươi lăm nghìn đô la. Người bán và người mua đều ẩn danh.

Rolf Mengele sống và hành nghề luật sư ở Munich. Anh đã đổi sang họ của vợ.

Trong cuộc phỏng vấn của một tờ báo Israel năm 2008, anh đã xin dân tộc Do Thái không thù hận anh vì những tội ác mà cha anh gây ra.

80

Xương cốt của Mengele được giao cho ngành y tế Brazil tháng Ba 2016.

81

Di cốt của hắn được đem cho các bác sĩ tương lai của Đại học São Paulo thực hành: cuộc trốn chạy của Josef Mengele đã kết thúc như vậy, hơn bảy mươi năm sau khi kết thúc cuộc chiến tranh đã tiêu diệt một châu lục đa sắc tộc và có văn hóa, đó là châu Âu. Mengele, hay câu chuyện về một con người vô đạo đức, tâm hồn khép kín, chịu tác động từ một ý thức hệ tàn độc và chết chóc giữa một xã hội bị xáo trộn trước sự xâm nhập của cái gọi là hiện đại. Xã hội ấy không gặp khó khăn trong việc hấp dẫn tay bác sĩ trẻ đầy tham vọng, và lạm dụng những khuynh hướng tầm thường của hắn: thói tự phụ, lòng đố kỵ, tiền bạc, thậm chí chẳng gặp khó khăn gì trong việc kích động hắn phạm những tội ác đê hèn và rồi lại bao biện cho những tội ác đó. Hai hoặc ba thế hệ, khi ký ức mờ dần đi và những nhân chứng cuối cùng của các cuộc thẩm sát không còn trên cõi đời, lý trí biến mất và người ta lại quay trở lại truyền bá cái ác.

Mong sao những con ác mộng và quái vật đêm mãi xa chúng ta.

Chớ cả tin, con người là một sinh vật dễ thay đổi, cần phải dè chừng họ.

NGUỒN VÀ SÁCH THAM KHẢO

Cuốn sách này kể lại câu chuyện của Josef Mengele ở Nam Mỹ. Một số vùng tối chắc chắn sẽ không bao giờ được làm sáng tỏ. Chỉ có thể loại tiểu thuyết mới cho phép tôi tiếp cận sát nhất với con đường đi rừng rợn của viên bác sĩ quốc xã này.

Để chuẩn bị cho cuốn sách, tôi đã đi tới Gunzburg, Argentina và Brazil. Ở Brazil, tôi đặc biệt đã tới trang trại Santa Luzia ở ngoại ô Serra Negra.

Trong số rất nhiều tác phẩm đã nghiên cứu, một số cuốn rất cơ bản đối với việc chuẩn bị cuốn sách này. Đầu tiên, đó là tác phẩm của Miklos Nyiszli, *Médecin à Auschwitz (Bác sĩ ở Auschwitz)* (Julliard, 1961). Tiếp theo là các tác phẩm của Ulrich Volklein, *Josef Mengele, der Arzt von Auschwitz* (Steidl, 2003), của Gerald Astor, *The Last Nazi* (Sphere Books, 1986), và của Sven Keller, *Gunzburg und der Fall Josef Mengele* (Oldenbourg, 2003). *Mengele, The Complete Story*, của Gerald L. Posner và John Ware (Cooper Square Press, 2000), là một mỏ thông tin chưa từng có và cho đến nay là tiểu sử đầy đủ nhất của Mengele, theo ý kiến của tôi. Trong những năm 1980, Posner và Ware được tiếp cận với các cuốn nhật ký của viên bác sĩ bỏ trốn, về Argentina thời Perón và chính sách tiếp nhận các tội phạm chiến tranh quốc xã của ông ta, *La Autentica Odessa* của Uki Goni (Paidos Iberica, 2002), *Eichmann Before Jerusalem* của Bettina Stangneth (The Bodley Head, 2014) và *Luật huyết thống* (Gallimard, 2014) của Johann Chapoutot là những cuốn sách rất quý giá đối với tôi để hiểu rõ được cách nhìn thế giới của quốc xã.

Table of Contents

PHẦN MỘT: Lão gia

- 1
- 2
- 3
- 4
- 5
- 6
- 7
- 8
- 9
- 10
- 11
- 12
- 13
- 14
- 15
- 16
- 17
- 18
- 19
- 20
- 21
- 22
- 23
- 24
- 25
- 26
- 27
- 28

29

30

31

32

33

34

35

36

37

38

39

PHẦN HAI: Chuột cống

40

41

42

43

44

45

46

47

48

49

50

51

52

53

54

55

56

57

58

59

60

61

62

63

64

65

66

67

68

69

70

71

72

73

74

75

76

PHẦN KẾT: Bóng ma

77

78

79

80

81

NGUỒN VÀ SÁCH THAM KHẢO